

Muốn Đạo thành phải làm sao? (...) Thành đây không phải là thành Tiên tác Phật cõi gió theo mây. Thành đây là nguồn gốc Đạo phải trở về nguyên thủy của nó. Khi mới khai như thế nào đến ngày quy như thế ấy. Không còn phân biệt màu sắc phái chi, thì hiện thời cần phải giữ y sự hành đạo từ lễ nghi hình thức đến kinh sách luật lệ phải y khuôn.

*Đức Lý Giáo Tông*

*Thánh thất Nam Thành, giờ Tý, 23-8 Mậu Tuất (05-10-1958)*



TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT TRONG CHIẾN KHU ĐỒNG THÁP MƯỜI

CAO TRIỀU PHÁT

CAO TRIỀU PHÁT



LỄ BỒN

LỄ BỒN

DƯƠNG SỰ - THỂ THỨC - TANG TẾ - CẦU SIÊU



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
Tam Giáo Qui Nguyên – Ngũ Chi Phục Nhứt

CAO TRIỀU PHÁT

LỄ BỔN

DƯƠNG SỰ - THỀ THỨC - TANG TẾ - CẦU SIÊU

*San nhuận:* HUỆ KHẢI & LÊ ANH MINH

*In lần thứ Hai (có sửa chữa)*

Nhà xuất bản Tôn Giáo  
Hà Nội 2009



## Đôi lời nhân kỳ tái bản năm 2009

Năm 1935 tiền bối Cao Triều Phát được Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch giao nhiệm vụ sưu tập những bài kinh xung tụng các Đấng Thiêng Liêng và những kinh thuộc về Dương Sự, Thễ Thức, Tang Tế, Cầu Siêu do Ôn Trên trước kia đã ban cho trong nhiều đàn cơ khác nhau của các chi phái. Vâng lệnh Đức Giáo Tông, sau hai năm, tiền bối Cao Triều Phát đã sưu tầm được hơn 150 bài kinh và sắp xếp thành quyển *LỄ BỐN – Dương Sự, Thễ Thức, Tang Tế, Cầu Siêu*, trình lên Hội Thánh Minh Chơn Đạo xét duyệt, sau đó lại trình dâng Ôn Trên phê chuẩn cho đủ lý Thiên như hiệp nhưt.

Đêm 14-10 Đinh Sửu (thứ Ba, 16-11-1937), Đức Đông Phương Lão Tổ giáng đàn tại Tòa Thánh Ngọc Minh ban ơn như sau:

*“Bản Đạo phê chuẩn quyển Dương Sự, Tang Tế, Cầu Siêu đã sưu tập. Được phép ấn hành tuyên truyền thiết dụng trong thời gian hiện tại.”*

Quyển *Lễ Bốn* được in tại nhà in Nguyễn Lộc Tiếng (Bạc Liêu) vào tháng 9-1939, giúp cho bản đạo các thánh sở nơi theo đó hành đạo. Trải qua gần bảy mươi năm, phần lớn các bản *Lễ Bốn* không còn toàn vẹn, một số rất ít sót lại cũng quá cũ kỹ, ố vàng.

Năm 2008, với nguyện ước trợ giúp các tín hữu Cao Đài có thêm tài liệu quý, càng thuận lợi hơn trong việc hành đạo và nghiên cứu kinh lễ Đạo nhà, tôi hân hạnh được Chương Trình

**Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Cao Đài** tại thánh thất Bàu Sen tạo điều kiện thuận lợi để có thể ấn tống quyển *LỄ BỐN – Dương Sự, Thễ Thức, Tang Tế, Cầu Siêu* của Tiên Phụ, gọi là chút quà kỷ niệm với lòng tưởng nhớ hình bóng một Người Xưa mà gánh đạo oằn vai suốt cả cuộc đời hào hùng nặng mang tình dân nghĩa nước.

Tôi xin chân thành cảm tạ lòng nhiệt thành giúp đỡ của hiền hữu Huệ Khải (Dũ Lan Lê Anh Dũng) và hiền hữu Lê Anh Minh, đã tận tâm phụ trách phần tu chỉnh văn bản xưa, chú giải từ ngữ, và trình bày lại quyển *Lễ Bốn* này. Hơn thế nữa, phần chữ Hán trong quyển kinh từ trước đến nay vốn là một trở ngại không nhỏ đối với phần đông bản đạo, thì giờ đây đã được hiền hữu Lê Anh Minh am tường triết giáo chữ Hán, và hiền hữu Huệ Khải hiểu biết giáo lý đạo Thầy, cả hai đệ huynh cùng hiệp nhau chăm sóc, nhuận sắc, thế nên việc dịch ra Việt ngữ cũng như phục hồi phần Hán văn đã bảo toàn được giá trị cho công trình sưu tập của tiền bối Cao Triều vậy. Thật quý hóa thay!

Năm nay nhờ có quý Thiên ân chức sắc, chức việc, tín hữu, đạo tâm trong Tam Kỳ Phổ Độ cùng phát tâm ấn tống kinh sách để hoằng giáo mà di sản của Tiên Phụ được in lại lần thứ hai với số lượng lên đến sáu ngàn quyển, quả thật là đại hạnh! Thay mặt Tiên Phụ, tôi trân trọng kính tỏ bày lòng cảm kích, và chân thành đa tạ tất cả quý vị Mạnh Thường Quân. Cầu xin Đức Chí Tôn ban ơn lành đến quý vị và Cửu Huyền Thất Tổ của quý vị.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

*Tân Định, Quý Thu Kỳ Sửu*

Cao Bạch Liên



## Phàm lệ

1. Chúng tôi căn cứ theo bản Lễ Bồn của tiền bối Cao Triều Phát, in lần đầu tại nhà in Nguyễn Lộc Tiếng, số 63 đường Lamothe de Carrier, Bạc Liêu (tháng 9-1939). Giá mỗi cuốn là 0\$40 (in trên bìa 1). Chúng tôi chỉ có bản photocopy.

Bản photocopy có tại Cơ Quan Phủ Thông Giáo Lý chụp từ một bản gốc đã rách ngang cả cuốn sách. Do đó, không đọc được các chữ nằm ngay những lần giấy rách.

Thời may, Hiền Tỷ Cao Bạch Liên được quý Anh Lớn ở Hội Thánh Minh Chơn Đạo (Bạc Liêu) gửi cho một bản khá lành lặn (photocopy). Bản này có nhiều trang không đọc được vì chữ bị mờ hơn bản của Cơ Quan. Do đó, phải dùng cả hai.

Tiếc rằng hai bản photocopy nói trên đều chụp từ một bản gốc đã rơi mất tờ bìa 4. Lại không thấy trang mục lục. Tuy nhiên, căn cứ theo bản kê 13 mẫu số chữ Hán (tr. 121, bản in 1939) chúng tôi thấy rằng các bản số chữ Hán (20 trang cuối sách) còn đủ. Riêng bản của Hội Thánh gửi cho lại thiếu ba trang chữ Hán 1, 17, và 18, nhưng bản của Cơ Quan còn đủ.

2. Phần đông người xưa hầu như không quan tâm cách chấm câu. Nhiều chỗ đáng *chấm* thì *phết* (phẩy), nên câu văn thường khi dài quá mà lại gồm nhiều ý nối tiếp nhau, không tách bạch. Thí dụ, trong *Nghi tiết đại đàn* có câu: “*Xá ba xá trước Thiên Bàn, gọi là Thiên, Địa, Nhơn, tay bắt ấn Tí để ngay trán xá xuống, rồi để ngay trái tim, làm như vậy ba lần.*”

Lẽ ra có thể chấm câu như sau: *Xá ba xá trước Thiên bàn, gọi là Thiên, Địa, Nhơn. Tay bắt ấn Tí để ngay trán xá xuống, rồi để ngay trái tim. Làm như vậy ba lần.*

Tuy nhiên, chúng tôi tôn trọng nguyên bản, không chấm câu lại cho hợp lý hơn.

3. Chúng tôi tôn trọng cách dùng chữ của người Nam Kỳ ngày xưa, nên vẫn giữ nguyên cách viết cũ trong bản in 1939. Thí dụ, vẫn giữ lại cách viết các từ sau đây: *biểu* (thay vì *bảo*); *bổn* (thay vì *bản*); *bửu* (thay vì *bảo*); *châu* (thay vì *chu*); *chơn* (thay vì *chân*); *chường* (thay vì *chúng*); *cỡi* (thay vì *cuỡi*); *đái* (thay vì *đới*); *dung* (thay vì *dâng*); *đam* (thay vì *đem*); *đương* (thay vì *đang*); *giái* (thay vì *giới*); *hỡi* (thay vì *hãy*); *huê* (thay vì *hoa*); *huòn* (thay vì *hoàn*); *kiền* (thay vì *càn*); *kiết* (thay vì *cát, kết*); *màng* (thay vì *mùng*); *mỏ phần* (thay vì *mộ phần*); *nầy* (thay vì *này*); *ngãi* (thay vì *nghĩa*); *ngoạt* (thay vì *nguyệt*); *nguồn* (thay vì *nguyên*); *nhơn* (thay vì *nhân*); *nhứt* (thay vì *nhất*); *nhựt* (thay vì *nhật*); *nung* (thay vì *nâng*); *thủ chung* (thay vì *thủy chung*); *thiệt* (thay vì *thật*); *thoàn* (thay vì *thuyền*); *trước* (thay vì *trúc*); *tùng* (thay vì *tâng*); *vung* (thay vì *vâng*); *xây* (thay vì *xoay*), v.v...

4. Trong phần hướng dẫn đọc kinh, chỗ thì viết “*đồng nhi tiếp đọc*”, chỗ lại viết “*đồng nhi đọc tiếp*”. Chúng tôi vẫn giữ nguyên cách viết này.

5. Trong bản in cũ có nhiều chỗ viết là, thí dụ: “*và đọc và họa bóng bằng nhang*”. Lời nói “*và ... và ...*” này có nghĩa là “*vừa ... vừa ...*”. Chúng tôi giữ y như xưa, nhưng chưa thêm [vừa] ngay sau chữ *và*, cho dễ hiểu. Thí dụ, chúng tôi chưa như sau: “*và [vừa] đọc và [vừa] họa bóng bằng nhang*”.

6. Lờl xướng lễ dùng chữ theo âm Hán-Việt, nhưng lại in là *Độc, Khóc, Quì* (tiếng Việt) thay vì *Độc, Khóc, Quý* (Hán-Việt). Gặp các trường hợp như thế, chúng tôi đều sửa lại cho thống nhất theo cách đọc âm Hán-Việt. Để khỏi rườm rà, chúng tôi không ghi chú lý do sửa chữa.

7. Những chữ in sai chánh tả thì phải sửa lại cho đúng, và

không ghi chú lý do sửa chữa.

8. Những chữ in lằm thì sửa lại cho đúng và nói rõ lý do hiệu đính. Thí dụ:

(a) Kệ chuông (*Nghi tiết đại đàn*, số 2) bản 1939 in là “*Nhứt vi u ám tất đại vãn*.” Về lỗi chánh tả, chúng tôi sửa *dai* thành *giai* cho đúng mà không giải thích (xem số 7 trên đây). Nhưng hai chữ *Nhứt vi* thì sửa lại là *Thiết vi* và nói rõ lý do trong chú thích cuối trang (cước chú).

(b) *Bài kinh trình Đại Từ Phụ* (trong đám cưới) in là “*Cang tam, thường ngữ là đề / Tùng tam, tứ đức gom về nhứt tâm*”. Chúng tôi xét thấy hai câu kinh 7-8 này thay vì nói *tam cang, ngữ thường, tam tùng* thì đã đảo ngữ (inversion), và nói là *cang tam, thường ngữ, tùng tam*. Vậy, lẽ ra phải nói tiếp là *đức tứ* thay vì *tứ đức* thì mới nhất quán. Do đó chúng tôi sửa lại và nói rõ lý do trong cước chú.

Các giải thích như nói ở (a), (b) trên đây chứng tỏ chúng tôi phải “minh bạch” mỗi khi miễn cưỡng “can thiệp” vào *di thư* của tiền bối Cao Triều.

9. Chỗ nào trong bản in 1939 mà chúng tôi nghĩ là thợ nhà in xếp sót chữ thì chúng tôi bổ sung chữ bị sót, và đặt chữ bổ sung trong hai dấu móc vuông [...]. Thí dụ, câu mở đầu bài *Lời thanh bạch* chúng tôi bổ sung hai chữ *Thế Thức* và trình bày như sau: “*Sau khi tôi xem quyển Lễ Bồn, Dương Sự, [Thế Thức,] Tang Tế, Cầu Siêu của tiền sanh Cao Triều Phát soạn, tôi lấy làm hân hạnh vô cùng . . .*”

10. Theo nghi thức tụng kinh Cao Đài, có những câu kinh sẽ phải thay chi tiết cụ thể (họ tên, cha hay mẹ, ngày tháng...) tùy theo từng trường hợp cụ thể. Cách trình bày trong bản in 1939 đôi chỗ không tiện hoặc không hợp lý. Chúng tôi sẽ trình bày lại, và không chú thích lý do, miễn sao cách trình

bày lại vẫn đúng ý Người Xưa trong nguyên bản. Thí dụ:

(a) *Bài kinh tấn phạn* in là: *Nay (cha hay mẹ) đã cõi trần xa lánh*. Chúng tôi sửa là: *Nay cha [mẹ] đã cõi trần xa lánh*.

(b) *Bài kinh cúng triêu, phô, tịch, thượng* trong bản in 1939 trình bày như sau:

Lễ dung { *Triêu Điện*  
*Phô Thơi*  
*Tịch Điện*  
*Thượng Thực* } *đoan trang nghiêm nghi*

Theo thể thơ lục bát, nếu đọc *Lễ dung Phô Thơi đoan trang nghiêm nghi* thì hai chữ *Phô Thơi* không đúng luật Bằng Trắc. Do đó, chúng tôi trình bày lại câu kinh như sau:

[ . . . (\*) . . . ] *đoan trang nghiêm nghi*

Rồi chúng tôi chú thích: (\*) Tùy trường hợp mà đọc là *Lễ dung Triêu Điện, Lễ dung Tịch Điện, Lễ dung Thượng Thực*, hay đọc là *Phô Thơi dung lễ đoan trang nghiêm nghi*.

11. Trong bản in 1939, từ trang đầu tới trang 121 chỉ in chữ quốc ngữ. Trong bản in lần này, các từ Hán-Việt sẽ được giải thích kèm theo chữ Hán ở phần Giải nghĩa từ ngữ (tr. 210).

12. Để tiện cho tín đồ dễ hiểu nghĩa các bài kinh, trong lúc chưa có bộ từ điển Cao Đài, chúng tôi giải thích các từ ngữ khó và nói rõ điển tích hay cố sự. Tuy nhiên, nếu đặt hết các giải thích từ ngữ trong phần cước chú thì rất rườm rà. Và lại một từ khó cần giải thích lắm khi gặp lại ở nhiều bài kinh khác nhau. Do đó, gặp từ ngữ cần giải thích, chúng tôi đánh dấu \* ngay trước từ ngữ đó đã được in chữ xiên (*italic*). Muốn tìm hiểu ý nghĩa thì xem phần Giải nghĩa từ ngữ ở cuối sách (xếp theo thứ tự ABC như từ điển). Thí dụ, gặp câu “Đạo là phương giải thoát \**mê đồ*” thì tìm *mê đồ* trong phần Giải

nghĩa từ ngữ (tr. 204).

13. Đối với những câu kinh cần giải thích trọn câu thì chúng tôi giảng nghĩa trong phần cước chú.

14. Bản in 1939 ghi ngày tháng theo âm lịch. Chúng tôi đối chiếu tìm ra ngày dương lịch và bổ túc ở cước chú.

15. Tất cả cước chú trong bản in này đều do chúng tôi thêm vào trong quá trình san nhuận.

## Giao cảm

Những chỗ hiệu đính hay giải nghĩa như đã lược kể trong **Phàm lệ** đã làm cho cuốn *Lễ Bốn* in lại lần này tăng thêm số trang khá nhiều. Tuy nhiên, đây chính là thiện ý của chúng tôi, nhằm trình bày rõ ràng phương pháp và quan điểm làm việc chứ không hề dăm tuyền “mạo phạm” vào *di thư* của tiền bối Cao Triều Phát, là Đấng Thiêng Liêng tôn kính đã dìu dắt thế hệ chúng tôi ngay từ khi chúng tôi chân ướt chân ráo bước vào tập thể Thanh Thiếu Niên (Thanh Niên Vụ trong Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý) giữa những năm 70 thế kỷ trước.

Những chú thích giải trình lý do hiệu đính như trong *Phàm lệ* may ra sẽ có thể cung cấp chút ít kiến giải, ngõ hầu đóng góp vào công cuộc san định kinh sách Đại Đạo sau này, lúc mà Đại Đạo đã hình thành một Hội Thánh duy nhất, và đương nhiên cần phải ban hành kinh sách, nghi lễ thống nhất.

Để chuẩn bị bản in 2008, bào đệ Lê Anh Minh đã tận tụy gõ lại trọn bản in 1939, chua các chữ Hán, chú giải từ ngữ, điển tích, phiên âm và dịch nghĩa 13 bản sơ chữ Hán. Sau đó Huệ Khải tôi biên tập lại toàn bộ bản thảo, nhuận sắc phần khảo cứu rất phong phú, uyên bác, và công phu của bào đệ. Trong

quá trình đối chiếu bản gõ lại với bản in 1939, tôi được hiền nội Thanh Mai giúp đỡ rất chu đáo. Khi thực hiện bản in 2009, tôi lại được nhà nghiên cứu Trần Văn Chánh góp ý xác đáng về phần chữ Hán. Tôi xin chân thành cảm tạ người bạn hiền tài tuệ thâm giao luôn luôn dành nhiều tâm lực yểm trợ tôi trong việc tu thư của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống.

Với tình cảm sâu đậm của kẻ hậu học nhớ ơn tiền bối Cao Triều, với lòng kính mến hiền tỷ Cao Bạch Liên, ái nữ Đức tiền bối, chúng tôi chẳng quản sức mọn và trí mỏng mà liều lĩnh xóc vác cái gánh chữ nghĩa nhọc nhằn này, dầu luôn tự biết khó mong toàn bích, và hằng phập phồng lo sợ vì chắc chắn khó tránh khỏi lỗi lầm trong muôn một. Chúng tôi chỉ biết tự “an ủi” mình bằng những lời Đức Lão Tử ngày xưa đã dạy: *Cây to một ôm sinh ra từ nhánh bé xíu. Đài cao chín tầng phát khởi từ mô đất cùn con. Cuộc viễn hành ngàn dặm bắt đầu từ một bước chân ngắn ngủi.*<sup>(1)</sup>

Vâng, dù sao đây vẫn là *một khởi đầu cần thiết*. Với niềm tin đó, tin vào sự cảm thông và lượng thứ của các bậc cao minh quảng đại, chúng tôi trân trọng kính gởi đến quý đồng đạo nắm đất nhỏ nhút của chúng tôi, để may ra được góp sức cùng những người con Áo Trắng xây lên một đài cao chín tầng mai hậu, đó là kho tàng kinh sách chính thống và duy nhất của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

*Phú Nhuận, tháng 10-2009*

HUỆ KHẢI

---

<sup>(1)</sup> Hạp bão chi mộc, sinh ư hào mạt. Cửu tầng chi đài, khởi ư lũy thổ. Thiên lý chi hành thủy ư túc hạ. 合抱之木, 生於毫木; 九層之臺, 起於累土; 千里之行, 始於足下. (Đạo Đức Kinh. Chương 64).

CAO ĐÀI ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

THẬP NHỊ NIÊN

Thông Thiên Đài, ngày 13 tháng 10 năm Đinh Sửu,<sup>(1)</sup> Dậu thời.

THẬP NHỊ KHAI MINH

Đồng quy giữa điện trung, thành tâm cầu Ôn Trên dạy  
và ban ơn phê chuẩn quyền:

LỄ BỔN

DƯƠNG SỰ – THỂ THỨC – TANG TẾ – CẦU SIÊU

THẬP NHỊ KHAI MINH ĐỒNG BÁ BÁI

Đàn tại Thông Thiên Đài,  
đêm 14 rạng mặt 15 tháng 10 năm Đinh Sửu, Tý thời.

ĐÔNG PHƯƠNG LÃO TỔ

Bản đạo chào Phó Chưởng Quán, chư chức sắc, các phạm sự.

THI

Cao Đài Đại Đạo giáng trần gian  
Đánh thức người trong giấc *\*mộng tràng\**  
Dù cả *\*đông nhơn\** lên cực điểm  
Độ toàn quần chúng bước ngay đàng  
Thương đời sáng tạo đời bình trị  
Mến Đạo vun bồi Đạo vững an  
Ai đứng *\*tu mi ai \*trọng trách?\**  
Đem bầu tâm huyết *\*họa giang san!\**

Bản đạo giáng đàn hôm nay khai cơ tại Tòa Thánh, chẳng  
phải nơi đây. Bản đạo có đôi lời cùng chư mạng lịnh.

<sup>(1)</sup> Thứ Sáu, 05-11-1937.

BÀI

Trăng thanh lặng lẽ như tờ  
Đàn trung tốc giáng thần cơ chỉ truyền <sup>(2)</sup>  
Cuộc thế sự *\*đảo huyền \*trụy lạc\**  
Đạo là phương giải thoát *\*mê đồ\**  
Chẳng vì huyền bí hư vô  
Ráng tâm lý chánh điểm tô luật toàn  
Chơn lý Đạo *\*dạy ban \*chỉnh tục\**  
Đặng cho người vệt ngút *\*thanh quang\**  
Độ đời tới cõi hoàn toàn  
Cao Đài dân giáo cơ quan chánh hành <sup>(3)</sup>

.....

Bản đạo phê chuẩn quyền [LỄ BỔN] DƯƠNG SỰ, [THỂ  
THỨC,] TANG TẾ, CẦU SIÊU đã sưu tập, được phép ấn  
hành, tuyên truyền, *\*thiết dụng\** trong thời gian hiện tại.

.....

Bản đạo thăng.

<sup>(2)</sup> Mau lẹ giáng xuống trong đàn và dùng cơ bút huyền diệu chỉ bảo,  
truyền dạy.

<sup>(3)</sup> Đạo Cao Đài là guồng máy dạy dân chúng làm theo lẽ chánh.

## LỜI CÁO BẠCH

Năm Quý Dậu,<sup>(1)</sup> lúc \*đương kim \*Hội Đồng Quản Hạt, tôi đã ra giúp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và dốc lòng tìm Đạo về phương diện triết lý, ngoài sự tín ngưỡng, nên thường hay quan sát nội dung và ngoại tướng nên tảng của Đạo, chính trong lúc Đạo đã chia ra nhiều chi nhiều phái.

Bước đường đạo của tôi khi \*ban sơ là để xem xét một cách tường tận hầu rõ thấu: \*nguyên căn của sự chia rẽ, rồi cũng đồng thời lúc đó, tìm những phương pháp để cứu chữa Đạo đương bị bó buộc, đàn áp một cách phi lý vô nhơn đạo, rồi cũng may thay, tiếng kêu gào của tôi pha lẫn với tiếng kêu oan của hàng trí thức tài ba hiệp nên một khối tinh thần rất mạnh mẽ vô cùng, rồi nhờ đó, nhiều sự kết quả tốt đẹp cho Đạo đã nảy nở lần lần.

Đó, sự tự do tín ngưỡng đã \*yên bài! Ấy là thuộc về ngoại tướng.

Đây, xin nói về nội dung của Đạo nằm dưới làn sóng chia rẽ.

Ngày nay Đại Đạo thành ra nhiều chi, nhiều phái, nào là Tiền Giang, Trung Ương, Hậu Giang, Chiêu Minh, Tiên Thiên, đó chẳng qua là \*Thiên ý \*dĩ định, là cơ mầu nhiệm, đó theo chỗ tôi châu đáo kỹ càng trong những bài thánh giáo đã có tiên tri trước.

---

<sup>(1)</sup> Tức là năm 1933.

Đã cho sự chia rẽ là do Thiên ý, mà cũng là một cơ \*phổ hóa mau chóng, là vì nhiều chi, nhiều phái, tức nhiên phải có lắm người trí thức đạo đức \*hồi đầu \*huống thiện, ra giúp Đạo đến con đường quang minh chánh đại.

Cũng vì lẽ trên đây, nên Phật, Tiên, Thánh, Thần \*đắc lệnh Đức Thượng Đế giáng khắp cả các đàn không luận chi phái nào mà ban kinh sám và các thứ kinh về Dương Sự, Tang Tế, Cầu Siêu.

Phái Chiêu Minh, chi Minh Lý, Tiền Giang, Trung Ương (Kiên Giang), Hậu Giang, đều có tiếp được các thứ kinh rất hoàn toàn về Quan, Hôn, Tang, Tế, chẳng khác nào như một cái máy, duy có ráp lại là đủ chạy được.

Trước khi cái máy được ráp lại, các chi, các phái, ai có được ban kinh, rồi hành lễ theo của mình, nên chi trải qua mấy thời gian, nên nội dung của Đạo \*tán khuynh cũng vì \*chích lịch về phương diện ấy, không đồng hành một khuôn mẫu, sanh ra cái nạn nhơn tâm loạn lạc mỗi chánh truyền của Đức Thượng Đế.

Đã lắm phen, soạn giả đây ghé mắt chờ người đạo đức \*nhiệt tâm soạn ra một quyển:

LỄ BỐN – DƯƠNG SỰ, [THỂ THỨC,] TANG TẾ, CẦU SIÊU

hầu công hiến cho nền Đại Đạo.

Nói thiệt, soạn giả chẳng phải là nhà chuyên môn về Quan, Hôn, Tang, Tế, song vì thấy mấy năm dư không ai chú trọng đến vấn đề này, cho đó là việc nhỏ mọn bỏ qua, nhưng theo ý tưởng của tôi cho vấn đề này là đại quan hệ cho Đạo lắm đó, nó là nội dung, mà nội dung không được chuẩn định, rồi cơ phổ hóa trông chi hoàn thiện.

Thiết tưởng, Nhạc, Lễ là tinh thần của một sắc dân, cũng



nư Đạo là hồn của nhơn sanh, mà một nền đạo muốn tấn bộ đến chỗ cực điểm, thì Quan, Hôn, Tang, Tế cần phải có luật lệ làm cây *\*kim chỉ nam*, rồi nó cũng phải hợp với sự tấn hóa và trình độ của chúng sanh.

Vì lẽ ấy, soạn giả ra công sưu tầm các thứ kinh về Quan, Hôn, Tang, Tế của Đức Thượng Đế, chư Phật, Tiên, Thánh, Thần đã giáng cơ, sắp đặt lại cho có trật tự thành Lễ Bồn này hầu công hiến cho Đạo *\*hành y nhưt luật* trong lúc Đại Đạo sắp qui nhưt.

Quyển kinh này chia ra làm tám chương tiết:

- I. Mục lục nghi tiết đại đàn.
- II. Mục lục các thứ kinh dương sự.
- III. Mục lục hôn sự thể thức.
- IV. Mục lục lễ nghi cầu bịnh.
- V. Mục lục các lễ tang sự.
- VI. Mục lục giới hạn cư tang thọ chế.
- VII. Mục lục các lễ cầu siêu.
- VIII. Mục lục các thứ sớ và kiêu phan.

Quyển Lễ Bồn, Dương Sự, Thể Thức, Tang Tế, Cầu Siêu, gồm hơn 150 bài kinh soạn ra được đây, công phu rất dày, trót hai năm tìm tòi mới thành bồn này, cũng như một cái động cơ, mỗi món, mỗi vật ở mỗi nơi, gom lại đã ráp lại thành hình thể; mà nếu như không được hoàn mỹ, thì xin chư chức sắc đại Thiên phong và chư hiền nam nữ phê bình và tô điểm lại, tôi rất cảm tạ chỗ chỉ giáo thêm đó.

*Năm Đinh Sửu, mùa thu, tháng Tám, ngày rằm.*

CAO TRIỀU PHÁT

## LỜI THANH BẠCH

Sau khi tôi xem quyển Lễ Bồn, Dương Sự, [Thể Thức,] Tang Tế, Cầu Siêu của tiên sanh Cao Triều Phát soạn, tôi lấy làm hân hạnh vô cùng được một cây kim chỉ nam điều độ chư thiện nam tín nữ đi đến mục đích chơn lý của Quan, Hôn, Tang, Tế.

Quý hóa thay! Hân hạnh thay!

Đây cũng là một phương pháp qui nguyên phục nhưt.

Vậy tôi vừa có lời trân trọng cảm tạ tiên sanh Cao Triều Phát, là một người đã giàu lòng hi sanh trên con đường tầm tu học đạo, thương đời; lại tôi cũng sẵn lòng hoài ước cho trong Đại Đạo không phân chi, phân phái, nên biểu đồng hành theo Lễ Bồn này làm cái *\*chuẩn đích* mà cần nhắc trình độ đến nấc thang thành công mỹ mãn.

Tôi xin dâng một bài điệu Trường Thiên mà *\*thanh bạch* về chủ nghĩa Đại Đạo Cao Đài tại sao khai tại xứ Việt Nam và nói đại cương của quyển Lễ Bồn này, vậy có chỗ nào sơ thất, nhờ chỗ học rộng hiểu xa của hàng trí thức chuyết điểm giùm. Rất đa tạ!

TRƯỜNG THIÊN

Luật Tạo Hóa công bình *\*u hiển*

Lễ tuần hườn Đạo chuyển Nam bang

Trải qua biết mấy thời gian

Đã bao tôn giáo *\*huyền hoàng \*phát dương?* <sup>(1)</sup>

<sup>(1)</sup> Câu thơ ý nói nhiều tôn giáo đã giảng về vũ trụ.

Vả lại thiệt \**Nam phương vô đạo*  
 Chỉ \**phụng hành \*đạo giáo \*tha bang* <sup>(2)</sup>  
 Mấy ngàn năm chịu \**cơ hàn*  
 Thành ra \**quốc nhược dân bản \*lâm than*  
 Nay đến buổi tuần hoàn \**ký định*  
 Khai Cao Đài chấn chỉnh qui nguyên  
 Là nơi giáp giới cơ huyền  
 Tại nơi Nam địa mỗi giềng \**minh luân*  
 Dạy nhơn loại gìn cân công lý  
 Biết duy trì tôn chỉ sống chung  
 Sống chung là nghĩa đại đồng  
 Cùng nhau biết một \**Hóa Công Cha lành*  
 Vào khuôn mẫu thật hành nhơn đạo  
 Có chánh truyền thánh giáo khuyên \**cần*  
 Cần trau \**minh đức tân dân*  
 Từ nơi thấp thỏi dần dần lên cao  
 Tìm sự học dồi dào tăng tiến  
 Nâng cao trình phương diện tối tân  
 Trung Dung đạo trọng chuyên cần  
 Là nền \**chí thiện tân dân* Cao Đài  
 Trải qua đã mười hai năm lễ  
 Mỗi Đạo Trời chia rẽ \**phân vân*  
 Là do \**trụy lạc* tinh thần  
 Kém suy học giới, hi sanh chẳng đồng  
 Óc thấp hẹp đem lòng riêng tưởng  
 Mới nảy sanh khuynh hướng ly kỳ  
 Quên rằng Trời \**phú* lương tri  
 Tánh linh hơn vật biết suy nghĩ cùng  
 Có lẽ nhạc hòa chung gương mẫu

<sup>(2)</sup> Câu trên và câu này ý nói: Nước Việt Nam không có tôn giáo riêng, mà chỉ tuân theo và thực hành các tôn giáo của nước khác.

Mà thật hành nhơn đạo \**di luân*  
 Nội dung chơn giáo hiệp quần  
 Đăng làm tiêu biểu, phổ thông người đời  
 Tuy đã biết đó thời hữu tướng  
 Nhưng phải từng giả mượn làm chơn <sup>(3)</sup>  
 Tam đồ qua biển lẽ thường  
 Có không, không có, do lương tâm người  
 Đạo là đạo của Trời chơn lý  
 Người là người minh trí biện phân  
 Cho rằng giả giả chơn chơn  
 Mà phê bình mãi \**lưỡng nan* không rồi  
 Thử nghĩ lại từ hồi lập Đạo  
 Là Bính Dần, Thầy tạo sáng khai  
 Lắm phen khuyên khích nhơn tài  
 Tổ chức Cao Đài hoàn bị nội dung  
 Mà ngó lại ai từng thánh ý  
 Phải thành ra tôn chỉ \**siển sơ*  
 Làm cho \**thiện tín \*u ơ*  
 \**Qui mô* chẳng có vát vợ giữa đàng  
 Vì lẽ ấy nên càng chia rẽ <sup>(4)</sup>  
 Là \**kỳ trung* luật lệ chưa rành  
 Nên chi có lệnh \**Trường Canh*  
 Dạy Cao Triều Phát lập thành Lễ văn  
 Soạn bản thảo thánh ngôn \**từ thứ*  
 Giảng cơ cho dạy cử chỉ hành  
 Dễ bề xử sự nhơn sanh  
 \**Tiên, Trung, Chiếu, Hậu*, Thánh, Thần, Phật, Tiên

<sup>(3)</sup> Theo cái giả, mượn nó làm phương tiện để đạt đến cái thật. Đồng nghĩa: *Tá giả tầm chân* 借假尋真; *Chấp tình cầu tánh, chấp nhân cầu thiên* 執情求性, 執人求天.

<sup>(4)</sup> Câu này có nghĩa chưa rành luật lệ ở trong đó (trong Đạo).

Đều có dạy kinh truyền \**Dương Sự*  
Việc Quan, Hôn, Tang, Tế, Cầu Siêu  
Đó là lễ nhạc qui điều  
Đồng hành một luật khỏi xiêu lạc đường  
Chia ra có tám chương biệt thứ  
Mỗi chương đều trật tự rõ ràng  
Phụ sau đại tổng cửu \**phan*  
Số văn hồ biểu trang hoàng lớp lang  
Lời dặn kỹ \**bỉ bàng* cách thức  
Thể nghi hành theo luật Cao ban  
Một: kinh Dương Sự đoan trang  
Mười bài thêm bốn mới an Dương đề  
Hai: tách bạch chỉ về Hôn Sự  
Lễ nghi theo Không Tử \**minh luân*  
Đây là tư cách thanh tân  
Mười bài kinh lễ trọng phần trị gia  
Ba: tỏ rõ dạy qua Cầu Bình  
Thức số nghi chính đính phân minh  
Tụng cầu qui khiếp tà kinh  
Sáu bài khí tượng oai linh Thánh Thần  
Thứ tư: dạy về phân Tang Sự  
Lúc \**chung qui* đủ cử chỉ hành  
Đều do trong luật tang kinh  
Là hai mươi tám lễ hành trang nghiêm  
Thứ năm: Đạo giữ niềm \**từ hiếu*  
Phép Kỳ [*cầu*] Siêu là diệu tu hành <sup>(5)</sup>  
Cầu xin linh vị siêu sanh  
\**Tiêu diêu* \**cõi thọ* cảnh thanh hưởng nhàn

---

<sup>(5)</sup> Cầu siêu là phép huyền diệu của người tu hành.

THI  
KHEN tài sắp đặt độ toàn linh  
ÔNG thật dày công giúp chúng sinh  
CAO thấp dung hòa nền lễ nhạc  
SOẠN biên hiệp tuyển đạo quang minh  
TANG hôn mỹ lệ thêm nghi tiết  
TẾ tự hoàn toàn đủ số kinh  
CẦU cả \**Tam Giang* đồng hưởng ứng  
SIÊU hành nhưt luật rạng danh thinh

DƯƠNG MINH ĐỨC

## MỤC LỤC NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN

### SỐ

1. Ba tiếng chuông nhưt
2. Ba tiếng chuông nhì
3. Trước khi vô bửu điện
4. Cách hành lễ
5. Ba tiếng chuông bãi đàn
6. Kệ ngưỡng chung
7. Cách đánh ngưỡng chung
8. Kệ Lôi Âm Cổ
9. Cách đánh Lôi Âm Cổ
10. Kệ Bạch Ngọc Chung
11. Kệ giống U Minh
12. Kệ niệm lần chuỗi la hán
13. Về nhạc, lễ

## NGHI TIẾT CÚNG ĐẠI ĐÀN

### Số 1. Ba tiếng chuông (nhút)

Văn chung khẩu hướng huệ trường càn khôn. (1 dùi)

Pháp giải chúng sanh đồng đẳng bỉ ngạn. (1 dùi)

Án đà ra để dạ ta bà ha. (1 dùi)

(Khi dứt 3 tiếng chuông nhưt rồi, chư chức sắc, Thiên phong xem xét trong mình cho đặng tinh khiết, rồi mới mặc đạo phục vô, chờ đó.)

### Số 2. Ba tiếng chuông (nhì)

\**Thiết Vi u ám tắt giai văn.* (1 dùi) <sup>(1)</sup>

<sup>(1)</sup> Bản 1939 in *Nhút vi...* Kệ chuông nhà Phật đọc câu này là *Thiết vi*. Theo Phật giáo, Thiết Vi 鐵圍 là ngọn núi chung quanh bao bọc bằng

\**Nhút thiết chúng sanh thành chánh giác.* (1 dùi)

Án đà ra để dạ ta bà ha. (1 dùi)

(3 tiếng chuông nhì vừa dứt, phải sắp hàng ba, đầu đó cho có thứ tự, nghiêm trang, tay trái để lên trái tim, tịnh tâm, rồi bước vô bửu điện, kể từ ngạch cửa bước vô ba bước, chơn bên phía mặt bước trước, rồi đi ngay đứng trước Thiên Bàn nhìn Thiên Nhãn, xá ba xá, day ra bàn Long Thần Hộ Pháp xá một xá, phân ban, tay bắt ấn Tí, chờ lễ xướng.)

Xá ba xá trước Thiên Bàn, gọi là Thiên, Địa, Nhơn, tay bắt ấn Tí để ngay trán xá xuống, rồi để ngay trái tim, làm như vậy ba lần.

### Số 3. Trước khi vô bửu điện

*Như ai trước khi muốn vô thất thì lấy đầu theo đây: Tay trái để lên trái tim, cúi đầu rồi vào, chớ không phải cúi nùm vô càn.*

Lý Thái Bạch

Kiên Giang, 1-7, Canh Ngũ <sup>(2)</sup>

### Số 4. Cách hành lễ

1. \**Thiên phong tự vị.*
2. \**Quán tẩy.*
3. \**Thuế cân.*
4. \**Cung thành thứ tự phân lập tam ban.*
5. \**Chỉnh sát cúng phẩm.*
6. \**Thiên phong nghiêm cảm giải đàn.*

tường sát (Thiết là sắt; Vi là bao quanh). Núi Thiết Vi u ám, tối tăm vì ánh mặt trời và mặt trăng chẳng chiếu tới. Núi này là một cảnh địa ngục giam cầm và trừng phạt các linh hồn tội lỗi.

<sup>(2)</sup> Chủ Nhật, 21-8-1930.



7. \*Chấp sự giả các tư kỳ sự.
8. \*Lôi Âm Cổ khởi.
9. \*Bạch Ngọc Chung minh.
10. \*Nhạc tấu huân thiên.
11. \*Nội nghi tỵ vị.
12. \*Ngoại nghi tỵ vị.
13. \*Thiên phong y thứ tỵ tỵ vị.
14. \*Giai qui.
15. \*Phụng kỳ thỉnh thánh nghi.
16. Phụng hương án tòa.
17. Qui.
18. \*Phần hương.
19. \*Tán hương.
20. Qui.
21. \*Thành tụng thượng hương chú.
22. \*Cúc cung bái. (3 lạy, mỗi lạy 4 gập)
23. \*Thành tụng tịnh khẩu chú. (cúi đầu)
24. \*Thành tụng tịnh tâm chú. (cúi đầu)
25. \*Thành tụng tịnh thân chú. (cúi đầu)
26. \*Thành đọc sớ văn.
27. \*Phần sớ.
28. Cúc cung bái. (3 lạy, mỗi lạy 4 gập)
29. \*Phụng hiến tiên hoa.
30. Qui.
31. \*Cung chính tiên hoa.<sup>(3)</sup>
32. \*Phụng tán tiên hoa.
33. Qui.
34. \*Thành niệm hoa nghi.
35. Cúc cung bái. (3 lạy, mỗi lạy 4 gập)

---

<sup>(3)</sup> Bản in 1939 ghi chú bên cạnh câu này là “xem coi bông có tươi tốt”.  
Lời giảng này không sát nghĩa.

36. \*Phụng hiến tiên tửu.
37. Qui.
38. \*Cung khải tửu chi. (giở nắp hai ly rượu)
39. \*Phụng tán tiên tửu.
40. Qui.
41. \*Thành niệm tửu nghi.<sup>(4)</sup>
42. Cúc cung bái. (3 lạy, mỗi lạy 4 gập)
43. \*Phụng hiến tiên trà.
44. Qui.
45. \*Cung khải trà bôi. (giở nắp hai chung trà ra)
46. \*Phụng tán tiên trà.
47. Qui.
48. \*Thành niệm trà nghi.
49. Cúc cung bái. (3 lạy, mỗi lạy 4 gập)
50. \*Thành tụng an Thổ Địa. (cúi đầu)
51. \*Thành tụng khai kinh chú.
52. Thành tụng Thiên Đế chí tâm.
53. Cúc cung bái. (3 lạy, mỗi lạy 4 gập)
54. Thành tụng Thích Giáo chí tâm.
55. Cúc cung bái. (3 lạy, mỗi lạy 3 gập)
56. Thành tụng Tiên Giáo chí tâm.
57. Cúc cung bái. (3 lạy, mỗi lạy 3 gập)
58. Thành tụng Nho Giáo chí tâm.
59. Cúc cung bái. (3 lạy, mỗi lạy 3 gập)
60. \*Thiên phong thành tâm câu Ngũ Nguyên.
61. Cúc cung bái. (3 lạy, mỗi lạy 4 gập)
62. \*Thiên phong đồng khởi lập tam ban.
63. \*Thiên phong vị bái đồng lai bái.
64. \*Lễ thành.

(Trích lục trong *Tứ Thời Nhựt Tụng*)

---

<sup>(4)</sup> Bản 1939 in là *Thành niệm tiên tửu*.

Số 5. Ba tiếng chuông bãi đàn

Khi lễ xướng “*Lễ thành*” rồi thì đánh ba tiếng chuông như sau đây:

*\*Đàn tràng viên mãn, chức sắc qui nguyên, vĩnh mộc từ ân, phong điều vũ thuận. (1 dùi)*

*\*Thiên phong hải chúng, quốc thới dân an, hồi hướng đàn đường tận thâm pháp giới. (1 dùi)*

Ấn đà ra để dạ ta bà ha. (1 dùi)

Khi ba tiếng chuông dứt rồi, đồng xá nhau một xá, chức sắc bước đi ra trước, kê đạo hữu, đi ra đàn cũng phải cho êm tịnh, nghiêm trang.

Số 6. Kệ ngưỡng chung

*\*Kiền dương chung khởi thấu tường vân*

*\*Tam thập tam thiên thế giới [giới] vân*

*\*Phật, Thánh, Thần, Tiên triều Kim Khuyết*

*\*Hoàng đồ cùng cố ngưỡng hồng ân.<sup>(5)</sup>*

Số 7. Cách đánh ngưỡng chung

Ban đầu *\*thức* 9 tiếng, kê đọc mỗi câu, khi dứt mỗi câu châu 1 tiếng. Kê giống mỗi lần 9 tiếng, giống như vậy 9 lần vô 1 hồi. Giống 3 hồi như vậy, ban đầu chậm chậm sau đó giót liền dùi.

Số 8. Kệ Lôi Âm Cổ

*\*Lôi Âm Thánh Cổ triệt hư không*

<sup>(5)</sup> Các bài kệ bốn câu chữ Hán-Việt được giải thích riêng từng câu, trong phần Giải nghĩa từ ngữ (tr. 204), xếp chữ đầu câu theo thứ tự ABC.

*\*Truyền tẩu càn khôn thế giới [giới] thông*

*\*Đạo pháp dương kim dương chánh giáo*

*\*Linh quang chiếu diệu Ngọc Kinh Cung.*

Số 9. Cách đánh Lôi Âm Cổ

Ban đầu *\*thức* 3 tiếng, rồi dứt mỗi câu kê châu 1 dùi, kê đánh mỗi chập là 12 dùi, 12 chập vô 1 hồi, đánh đủ 3 hồi như vậy, ban đầu chậm chậm sau đó giót liền dùi như trống bát nhã.

Số 10. Kệ Bạch Ngọc Chung

*\*Bạch Ngọc Thần Chung phóng Phong Đô*

*\*Địa Tạng khai môn phóng xá cô*

*\*Tam Kỳ vận chuyển kim quang hiện*

*\*Sám hối âm hồn xuất u đồ.*

Cách giống chung

*Cách giống chung cũng như đánh trống vậy.*

Số 11. Kệ giống U Minh

(của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát, U Minh Giáo Chủ, giáng cơ cho tại thánh thất Kiên Giang, đêm mừng 8 tháng 6 nhuận, năm Canh Ngũ.)<sup>(6)</sup>

Kệ

Gọi kê *\*Phong Đô \*thức \*tiếng kinh.*

00000000

Nghe lời Thầy dặn nhớ *\*đỉnh ninh.*

o

*\*Hồi đầu qui hướng Cao Đài Giáo.*

oo

Tội nghiệt tiêu tan hưởng phước lành.

o

<sup>(6)</sup> Thứ Năm, ngày 03-7-1930.

Niệm 36 \*đại từ

1. Nam mô \*tích phước \*hựu tội Huyền Khung Kim Khuyết Cao Đài Ngọc Đế Đại Thiên Tôn. 0000
2. Nam mô Tây Phương Giáo Chủ đại thánh đại từ Thích Ca Như Lai Phật. 000
3. Nam mô Tây Phương Giáo Chủ vô lượng độ nhơn Thiên Tôn. 000
4. Nam mô tinh thể giác mê đại bi đại nguyện Như Lai Phật. 000
5. Nam mô Đông Phương Giáo Chủ cứu khổ cứu nàn Thái Ất độ nhơn Thiên Tôn. 000
6. Nam mô từ bi \*tự tại giải thoát \*mê đồ Quan Thế Âm Bồ Tát. 000
7. Nam mô Nam Hải Phổ Đà Quan Thế Âm Bồ Tát. 000
8. Nam mô dương liễu chi đầu Bồ Tát. 00
9. Nam mô Lạc Già sơn cứu khổ cứu nàn Quan Thế Âm Bồ Tát. 000
10. Nam mô U Minh Giáo Chủ Địa Tạng Vương Bồ Tát. 000
11. Nam mô Cửu U Chủ Tể Phong Đô Diêm La Thiên Tể. 000
12. Nam mô Tam Thanh Đại Đế giải ách cứu nạn Đại Thiên Tôn. 000
13. Nam mô thượng thiện phật ác Đông Nhạc Đại Đế Quân. 000
14. Nam mô đại thiên cử sát thất thập nhị địa âm cảnh giải tội Quan Thánh Đế Quân. 000
15. Nam mô cang trực đồng mãnh Châu Thương Đại Tướng Quân. 00
16. Nam mô cứu tai giải ách Dược Sư Vương Phật. 00
17. Nam mô khuyến thiện trừng gian phổ hóa Đại Thiên Tôn. 00

18. Nam mô chú sanh hồng bộ Nam Tào Lục Tinh Quân. 00
19. Nam mô chú tử hắc bộ Bắc Đẩu Thất Tinh Quân. 00
20. Nam mô thượng trung hạ Tam Nguơn Đại Chủ Tể. 00
21. Nam mô u hiển giao thông Nhị Đại Công Thần. 00
22. Nam mô tam nguơn tam phẩm Thiên Địa Thủy Quan.<sup>(7)</sup> 00
23. Nam mô trường phan bửu cái chi Đại Bồ Tát. 0
24. Nam mô Đông Tây Nam Bắc Tứ Đại Thiên Vương. 00
25. Nam mô hương hoa cúng dường nhị vị Đồng Tử. 0
26. Nam mô tường vân thể vụ đẳng Đại Thiên Tôn. 0
27. Nam mô thiên lý thuận phong nhị Đại Tướng Quân.<sup>(8)</sup> 0
28. Nam mô tư chung tư khánh tư cổ tam viên Đồng Tử.<sup>(9)</sup> 0
29. Nam mô tuần du tế sát Đại Linh Quan. 0
30. Nam mô truyền thính báo ngữ sám hồi hựu thiện Đại Linh Quan. 0
31. Nam mô ngũ phương kế đế Đại Linh Quan. 0
32. Nam mô tá hựu công quả nhị Đại Phán Quan. 0
33. Nam mô \*Tứ Trị Công Tào Sứ Giả. 0
34. Nam mô dương cảnh Thổ Địa Tôn Thần. 0
35. Nam mô Thành Hoàng Bốn Cảnh Chánh Trực Tôn Thần. 0

<sup>(7)</sup> Bản 1939 in sai là *Thiên Địa Thủy Quân*. Tam Quan Đại Đế 三官大帝 là Thiên Quan 天官 (vua Nghiêu), Địa Quan 地官 (vua Thuấn), Thủy Quan 水官 (vua Vũ).

<sup>(8)</sup> Tức là hai vị Thiên Lý Nhãn 千里眼 (mắt trông xa ngàn dặm) và Thuận Phong Nhĩ 順風耳 (Tai nương theo gió nghe được xa).

<sup>(9)</sup> Ba vị coi về chuông (*chung*), khánh, và trống (*cổ*).

36. Nam mô Thiên Địa Nhứt Nguyệt Tinh Tú phổ chiếu Minh Lăng Thần. o

\*

*\*Thính pháp chung thính quảng khai giác lộ*

*\*Từ bi tế độ phóng giải mê đồ*

*\*Hứa đặng từ đồ thành tâm sám hối.*

Số 12. Kệ niệm lần chuỗi la hán

Của Đức Trụ Trì Bồ Tát giảng cơ tại Kiên Giang, đêm 21 tháng 6 nhuận, năm Canh Ngũ.<sup>(10)</sup>

Vận chuyên kiên khôn tóm một râu

Ba ngàn thế giải trọn tay râu

*\*Bồ đề mười tám thiền tâm định*

*\*Sáu chữ Di Đà báu tợ châu.*

Nam mô Định Tâm Vương Phật ooo

Số 13. Về nhạc, lễ

Nói về nhạc và lễ, nên coi hành y theo cuốn *Nghi Tiết Đại Đàn Tiểu Đàn Tòa Thánh và Thánh Thất Các Nơi* của Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh vưng Thiên ý soạn ra và có Lễ Nhạc Quân chứng phê.

Nhưng mà có 5 điều sửa của Đức Lý Giáo Tông giảng tại Kiên Giang<sup>(11)</sup> như vậy:

*“Ta vưng lệnh Thầy sửa năm điều dùng nhạc tại thánh thất:*

<sup>(10)</sup> Thứ Sáu, 15-8-1930.

<sup>(11)</sup> Có lễ đàn ngày 01-7, Canh Ngũ (Chủ Nhật, 21-8-1930).

1. Phải chọn người biết rành nghề, gần hành lễ sẽ khua động tiếng nhạc, chớ khua động tiếng nhạc trước khi hành lễ, rất vô phép.

2. Trong khi hành lễ muốn có thứ lớp nhịp nhàng hãy dùng kiếng mà nhịp, chớ sanh dùng việc âm công.

3. Chặng đặng dùng trống cơm hoặc cái bông.

4. Đồ nhạc dùng cúng Thầy chặng đặng phép dùng về sự chi khác, sợ dơ ướ.

5. Những nhạc sanh phần nhiều vô lễ, cúng Thầy chúng nó coi như đăm cúng thường, chư Thần, Tiên rất không bằng lòng năm điều ấy. Vậy các người ráng sửa.”



## MỤC LỤC CÁC THỨ KINH DƯƠNG SỰ

### Số

1. Bài kinh nhập môn
2. Bài kinh cầu an *\*sản thống*
3. Bài kinh cầu khi mới sanh con
4. Bài kinh ăn đầy tháng và thôi nôi
5. Bài kinh cầu cho kẻ có tội sám hối
6. Bài kinh cứu khổ
7. Bài kinh vãng sanh
8. Bài kinh lễ lục, thất, bát tuần
9. Bài kinh kỵ cơm
10. Bài kinh rước *\*tiên linh* ngày xuân
11. Bài kinh *\*cúng đường*
12. Bài kinh đi ngủ
13. Bài kinh thức giấc
14. Bài kinh xuất hành
15. Bài kinh cầu an cho bá tánh

### Số 1. Bài kinh nhập môn

Trước *\*bửu tọa* cúi đầu quì tâu  
Xin Tiên gia rõ thấu chứng lòng  
Kẻ phàm nào rõ đục trong  
Ngày nay cầu đạo *\*thiện lòng* tín trung  
Ởn Tạo Hóa vô cùng *\*đại đức*  
Vớt các con khỏi vực *\*trảm luân*  
Ngày nay trần thế vui mừng  
Biết đều [*điều*] làm lỗi biết chừng tội căn  
Nay con biết ăn năn chừa lỗi  
Cúi lạy Thầy cầu rỗi linh hồn  
Chứng lòng đệ tử kính dưng  
Tầu, trà, huê [hoa], quả lễ mừng Tiên Ông

*\*Nhang tóc* đốt nức nồng bửu điện  
Các con quì khấn nguyện với Thầy  
Chứng lòng đệ tử ngày nay  
Cầu trong *\*gia quyến* phước dày *\*miên miên*

### Số 2. Bài kinh cầu an *\*sản thống*

Cúi xin Thổ Địa chứng tri  
Mười Hai Bà Mụ kịp thì *\*hộ sanh*  
Ởn Trên ban *\*nhỏ phước lành*  
Gót *\*lân* sớm trở *\*ngõ* đành nôi sau  
*\*Khai huê* [hoa] thuận tiết tươi màu  
*\*Hùng bi* trở mặt chiếu vào *\*cửa son*  
Cầu cho con, mẹ vuông tròn  
Thuận đường sanh sản phước còn bền dai.  
*Văn Xương Đế Quân*

### Số 3. Bài kinh cầu khi mới sanh con

Lòng Trời Phật từ bi *\*phổ tế*  
Cho *\*anh nhi* chuyển thế *\*hồng trần*  
Ngưỡng nhờ *\*đức cả* *\*thâm ân*  
*\*Phò trì* trẻ đại khỏe thân hằng ngày  
Trên tin cậy giao tay tôi giữ  
Đề ngày sau *\*phụng tự* lúc già  
Đáng con hiếu thảo thuận hòa  
*\*Linh quang* trong sạch phước nhà dẫu noi  
Ấy duyên Phật xét soi ban thưởng  
Gội nhuần ân vô lượng vô biên  
Không may gặp trẻ chẳng hiền  
Tôi nguyện dạy dỗ tinh chuyên việc lành  
Tìm gương tốt *\*tập thành* cho trẻ  
Cư xử đời theo lẽ công minh  
Bằng lòng chỉ lỗi sửa mình

Tội tôi ung đặng không gìn cậy tin  
 Đấng Tạo Hóa thương tình phạm tục  
 Tôi hết lòng nhịn nhục \**cố kiên*  
 Khấn cầu Trời, Phật, Thánh, Tiên  
 Giúp tôi tròn phận chẳng phiền nhọc thân  
 Vọng Hộ Mạng Thiên Thần \**liệt vị*  
 Xin khử trừ tà khí nhiễm vương  
 Độ cho trẻ đặng \**an khương*  
 Khỏi vương bệnh hoạn tai ương vào mình  
 Nhờ sức lực anh linh trợ trẻ  
 Thêm tinh thần mạnh mẽ vẹn toàn  
 Gặp khi mưa nắng chẳng an  
 Thường năng đủ sức vững vàng chống ngăn.  
 Vệ Phòng Thánh Mẫu

#### Số 4. Bài kinh ăn đầy tháng và thôi nôi

Ngày nay nhứt ngoạt chi tuần <sup>(1)</sup>  
 \**Anh nhi \*thơ thới* lễ mừng tạ ơn  
 Mười Hai Bà Mụ mau chơn  
 \**Phò trì* sanh sản trợ con \**lâm bồn*  
 \**Roi truyền \*tử tử tôn tôn*  
 \**Bảo an \*sản phụ* giúp \**tôn thiên niên*  
 Có câu \**tái tạo nhị thiên*  
 \**Độ* đường sanh sản nơi miền trần gian  
 \**Quả huê* [hoa] mỹ vị *bỉ bàng*  
 Thu ân <sup>(2)</sup> đáp nghĩa bảo toàn trẻ thơ.  
 Văn Xương Đế Quân

<sup>(1)</sup> Câu này đọc khi ăn đầy tháng. (Nhứt ngoạt chi tuần 一月之巡: Đã hết một tháng.) Khi ăn thôi nôi thì đọc câu: *Chung niên nay đã chi tuần*. (Chung niên chi tuần 終年之巡: Đã hết một năm.)

<sup>(2)</sup> Bản 1939 in là *thu ân*, chưa rõ nghĩa.

#### Số 5. Bài kinh cầu cho kẻ có tội sám hối

Người sanh trong cõi dương trần  
 Bị ràng \**bốn vách* chịu phần gian nan  
 Buông lung \**tửu điếm \*trà đàng*  
 Hung thân điu dặt vào hàng \**mê tân*  
 Quên câu \**phụ tử \*quân thần*  
 Ghét người lương thiện, ưa gần kẻ ngu  
 \**Vì chung* kiếp trước chẳng tu  
 Không người chỉ dẫn như mù té sông  
 \**Tam cang, \*ngũ lý* chẳng thông  
 \**Sân si* nghiệp chướng ngày mong \**tranh cờng*  
 Dem mình vào chốn \**tai ương*  
 Kẻ giam \**Dũ lý*, người vương \**khổ hình*  
 Đạo Trời thường phạt \**chí minh*  
 Làm gương \**răn chúng* sửa mình \**thiện lương*  
 Thấy kẻ dốt xót lòng thương  
 Cúi xin Thần Thánh bốn phương cứu trần  
 Dắt điu ra khỏi \**mê tân*  
 Sửa lòng ngay thảo theo gần thiện lương.  
 Văn Xương Đế Quân

#### Số 6. Bài kinh cứu khổ

Vì Tạo Hóa từ bi cứu khổ  
 Khiến \**Long Thần* bảo hộ \**an khương*  
 \**Phổ Đà* Phật Tổ Tây phương  
 Quan Âm Bồ Tát bốn phương \**vãng tuần*  
 Tuy cao thăm thăm chín tầng  
 Ai người \**thiện nguyện* sự mừng liền ban  
 Người ngay rũi gặp tai nàn  
 Niệm liền bảy chữ <sup>(3)</sup> khỏi đàng \**họa ương*

<sup>(3)</sup> Bảy chữ: Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát.

Trong khi xây việc *\*bất tường*  
 Vương mang bệnh hoạn giữa đường có khi  
 Oai linh ủng hộ tức thì  
 Tai qua nạn khỏi bịnh gì cũng an  
 Kính thành vọng tưởng Tây phang  
 Quan Âm Bồ Tát hào quang chiếu liền  
 Trong khi giông gió xiêu thuyền  
 Phiêu lưu *\*la sát* vào miền *\*quí thương*  
 Gặp loài *\*tà mị \*nhiều nhưong*  
 Nghe oai Bồ Tát tầm đường lánh xa  
 Người thù cầm kích xông pha  
 Nguyện cầu Bồ Tát *\*cải tà làm nhơn*  
 Gặp hồi lạc tới *\*lâm sơn*  
*\*Hổ lang* ác thú chồn vờn *\*giáo thân*  
 Hô danh Bồ Tát ân cần  
 Hổ lang ác thú lần lần lánh xa  
 Bốn phương chư Phật hằng hà  
 Thọ truyền Ngọc Đế *\*ta bà độ dân*  
*\*Năm trăm la hán* ân cần  
*\*Hộ* người lương thiện hưởng phần bình an  
 Cúi xin Phật Tổ Tây phang  
 Từ bi cứu khổ độ an dân Trời  
 Người người *\*lạc nghiệp* thanh thoi  
*\*Gia vô bé hộ \*tứ thời \*hòa bình*  
 Cầu cho *\*quốc vận \*khương ninh*  
 Mưa hòa gió thuận thái bình muôn năm  
 ..... [Bản 1939 in sót một câu lục (sáu chữ)]  
*\*Chơn ngôn thập bát* khỏi lâm họa tai.

NAM MÔ ĐẠI TỬ ĐẠI BI CỨU KHỔ CỨU NẠN QUAN THẾ ÂM  
 BỒ TÁT MA HA TÁT

Văn Thù Bồ Tát

Số 7. Bài kinh *\*vãng sanh*  
 Xét suy muôn vật thế gian  
*\*Tham sanh úy tử* là đàng xưa nay  
*\*Tiền căn* tu luyện chẳng may  
 Hóa sanh cầm thú chịu đầy đọa thân  
 Chịu làm *\*vật thực dưỡng nhân*  
 Côn trùng còn chịu bội phần lao đao  
 Trả vay *\*thiên vông nan đào*  
 Đã đơm [đem] mỗ xẻ lại vào lửa *\*thang*  
 Cúi xin *\*Thổ Địa, \*Thành Hoàng*  
 Vớt hồn thú tử vào hàng *\*chuyển nhơn*.  
 Động Đình Hồ Tiên Trường

Số 8. Bài kinh lễ lục, thất, bát *\*tuần*  
 Người sanh trăm tuổi *\*vi thì*  
 Mạng nay hưởng đặng chi kỳ sáu mươi <sup>(4)</sup>  
 Tinh thần còn đặng tốt tươi  
 Nhờ ơn Trời Phật thương người *\*thiện căn*  
 Cầu xin phước lộc *\*cao thắng*  
 Vui nên phú quý gia tăng tuổi dài  
*\*Mỹ tai hề thiện mỹ tai!*  
*\*Thọ dư bách tuế \*thiên thai trở về*  
*\*Gia đàng [đường] thuận thảo phu thê*  
*\*Năm đời chung hưởng vinh huê [hoa] thái bình*  
 Cầu cho *\*quốc vận \*khương ninh*  
 Mưa hòa gió thuận dân tình bình yên.  
 Lý Thái Bạch Kim Tinh

<sup>(4)</sup> Chi kỳ 之期: Kỳ hạn (chữ chi 之 này dùng để đếm, vô nghĩa). Tùy lễ mừng thọ 60, 70, 80 tuổi mà đọc là *sáu mươi, bảy mươi, hay tám mươi*.

Số 9. Bài kinh *\*ky cơm*

Làm con khó đặng trọn thờ

*\*Tam niên nhũ bộ* chẳng giờ khắc *\*khuây*

Lửa hương dạ nhớ hàng ngày <sup>(5)</sup>

*\*Cù lao cúc dục* *\*so tày núi sông*

Có câu *\*sanh tử dữ đông*

Âm dương tuy cách *\*tác lòng* nào phai

Hôm nay lễ kỵ đến ngày

Cao lương mỹ vị đặt bày kính dung

Trà thô rượu lạt ba tuần

*\*Tiên linh* xin hưởng *\*ngõ mừng* cháu con

Hiếu trung muôn kiếp bên còn

Vừa hương bát nước giữ tròn chẳng sai

Cầu cho vượt cảnh thiên thai

Thung dung *\*khoái lạc* lâu dài khỏe thân

Lòng thành cạn tỏ nguồn ân

Tiên linh xin chứng *\*thân cần* *\*vãng lai*

Chúc xin *\*lạc cảnh* *\*diêu đài*

Chứng minh con cháu hôm mai khăn cầu.

*Động Đình Hồ Tiên Trường*

Số 10. Bài kinh rước *\*tiên linh* ngày xuân

Ngày nay *\*bộc trước* *\*giai thì*

*\*Đào phù* *\*vạn hộ* nghinh kỳ tân xuân

*\*Hà linh* chúc tụng chi tuần

*\*Đồ tô* cung hiến lễ mừng *\*tiên thân*

Trầm xông *\*tóc đốt* *\*hương phần*

Huy hoàng *\*đăng chúc* hầu gần lý đoan

<sup>(5)</sup> Hàng ngày đều nhớ thắp nhang trên bàn thờ cha mẹ.

Cao lương mỹ vị *\*bỉ bàng*

Cung nghinh thất tổ linh sàng giáng lâm.

*Văn Xương Đế Quân*

Số 11. Bài kinh *\*cúng dường*

*(Niệm trước khi ăn cơm)*

Ơn Tạo Hóa từ bi dưỡng dục

Độ muôn loài thọ chúc thiên ân

Hóa sanh ngũ cốc ân cần

Lập nên công nghệ phép thần dạy dân

*\*Tam xan* *\*nhứt nhứt* *\*tảo tảo*

Cầu cho bá tánh hưởng phần bình yên

Nhà nhà lạc nghiệp *\*phong niên*

Noi nghề *\*canh chương* *\*roi truyền* tử tôn

*Văn Xương Đế Quân*

Số 12. Bài kinh đi ngủ

Khi ngồi nghỉ nguyện cầu Thần Thánh

*\*Giác điệp trường* đặng tánh thông minh

*\*Hung tinh* xa lánh khỏi mình

*\*Kiết thân* bước đến đăm [đem] tin phước lành.

*Văn Xương Đế Quân*

Số 13. Bài kinh thức giấc

Khi thức giấc tâm thần định tĩnh

Lạy bốn phương *\*ngưỡng tín* lòng thành

Nguyện cầu cho cả chúng sanh

*\*Gia vô bé hộ* phước lành ấm no.

*Văn Xương Đế Quân*



Số 14. Bài kinh xuất hành

Hành trình thiên lý giai kỳ

Quan Âm Bồ Tát từ bi cứu trần

Phò nguy trợ khốn ân cần

Khử hồi lương tiện bảo thân hảo toàn.

*Văn Xương Đế Quân*

Số 15. Bài kinh cầu an cho bá tánh

Đầu vọng bái Huyền Khung Thượng Đế

Đức từ bi chúa tể muôn loài

Truyền ban Đại Đạo Cao Đài

Tam Kỳ Phổ Độ trần ai tu hành

Nay chúng con tâm thành khẩn nguyện

Quyết một lòng từ thiện hành vi

Cầu trên lượng cả chứng tri

Độ con đặng vững bước đi chánh đàng

Cả *\*lê dân* đa mang tội lỗi

Vì tiền căn lặn lội bề trần

Cho nên sa đọa nguơn thần

Bảy lâu cam chịu tằm thân *\*lao nân*

Nay chúng con thấy đàng đạo đức

Đã hồi minh tỉnh thức giác nồng

Lòng son con nguyện một lòng

Nước non còn vững, đạo đồng không phai

Nương ánh sáng Cao Đài bước đạo

Học qui điều thiện bảo đến cùng

Ân Thầy thế đặng nhờ chung

Cúi xin độ nạn lao lung dân tình

Cầu Vô Cực huyền linh dạy đạo

Đức Diêu Trì Kim Mẫu chứng minh

Nay con trau sửa tánh tình

Một lòng *\*khử ám hồi minh* theo Trời

Xin cứu vớt con nơi biển khổ

Đặng khỏe thân an chỗ thanh nhàn

Đến nơi Bạch Ngọc thiên đàng

Con nguyện không sai lời vàng Mẹ khuyên

Cầu Tam Giáo linh Tiên, Phật, Thánh

Ởn cao dày độ cảnh *\*mê tân*

Khẩn nguyện Đạo Tổ Lão Quân

Như Lai Phật Tổ chín tầng chiếu tri

Nguyện chí thánh *\*quang huy* Nho Giáo

Dắt lê dân đường đạo bước đi

Gặp ghình lúc hiểm con nguy

Lắm phen khổ nhọc sâu bi với đời

Chúng tôi vẫn xa vời *\*cưu vị*

Vì bấy lâu cam bị trả vay

Luân hồi quả báo đeo đai

Nghiệt oan hai chữ trên vai nặng oằn

Cả *\*trăm họ* quên căn kiếp trước

Chung muôn nhà cứ bước đường mê

Nay lòng thức tỉnh mong về

Muốn qui *\*cưu vị* khó bề *\*trở đương*

Vì *\*bốn vách* *\*tang thương* dâu bể

Xin Ôn Trên độ thể cứu dân

Đem cho thoát đặng khuôn trần

Đem cho đến chỗ ngôi phần thanh cao

Nguyện hành đạo chẳng xao lãng dạ

Kể từ đây *\*đàng cả* chung đi

Noi theo kinh sách của Thầy

Nước non dầu đổi, lòng đây không dòi

Cầu Tam Trấn độ đời lánh nạn

Đức Giáo Tông giữ bảng Tam Kỳ

Trở day cái máy huyền vi  
 Nhờ oai Thái Bạch chứng tri lòng thành  
 Đức Quan Thánh bìa danh kim cô  
 Soi xét đời đang chỗ luân trầm  
 Cúi cầu Nam Hải Quan Âm  
 \*Từ thuyền vớt kẻ sa hầm sụp hang  
 Giúp Chí Tôn truyền ban Đại Đạo  
 Độ dương gian \*phục đáo cảnh nhàn  
 Chúng sanh mờ ám linh quang  
 Vì mê vật chất quên đàng \*tiêu điều  
 Nhìn thấy hãn \*bóng thiếu chinh xê  
 Nạn đao binh bốn bề dẫy đầy  
 Khắp cùng Nam, Bắc, Đông, Tây  
 Gần cơn nước lửa ách tai nguy nần  
 Nay tỉnh giấc mơ màng với thế  
 Lúc hồi đầu đã trở Kỳ Ba  
 Ăn ăn lắm muộn chan hòa  
 Nhờ Ôn Trên độ thoát ra tai nần  
 Chuyển huyền vi bảo toàn mỗi Đạo  
 Độ \*lê dân hườn đáo cựu ngôi  
 Khởi cơn sóng dập gió dồi  
 \*Dư sanh này nguyện học lời dạy răn  
 Chí quyết nơi bản văn Đại Đạo  
 Chúng sanh nguyên hòa hảo đệ huynh  
 Nội đây liên ái tương tình  
 Cầu cho quốc thái dân bình \*âu ca  
 Muôn việc thầy nhờ Cha Ngọc Đế  
 Với Tam Thanh cải chế mới toàn  
 Chí thành gắn một lòng vàng  
 Nhờ trên chứng chiếu bảo an nhơn loài  
 Cầu chư vị liên đài Bồ Tát  
 Độ sanh linh đặng thoát bến mê

Nhà Tiên cửa Phật đặng kê  
 Lánh nơi vay trả ử ê lòng sầu  
 Đời lắm cuộc bể dâu chán ngán  
 Quyết tu hành dất bạn diu nhờn  
 Chúng tôi lắm tội dương trần  
 Khó toan day trở vì phần \*trái oan  
 Nhờ Bồ Tát bảo toàn chơn tánh  
 Chúng sanh nương theo ánh quang minh  
 Lánh nơi \*bể khổ sóng tình  
 Qui hồi cựu vị trọn gìn Đạo chơn  
 Cầu các đấng Chơn Nhơn độ thế  
 Cứu dân tình khỏi lệ trần ai  
 Chúng sanh thiếu đức kém tài  
 Ở trong \*tử khổ trở day đặng nào  
 Nguyên giữ Đạo trước sau như như  
 Học đòi theo mấy bực cao dày  
 Xin trên lượng cả \*khoan hoài  
 Độ đời khỏi lúc lạc sai linh hồn  
 Cầu Di Lặc Thiên Tôn cứu khổ  
 Độ lê dân lánh chỗ tai nần  
 Độ đời hết lúc điều tàn  
 Độ đời trở lại thanh nhàn Thuần Nghiêu  
 Ôn phở tế dất diu sanh chúng  
 Chuyển huyền vi tạo dựng Long Hoa  
 Qui nguyên Tam Giáo Đạo nhà  
 Độ cho khỏi lúc chia ra Đạo mầu  
 Chúng tôi đồng khẩu đầu đánh lễ  
 Cúi cầu trên độ tế nhơn sanh  
 Cho qua cái nạn chiến tranh  
 Cho qua cái nạn giựt giành phẩm ngôi  
 Thấy đời luống than ôi dân tộc  
 Thấy đạo càng lệ ngọc châu rơi

Vì mê bốn vách trong đời  
 Mà chia nhiều chỗ nhiều nơi xanh vàng  
 Cầu đức cả bố ban ân huệ  
 Chuyển qui nguyên cho dễ độ đời  
 Đạo cao chí nguyện không đời  
 Quyết đi cho đến tận nơi thanh nhàn  
 Đệ tử quì vái van cầu khẩn  
 Cầu ơn lành Tiếp Dẫn Đạo Nhơn  
 Chúng sanh chơn tánh phai lờn  
 Vì danh vì lợi quên ơn cao dày  
 Nay tỉnh giấc đường ngay trời gót  
 Biết lưới Trời chẳng lọt mảy lông  
 Chí nguyện theo Đạo lập công  
 Còn e lúc thác long đong linh hồn  
 Nên cầu xin oai tôn Tiếp Dẫn  
 Độ hồn linh khỏi bận bụi trần  
 Thế gian trăm họ nhờ ân  
 Ngưỡng xin lượng cả độ dân *\*qui hồi*  
 Nguyên học đạo trau dồi đức hạnh  
 Gắng một lòng tâm cảnh *\*tiêu diêu*  
 Lánh cơn mặt bể trời chiều  
 Lánh cơn dân tộc chít chiu *\*đảo huyền*  
 Cầu chư Phật chư Tiên *hóa cảnh* <sup>(6)</sup>  
 Cầu ơn trên chư Thánh chư Thần  
 Cứu đời hết kiếp *\*tao tân*  
 Hết cơn *\*điên bá* hết lần gian nan  
 Chúng sanh *chúng* <sup>(7)</sup> mơ màng giấc mộng  
 Nhờ ơn lành thức trống, rung chuông

Nhưng còn cái tánh ngây cuồng  
 Vì mùi vật chất che nguồn chánh chơn  
 Xin lượng cả thi ơn giải nạn  
 Độ chúng sanh rõ bằng Tam Kỳ  
 Biết vào cửa Đạo qui y  
 Lánh nơi náo nhiệt, hết nguy hết nản  
 Chúng tôi nguyện giữ toàn đạo đức  
 Bước độ đời dầu cực chẳng nao  
 Tạo nên chí khí anh hào  
 Với Thầy với Đạo công lao sá gì  
 Nguyện đến chết giữ y luật lệ  
 Trọn gìn câu *\*minh thệ \*điện tiền* <sup>(8)</sup>  
 Ngưỡng xin chúng tác lòng thiêng [thành]  
 Cầu xin bá tánh bình yên tu hành.

Văn Xương Đế Quân

Giảng cơ tại Ngọc Ân Đàn  
 (Phú Nhuận).

<sup>(6)</sup> Bản 1939 in *hóa cảnh*. Có lẽ là *quá cảnh* 過境 (ghé qua cõi trần).

<sup>(7)</sup> Theo bản 1939 in là *chúng*. Có lẽ là chữ *những*, mà in nhầm.

<sup>(8)</sup> Khi nhập môn, tín đồ có lời minh thệ trước bửu điện. Đức Chí Tôn dạy phải thề như sau (ngày 23-4-1926): “Tôi là (họ tên) ... tuổi ... Thề rằng: Từ đây biết một đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì thiên tru địa lục.” (Thánh ngôn hiệp tuyên. Bản in 1928, tr. 16-17)

## MỤC LỤC HÔN SỰ THỂ THỨC

### SỐ

1. Bài kinh gia quan
2. Bài kinh gia kê
3. Bài kinh vu qui
4. Bài kinh trình Đại Từ Phụ
5. Bài kinh cáo Từ Tổ
6. Bài kinh cầu hôn
7. Bài kinh sám hôn cầu
8. Bài kinh làm lễ tơ hồng
9. Bài kinh làm lễ ông bà
10. Bài kinh làm lễ cha mẹ

### LỄ GIA QUAN VÀ GIA KÊ

Phàm hễ con trai trong Đạo đã đúng 18 tuổi,<sup>(1)</sup> cha mẹ phải nhớ đem đến thánh thất sở tại dâng làm lễ *\*gia quan*.

Nhơn dịp ngày sóc vọng, khi cúng đại đàn rồi, cha mẹ ra đứng xin làm lễ gia quan cho đứa con đã đúng tuổi đó trước Thiên Bàn.

Đứa con trai chịu lễ gia quan quì chính giữa, cha mẹ quì hai bên, lựa một vị chức sắc đạo đức quì chứng, rồi đọc bài kinh gia quan như sau đây:

#### SỐ 1. Bài kinh gia quan

Ngày nay *\*thiên quý chi kỳ*

Gia quan điểm gạch kịp kỳ thành nhơn

---

<sup>(1)</sup> Thời xưa, con trai đến 20 tuổi thì làm lễ gia quan. Tuy nhiên, theo Lễ Bồn này làm lễ gia quan ở tuổi 18.

Phước như Đông hải Nam sơn  
Trời ban trí huệ *\*nhơn nhơn* yêu vì  
Tánh lành gồm đủ lễ nghi  
*\*Tam cang, \*ngũ lý* học y vào lòng  
Phước nhà tánh trẻ vẹn trong  
Xứng câu *\*hồ thi tang bồng* rạng danh  
Vào nền phong nhã *\*trâm anh*  
Trời cao nhỏ phước roi dành ngày sau  
Lớn khôn lộc cả công cao  
*\*An bang \*tế thế* nêu vào *\*sử xanh*  
Tơ duyên *\*Nguyệt Lão* sẵn dành  
Ỗn nhà nợ nước xử rành phận trai  
Cầu cho nước *\*trị* lâu dài  
Muôn dân *\*lạc nghiệp* hiền tài trở tên.

Văn Xương Đế Quân

Về phần con gái cũng vậy, hễ đúng 16 tuổi thì phải làm lễ *\*gia kê* tại thánh thất, giữa mặt chư chức sắc và đạo hữu, mà nhứt là phái nữ, hành y như lễ gia quan, rồi đọc bài kinh gia kê như sau đây:

#### SỐ 2. Bài kinh gia kê

Ngày nay *\*nhị thất chi thì* <sup>(2)</sup>

*\*Hoa mi* đối cảnh mừng kỳ *\*cập kê*

Noi gương *\*thất tịch \*xuyên đề*

Gái trong Nghiêu Thuần vui bề *\*gia phong*

Đức, dung, công, hạnh trau ròng

Ngâm câu *\*chức nữ* khuê phòng tợ gương

---

<sup>(2)</sup> Bài kinh qui định thiếu nữ 14 tuổi (nhị thất 2x7) làm lễ gia kê, nhưng phần giải thích ở trên lại nói 16 tuổi. Phải chăng là *nhị bát* (2x8) nhưng in nhầm thành *nhị thất*? Nhưng theo Nội Kinh 內經 thì nam 16, nữ 14.



Nhà nhà dựng gái hiền lương  
Tơ duyên sau cũng gặp phường \*trâm anh  
Tuổi xanh \*ngũ lý chuyên rành  
Ởn Trên ban thưởng phước lành hậu lai  
Ước sau sánh dựng trai tài  
\*Phao cầu xạ tiễn \*duyên hài xứng đôi  
Nền non bền đức vun bồi  
Cầu cho \*bá tánh gặp hồi \*phong niên.

Văn Xương Đế Quân

### ĐÁM CƯỚI

Hôn non là mối trọng của đạo \*cang thường, nên việc lựa chọn dâu con phải cho cẩn thận, nhưt là gái và trai hai bên phải ưng thuận, không nên ép uổng như xưa, tục thường của ta hay nói: Ép dâu ép mỡ, nữ nào ép duyên, bởi vậy cho nên cha mẹ hai bên phải dò coi con nó có tình ưa ý hiệp chãng, rồi mới nên định đôi gả lứa.

Khi hai sui gia thuận tình gả cưới, hai trẻ đồng thương nhau, thời chọn ngày làm lễ, tục gọi là đám hỏi.

Rồi đó định ngày cưới, ấy là phần việc của bên trai. Như hai bên sui trai và gái đồng thuận ngày cưới, thời hai bên phải đến thánh thất sở tại của mình dựng có khai trước 15 ngày cưới, đó là về phần đạo. Còn về phần đời, hai bên sui gia cũng phải trình với \*chánh lục bộ ở làng sở tại dựng dán \*yết thị trước 8 ngày, hầu sau có làm hôn thú chiếu theo luật hộ.

Đến ngày cưới, bên trai đi rước dâu, họ hàng đến rồi, bên gái cho nàng dâu ra làm lễ trước Thiên Bàn, có mặt cha mẹ chồng và cha mẹ ruột chúng, rồi đọc bài kinh sau đây:

Số 3. Bài kinh \*vu qui

Đầu cúi lạy Thiên Hoàng Thượng Đế  
Chúng cho con làm lễ vu qui

Đến nay trọn đạo \*xương tuyền  
Ngày nay đời gót kịp đi theo chồng  
Xin Thượng Đế rộng lòng thương trẻ  
Chúng \*ấu nhi mạnh khỏe đến già  
Con xin làm lễ ông bà  
Cùng cha với mẹ, ruột rà, anh em  
Ởn cha mẹ ngày đêm \*hoạn dưỡng  
Nghĩa chưa đền, trọng hưởng từng phu <sup>(3)</sup>  
Gởi cha cùng mẹ nghìn thu  
Bốn mùa hoạn dưỡng công phu lo đền  
Phận \*bồ liễu đã yên \*xuất giá  
Lạy trưởng huynh lượng cả yên lòng  
Ra đi, giọt lụy [lệ] nhỏ rờng  
Thắm cho phận gái: bưởi, \*bòng, khế, chanh  
Đầu cúi lạy sanh thành đôi lạy  
Lễ già từ đáp ngãi [nghĩa] mẹ cha  
Nay con đời gót đi xa  
Xứ người lạ cảnh, lạ nhà từ đây.

Khi đưa [con] gái làm lễ rồi chàng rể vô đứng trước Thiên Bàn phía bên tay mặt, ngang nàng dâu, rồi đồng nhi đọc bài kinh sau đây:

Số 4. Bài kinh trình Đại Từ Phụ

Đầu cúi lạy Ngọc Hoàng Thượng Đế  
Cầu hôm nay thành lễ hôn non  
Cho con \*Tần Tần nhưt môn  
[...] <sup>(4)</sup> \*lưỡng tánh thành hôn hiệp hòa

<sup>(3)</sup> Nho giáo có quan niệm \*tam tông (tùng). Câu kinh trên ý nói phận con gái chưa đền đáp công nuôi dưỡng của cha mẹ thì đã đi lấy chồng, phục vụ cho chồng.

<sup>(4)</sup> Điền họ bên đàng trai và họ bên đàng gái (thí dụ: Nguyễn, Trần)

Xin Tam Trấn ân ra bổ đức  
Chúng trẻ nay sánh bực \*phu thê  
Cang tam, thường ngũ là đề <sup>(5)</sup>  
Tùng tam, đức tứ gom về nhứt tâm <sup>(6)</sup>  
Nghĩa chồng vợ cao thâm bốn biển  
Noi gương xưa \*u hiển âm dương <sup>(7)</sup>  
Cùng nhau sanh hóa trăm đường  
Ngàn năm chẳng dứt lửa hương \*tông đàng <sup>(8)</sup>  
Giữ \*kế nghiệp \*tu trang thánh đức  
Gìn phong thuần cách thức nhà Nam <sup>(9)</sup>  
Bền còn gương tốt công tham <sup>(10)</sup>  
Thành ngày quốc thói đạo tâm lưu truyền.

Làm lễ trước Thiên Bàn rồi, đồng nhau qua bên bàn thờ  
ông bà làm lễ cáo từ tổ trước khi hai vợ chồng về bên [đàng]  
trai.

### Số 5. Bài kinh cáo từ tổ

Nguyện thất tổ cửu huyền chứng chiếu  
Cho cháu con trọn điệu phu thê

---

vào chỗ đánh dấu [...].

<sup>(5)</sup> Chủ đề là *tam cang* (*cương*) và *ngũ thường*.

<sup>(6)</sup> Ý câu này là một lòng giữ *tam tùng* và *tứ đức*. Bản 1939 in “Tùng tam, tứ đức” thì không hợp cách. Nay đảo lại là *tùng tam, đức tứ*.

<sup>(7)</sup> Cõi âm thì u tối, cõi dương thì hiển hiện rõ ràng. Câu này và câu trên ý nói: Dù chết hay sống thì vẫn noi gương người xưa mà giữ vẹn tình nghĩa vợ chồng.

<sup>(8)</sup> Câu này ý nói luôn sinh con trai nối dõi để ngàn năm không dứt nhang khói trong nhà thờ của dòng họ. (Người ta thường nói gọn là *nối dõi tông đường*.)

<sup>(9)</sup> Giữ gìn phong thuần mỹ tục theo cách thức của người Việt Nam.

<sup>(10)</sup> *Công tham* có lẽ là tham công tiếc việc, ý nói người vợ siêng năng.

Thành hôn đôi họ \*đề huê  
Lễ trình đạm bạc phu thê hiệp vậy  
Ân đức cả ban đầy cho trẻ  
Lòng chung lo vẹn về \*luân thường  
Cầu trên rưới chút lửa hương  
Ở ăn hòa thuận trọn phương vợ chồng  
Gái tứ đức tam tông noi giữ  
Trai cang tam thường ngũ <sup>(11)</sup> hằng gìn  
Cúi xin thất tổ cửu huyền  
Chứng minh hai họ \*bá niên song toàn

Khi rước nàng dâu về đến nhà rồi, bên trai phải làm lễ như  
vậy:

Đồng đứng trước Thiên Bàn, lập ban cho nghiêm trang và  
có trật tự, lên đèn xong rồi, lựa một chút sắc tuổi tác và đạo  
đức đốt hương rồi quì trước đặng chứng cuộc \*hôn phối.

Hai sui gia cùng hai vợ chồng mới đồng quì, nam tả, nữ  
hữu, còn đạo hữu hầu hai bên.

Rồi đó, ông đạo đức chứng cuộc hôn phối nguyện như vậy:

“*Đệ tử \*dữ đồng chư đạo hữu quì tại điện tiền thành tâm*  
*\*khẩu bái Đại Từ Phụ quảng đại từ bi chứng chiếu cho vợ*  
*chồng (họ... tên... tuổi...) kết [kết] thành \*cang lệ, \*vĩnh*  
*hiệp tương phùng, sanh sanh hóa hóa, ngưỡng cầu \*Nguyệt*  
*Lão xe tợ, \*Nam Tào \*chấp chương, trăm năm gắn chặt vợ*  
*chồng sum vầy an lạc.”*

Khi nguyện rồi, lạy 12 lạy.

Rồi vợ chồng mới quì ngang hai bên ngó mặt nhau đồng  
lạy nhau hai lạy, bèn đọc bài kinh cầu hôn như sau đây:

---

<sup>(11)</sup> Bản 1939 in là *tam cang thường ngũ* thì không hợp cách. Nay đảo  
lại là *cang tam thường ngũ*.

### Số 6. Bài kinh cầu hôn

Mười hai lạy khẩn cầu Thượng Đế  
Chứng hai con làm lễ thành hôn  
Từ đây \**Tân Tân nhứt môn*  
Gắn dây \**cầm sắt* ôn tồn hòa hai  
Trên Thượng Đế phước dày rưới xuống  
Dưới hai con nhờ lượng \**hải hà*  
Cùng nhau \**kết tóc* đến già  
Vui câu \**tùy xướng* thuận hòa dưới trên  
Trai nguyện \**dốc giữ* bền nghĩa đạo  
Gái hăng lo trọn tiết thờ chồng  
Trăm năm thề giữ một lòng  
Ngọt bùi cay đắng cũng đồng sót chan  
Nguyên chẳng thấy giàu sang mà chuộng  
Nguyên chẳng xem hèn mọn mà \**vong*  
Ngày nay hòa hiệp vợ chồng  
Nhờ ơn Tạo Hóa rộng lòng đoái thương  
Cầu xin nói chút lửa hương <sup>(12)</sup>  
Con con cháu cháu \**ngũ phương* vẹn toàn  
Nam mô Thượng Đế Ngọc Hoàng  
Chứng cho hai trẻ vầy đoàn hiệp duyên.

Rồi tiếp đó, đồng nhi hay là đạo hữu đọc bài kinh sám hôn cầu, đọc giọng hơi xuân, đọc hết bài, đồng cả thầy lạy 12 lạy.

### Số 7. Bài kinh sám hôn cầu

Ôn Trời Đất âm dương khí hạp  
Đức hóa sanh rậm rạp cỏ cây  
Máy kiên khôn nhứt nguyệt vẫn xây  
Trợ thời tiết tháng ngày điều nhuận

<sup>(12)</sup> Cầu xin có con trai nói đôi để hương khói nơi từ đường.

Hơi nước lửa lầy lừng tiếp ứng  
Muôn vật đều cảm hứng thực yên  
Nam nữ thành \**giai ngẫu* nhơn duyên  
\**Tử tôn* đặng \**diên niên* \**thạnh phát*  
Vọng Phật Tổ Tây phương cực lạc  
\**Ngưỡng* tám vì bỏ tất từ bi  
Nguyện tơ hồng \**Nguyệt Lão* chứng tri  
\**Thừa* oai Phật, \**tổng trì* <sup>(13)</sup> giải thoát  
Giúp hai họ hòa hai \**kiết phát*  
Thành \**thất gia* hiệp tác \**xướng tùy*  
Cầu trăm năm \**tường triệu* \**hùng bi*  
Con cháu đặng \**vĩnh thùy phước* khánh  
Mong bỏ tất phá tà lập chánh  
Độ tử sanh bá tánh \**khương ninh*.

Nguyệt Lão

Khi làm lễ hôn phối rồi, đọc tiếp mấy bài kinh sau đây: 1. Bài kinh làm lễ tơ hồng, 2. Bài kinh làm lễ ông bà, 3. Bài kinh làm lễ cha mẹ.

### Số 8. Bài kinh làm lễ tơ hồng

Đầu cúi lạy \**tơ hồng* \**Nguyệt Lão*  
Chứng hai con *trọn đạo* <sup>(14)</sup> từ đây  
Nhờ ơn \**kết tóc* \**xe dây*  
Trăm năm tình nghĩa \**niềm tây* mặn nồng  
Xui cho trẻ \**chữ đồng* *đừng lạc* <sup>(15)</sup>  
Ở cùng nhau đầu bạc trọn tình  
Giàu nghèo cũng chẳng bất bình  
Nhớ con \**tắm mắt* phải gìn cháo rau <sup>(16)</sup>

<sup>(13)</sup> Bản 1939 in là *tổng trì*. Nay sửa là *tổng trì* 總持.

<sup>(14)</sup> Trọn đạo vợ chồng.

<sup>(15)</sup> Đừng sai lạc chữ *đồng* 同 (hòa đồng), tức là đừng bất hòa.

Đừng thấy \*khó chia \*bâu \*nêm túy  
Gặp ai giàu quên mấy lời thề<sup>(17)</sup>  
Ngày nay \*gây nghĩa phu thê  
Thủy chung như nhứt chớ hề lãng xao  
Xin quân tử dòi trau \*năm mới  
Chớ phụ tình mà lỗi \*tao khang  
Khá \*tua ghi dạ đá vàng  
Đừng mê son phấn phụ phàng muối dưa<sup>(18)</sup>  
\*Nhành dâu xé, sớm, trưa cũng vậy<sup>(19)</sup>  
Tiếng ngọt ngào chớ thấy mà ham  
Hai con thề giữa Ngọc Hoàng  
Ai mà lỗi đạo đá vàng \*tam cang  
Búa nhứt nguyệt gương vàng Tạo Hóa  
Xin lượng trên chúng trẻ thề nguyên  
Câu xin rề thảo dâu hiền  
Vái Trời hai họ vững bền muôn năm.

### Số 9. Bài kinh làm lễ ông bà

Trên thất tổ cửu huyền duy đở  
Dưới cháu con làm lễ duyên thành  
Cầu xin tròn \*nợ ba sanh  
Thuận hòa trên dưới duyên lành trăm năm  
Nay vậy cuộc \*sắt cầm lưỡng tánh  
Nghĩa nhơn duyên so sánh người xưa  
\*Đạo hằng hãm hút sớm trưa  
\*Tam cang giữ vẹn muối dưa chẳng sòn<sup>(20)</sup>

<sup>(16)</sup> Ý câu này: Nhớ ân tình cưới nhau lúc nghèo, và giữ gìn tình nghĩa vợ chồng từ thuở nghèo rau cháo.

<sup>(17)</sup> Lời thề thủy chung giữa trai gái.

<sup>(18)</sup> Chớ thấy gái đẹp son phấn hào nhoáng mà phụ bạc, ruồng rẫy vợ nghèo, chất phác.

<sup>(19)</sup> Đã là chuyện dâm ô thì giờ giấc nào cũng là sai quấy.

Tình \*phu phụ \*keo sơn gắn chặt  
Nghĩa phu thê như bắc \*kiều ô<sup>(21)</sup>  
\*Gia đàng sửa dựng qui mô  
Ông bà cha mẹ cậu cô \*yêu vì  
Trước \*huong án bái quì cầu khẩn  
Xin \*tiên linh cảm ứng thương lòng  
Khiến cho đôi trẻ mặn nồng  
Noi gương \*tơ nguyệt \*đạo đồng trăm năm.

Số 10. Bài kinh làm lễ cha mẹ

Cha con đứng giữa \*tam cang  
Đạo làm cha mẹ dạy đàn trẻ thơ  
Đừng cho \*hoang đảng bạc cờ  
Mong thương nghề nghiệp, thi thơ, học hành  
Cung hư thì uổng công sanh  
Dạy nên là việc tu hành với con  
Làm con chữ hiếu vuông tròn  
Một lo thi đỗ \*tông môn rờ ràng  
Hai lo \*thần tình mộ khang  
Giàu ra công khó, nghèo càng dưỡng nuôi  
Kính thờ cha mẹ đồng vui  
Hết lòng hết sức lo nuôi lo đền  
Thân mình cha mẹ gầy nên  
Giữ cho toàn vẹn như đèn \*cù lao

<sup>(20)</sup> Giữ vẹn tam cương, dù nghèo cũng chẳng sòn lòng mà thay đổi.

<sup>(21)</sup> Câu này có lẽ ngụ ý: Tình nghĩa vợ chồng dù phải xa cách thì ít nhất cũng phải cố gắng gặp nhau mỗi năm một lần.

<sup>(22)</sup> Đèn cù lao: Đèn đáp công ơn cha mẹ vất vả nuôi dạy con khôn lớn. Ý hai câu chót: Giữ gìn thân thể cho lành lặn đó cũng là báo hiếu cha mẹ. Ý này lấy trong *Hiếu Kinh*: *Thân thể phát phu, thụ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương, hiếu chí thủy dã. Lập thân hành đạo, dương danh u hậu thế, dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi chung dã.* 身體髮膚,

Tới đây là xong các lễ đám cưới, như chưa tới giờ nhập phòng thì hai vợ chồng ở ngoài đợi cho tới giờ nhập phòng, sẽ cùng nhau đề huê dặt nhau vô phòng.

---

受之父母,不敢毀傷,孝之始也,立身行道,揚名於世,以顯父母,孝之終也。(Thân thể da tóc nhận lãnh từ mẹ cha, không dám hủy hoại tổn thương, đó là khởi đầu của đạo hiếu. Lập thân hành đạo, nêu danh hậu thế, đề rạng rỡ mẹ cha, đó là cuối cùng của đạo hiếu.)

Di thể của cha mẹ có ở nơi con, nên con hiếu phải giữ gìn toàn vẹn cho đến chết, phải làm cho thân thể bất hủ, và chớ làm bản thân mang nhục. Cha mẹ sinh con lành lặn, con phải giữ thân thể lành lặn cho đến khi chết; đó mới là hiếu.

*Luận Ngữ* chép: *Tăng Tử hữu tật, triệu môn đệ tử viết: Khai dư tíc, khai dư thủ. Thi vân: ‘Chiến chiến cãng cãng như lâm thâm uyên, như lý bạc băng.’ Nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phù, tiểu tử. 曾子有疾,召門弟子曰啓予足,啓予手.詩云戰戰兢兢如臨深淵,如履薄冰而今而後,吾知免夫,小子.)* “Tăng Tử bệnh nặng, gọi môn đệ đến, nói: ‘Giờ chân ta ra xem, giờ tay ta ra xem.’ Kinh Thi nói: Phải nom nớp lo sợ như đi xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng.’ Từ nay ta biết mình tránh được tội để thân thể bị hủy thương đó các trò.”

Tăng Tử mừng vì đã giữ thân thể lành lặn cho đến khi chết. Tuy nhiên, nếu chỉ giữ cho thân lành lặn cho đến lúc chết mà cái sinh mệnh của cha mẹ không được kế tục ở con cháu thì cũng là bất hiếu.

Mạnh Tử nói “vô hậu” 無後 (không con nối dõi) là đại bất hiếu, bởi vì nếu không con nối dõi, sự di truyền nòi giống vạn đời từ tổ tiên xuống đến đây là chấm dứt hoặc mất đi một chi. Cho nên giữ cho toàn vẹn thân thể chưa hẳn là trọn hiếu, mà tránh được tội vô hậu mới là chí hiếu vậy.

Đó là theo đạo lý nhà Nho. Theo lẽ giải thoát thượng thừa nhà Phật và Cao Đài thì không đặt ra vấn đề vô hậu, vì tu hành là cứu cứu huyền thất tổ, là chí hiếu rồi.

## MỤC LỤC LỄ NGHI CẦU BỊNH

### SỐ

1. Lời dẫn về cầu bịnh
2. Cách cầu bịnh
3. Bài kinh cầu bịnh
4. Bài kinh đuổi tà quái
5. Bài kinh cầu cho mình lành bịnh
6. Bài kinh cầu cho con lành bịnh

#### Số 1. Lời dẫn về cầu bịnh

Tục ta thường nói: “Đói ăn rau, đau uống thuốc” rất là nhầm lý mà cũng là chơn lý nữa. Trong đạo hữu hễ có bịnh, cần phải rước *\*luong y* điều trị, thuốc thang điều dưỡng. Con người thường hay nhiễm tiết khí, *\*cảm mạo phong sương*, *\*hàn thử thương thực*, là tại mình không biết điều dưỡng theo phép vệ sanh, nên phải lâm bịnh hoạn, đau ốm.

Vậy thì trong trần thế, *\*hữu hình bất năng vô bịnh, hữu trát hữu tà, hữu trát tà tất hữu y dược*, cho nên mỗi nhứt nhứt đều có lương y, trăm bịnh đều có thầy thuốc liệu dùng. Ấy vậy, đạo hữu nào có bịnh phải liệu lấy, định lấy, chớ nên làm nhọc thánh ý. Chớ phải mỗi khi đau ốm, nhứt đầu nóng lạnh, thân thể bất an, rồi thì cầu Phật, Tiên, Thánh, Thần, cùng là Đại Từ Phụ, làm nhọc lòng các đấng thiêng liêng lắm vậy.

Nếu cả hoàn cầu đều đến xin thuốc, cầu bịnh, thì có ngày giờ nào cho Đại Từ Phụ và Phật, Tiên, Thánh, Thần rảnh mà dạy đạo đặng cứu vớt nhơn sanh.

Chư đạo hữu phải xét mà thương Đại Từ Phụ là một vì Đại La Thiên Đế Thái Cực Thánh Hoàng thống ngự vạn vật, chớ phải là bực bề cho chúng ta mỗi khi có việc chi nhỏ

mọn mà cầu, mà hỏi.

Đại Từ Phụ thấy chúng sanh sa nơi biển khổ, hết dạ quảng đại từ bi giáng trần khai Đạo đặng có cứu vớt sanh linh cho trở về cựu vị, chớ chẳng phải khai Đạo đặng trị bệnh, làm thuốc, hay là giúp cho người tranh danh đoạt lợi.

Luôn đây tôi có một đôi lời khuyên nhủ trong chư đạo hữu phải nghĩ cho cùng, xét cho tận, đặng làm cho nhằm bốn phận, cho hạp phải người đạo đức tu hành, hết lòng chiêm ngưỡng Đại Từ Phụ, đặng sau chúng ta có nhờ chút ơn lành ban xuống cho chúng ta.

Chư đạo hữu cũng không nên tin dị đoan như là tà ma, quỉ quái, không nên quên rũ binh ma, tướng quỉ, thầy pháp, thầy \*phù giả mạo gạt gẫm người cho mê muội rồi xa đường đạo đức; bày đặt sát sanh, kêu binh khiển tướng. Đó đều là giả dối, không nên tin, không nên làm.

Có một điều cần yếu này là như bệnh đau mà uống thuốc không mạnh, đau trầm trọng, nhan sắc khác thường, trong nhà muốn cầu bệnh thì nên coi theo cách sau đây:

### Số 2. Cách cầu bệnh

Muốn cầu bệnh, nên đến thánh thất sở tại của mình mà xin cùng chư chức sắc, hay là cầu tại nhà mình, thì cũng phải tỏ cho một chức sắc hay.

Khi đạo hữu tề tựu đủ, nhứt là lựa những người trưởng trai đặng thiết đàn, hương, đăng, trà, quả, hết lòng thành kính, tịnh cúng Đại Từ Phụ theo tứ thời, rồi thượng sớ cầu bệnh, đốt sớ rồi ông quì giữa phải nguyện như vậy:

*“Đệ tử [họ tên chức sắc] hiệp chư đạo hữu quì tại điện tiền, thành tâm trình tâu Đại Từ Phụ quảng đại từ bi xá tội cho tên [họ tên, tuổi của người bệnh] tật bệnh tiêu trừ, giải*

*nguy khổ ách.”*

Rồi lay 12 lay, kế tụng tiếp kinh cầu bệnh. Tụng chậm chậm cho đủ ba lần tới tên người bệnh thì tụng cho rõ ràng.

Còn người bệnh phải tin tưởng Đại Từ Phụ mới có đủ huyền diệu, bệnh mới thấy mạnh đặng, nếu người bệnh không đủ đức tin, thì cầu không ích chi, nên nhớ cho lắm.

Khi tụng đủ ba lần, ông quì giữa đứng dậy, lấy hai chén nước âm dương cúng đó đồ chung lại vô chén khác, rồi đưa ngay trên trán, quì xuống vái như vậy:

*“Đệ tử đồng thành tâm khấu bái Đại Từ Phụ quảng đại từ bi thương xót chúng sanh nơi miền khổ hải, hóa dục nhứt điểm huyền diệu cứu đệ tử [họ tên] tật bệnh tiêu trừ, khỏi vòng bệnh chướng.”*

Rồi đó, bưng chén nước cho người bệnh uống.

Cầu bệnh cho đủ ba ngày ba đêm, nghĩa là 12 thời, mỗi lần cầu đều phải có sớ (kiểu sớ này hãy xem nơi mục sớ). Mỗi lần cúng và cầu cũng thỉnh nước âm dương cho người bệnh uống.

### Số 3. Bài kinh cầu bệnh

Trên Ngọc Đé mắt thần soi khắp  
Trí công minh sửa phạt phạm gian  
Tên ... phạm tội mắc nần  
Họ ... căn bệnh rên than muôn phần  
Nguyễn Thượng Đé oai thần \*té độ  
Lòng xót thương ủng hộ phước tăng  
\*Dung cho \*thuyên giảm bệnh căn  
Chúng sanh rõ biết ăn năn làm lành  
Cầu thần thánh \*háo sanh \*bổ đức  
Giúp chúng tôi gắng sức trợ đời  
Có lòng tin tưởng Phật Trời

Cứu an thân thể thành thoi linh hồn  
Xui kẻ bịnh \**tâm tôn nhĩn nại*  
Bên chặt gìn chẳng hoại lòng thiêng [thành]  
Bịnh nhờn đặng mãi \**tai khiên*  
Chịu điều khổ não chẳng phiền chẳng than  
Phải khó nhọc đền bồi vận hạn  
Kiết quả rồi mới hân phép công.<sup>(1)</sup>

Văn Xương Đế Quân

Kể đó đọc tiếp bài kinh sau đây cho đủ phép:

Số 4. Bài kinh đuổi tà quái

Đầu cúi lạy \**cửu thiên* Chúa Cả  
Hiển oai linh giải họa cứu nàn  
Cầu xin phép nhiệm trợ an  
Những loài tà mị đuổi tan \**khí hình*  
Ngừa nhờ thất tổ u minh  
Độ người qua khỏi linh đình tai nàn  
Lòng Trời Phật cứu an muôn vật  
Cũng tại người \**âm chất* còn non  
Trăm năm sông cạn đá mòn  
Nghiệt oan đầu cái hời [hãy] còn lâm ly  
Xét ra cũng có căn kỳ  
Quỉ ma nào dám thị phi lãng loạn  
Nay xét kỹ chẳng còn oan trái  
Ta xin khuyên điều phải điều lành  
Chủ gia lòng đã chí thành  
Nợ căn Trời đã đành rành định phân  
Oan gia tội báo diệt lần  
Nghiệt tai người cũng đã gần giảm suy  
Cùng ai xin tỏ lời này

<sup>(1)</sup> Kết quả rồi mới biết rõ luật công bình của Tạo Hóa.

Hãy mau ra khỏi từ rày chớ câm  
Hành người tướng cũng quá lâm  
Đường ngay nẻo cả biết cầm đặng chẳng  
Từ đây xin chớ cản ngăn  
Đề người căn bịnh mười phân giảm mười  
Cùng ai ta có mấy lời  
Chẳng nghe ắt phải đọa nơi khổ hình  
Hãy mau sửa tánh anh linh  
Độ người \**tế thế* tự mình cao thăng.

Quan Thế Âm Bồ Tát

Số 5. Bài kinh cầu cho mình lành bịnh

Trên Ngọc Đế chánh minh xử phán  
Hình bịnh tôi rất đáng vô hồi  
Phép công thường phạt đền bồi  
Trả cho xong tội mới rồi \**tai khiên*  
Ân \**hóa dục* linh thiêng chiếu giám  
Đức từ bi \**thứ giảm bịnh căn*  
Nếu như tôi rất dữ dần  
Phạt thêm đau đớn nhọc nhằn cũng cam  
Tĩnh ngộ rõ luật Trời linh cảm  
\**Khổ hình vương* đâu dám thờ than  
Bịnh căn biết đặng tội mang  
Tôi nguyện sửa lỗi \**thệ đoan* làm lành.

Văn Xương Đế Quân

Số 6. Bài kinh cầu cho con lành bịnh

Trên Thượng Đế đấng công bình  
Dưới trần có nạn cầu xin ơn lành  
Trẻ thơ \**lâm tật biến* <sup>(2)</sup> sanh

<sup>(2)</sup> Bản 1939 in là *biếng sanh*. (*Biến sanh*: Sinh biến, nguy hiểm.)



Ngưỡng trông đức cả độ lành bịnh căn  
 Nguyện xin cho *\*trẻ thơ măng\**  
 Thánh thần ủng hộ phước tăng họa lia  
 Hết lòng khẩn nguyện sớm khuya  
 Phận làm cha mẹ ước chia khổ nài<sup>(3)</sup>  
 Ôn Trên xin nhậm lời than  
 Cho *\*thuyên bịnh trẻ\**, cho an tinh thần  
 Chí Tôn<sup>(4)</sup> rưới khắp *\*mưa ân\**  
 Khẩn cầu cho trẻ mạnh lằn như xưa  
 Mai sau việc dữ biết chừa  
 Mở lòng trẻ đại hiếu ưa điều lành  
 Nén hương *\*xung thâu\** cung xanh  
 Kinh cầu liền đọc ơn lành liền ban  
 Thành tâm Trời chứng rõ ràng  
 Con người thiện nguyện mọi đàng vẹn xong.

Lữ Tổ

<sup>(3)</sup> Cha mẹ ước mong gánh thay bệnh cho con.

<sup>(4)</sup> Bản 1939 in là *Đấng Chí Tôn*. Nay bớt chữ *Đấng* để đúng câu sáu chữ theo thơ lục bát.

## MỤC LỤC CÁC LỄ TANG SỰ

### SỐ

1. Lễ xưng tội, 1 bài kinh
2. Lễ cầu hồn, 1 bài chú, 1 bài kinh
3. Lễ đưa linh hồn, 2 bài kinh
4. Lễ tẩy trần thi, 1 bài chú, 1 bài kinh
5. Lễ sơ chung thông sự, 1 bài kinh
6. Lễ tẩn liệm,  
 1 bài kinh nhập mạch, 1 bài chú Phổ Am, 1 bài chú
7. Lễ khai sơn
8. Lễ thành phục trước Thiên Bàn
9. Lễ cáo tử tổ thọ tang, 3 bài kinh
10. Lễ thành phục và phát tang, 7 bài kinh và 1 câu chú
11. Lễ đạo hữu điều tang, 3 bài kinh
12. Lễ cúng ông bà, 2 bài kinh
13. Lễ cúng vong, 9 bài kinh
14. Lễ thiết đàn cúng Đại Từ Phụ và cầu siêu, 3 bài kinh
15. Lễ cáo đạo lộ, 3 bài kinh
16. Lễ cáo thủy thần, 2 bài kinh
17. Cách sắp đặt thứ tự nhà vàng ở ngoài đường
18. Lễ bồng minh sanh hiển Thiên Bàn và cáo tử đường,  
 4 bài kinh
19. Lễ động quan phát hành,  
 1 bài chú, 2 bài kinh, 1 bài chú, 3 bài kinh đưa linh cữu
20. Bài kinh đưa linh cữu (thứ nhứt)
21. Lễ tế đồ trung
22. Lễ cáo Hậu Thổ, 2 bài kinh
23. Lễ từ Hậu Thổ, 2 bài kinh
24. Lễ dẫn vong, 2 bài kinh
25. Lễ cúng thượng sở an vị, 1 bài kinh
26. Lễ phản khóc, 2 bài kinh

27. Lễ cúng vong an vị, 6 bài kinh  
 28. Lễ của vợ hay chồng cúng vong, 1 bài kinh  
 29. Lễ khai mộ, 1 bài kinh

### Số 1. Lễ xưng tội

Hễ phạm làm người ở cõi tạm này, mỗi người đều có số phần tiền định, nên khi cầu bệnh không đặng thuyên giảm, cùng lương y \*vô phương, lại đau càng nhiều, thế phải chết, thì trong nhà phải lo, và trong đạo hữu khi hay tin phải tề tựu đặng có làm lễ xưng tội cho người đau gần chết đó.

Lễ này, khi người đau đã gần qui liễu, chưa tắt hơi cứ rên la hoài, ấy là người ấy còn bị oan nghiệt chi đó, nên đạo hữu và người trong nhà phải lên nhang đèn trên Thiên Bàn đồng quì trước điện, rồi một người đạo đức trưởng trai quì chính giữa nguyện như vậy:

“Đệ tử đồng thành tâm khấu bái Đại Từ Phụ quảng đại từ bi thương xót chúng sanh nơi miền khổ hải hóa dục nhưt điểm huyền diệu cứu an đệ tử [họ ... tên ...] tiêu trừ bệnh hoạn, hoặc khí số mẫn căn xin cầu cho an thân phận.”

Rồi lạy 12 lạy, tiếp đọc bài sau đây:

Bài kinh làm lễ xin [xưng?] tội

Trên Ngọc Đế Chí Tôn xử đoán

Định niên phần ngày tháng mẫn căn

Phép công thưởng phạt đền bồi

Trả cho xong tội, dứt rồi trái oan

Ơn hóa dục linh thiêng chiếu giám

Đức từ bi tội giảm phước tăng

Ngày nay \*viên số mẫn căn

Linh hồn theo chốn siêu thăng \*non Bồng

Cầu cho lánh khỏi trần hồng <sup>(1)</sup>

Nương theo cõi Phật, \*chín từng liên hoa.

Đọc 3 lần, rồi lui đèn và \*xử màn.

### Số 2. Lễ cầu hồn

Khi làm lễ xưng tội rồi, người bệnh đã gần chết, mạch đã tuyệt, một ông đạo đức tay cầm một cây đèn cây hay là đèn sáp đưa ngay mặt người đã sắp qui liễu đó, rồi đồng nhi hay đạo hữu sắp hàng đứng hai bên người bệnh, rồi mỗi người cầm một cây đèn cây hay là đèn sáp đặng có đọc mấy bài kinh sau đây.

Ông đạo đức cầm đèn để ngay mặt người bệnh đó, đọc bài này trước, rồi đồng nhi hay là đạo hữu sẽ đọc tiếp mấy bài sau đây.

Ông đạo đức đọc như vậy:

Chú

Nam mô Bát Bộ Hộ Pháp tẩy trừ \*ngạ quỷ chi lộ. Nam mô Thập Điện Từ Vương thường hành bình đẳng. Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát tiếp dẫn vong hồn \*tảo đặc siêu thăng bất nhập địa phủ chi u quang, tận độ chúng sanh \*bất vãng u minh chi giải cảnh. Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Đọc 3 lần như vậy, rồi đồng nhi hay là đạo hữu đọc 2 bài kinh sau đây:

Bài kinh cầu hồn

Nguyễn Ngọc Đế Huyền Khung tế độ

Câu Tây Phương Phật Tổ từ bi

<sup>(1)</sup> Bản 1939 in là hồng trần. Nay sửa là trần hồng cho hợp vận.

Đức Ông Thái Thượng giải nguy  
Cứu người bệnh ngặt gặp khi tai nạn  
Khỏi hành xác, nhẹ nhàng thân thể  
Lúc \*lâm chung mau dễ \*xuất thân  
Nương mây lìa chốn hồng trần  
Trở về \*cõi thọ hưởng phần \*tiêu diêu  
Vọng Địa Tạng \*độ siêu \*đọa lạc  
Cầu \*Âm Tào Đông Nhạc \*giảm hình  
Giác linh tỉnh ngộ \*tiền trình  
Bớt cơn mê muội gạt mình trở trần  
Mong Tam Giáo bủa giăng ân đức  
Trợ vong hồn thêm sức thiêng liêng  
Tinh lòng nhớ Phật, tưởng Tiên  
Lánh nơi khổ não tìm miền thiên thai  
Kìa trước mắt \*kim đài cửa Phật  
Rước những người thành thật thiện lương  
\*Phước Thân cảm phước dẫn đường  
Khá mau theo dõi Tây phương kịp giờ.

*Phổ Hiền Bồ Tát*

### Số 3. Lễ đưa linh hồn

Khi người bệnh đã \*tuyệt khí rồi, đồng nhi hay là đạo hữu cũng cứ đứng chỗ cũ, rồi ông đạo đức tay trái cầm đèn, tay mặt cầm bông gòn để ngay lỗ mũi của người bệnh coi thiệt dứt hơi thở, bông gòn không động, khi coi kỹ như vậy, kế cầm đèn đưa ngay mặt người bệnh cho con mắt ngó theo, rồi nhẹ đem cây đèn cặm nơi chơn đèn trên đầu năm, ấy gọi là *cây đèn vĩa*, đèn này có tắt phải đốt tiếp.

Ông đạo đức khi khám nghiệm rồi, đọc bài này, cùng đồng nhi đồng đọc:

Bài kinh đưa linh hồn (thứ nhất)

\**Linh quang* lìa khỏi chốn trần gian  
Cúi lạy Di Đà Phật cứu nàn  
Tiếp dẫn linh hồn về \**tịnh độ*  
Dắt dìu phách quế lại Tây phang  
Độ người ám muội sa âm cảnh  
Rước kẻ \**luong từ* đến niết bàn  
\**Bốn tám nguyện xưa* ân đức cả  
Hộ trì \**u hiển* đặng thân an.

*Cù Lưu Tôn*

Bài kinh đưa linh hồn (thứ nhì)

Lòng thành kính môn sanh \**khẩu bái*  
Nhờ Ôn Trên \**hà hải độ* nàn  
Nam mô Thượng Đế Ngọc Hoàng  
Nam mô Phật Tô Tây phang chứng lòng  
Mong Thái Thượng Đức Ông độ dẫn  
Cầu Kim Tinh đoái phận ngu phàm  
Nam mô Nam Hải Quan Âm  
Từ bi cứu khổ ân thâm muôn đời  
Quan Thánh Đế lẫm lời khuyên dạy  
Khuyên làm lành nhơn ngãi [nghĩa] vẹn toàn  
Nam mô chư Phật, chư Tôn  
Cứu người trần khổ đương cơn mê mờ  
Nguyên xác khỏi hành hà khổ cực  
Cầu \**lâm chung* hồn xuất dễ dàng  
Từ đây lìa khỏi trần gian  
Nương mây theo gió nhẹ nhàng phi thăng  
Mãn kiếp đọa \**trảm luân* \**khô hải*  
Nơi ngôi xưa trở lại \**tiêu diêu*  
Mong ơn Địa Tạng \**độ siêu*

\**Âm Tào* Đông Nhạc giảm tiêu tội hình  
Kìa Bạch Ngọc rộng thính cửa mở  
Chờ rước người sạch nợ luân hồi  
Cầu xin hồn nặng nhẹ khơi  
Phước thân theo dõi đến nơi Phật đường.

Đọc 2 bài kinh này rồi, cả thầy gia quyến tề tựu lại trước  
lạy đưa linh hồn, rồi kể làm lễ \**tẩy trần thi*.

#### Số 4. Lễ tẩy trần thi

Trước khi người bệnh gần qui liễu, biểu trong gia quyến  
kiểm các thứ bông thơm nấu nước chùng một bồn để sẵn. Đến  
lễ này, một ông đạo đức đọc bài chú sau đây, miệng đọc, tay  
cầm bông chắm nước rảy cùng cả mình người chết.

Làm lễ này rồi, biểu người trong nhà tắm gội cho kẻ chết,  
rồi bận quần áo sạch sẽ đắp đậy lại cho kín.

Ông đạo đức đọc như vậy:

Chú

\**Thử* thời tịnh tẩy trần ai.

\**Phước lộc* hữu trùng lai.

\**Hồn du tiên* cảnh.

\**Thế tục* bất hoại.

\**Trực vãng* thiên thai.

*Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.*

\**Tiếp dẫn* Phật đài.

\**Tiêu diêu* khoái lạc.

\**Tận khử* trần ai.

\**Táo đắc* siêu thăng tịnh độ.

*Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát.*

*Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Rồi kể đó, đồng nhi đọc tiếp bài kinh sau đây:

Bài kinh tẩy trần thi

\**Trái oan* nay đã an bài

Linh hồn nương chốn Phật đài lo tu

Cũng nhờ một lúc công phu

Nay về ở chốn \**non Vu* hưởng nhàn

Hồn ra xác tục hân hoan

Nương theo câu kệ tầm đàn Phật phang [phương]

\**Lưỡng biên* Thổ Địa, Thành Hoàng

\**Khu tà* trục qui<sup>(2)</sup> dẹp đàn cho qua

Tới lui đôi bực tỳ bà

Nhớ chùng Tiên cảnh là nhà thuở xưa

\**Trảm luân* cuộc thế khuyển chừa

Huỳnh Đình tụng niệm, Phật đưa trở về

\**Tường vân* \**bạch hạc* giao kê

\**Son đầu* tòng bá cô huê [hoa] đượm nhuần

\**Tràng phan* \**bửu cái* tay nung [nâng]

Tây phương nương gió trông chùng ruổi giung [giông]

Có câu \**thiện nguyện* Thiên tòng

\**Trảm luân* lánh khỏi, thung dung Phật đàn.

*Cửu Thiên Huyền Nữ*

#### Số 5. Lễ sơ chung thông sự

Lễ này nghĩa là người có Đạo mới qui liễu, phải làm lễ này  
trình Đại Từ Phụ.

Theo tứ thời cúng tại Thiên Bàn rồi, kể dung sơ tục gọi là  
“sơ chung thông quan”, rồi tiếp theo đồng nhi đọc bài sau  
đây:

<sup>(2)</sup> Bản 1939 in là *khử tà*. Nay sửa là *khu tà*.

Bài kinh sơ chung thông sự

*\*Sơ chung* sự quì tâu trước bệ

Vọng Huyền Khung Thượng Đế giác tri

[Họ tên ...] *\*dĩ thoát trần thi*

Ngưỡng cầu Thượng Đế từ bi độ hồn

Người sống có dập dồn tội lỗi

Đã ăn năn sám hối *\*hồi đầu*

Tam Kỳ Thầy mở Đạo môn

Sắp mình vào cửa *\*thính cầu* kệ kinh

*\*Trần ân đức* rộng thính bủa khắp

Đại từ bi khuây lấp tội tình

Độ hồn sửa tánh anh linh

Về miền cực lạc, kệ kinh dưỡng nhàn

Mong Tam Giáo độ nàn cứu thế

Chứng môn sanh bày lễ khấn cầu

*\*Điện tiền* quì bái khải cầu

Cho hồn đắc quả chực châu Linh Tiêu

Hồn nhờ đặng *\*tiêu diêu* *\*tự tại*

Khỏi lộn quanh *\*khổ hải* trần gian

Bồng Lai, Tiên cảnh ở an

Bồ đề *\*diệu quả*, niết bàn tu thân.

Số 6. Lễ tấn liệm

Lễ này, trước khi sắp đồ tấn liệm trong quan tài như tục thường, dừng cho đầy quá mà khó đẩy nắp. Một ông đạo đức trường trai tay trái cầm đèn, tay mặt cầm ba cây nhang đứng ngay đầu người chết đọc bài kinh này, miệng đọc, tay cầm nhang, đọc đầu điểm đó.

Ông đạo đức đọc như vậy:

Bài kinh nhập mạch

Bé trừ phàm nhân không sắc tướng.

Phóng xuất huê quang lượng đường đường.

Thâu sự phù sanh vô thính sự.

Cao bộ Côn Lôn đánh thượng hành.

Quyền tọa thiết pháp kinh thiên địa.

Hồng danh biểu hiệu xuất trung dương.

Thoát xác hồn nhiên vô ma chướng.

Minh tâm kiến tánh phóng kim quang.

Thử chiếm thai vô phục nguơn thi.

Túc đạp liên ba [hoa] kiếu tổ nương.<sup>(3)</sup>

Khi đọc bài kinh này rồi, ông đạo đức ra tại chỗ để quan tài, cũng cầm nhang và đèn, rồi đọc bài chú Phổ Am, đọc cho rõ chữ, trong lòng vững vàng đừng cho lộn chữ mà mang tội.

Chú Phổ Am

*Thiên giả khai, địa giả khai, lão mẫu phát hạ, Phổ Am hạ thế lai, Phổ Am tam tổ chưởng phát quyền, thiên nhiên chư Phật, tỳ hậu lai, nhị thập tứ khí, án thiên địa, tỳ, ngọc, mọ, đậu, trấn càn khôn, thiên vô kỵ, địa vô kỵ, âm dương vô kỵ, bá vô cấm kỵ, Phổ Am tam đồ tại thử chư sát viễn tỳ.*

Đọc bài chú này rồi, đọc luôn bốn câu chú sau đây và [vừa] đọc và [vừa] họa bóng bằng nhang:

<sup>(3)</sup> Ý nghĩa bài kinh: Nhắm lại tướng sắc không của mắt phàm trần. / Đường đường phóng ra hào quang. / Thâu lại kiếp sống trời nổi tạm bợ và không nghe sự đời. / Bước đi lên đỉnh núi Côn Lôn. / Chỗ ngồi bày biện phép tắc làm kinh động trời đất. / Tên lớn cho thấy đã xuất ra từ dương. / Thoát ra khỏi xác, hồn không bị ma chướng. / Sáng lòng thấy tánh, phóng ra tia sáng vàng. / Ở đây chiếm lấy vô, trở về nguyên thủy. / Chân đạp lên hoa sen, gọi tên bà tổ.

Bài chú

*Nhứt điểm càn khôn đại.*

*Hoành trung nhứt nguyệt trường.*

*Phổ Am thân đáo thử.*

*Thần sát vãng tha phương.*

Lễ này phải dùng người thật có đạo đức trường trai làm cho y phép, thì có vẻ linh nghiệm, người không có đạo đức không nên lãnh làm lễ này.

Khi lễ này xong, kẻ để thầy vô quan tài rồi liệm lại và đập nắp làm theo xưa nay.

Số 7. Lễ khai sơn

Lễ này sắm hương, đăng, trà, quả, rồi ông đạo đức đi với tang quyến ra chỗ đào huyệt má, cúng rồi đọc số khai sơn, số này viết sẵn ở nhà, đem ra tại chỗ, cúng rồi đọc và đốt tại đó.

Số 8. Lễ thành phục trước Thiên Bàn

Lễ này phải thượng số trước Thiên Bàn. Khi cúng thời rồi đọc số, và những người thọ tang tỵ trước điện, quì đều đủ rồi, ông đạo đức cầm 5 cây nhang quì trước và nguyện như vậy:

*Nam mô Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn, Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chứng minh cho gia quyến của [họ tên] \*cư tang thọ chế dĩ báo thâm ân.*

Nguyện rồi, ông đạo đức đó cùng tang quyến lạy 12 lạy rồi đốt số.

Số 9. Lễ cáo tử tổ thọ tang

Khi cúng tại Thiên Bàn rồi và đốt số thành phục đã xong,

rồi phải sắm hai người tướng lễ bịt khăn đen bận áo rộng, sắm dọn hương, đăng, trà, quả, rượu để trên bàn thờ ông bà đang có làm lễ. Đầu đó cho có vẻ nghiêm trang và trật tự.

Lễ xướng:

*Hiếu tử tỵ vị.*

*Giai quị.*

*Phản hương.*

*Niệm hương.*<sup>(4)</sup>

Rồi kẻ đó ông đạo đức chứng đàn đọc bài kinh này:

Bài kinh niệm hương

Một dạ kính thành đốt nén hương

Kính mời thất tổ đáo từ đường

\**Tiên linh* nội ngoại cùng cô bác

Chứng thảo cháu con đến cõi dương.

Tiếp đó đồng nhi hay là đạo hữu đồng đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh cáo tử tổ thọ tang

Đầu cúi lạy \**tiên linh* chứng chiếu

Cho cháu con \**đái hiếu* cư tang

Tưởng tình cốt nhục khóc than

Noi theo \**cổ lệ* thọ tang đền bồi

Ơn dưỡng dục \**tam niên nhũ bộ*

Công nhọc nhằn chín tháng cuu mang

Tửu trà \**văn cáo* nghiêm trang

Ông bà cô bác chứng an lễ trình

Thảo ngay cho vẹn phận mình

<sup>(4)</sup> Ý nghĩa lời xướng: Con hiếu vào chỗ. / Cùng quì xuống. / Đốt nhang. / Đọc bài kinh đốt nhang.

Đạo làm con thảo đáp tình \*cù lao  
Tấm lòng hiếu tử đừng xao  
Sắt son để dạ không nao nhọc nhàn [nhẫn]  
Hương hoa kính cáo lòng thành  
Ông bà chứng chiếu lễ thành thọ tang.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Nhị bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tấu.*

*Hiển tấu.<sup>(5)</sup>*

Tiếp đó đồng nhi hay là đạo hữu đồng đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh cúng từ tổ

\**Nhơn sanh Thiên số chi kỳ*

Người sau kẻ trước \**đồng qui* một đàn

Mãn căn trở lại Tây phang

\**Tiêu diêu \*khoái lạc* tránh đàn \**mê tân*

Hôm nay người đã \**qui thân*

Là ngày rảnh nợ hồng trần du tiên

Cúi xin thất tổ cửu huyền

Thương lòng con thảo cháu hiền thọ tang

Quả huê [hoa] \**điện hiển \*linh sàng*

\**Tiên linh* chiếu cố \**tọa bàn* chứng minh

<sup>(5)</sup> Ý nghĩa lời xướng: *Thôi không mọp người nữa. / Hai lạ. / Thôi. / Qui. / Rớt rượu. / Dâng rượu.*

Lễ xin \**quải* hiếu cung trình

Có linh xin hưởng chút tình thảo thân.

*Vương Thiên Lão Tổ*

Số 10. Lễ thành phục và phát tang

Lễ này hành tại bàn vong là nơi phải dọn hương, đấng, trà, quả và cơm chay đặng cúng làm lễ phát tang.

Đồ tang phục biên tên mỗi người, sắp trên bàn trước bàn vong, đầu đó trang hoàng rồi, tang chủ tề tựu cho đủ đặng có lãnh đồ tang phục khi cúng rồi.

Lễ xướng:

*Tang chủ tỵ vị.*

*Qui.*

*Phân hương.*

*Niệm hương.*

Rồi ông đạo đức chứng đàn đọc bài sau đây:

Bài kinh niệm hương

Khói hương ngui ngút trước \**linh sàng*

Xông sạch hương hồn trước khí tan

Hơi âm đượm nhuần gom phách quế

Giác linh hưởng phước chôn thanh nhàn.

*Thái Ất Thiên Tôn*

Tiếp đó, đồng nhi hay là đạo hữu đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh thành phục phát tang

Noi theo gia lễ hiến dâng

Lòng thành rượu rót ba tuần mời khuyển

Giờ nay cõi hạc du tiên

Gia đàn quyền thuộc lòng thiêng [thành] \**quải tang*



Âm dương phân cách đôi đàng  
Kẻ còn người mất muôn ngàn lụy rơi  
Trăm năm trong cuộc đời đời  
*\*Thiếu quang vội giục người đời \*khôn toan*  
Khó phân trong *\*máý hành tàng*  
Bơ vơ chích nhận rẽ hàng kêu sương <sup>(6)</sup>  
Từ đây *\*thiên các nhứt phương*  
Âm dương *\*dị lộ* hai đường khó trông  
Linh hồn nguyện đến *\*non Bồng*  
*\*Tiêu diêu \*khoái lạc* thoát vòng trần ai  
*\*Tử sanh cổ vãng kim lai*  
Dương gian là cảnh, Tiên đài là quê  
Mãn căn đứng số lộn về  
Trả vay rảnh việc an bề tâm Tiên  
Lễ nghi kính bái *\*án tiền*  
Chứng minh gia quyến lòng thiêng [thành] thọ tang.

Thành Hoàng Bồn Cảnh

Lễ xướng:  
*Phủ phục hưng.*  
*Nhị bái.*  
*Hưng bình thân.*  
*Qui.*  
*Châm tửu.*  
*Hiển tửu.*

Biểu tang chủ bung ly rượu để ngang trán, làm như vậy cho đủ ba tuần rượu, tuần cơm, tuần trà. Rồi kè đó đồng nhi hay là đạo hữu tiếp đọc bài sau đây:

<sup>(6)</sup> Một con chim nhận lê bạn, lạc hàng, kêu trong sương.

Bài kinh dâng rượu (thứ nhứt)  
Rượu tuần nhứt châm đầy dung trước  
Nguyện hương hồn ả phước cho vui  
Xin chứng lòng con thảo ngậm ngùi  
Đau dạ trẻ sứt sùi giọt lụy  
Đơn sơ lễ trọn niềm chung thi  
Sự mất còn thờ ví cũng đồng  
Ba năm tang hiếu vẹn xong  
Chúc cầu thân phụ [thân mẫu] *\*non Bồng \*tiêu diêu.*

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*  
*Nhị bái.*  
*Hưng bình thân.*  
*Qui.*  
*Châm tửu.*  
*Hiển tửu.*

Rồi rượu tuần nhì, đọc tiếp bài sau đây:

Bài kinh dâng rượu (thứ nhì)  
Rượu tuần nhì rót đầy dung tiếp  
Con, rể, dâu đồng hiệp lạy qui  
Ơn sanh thành ơn ví cao dày  
Nghĩa dưỡng dục nghĩa tày lớn rộng  
Kìa chín chữ *\*cù lao* lộng lộng  
Nọ *\*mười ơn* dưỡng dục minh minh  
Biết chi bồi đáp *\*tiên linh*  
Tạm dùng *\*lễ bạc* chứng tình thảo ngay.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*  
*Nhị báí.*  
*Hưng bình thân.*  
*Qui.*  
*Châm tửu.*  
*Hiển tửu.*

Rồi rượu tuần ba, đọc tiếp bài sau đây:

Bài kinh dựng rượu (thứ ba)  
Rượu này lễ tuần ba xin rót  
Cúi lạy quì đôi giọt dầm sa  
Bấy \**tâm bào* gan ruột xót xa  
Đoạn cốt nhục chia ra hai ngã  
Dạy gia quyến \**thượng hòa hạ mục*  
Lễ mọn nậy nhứt nhứt sanh sô  
Chúc cầu khởi chốn \**Phong Đô*  
Được lên cõi Phật để hồ [hầu] nghe kinh.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*  
*Nhị báí.*  
*Hưng bình thân.*  
*Qui.*  
\**Tấn phạn.*

Dựng cơm rồi đọc tiếp bài sau đây:

Bài kinh tấn phạn  
Lễ tấn phạn chứng lòng ngay thảo  
\**Dưới gối* dựng trọn đạo làm con  
Công sanh thành báo bổ *chưa* <sup>(7)</sup> tròn

<sup>(7)</sup> Bản 1939 in là *cho* tròn. Nay sửa là *chưa* tròn.

Tình cốt nhục nước non khó sánh  
Nay cha [mẹ] đã cõi trần xa lánh  
Nơi \**gia đàng* hieu quạnh sớm khuya  
\**Vô thường* sao vội chia lìa  
Làm cho người thiện phải về \**Đế hương*.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*  
*Nhị báí.*  
*Hưng bình thân.*  
*Qui.*  
\**Điểm trà.*  
*Hiển trà.*

Khi dựng trà rồi, đọc tiếp bài sau đây:

Bài kinh dựng trà  
Trà bạch liên hơi lên thơm nức  
Xin tạm dùng lễ tất vừa xong  
Nguyễn linh hồn *phát hóa* <sup>(8)</sup> \**non Bông*  
Nương cõi Phật tu công lập quả  
Miền Tiên cảnh thực là phong nhã  
Bước từng mây thông thả sớm trưa  
Phật Tiên là chỗ thích ưa  
Lánh miền phàm tục gió mưa bụi trần.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*  
*Tứ báí.*  
*Hưng bình thân.*  
Phủ <sup>(9)</sup> *phục chi nơn các phục kỳ phục.*

<sup>(8)</sup> Bản 1939 in là *phát hóa*. Tín đồ thường đọc là *thoát hóa*.

<sup>(9)</sup> Bản 1939 in là *Ngũ phục*. Nay sửa là *Phủ phục*.

Liên đó, một ông đạo đức trường trai tay cầm ba cây nhang điem giữa trán và hai bên tả hữu của người thọ tang, miệng thì niệm câu chú phát tang sau đây. Làm y như vậy cho mỗi người chịu tang.

Chú phát tang

*Nam mô Tam Châu Hộ Pháp Vạn Thiên Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Lễ xướng: *Lễ tất.*

Số 11. Lễ đạo hữu điếu tang

Lễ này, đạo hữu đồng mặc khăn đen, áo dài đen, chớ nên mặc đạo phục. Như có món chi cúng nên sắp trên bàn vong, rồi mỗi người đốt một cây hương, đứng nam theo nam, nữ theo nữ, đứng hàng tư, đồng quì, *kế đó*<sup>(10)</sup> ông quì giữa nguyện như vậy:

Bài kệ nguyện

Nay đạo hữu *\*thúc tu* lễ điếu

Câu đạo huynh [đạo tử] thoát xác *\*phi đằng*

Vong hồn trong sạch đặng siêu thăng

Vĩnh hưởng *\*tiêu diêu* nơi *\*thăng cảnh*.

Đọc mấy câu trên đây rồi, mỗi đạo hữu cặm nhang trên bàn vong và xá ba xá, tiếp đó đồng nhi hay là đạo hữu đọc bài sau đây:

Bài kinh điếu tang (thứ nhất)

Nợ trần thế ngày nay đã rảnh

Nương mây lành lên cảnh thiên thai

<sup>(10)</sup> Bản 1939 in là *đó kế*. Nay sửa là *kế đó*.

Là nơi hưởng lộc lâu dài  
Lánh vòng thế tục sắc tài ái ân  
Công phu khuya sớm ân cần  
Hồn linh mới đặng về gần non Tiên  
Khi xưa gặp đặng chơn truyền  
Nay về châu chực *\*Phật tiền* khỏe thân  
Giờ nay đạo hữu *\*qui thân*  
Anh em *\*bậu bạn* bội phần mừng thương  
Mừng là thấy cõi Tây phương  
Thương là đương lúc giữa đường rẽ phân  
Tuy là chẳng phải *\*đồng thân*  
Cùng nhau đồng đạo nghĩa nhân mặn nồng  
Tử sanh do tại *\*Thiên Công*  
Nhưng ngày vắng mặt bận lòng nhớ thương  
Tạm dùng lễ mọn rau tương  
Trà thô đạm bạc lòng thương chứng cùng  
Giữ bền hai chữ thi chung  
Ngày sau Tiên cảnh *\*trùng phùng* đệ huynh.

*Động Đình Hồ Tiên Trường*

Khi đọc bài kinh này rồi, đồng nhi tiếp luôn bài kinh sau đây:

Bài kinh điếu tang (thứ nhì)

Nương cõi thọ hương hồn lia thế

Trước linh sàng phách quế hồi [hãy] còn

Nơi *\*dạ đài* chúng kiến lòng son

Cõi trần thế bà con than tiếc

Xa nhau bởi xác phàm phân biệt

Nghĩ cuộc đời tan hiệp thảm thay

Nay từ trần hồn phách nương mây

Khỏi ràng buộc muôn cay ngàn đắng

Người trở gót cung Tiên dặm thẳng

Hết vương mang gánh nặng nợ trần  
 Cách dương gian, lìa khỏi *\*huong lân*  
 Nơi *\*dị lộ* dựa gần Tiên cảnh  
 Đặng thông thả dạo chơi non *\*lãnh*  
 Mắt nhắm xem tranh cạnh dưới đời  
 Ấy là nơi biển khổ vui vui  
 Người ở thế *\*lỡ vời* nẻo tới  
 Linh hồn đặng thành thoi *\*tiêu rồi*  
 Kẻ sống đang lặn lội bụi trần  
 Cũng vì còn mang khối *\*nhục thân*  
 Đường như thể trăm cân sức nặng  
 Miền cực lạc vọng hồn bay thẳng  
 Dứt sự đời dạ chẳng mền tranh  
 Cuộc sang giàu giả dối lợi danh  
 Người phạm tục chen giành rộn rục  
 Chốn âm cảnh xa nhau *\*cách bức*  
 Sống dương gian càng cực với đời  
 Một mai dầu phui sạch thảnh thơi  
 Hiệp một chỗ gặp nơi *\*khoái lạc*  
 Tâm quảng đại tâm Tiên cõi hạc  
 Xá lỗi người lầm lạc khi xưa  
 Vọng anh linh độ kẻ mền ưa  
 Lòng thành kính muối dưa xin chứng.

*Thái Ất Thiên Tôn*

Đọc rồi, mỗi đạo hữu lạy 2 lạy rồi bước ra.

Số 12. Lễ cúng ông bà

Theo tứ thời: Triều, Tịch, Phô Thoi, Thượng Thực, thì lễ này mỗi ngày trong lúc quan tài còn *\*tại đường*, phải cúng ông bà như đây, sau mới cúng vong. Việc cúng đây đều toàn đồ chay, chẳng nên dùng đồ mặn.

Lễ xướng:

*Hiếu tử tỵ vị.*

*Qui.*

*Phân hương.*

*Thượng hương.*

Rồi đó một ông đạo đức quì giữa đọc bài sau đây:

Bài kinh niệm hương

Một dạ kính thành đốt nén hương

Kính mời thất tổ đạo từ đường

*\*Tiên linh* nội ngoại cùng cô bác

Chứng thảo cháu con đến cõi dương.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Lễ tứ bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tửu.*

*Hiển tửu.*

Rồi tiếp đó, đồng nhi hay là đạo hữu đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh cúng triều, phô, tịch, thượng

Nay con cháu đền ơn sanh dục

[Triều điện] <sup>(11)</sup> dung kính chúc *\*trai tu*

*\*Cù lao* ân đức *\*nan thù*

Lễ triều [phô, tịch, thượng] *\*tổ phẩm \*điện vu* <sup>(12)</sup> *\*linh tòa*

<sup>(11)</sup> Theo thứ tự ứng với tứ thời mà câu kinh này nói là: *triều điện* 朝奠 (cúng sáng sớm), *phô thoi* (?), *tịch điện* 夕奠 (cúng xế chiều), *thượng thực* 上食 (dâng thức ăn).

Đồng kính cáo ông bà cô bác  
Chứng chút tình đậm bạc thô sơ  
Trăm năm giữ việc phượng thờ  
Ngày đêm \**huong lửa* chớ lơ lảng lòng  
Cuộc trần thế \**tôn vong mạc trức*  
Lễ hiển u nam bắc \**phân kỳ*  
Tuy rằng hai ngã biệt ly  
Chơn linh sau cũng hội kỳ Linh Tiêu  
Tu công đức kỳ siêu thoát<sup>(13)</sup>  
Câu từ bi tế độ cứu huyền  
Người mà \**thiện quả thiện duyên*  
Muôn năm dựa đánh Phật Tiên hưởng nhàn.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Tứ bái.*

*Hưng bình thân.*

\**Điểm trà.*

*Lễ tất.*

*Tứ bái.*

Số 13. Lễ cúng vong

*Triêu, Tịch, Phô Thoi, Thượng Thực*

Lễ này, khi quan tài còn \**tại đường*, cúng tại bàn linh, mỗi ngày tỵ, ngọ, mẹo, dậu, phải cúng đủ bốn thời, gọi là cúng cơm bữa cho tới ngày chôn sẽ thôi.

Bốn lễ làm y một cách, nhưng mà như có đọc bài phải tùy

<sup>(12)</sup> Bản 1939 in là *du*. Nay sửa là *vu* 于 (ở tại).

<sup>(13)</sup> Chữ kỳ 其 ám chỉ người tu công đức. Câu này có nghĩa là người tu công đức sẽ giúp cứu huyền thoát tử của mình siêu thoát.

theo dạng trùng theo Triêu, Tịch, Phô Thoi, cùng là Thượng Thực.

Mỗi lần cúng, phải cúng ông bà trước, rồi cúng vong sau.

Lễ xướng:

*Tang chủ tựu vị.*

*Qui.*

*Phân hương.*

*Niệm hương.*

Một ông đạo đức đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh niệm hương

Khói hương ngui ngút trước \**linh sàng*

Xông sạch linh hồn trước khí tan

Hơi âm đượm nhuần gom phách quế

Giác linh hưởng phước chôn thanh nhàn.

*Thái Ất Thiên Tôn*

Rồi kẻ đó, đồng nhi hay là đạo hữu đồng đọc bài kinh này:

Bài kinh cúng vong (thứ nhứt)

*Triêu, Tịch, Phô Thoi, Thượng Thực*

Tưởng ơn xưa sánh \**tây non nước*

Túi lòng này lụy ướt \**y khâm*

Đạo làm hiếu tử tình thâm

\**Sớm thăm tối viếng \*ngọc âm* cho mừng

Công cao dưỡng dục \**khuyết trùng*

Dạy con vẹn giữ \**ngũ thường \*tam cương*

Nhớ khi ngồi đứng \**trung đàng*

Nay về \**côi thợ* gan vàng quận đau

Âm dương \**lưỡng lộ* chia nhau

Chúc nguyên đặng hưởng thanh cao an nhàn

Từ trà hoa quả bĩ bàng  
[Lễ dung Triều điện] <sup>(14)</sup> đoan trang nghiêm nghị  
Đạo nhơn sắp đặt lễ nghi  
Cầu hồn phát hóa vu qui Thiên Đàng.

Đọc xong bài này, đồng nhi hay là đạo hữu đọc tiếp bài thứ nhì sau đây:

Bài kinh cúng vong (thứ nhì)

Nay tang chủ *\*trai bàn* cung phụng  
Thỉnh đạo nhơn tùy tụng hiền ngôn <sup>(15)</sup>  
Hễ làm người phải kính *\*sở tôn*  
Ôn *\*cúc dục* ôn tồn trọn đạo  
Nguyên trời đất chứng tri môn đạo  
*\*Hộ* hương hồn *\*thủ bảo* cháu con  
Nghĩa sanh thành ví tợ nước non  
Tình chồng vợ cho tròn đạo cả  
Nay phân nhau âm dương hai ngã  
Thâm thương này nào thỏa ruột đau  
Cõi dương trần lời hẹn với nhau  
Vì ai khiến mà mau vội tách  
Dây *\*oan trái* dứt rồi trả sạch  
Phủi nợ trần hồn phách theo Tiên  
Giữ đạo màu nhờ đức thiêng liêng  
Nhờ Địa Tạng *\*từ nhiên* *\*tế bạt*  
Lòng thành kính ba tuần rượy lạt  
Lễ đáp dung đạm bạc muối dưa  
Nay on đền báo bổ tình xưa  
Đầu cúi lạy như mưa dầm ướt

<sup>(14)</sup> Giờ meo đọc *Lễ dung Triều điện*. Giờ ngọ đọc *Phô Thơi dung lễ*.  
Giờ dậu đọc *Lễ dung Tịch điện*. Giờ tí đọc *Lễ dung Thượng Thực* (?).

<sup>(15)</sup> Mời người đạo tùy theo mà tụng lời lành (tụng kinh).

Nghĩa cha mẹ sánh *\*tây non* nước  
Tình vợ chồng những ước trăm năm  
Hỡi *\*Hóa Công* tôi dám hỏi thăm  
Vì sao vậy *\*tích tâm* vắng bật  
Ân ái nguyện trọn tình đỉnh sắt  
Chia đôi đàng như cắt lá gan  
Xin hương hồn thẳng đặng cho an  
Nương *\*cõi thọ* sửa sang tu luyện.

Bài này đọc dứt, kể [đọc] tiếp bài thứ ba sau đây:

Bài kinh cúng vong (thứ ba)

Nơi biển khổ tung bùng sóng bủa  
Chốn *\*Kỳ Viên* mây tủa [tỏa] mịt mù  
Người đời mấy bực danh nhu [nhỏ]  
*\*Vô thường* đến lúc công phu lỡ vờ  
Đường tử biệt ngàn năm khó đợi  
Nguyện linh hồn trở lại non Tiên  
Nhìn xem linh cữu thêm phiền  
Thương người mạng bạc *\*huỳnh tuyến* vội lui  
Cuộc sống thác nghĩ càng thêm tủi  
Néo mắt còn chạnh buổi *\*phù sanh*  
Khó đo máy Tạo dữ lành  
Âm dương cách biệt khôn đành lấp ngo  
Nhớ linh xưa: tánh tình ăn ở  
Dưới trên hòa, tôi tở đồng thương <sup>(16)</sup>  
Hiền lành ngợi khắp thôn hương  
Dưới dù kẻ khó, trên nhường người cao  
Lúc ở thế xử tròn nhơn đạo  
Nay từ trần *\*thiện bảo cứu ngời*  
Thương ôi! nước chảy huê [hoa] trôi

<sup>(16)</sup> Được khắp làng xóm ca ngợi là hiền lành.

Sao đòi vật đổi, mấy hồi *\*tang thương*  
Người tạm thế như con sóng lượn  
Kẻ lắm trần mừng tượng ngút sương  
Kẻ sao cho xiết đoạn trường  
*\*Ngựa qua cửa sổ* hai đường biệt ly  
Thảm thiết than, than rồi lại nghĩ  
Giấc mộng hồn cũng *\*tử \*vân phi*  
Có câu *\*thổ tử hồ bi*  
Vật còn thương loại, hưởng gì người yêu  
Khuyên đoái tưởng chồng [vợ] hiền, con hiếu  
Lễ tiễn hành *\*đa thiếu* xin thương  
Tạm dùng dưa muối rau tương  
Trà thô rượu lạt lòng thương chứng cùng  
Bàn tay tính ngày qua tháng lụn  
Ôi thôi rồi! một cụm *\*khói chan*  
Nổi vắng mặt khó làm khuây lãng  
Biết cậy ai phán đoán hỏi han  
Hôm nay hội diện *\*thân bằng*  
E mai linh cửu lên đàng hết trông  
Tử sanh nhơn nghĩa việc đồng  
Hồn linh thăm viếng dặn lòng chớ quên.

*Văn Xương Đế Quân*

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Nhị bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tửu.*

*Hiển tửu.*

Dùng rượu tuần nhứt rồi, đồng nhi hay là đạo hữu đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh dùng rượu (tuần nhứt)

Rượu tuần nhứt chầu đầy dung trước

Nguyện hương hồn ảm phước cho vui

Xin chứng lòng con thảo ngậm ngùi

Đau dạ trẻ sứt sùi giọt lụy

Đơn sơ lễ trọn niềm chung thi

Sự mất còn thờ ví cũng đồng

Ba năm tang hiếu vẹn xong

Chúc cầu thân phụ [thân mẫu] *\*non Bồng \*tiêu diêu.*

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Nhị bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tửu.*

*Hiển tửu.*

Rồi rượu tuần nhì, đồng nhi hay là đạo hữu đọc bài kinh dùng rượu tuần nhì sau đây:

Bài kinh dùng rượu (tuần nhì)

Rượu tuần nhì rót đầy dung tiếp

Con, rể, dâu đồng hiệp lạy qui

Ởn sanh thành ơn ví cao dày

Nghĩa dưỡng dục nghĩa tày lớn rộng

Kìa chín chữ *\*cù lao* lộng lộng

Nọ *\*mười ơn* dưỡng dục minh minh

Biết chi bồi đáp *\*tiên linh*

Tạm dùng *\*lễ bạc* chứng tình thảo ngay.

Lễ xướng:



*Phủ phục hưng.  
Nhị báí.  
Hưng bình thân.  
Châm tửu.  
Hiển tửu.*

Rượu tuần thứ hai dung rồi, đồng nhi hay là đạo hữu đọc bài kinh dung rượu thứ ba sau đây:

Bài kinh dung rượu (tuần ba)

Rượu này lễ tuần ba xin rót  
Cúi lạy quì đôi giọt dầm sa  
Bây \**tâm bào* gan ruột xót xa  
Đoạn cốt nhục chia ra hai ngã  
Dạy gia quyến \**thượng hòa hạ mục*  
Lễ mọn này nhứt nhứt sanh sô  
Chúc cầu khởi chôn \**Phong Đô*  
Được lên cõi Phật để hồ [hầu] nghe kinh.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.  
Nhị báí.  
Hưng bình thân.  
Qui.  
Tấn phạn.*

Khi dung cơm rồi, đồng nhi hay là đạo hữu đồng đọc bài kinh \**tấn phạn* sau này:

Bài kinh tấn phạn

Lễ tấn phạn chứng lòng ngay thảo  
Dưới gôi dung trọn đạo làm con  
Công sanh thành báo bổ cho tròn  
Tình cốt nhục nước non khó sánh

Nay cha [mẹ] đã cõi trần xa lánh  
Nơi \**gia đàng* hieu quạnh sớm khuya  
Vô thường sao vội chia lìa  
Làm cho người thiện phải về \**Đế hương*.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.  
Nhị báí.  
Hưng bình thân.  
Qui.  
Điểm trà.  
Hiển trà.*

Khi dung trà rồi, đồng nhi hay là đạo hữu đọc bài kinh dung trà sau đây:

Bài kinh dung trà

Trà bạch liên hơi lên thơm nức  
Xin tạm dùng lễ tất vừa xong  
Nguyện linh hồn *phát hóa* <sup>(17)</sup> \**non Bông*  
Nương cõi Phật tu công lập quả  
Miền Tiên cảnh thực là phong nhã  
Bước từng mây thông thả sớm trưa  
Phật Tiên là chỗ thích ưa  
Lánh miền phàm tục gió mưa bụi trần.

Lễ xướng: *Thỉnh vong tựu đàn thỉnh kinh.*

Rồi đó, một ông đạo đức chứng đàn đọc tiếp mấy câu sau đây:

Nay viên mãn dung trà bốn lạy. (*Biểu tang chủ lạy 4 lạy*)

<sup>(17)</sup> Bản 1939 in là *phát hóa*. Tín đồ thường đọc là *thoát hóa*.

Thỉnh hương hồn khấu bái Phật Trời. (*Bưng lư hương của vong đưa cho tang chủ đội.*)

Câu từ bi ân đức độ đời. (*Hai người tướng lễ và ông đạo đức cùng người tang chủ với đồng nhi đi ngay qua Thiên Bàn.*)

Tiêu giảm tội thoát nơi khổ não.

Chúng tôi cả thành tâm khấn đảo. (*Đồng cả thầy xá Thiên Bàn.*)

Vong siêu thăng môn đạo lâu dài. (*Để cái lư hương của vong rôi lo thiết đàn cúng Đại Từ Phụ đặng tụng cầu siêu.*)

Số 14. Lễ thiết đại đàn cúng Đại Từ Phụ

Lễ này cúng trước Thiên Bàn theo tứ thời, rồi thượng sớ cầu siêu, rồi đọc ngũ nguyện. Tiếp theo đó, một ông đạo đức trường trai quì giữa lập nguyện như sau đây:

*Đệ tử [chức sắc họ tên] hiệp đạo hữu quì tại điện tiền thành tâm thượng tấu Đại Từ Phụ quảng đại từ bi chứng chiếu vong [họ tên] đầu nhập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, kim căn mãn mạng chung, phản bốn huần nguyên, đệ tử cảm tình, đồng cầu vong linh siêu thăng cực lạc.*

Khi nguyện rôi, lạy 12 lạy, tiếp theo đó, đồng nhi đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh thỉnh Phật, Tiên, Thánh

Trên Phật Tổ từ bi chiếu giám

Dưới Thần Tiên linh cảm chứng tri

Ngày nay mở cuộc siêu kỳ

Cầu cho [họ tên người chết] hồn phi Thiên đàng

Nguyện cùng Phật Tổ Tây phang

Quan Âm Bồ Tát \*tràng phan giáng liên

Cúi xin Hộ Pháp Long Thiên

Đằng vân giá võ xuống miền trần gian

Từ bi ủng hộ trai đàn

Giúp cho trai chủ bảo toàn hiếu trung

Nguyện cầu Thượng Đế Huyền Khung

Diễn quang chiếu giám đàn trung siêu cầu.

*Thành Hoàng Bản Cảnh*

Đọc rôi bài này, đồng nhi hay là đạo hữu đọc bài kinh xin vong nhập đàn.

Bài kinh cầu vong nhập đàn

Vung lời Thượng Đế sắc ban

Tụng kinh siêu độ lớp lang rõ ràng

Cầu xin độ dẫn thiên đàng

Nương theo cảnh Phật dựa màn Bồng Lai

Đức Thầy xuống lĩnh ngày nay

Tụng kinh Tam Bửu chớ sai điều nào

Chẳng nên dậm sửa chế vào

Mắt xem miệng đọc đừng xao lòng tà

Khai kinh Đức Phật Di Đà

Tụng cầu siêu tội Diêm La đưa hồn

Tổ sư Thái Thượng Đức Ông

Ra tay tế độ dày công giúp đời

Ngày nay [ngày nào] y giờ

Cầu xin Thổ Địa ra ơn rước hồn

Vong linh [họ tên] là hồn

Dắt về lạy Phật \*tọa bành nghe kinh.

Bài này đọc rôi, lạy 12 lạy, rồi đọc tiếp bài kinh cầu siêu sau đây:

Bài kinh cầu siêu

Đầu vọng bái Tây Phương Phật Tổ  
A Di Đà Phật độ chúng dân  
Quan Thế Âm lân mẫn ân cần  
Vớt lê thứ khổ trần đọa lạc  
Đại Thánh, Địa Tạng Vương Bồ Tát  
Bổ tử bi \**tế bạt* vong hồn  
Cứu khổ nần Thái Ất Thiên Tôn  
Miền âm cảnh ngục môn khai giải  
Ơn Đông Nhạc Đế Quân quảng đại  
Độ người lành chế cái tai ương  
Chôn \**dạ đài* Thập Điện Từ Vương  
Thấy hình khổ lòng thương thăm thiết  
Giảm hình phạt bớt đường ly tiết  
Xá linh quang tiêu diệt \**tiền khiên*  
Đặng nhẹ nhàng thẳng đến cung Tiên  
Nơi phước địa ở yên tu luyện  
Xin Trời Phật chứng lòng sở nguyện  
Hộ \**thương sanh* \**u hiển* \**khương ninh*.

Bài này đọc luôn 3 lần như vậy, rồi mới lạy 12 lạy.

### Số 15. Lễ cáo đạo lộ

Lễ này, thiết một cái bàn ở ngoài sân, hương, đấng, trà, quả, rồi một ông đạo đức đứng cúng, còn tang chủ quì, như đi đường sông rạch, thì làm theo lễ cáo Thủy Thần, coi theo sau đây:

Lễ xướng:

*Hiếu chủ tỵ vị.*

*Qui.*

*Phân hương.*

*Niệm hương.*

Rồi đó một ông đạo đức ngâm hơi xuân bài kinh sau đây:

Bài kệ nguyện

Ngưỡng cầu đạo lộ đấng Thần Kỳ  
Kim nhật di quan táng tử thi  
Trục quỷ khu tà kinh viễn tị  
Vong hồn thành tựu vọng Tây qui.<sup>(18)</sup>

Tiếp đó, đồng nhi hay là đạo hữu đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh cáo đạo lộ (thứ nhứt)

Nguyện cùng đạo lộ ngũ phương  
Khu tà trục quỷ nương đường minh sanh  
Giúp cho linh cửu thượng trình  
Mộ phần an táng địa đình gọi thi  
Vọng cầu Thổ Địa Thần Kỳ  
Hộ hồn lương thiện kịp kỳ đấng tiên  
E khi phạm trược nhiễm truyền  
Cúi xin chư vị linh tiền tránh xa.

*Thành Hoàng Bốn Cảnh*

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Tam bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tỵ.*

*Hiển tỵ.*

Cúng rượu rồi, đồng nhi hay là đạo hữu đọc bài kinh sau đây:

---

<sup>(18)</sup> Ý nghĩa bài kệ: Vọng cầu các thần đường sá và thần đất. / Ngày nay là ngày chôn cất. / [Cầu xin] xua đuổi ma quỷ tà quái, làm chúng kinh sợ tránh xa. / [Xin cho] vong hồn trở về được Tây phương.

Bài kinh cáo đạo lộ (thứ nhì)

Vọng ngũ phương đạo lộ chứng tri

Cùng trị nhứt Thần Kỳ ủng hộ

Nay \**di cữu* táng an phần mộ

Trục tà ma cản lộ lãng loan

Cho cốt hài thông thả lên đàng

Vong linh đặng an nhàn cực lạc

Lòng thành kính thần minh chiếu tạc

Giúp hương hồn \**ky hạc đặng tiên*

E cốt phàm uế khí nhiễm truyền

Xin chư vị linh tiền \**viễn tị*.

*Địa Tạng Bồ Tát*

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Tam bái.*

*Hưng bình thân.*

*Điểm trà.*

*Lễ tất tứ bái.*

### Số 16. Lễ cáo thủy thần

Lễ này, vọng một cái bàn, hương, đặng, trà, quả nơi mé sông, cách cũng y như lễ cáo đạo lộ vậy, song bài kinh thì khác.

Lễ xướng:

*Tang chủ tỵ vị.*

*Qui.*

*Phấn hương.*

*Niệm hương.*

Rồi đó một ông đạo đức ngâm bài kinh sau đây:

Bài kinh cáo thủy thần (thứ nhứt)

Vọng cầu \**thủy tộc đặng tôn thần*

Luân chuyển giang đình tế chúng dân

Kim nhựt hương hoa trình thượng hiến

Phò trì linh cữu nhứt phiên tân

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Tam bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tỵ.*

*Hiển tỵ.*

Tiếp đó, đồng nghi hay là đạo hữu đọc bài kinh thứ nhì sau đây:

Bài kinh cáo thủy thần (thứ nhì)

Nguyện cầu Hải Nhược Vương Hầu

Phò trì linh cữu kịp châu táng an

Trải qua \**bích thủy lư giang*

Trời thanh gió mát đưa thoàn [thuyền] minh sanh

\**Tam bôi mỹ tỵ cung trình*

Thanh trà huê [hoa] quả tạ tình thần linh.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Tam bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

\**Điểm trà.*

*Lễ tất tứ bái.*

Số 17. Cách sắp đặt thứ tự nhà vàng hay là hoàn [thuyền] bát nhã ở ngoài đường

Theo thứ tự sau đây, sắp ở bên hữu ngoài đường, chừa chỗ cho xe cộ đi qua đi lại.

Thứ tự sắp đặt coi theo đây:

1. Giá triệu
2. Bàn nghinh xa
3. Bàn phúng
4. Tấm công bố của Đạo
5. Bông lư của đồng nhi bằng vải vàng
6. Bàn vong và cặp phan
7. Chức sắc thiên phong sắp hàng ba
8. Đại tiểu linh xa
9. Quan tài
10. Tang chủ
11. Đạo hữu và bá tánh cùng bà con sắp hàng ba
12. Xe đưa

Khi quan tài khởi đi, cứ đi phía bên tay mặt cho tiện bề tránh xe cộ, như có hành khách đi sau, mình phải tránh nép bên tay mặt, cho xe qua rồi sẽ đi.

Về phần đạo hữu lưỡng phái đi đưa, phái nam đi trước, phái nữ đi sau, đi sắp hàng ba cho êm tịnh, chớ nên nói lớn tiếng và cười giỡn, mặt vẻ chia buồn với tang chủ, phải tỏ dấu một cách thâm buồn. Một điều thứ nhứt là không nên hút thuốc trong lúc đi đưa đám ma, một điều thứ nhì là khi nào đi ngang qua quan tài phải cất nón lên chào, cùng là cúi đầu.

Khi đến huyệt, quan tài để xuống nghỉ, phải lẳng lặng đứng có nghe những bài ai điệu kể công lao của người chết.

Rồi đó, sẽ làm lễ cáo \**Hậu Thổ* và hạ rộng.

Đám táng bên Đạo chẳng nên dùng \**đại cổ* và \**đồng la*,

chỉ dùng vài người đòn đưa hơi cho đồng nhi tụng kinh.

Những người đạo hữu cùng chur chức sắc mặc khăn đen, áo dài đen, duy có đồng nhi và người tụng kinh bận đồ trắng thôi.

Những lễ đã phô bày từ nãy giờ đó, là nói về kẻ có của, nhà dư ăn, còn phần người nghèo thì tùy tiện, chớ nên làm quá sức, rồi mang nợ, mang nần.

Số 18. Lễ bồng minh sanh hiến Thiên Bàn và cáo từ đường

Lễ này, trước khi xếp \**minh sanh* để trên cái mâm hay là cái khay cũng đặng, rồi để trước bàn linh. Hai người tướng lễ, đồng nhi, cùng một ông đạo đức chứng đàn đến trước bàn vong.

Lễ xướng:

*Tang chủ tựu vị.*

*Qui.*

*Phân hương.*

*Cúc cung bái.* (2 lạy)

*Hưng bình thân.*

*Bồng minh sanh hiến Thiên Bàn.*

Rồi đó, biểu tang chủ bưng khay minh sanh đi với ông đạo đức, còn tướng lễ và đồng nhi hầu đi theo sau, đến trước Thiên Bàn để minh sanh nơi ghé riêng, rồi đồng qui đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh phúng minh sanh

Kim đệ tử điện tiền cung khấu <sup>(19)</sup>

Bồng minh sanh hiến tấu Thiên Bàn

<sup>(19)</sup> Nay đệ tử cung kính cúi đầu trước bửu điện.

Kim vi hiếu quyển chủ tang <sup>(20)</sup>

Chọn nhằm giờ ... động quan phát hành

Linh nghệ gát sẵn dành chực trước

Đạo tì nhờn chờ rước quan tài

Địa linh gói chút thi hài

Xác phàm an táng \**vĩnh giai* mồ phần

Vọng Thượng Đế cảm cân độ chế

Ra oai linh \**phổ tế nhờn quân*

Nam mô Thái Thượng Lão Quân

Quan Âm Phật mẫu \**chín tầng liên hoa*

Đức Khổng Thánh Nho gia khuyến thế

Đồng tử bi ân huệ cứu nàn

Xử diêm \**bửu cái \*tràng phan*

Cho vong nương bóng niết bàn khỏe thân.

Lễ xướng:

*Cúc cung bái.* (12 lạy)

*Hưng bình thân.*

*Bồng minh sanh cáo từ đường.*

Rồi đó, biểu tang chủ bưng khay minh sanh đem lại bàn thờ ông bà để nơi ghế riêng rồi làm lễ.

Lễ xướng:

*Qui.*

*Phấn hương.*

*Thượng hương.*

Kế đó, một ông đạo đức chứng đàn ngâm bài kinh sau đây:

---

<sup>(20)</sup> Nay vì gia đình tang chủ (tang quyển).

Bài kinh niệm hương

Một dạ kính thành đốt nén hương

Kính mời thất tổ đáo từ đường

\**Tiên linh* nội ngoại cùng cô bác

Chứng thảo cháu con đến cõi dương.

Ông đạo đức ngâm vừa xong, liền đó đồng nhi hay là đạo hữu đều đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh phúng minh sanh cáo từ tổ

Lễ trình cáo cửu huyền thất tổ

Chứng minh tình báo bổ ơn xưa

Trời xanh cao khi nắng khi mưa

Người trần thế tử sanh hữu mạng

Nay cha [mẹ] từ trần \**nhứt đoạn*

Lựa ngày lành khởi táng tha phương

Nguyện hương hồn thoát lạc \**an khương*

Cố đạo hữu thôn hương đưa đón.

Lễ xướng:

*Cúc cung bái.* (2 lạy)

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tửu.*

*Hiển tửu.*

Rồi đó, đồng nhi hay đạo hữu đọc bài kệ đây tiếp theo bài trước.

Bài kinh tụng ba tuần rượu

Lễ ba tuần cúi mình \**chước tửu*

Vọng cửu huyền thất tổ giác linh

Hộ hương hồn tinh ngộ quang minh

Theo Trời Phật qua miền cực lạc

Lòng thành kính \**tiên linh* chiếu tạc  
Nguyện hương hồn \**giá hạc đấng tiên*  
Đặng thành thoi nhờ có \**Hoàng Thiên*  
Gìn đạo đức ở yên ngôi cũ.

Lễ xướng:

*Cúc cung bái.* (2 lạy)

*Hưng bình thân.*

*Điểm trà.*

*Lễ tất tứ bái.*

*Bồng minh sanh hoàn cữ sở.*<sup>(21)</sup>

Rồi biểu tang chủ bưng khay minh sanh trở lại để trước bàn linh nơi ghế riêng như cũ, rồi kể làm lễ động quan phát hành.

Số 19. Lễ động quan phát hành

Lễ này phải thuộc lòng cách thức sắp đặt và mấy bài kinh.

Trước sắp đặt nhà vàng ngoài đường và dạy đạo tì làm theo phận sự mình xong rồi; tùy chủ nhà định giờ, liệu mà làm cho kịp, chớ để gấp, rồi cúng không đủ mấy bài kinh.

Khi làm lễ này rồi, biểu đạo tì đứng hai bên chực sẵn đó trước.

Lễ này, biểu đồng nghi mỗi người cầm một cái bông đứng hai bên trước quan tài, hai tướng lễ đứng xướng và một ông đạo đức đứng làm lễ này và biểu tang chủ đứng hai bên quan tài, nam tả nữ hữu.

Lễ xướng:

*Tang chủ tỵ vị.*

*Qui.*

---

<sup>(21)</sup> Đem minh sanh về chỗ cũ.

*Phần hương.*

*Niệm hương.*

Rồi đó, một ông đạo đức ngâm bài sau đây:

Bài kinh niệm hương

Khói hương ngui ngút trước \**linh sàng*

Xông sạch hương hồn trước khí tan

Hơi âm đượm nhuần gom phách quế

Giác linh hưởng phước chôn thanh nhàn.

*Thái Ất Thiên Tôn*

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Nhị bái.*

*Hưng bình thân.*

*Bồng minh sanh hướng tiền đạo.*

Biểu đem minh sanh treo ngoài giá triệu trước đi, tiếp theo đó, một ông đạo đức ngâm bài sau đây:

Kệ

Ngày nay từ giã rẽ đôi phang [phương]

Linh cứu mồi phân đặng táng an

\**U hiển* cách nhau tin vắng bật

Hồn nương \**côi thọ* hưởng thanh nhàn.

*Diêu Lạc Thiên Tôn*

Lễ xướng: *Dịch gia nhập bái quan.*

Nghĩa là biểu khiêng nghi thờ của vong tránh lại một bên, còn lư hương thì đem ra bàn linh xa để trước.

Kể đó, một ông đạo đức đọc mấy câu sau đây, tiếng nghe cho êm, nhẹ nhàng:

*Bờ non quan đạo hò, nay đặng ngày kiết nhứt lương thân,  
đệ linh cửu táng an phần mộ.*

Đọc như vậy chớ đạo tì cũng còn đứng ngoài, khoan có vô,  
kể đó, đồng nhi hay là đạo hữu đọc tiếp bài kinh sau đây:

Ngày nay *\*kiết nhứt lương thân*  
Đồng đưa linh cửu mồ phần táng an  
Âm dương cách trở đôi đàng  
Cầu cho quý phách vào hàng *\*Tiên ban*.  
*Thành Hoàng Bốn Cảnh*

Rồi bài này, đồng nhi hay là đạo hữu đọc tiếp bài kinh sau  
đây:

#### Bài kinh động quan

Nay đạo hữu hiệp cùng tang chủ  
Cùng *\*huương lân* đồng thủ hộ quan  
Nguyện hương hồn thoát lạc bình an  
Câu Tiên Phật đặng ban công quả  
Cuộc trần thế *\*trái oan* vay trả  
Nhẹ nhàng mình thông thả cõi Tiên  
Phước lộc nhiều hưởng đặng bình yên  
Con cháu mới *\*diên niên* phú túc  
Nơi trần thế đặng phần hậu phúc  
Xin Phật Trời chứng chút lòng son  
Cho quan tài an ổn nước non  
Hồn theo Phật thoát vòng oan trái  
Kìa bát nhã để nơi biên ái  
Rước những người thông thái thiện lương  
Qua đặng nơi cực lạc Tây phương  
Nhờ Tiên Phật dẫn hồn siêu độ  
Nguyên thi hài an nơi phần mộ  
Sơn thủy tinh vân lộ gió trăng

Phách hồn linh giá hạc phi thăng  
Về cõi thọ thanh nhân muôn thuở  
Cảnh Bồng Lai thanh thoi nương ở  
Khỏi nợ trần *\*không sờ đa đoan*  
Cầu xin quý phách đặng bình an  
Theo Trời Phật điểm ban công quả.

Tiếp theo, một ông đạo đức tay trái cầm đèn, tay mặt cầm  
nhang, bước vô đứng giữa ngõ ngay quan tài, chơn đứng chữ  
đinh 丁 cho có vẻ nghiêm trang rồi đi một vòng vô vi giáp  
vòng, rồi đứng ngõ ngay quan tài mà đọc bài sau đây:

*Ngô đệ tử [tánh danh] đầu nhập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,  
dĩ vô cực vi thể, thái cực vi dụng, bất dụng thiêu tiên hóa mã,  
thiết lập hương hoa cúng nghi, kính tạ cửu thân lục sĩ, vi ký  
lãnh thọ, các qui bốn vị, hiếu quyển thanh kiết non hầu  
bình an, phàm bá đẳng tinh quân triêm mặc bộ, cần dĩ hi văn,  
Vô Cực Lão Mẫu thân truyền sắc chỉ xuất quan khởi táng,  
thiên long bát bộ, nhứt tề phò hộ, hung thân ác sát viễn tị tha  
phương,<sup>(22)</sup> xuất táng dương, thiên oai trượng kiếm khai tiền  
lộ, tứ đại phò quan đảo kiết phương, thánh thần tống thượng  
thanh lương đánh, hiếu quyển non non bảo kiết tường, liễu  
khước hồng trần liễu khước tu, hựu vô phiến não hựu vô ưu,  
khởi lai khởi lai, mạc liên trần ai, ngô kim chỉ thị, tương bạn  
như lai.*

Đọc tới câu *Hung thân ác sát viễn tị tha phương* thì người  
đạo đức phải đi giáp xung quanh quan tài rồi đứng lại chỗ cũ.

Đọc tới câu *Thiên oai trượng kiếm khai tiền lộ* thì người  
đạo đức ngó tới trước, tới câu *Tứ đại phò quan đảo kiết  
phương*, thò ra dấu ngoắc đạo tì vô đứng hai bên quan tài.

<sup>(22)</sup> Bản in 1939 không có bốn chữ *viễn tị tha phương*, nhưng theo  
phần chỉ dẫn ngay bên dưới thì cần thêm vào bốn chữ này.



Rồi đó, người đạo đức ngó theo, đọc luôn câu *Khởi lai khởi lai*, thì ra dấu cho đạo tì cứ việc ráp vô ôm quan tài.

Coi cho đạo tì ôm quan tài choàng tay xong rồi thì đọc câu *Tương bạn như lai*, thì ra dấu cho đạo tì khiêng ra đi.

Còn đồng nhi tiếp đọc mấy bài đưa linh như sau đây:

Số 20. Bài kinh đưa linh cứu (thứ nhất)

Nam mô Thượng Đế Cao Đài  
Nam mô Phật Tổ Như Lai chứng lòng  
Nam mô Thái Thượng Đức Ông  
Nam mô Thái Bạch dày công độ đời  
Nam mô Nam Hải Như Lai  
Quan Âm Phật Mẫu trừ tai cứu nạn  
Nam mô Quan Thánh Đế Quân  
Nam mô chư Phật, chư Thần, Thánh, Tiên  
Nam mô Tam Giáo hiệp truyền  
Tam Kỳ Phổ Độ sẵn thuyền chực đưa  
Nam mô Ngọc Đế đại từ  
Tội căn xin đặng giảm trừ chế châm  
Cầu xin ơn đức cao thâm  
Độ vong nguyện khỏi đọa trầm âm ti  
Nam mô Địa Tạng chứng tri  
Nam mô nhờ đức từ bi dẫn hồn  
Nam mô chư Phật chư Tôn  
Cầu vong đặng nhập *\*Thiên môn* buổi này.

Bài kinh đưa linh cứu (thứ nhì)

Cõi phàm vay trả *\*trái oan*  
Dập dìu kẻ đến rộn ràng người lui  
Cách nhau lòng thâm dạ nguì  
Cạn suy nghĩ xét, thăm vui cho người

Nợ đời phải sạch thanh thoi  
Lánh miên khổ não, tìm nơi thanh nhàn  
Bồng Lai phước địa dựa an  
Dứt dây oan nghiệt buộc ràng nhiều nương  
Nguyện cầu Giáo Chủ Tây phương  
A Di Đà Phật xót thương giảm nàn  
Độ hồn lia chốn trần gian  
Đem về cực lạc niết bàn tu thân  
Quan Âm Bồ Tát ân cần  
*\*Tâm thanh cứu khổ*, giải lần tai nguy  
U Minh Đại Thánh từ bi  
Đức ân Địa Tạng *\*liên trì* tiếp vong  
*\*Từ Vương* Thập Điện rộng lòng  
Xá tha hồn đặng thoát vòng *\*trảm luân*  
*\*Âm Tào* Đông Nhạc Đế Quân  
Vớt người lương thiện *\*khởi chung tội hình*  
Thần Quan hộ mạng anh linh  
Giúp vong trí sáng, biết nhìn đường ngay  
*\*Phước Thần* phước báu cầm tay  
Sắc vưng Tam Giáo hộ rày linh quang  
Mong ơn Thổ Địa Thành Hoàng  
*\*Khu tà trục quỷ* dẹp đảng chông gai  
Phách hồn lánh néo *\*diêm đài*  
Thoát ly địa phủ, thiên thai hầu gần  
*\*Tiêu diêu* tịnh dưỡng tinh thần  
Trau dồi công đức tế dân trợ đời  
Ngưỡng trông sở nguyện như lời  
Hiện u hai ngã gặp nơi phước lành.

*Diêu Lạc Thiên Tôn*

Bài kinh đưa linh cữu (thứ ba)  
Buồn thương cuộc thế rẽ đôi  
Thảm mừng hồn phách rảnh rồi trần ai  
Nguyện trên Thượng Đế Cao Đài  
Từ bi cứu khổ thiên thai đem về  
Hồng trần là chỗ giấc mê  
Phản hồi Tiên cảnh là quê hương mình  
Đạo Trời thường phạt phân minh  
Đưa người đạo đức khỏi hình ngục quan  
Âm dương cách trở đôi đàng  
Chư Nho đồng nguyện khỏi đàng lảm than  
Nguyện cùng Thổ Địa Thành Hoàng  
Đem hồn người thiện \*Phật đàng điếm công  
Dương gian trung cảnh luật đồng  
Hễ người đạo đức non Bồng trí an  
Ngày nay cõi hạc băng ngàn  
Phủ rồi những lúc \*trái oan cuộc trần  
Linh hồn thọ chúc thiên ân  
\*Non Vu khuya sớm ân cần niệm kinh  
Thiên liêng khuyên khá giữ gìn  
Bồ đề nương bóng Huỳnh Đình rền tu  
Sớm khuya luyện tập công phu  
Một ngày cõi thọ ngàn thu dương trần  
Từ bi Tạo Hóa so cân  
Đưa người đạo đức lại gần thiên thai  
Lần lên cõi Phật Như Lai  
\*Tiêu diêu \*khoái lạc trần ai khỏi về  
Đạo chơi \*bích thủy sơn Khê  
Sớm xem hải đảo tối kề Bồng Lai

Linh hồn \*mưa chó đờn sai  
Cảnh tiên là báu, trần ai chó màng  
Giờ nay rảnh cuộc \*trái oan  
Chư Nho đồng nguyện vào hàng \*Tiên ban.  
Quan Thánh Đế Quân

Số 21. Lễ \*tế đồ trung

Lễ này, trước khi, biếu tang chủ đem hương, đăng, trà, quả cho sẵn, chùng quan tài khiêng đi được nửa đường rồi nghỉ, thì đạo hữu sắm lễ vật đem [đem] để trước bàn linh xa mà điếu. Ấy là theo lễ xưa.

Tế đồ trung là người quyền thuộc với tang chủ đã sắm lễ vật dâng cúng.

Theo lễ Văn Công Thọ Mai, trước khi tế phải *phản quan nhi điếu* nghĩa là day cái hòm lại cho người điếu, rồi sẽ khiêng đi chôn, nhưng nay làm như vậy lấy làm bất tiện và trở ngại, nên cứ để y như hồi mới khiêng đi mà tế cũng được.

Nếu như không có ai tế, thì tang chủ đứng ra cúng, lễ này cũng như Triều, Tịch vậy.

Số 22. Lễ cáo \*Hậu Thổ

Lễ này, biếu tang chủ sắp đặt hương, đăng, trà, quả đem theo sẵn, rồi khi quan tài khiêng đến huyệt, kể làm lễ này:

Lễ xướng:

*Tang chủ tỵ vị.*

*Qui.*

*Phản hương.*

*Niệm hương.*

Rồi đó, một ông đạo đức ngâm bài kinh sau đây:

Bài kinh niệm hương

Tam bôi mỹ tửu phụng kiến xương  
Tang chủ cung thành lễ hiến hương  
\*Hậu Thổ hoan tâm nhàn lạc hưởng  
Tân khu nhứt mạch địa miên trường.

*Thành Hoàng Bốn Cảnh*

Bài kinh này đọc rồi, một ông đạo đức đọc sớ cáo Hậu Thổ:

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Tam bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tửu.*

*Hiến tửu.*

Khi cúng rượu rồi, thì đồng nhi đều đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh cáo Hậu Thổ

Mong Hậu Thổ huệ từ chiêu cố  
Cùng ngũ phương, ngũ thổ Địa Thần  
Hộ cốt hài an táng mồ phần  
Vô tư tài đức ân che chở  
Xác phàm đặng thánh thoi muôn thuở  
Vọng oai linh nung đỡ phò trì  
Tấm lòng thành trời đất chứng tri  
Nơi \*u hiến giai kỳ thanh vượng  
Trong gia quyền \*diên niên phú chương  
Cầu vong linh trực thượng Tây phương

*Xích Mi Lão Tổ*

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Tam bái.*

*Hưng bình thân.*

*Điểm trà.*

*Lễ tất tứ bái.*

Số 23. Lễ từ Hậu Thổ

Lễ này, khi quan tài hạ xuống huyết rồi, sắm dọn bàn, hương, đăng, trà, quả, rồi tang chủ cúng.

Lễ xướng:

*Tang chủ tựu vị.*

*Qui.*

*Phản hương.*

*Niệm hương.*

Rồi ông đạo đức ngâm bài kệ sau đây:

Kệ

Phù sanh nhứt mạch kỹ nhơn tri  
Bách tuế quang âm vẫn thị thì  
Thế cuộc tồn vong tầm mạc trắc  
Ta hồ vĩnh biệt thử chung qui.<sup>(23)</sup>

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Tam bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

<sup>(23)</sup> Ý nghĩa bài kệ: Mấy ai biết cõi đời tạm bợ như mây nổi. / Hỏi khoảng thời gian trăm năm có phải là thời gian đứng đắn không. / Cuộc điện thế gian còn hay mất có ai lường biết được. / Ôi thôi, tới đây là kết thúc để trở về, vĩnh biệt đời.

*Châm tửu.*

*Hiển tửu.*

Tiếp đó, đồng nhi đều đọc bài kinh sau đây:

### Bài kinh từ Hậu Thổ

Từ *\*Bàn Cổ \*khai thiên tịch địa*

Đại Từ Tôn oai nghĩa giúp đời

Ồn cao Địa Mẫu vui vui

Người đều gọi *\*đức tày Trời hóa sanh*

Lâu đài các dinh thành nung đỡ

Tải vô tư muôn thuở linh thiêng

*\*Thần kỳ \*tinh tú \*son xuyên*

*\*Phong vân lôi vũ* Thánh Tiên chung nhờ

Chư vương để phụng thờ trọng kính

Chúng lê dân thành tín bái sùng

Thú cầm thảo mộc côn trùng

Cũng đều sản xuất đúc un dầy đầy

Công *\*Hậu Thổ* đúc dầy đạo cả

Hóa dưỡng sanh hoa quả lúa khoai

Kim ngân, châu báu, dược tài

Nuôi ngườiặng sống lâu dài trần dương

Ồn trùm bọc đỡ nương rải khắp

Vọng anh linh khóa lập thi hài

*\*Đê đầu* khăn vái linh oai

Độ cho gia quyến lâu dài bình an.

*Thái Thượng Lão Quân*

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Tam bái.*

*Hưng bình thân.*

*Điểm trà.*

*Lễ tất tứ bái.*

### Số 24. Lễ dẫn vong

Lễ này, khi làm lễ hạ rộng rồi, biểu tang chủ lại bàn vong  
đặng cúng.

Lễ xướng:

*Tang chủ tỵ vị.*

*Qui.*

*Phản hương.*

*Phủ phục hưng.*

*Nhị bái.*

*Hưng bình thân.*

Tiếp đó, đồng nhi đều đọc bài kinh sau đây:

### Bài kinh dẫn vong (thứ nhứt)

*\*Tống chung* nay đã an bài

Hồn lên *\*cõi thọ* cốt hài gọi đây

Nợ trần nay đã hết gây

Chẳng còn tính *\*việc lưng đầy* thế gian

Trăm năm kết cuộc nghĩ càng

Âm dương *\*dị lộ* hai đàng khó trông

*\*Tử sanh thiên số* nan thông

Người về Tiên cảnh, kẻ trong dương trần

Xác phàm tuy đã rẽ phân

Linh hồn xin nhớ ân cần viếng thăm

*\*Phân tay* giọt lụy khôn cầm

*\*Mộ vân xuân thọ* khôn tầm người thương.

*Vương Thiên Lão Tổ*

Bài trên đây đọc xong, đồng nhi đọc tiếp luôn bài kinh sau đây:

Bài kinh dẫn vong (thứ nhì)

Oai Phật Trời anh linh *\*phổ tế*

Lòng từ bi cứu thế độ dân

Độ hồn lìa khỏi hồng trần

Xét xem công quả cân phân thưởng đền

Giảm tội lỗi Ôn Trên chế lượng

Thanh phước thần cảm phước dẫn đường

Mong nhờ hộ mạng thần quang

Giúp vong nhẹ tách băng ngàn cõi Tiên

Đặng siêu độ trần duyên oan trái

Sáng lương tâm chừa cải *\*tiền khiên*

Ban ơn giúp sức thiêng liêng

Lánh nơi phàm tục tìm miền Bồng Lai.

*Thái Ất Thiên Tôn*

Khi đọc mấy bài kinh trên đây rồi, biểu tang chủ bung lư hương của vong đề huê về nhà, lo dọn bàn thờ treo bài châm và liễn đối, rồi lo làm lễ cúng an vị.

Số 25. Lễ cúng thượng số an vị

Lễ này, khi dẫn vong về nhà rồi, phải sắp đặt trên Thiên Bàn: hương, đấng, trà, quả, tầu, rồi thượng số an vị cho vong rồi đọc bài kinh sau đây trước khi cúng tứ thời.

Bài kinh an vị

Thượng Từ Phụ Ngọc Hoàng Chủ Tể

Tá danh là Thượng Đế Cao Đài

Giáng cơ lập Đạo lâu dài

Dem nền Tam Giáo chỉ bày độ sinh

Đặng cứu vớt chơn linh *\*đọa lạc*

Phòng độ người mộng giác *\*mê tân*

Đạo, Nho, Thích hiệp một lần

Cho người giữ Đạo biết chừng nét na

Trên nhờ có Thích Ca độ dẫn

Lời Lão Quân ẩn nhẫn dạy bày

Đại Thánh chí thánh đức dày

Văn chương dạy bảo lễ nghi cho người

Dạy luân lý đời đời *\*cang kỷ*

Gồm nghĩa nhơn *\*độ bi* đặng thông

Sống tu đạo đức tạc lòng

Thoát rời đặng khỏi trong vòng *\*trảm luân*

Nay môn đệ [tên ...] số mẫn

Thương *\*đồng môn* *\*quá vãng* cầu hồn

Chơn linh thoát chốn luân hồi

Theo Thầy tới chỗ dứt rời đọa căn

Hết mơ mộng trần gian cảnh tạm

Mắc đọa đầy cực thảm bấy lâu

Âm dương nay cách biệt nhau

Kẻ còn người mất rồi sau sum vầy

Nay có đức Từ Bi *\*sắc mạng*

Mong đặng nhờ Địa Tạng *\*ân hoàng*

Thiện căn may đặng độ thẳng

Ác nghiệt thì đọi *\*luật hằng* xử ngay

Hồn đặng cõi Bồng Lai thượng lộ

Nhờ Tam Kỳ Phổ Độ xá ân

Từ đây khỏi lộn lại trần

Hết luân hồi khổ xác thân đọa đày

*\*Tiêu diêu* chốn hiệp vầy các Thánh

*\*Khoái lạc* ngày đồng đánh non nhân

*\*Trái oan* dứt sạch bụi trần

*\*Tiên bang* chốn cũ bước chân lộn về

Nơi biển khổ sông mê hết tường  
Non Bồng Lai gấng gương lần lên  
Vong hồn nương cõi Phật Tiên  
Bỏ thân xác thịt lánh miền trần gian  
Trên nhờ có Ngọc Hoàng mở Đạo  
Phật Thánh Tiên Tam Giáo độ đời  
Ra ơn *\*phổ tế* khắp nơi  
Dắt người *\*khổ hải*, để đời Thiên Thai.

Rồi bài kinh trên đây, tiếp cúng tứ thời, tới ngũ nguyện rồi,  
hết thầy đồng qua bàn thờ ông bà đặng cúng.

#### Số 26. Lễ phản khốc

Lễ này cúng ông bà, dọn cơm chay cúng, tang chủ phải tề  
tự đủ mặt cùng với một ông đạo đức chứng.

Lễ xướng:

*Hiếu chủ tỵ vị.*

*Qui.*

*Phản hương.*

*Niệm hương.*

Rồi đó, ông đạo đức chứng đàn ngâm bài kinh sau đây:

#### Bài kinh niệm hương

Một dạ kính thành đốt nén hương  
Kính mời thất tổ đáo từ đường  
*\*Tiên linh* nội ngoại cùng cô bác  
Chứng thảo cháu con đến cõi dương.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Tứ bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tỵ.*

*Hiến tỵ.*

Rồi đó, đồng nhi đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh phản khốc

*\*Tiên linh* chứng chiếu tâm thành  
Táng an thân phụ [thân mẫu] gia đình hồi qui  
Người đời có lúc hiệp ly  
Kẻ còn người mất xiết chi nỗi phiền  
Có câu *\*mộc bốn thủy nguyên*  
Lễ thô đạm bạc tổ tiên chứng cùng  
Nay đà mãn lễ *\*tống chung*  
Linh hồn cầu đặng *\*trùng phùng* tổ tông  
Sớm khuya dựa cảnh non Bồng  
Hết đây oan nghiệt, khỏi vòng trần gian  
Giờ nay an vị *\*linh sàng*  
Ông bà cô bác *\*tọa bàn* chứng tri  
Nguyện cầu Phật Tổ A Di  
Vớt người lương thiện đồng qui *\*Phật đường.*

Lễ xướng:

*Cúc cung.*

*Nhị bái.*

*Hưng bình thân.*

*Điểm trà*

*Lễ tất tứ bái.*

#### Số 27. Lễ cúng vong an vị

(*\*Tế ngu*)

Lễ xướng:

*Tang chủ tỵ vị.*

Qui.

Phần hương.

Niệm hương.

Ông đạo đức chứng đàn đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh niệm hương

Khói hương ngui ngút trước \*linh sàng

Xông sạch hương hồn trước khí tan

Hơi âm đượm nhuần gom phách quế

Giác linh hưởng phước chôn thanh nhàn.

*Thái Ất Thiên Tôn*

Rồi đó, đồng nhi đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh cúng vong an vị

Âm dương nay đã chia đàng

Sớm trưa vắng dạng dạ càng héo von

Trăm năm nghĩ cuộc mắt còn

Là nơi số định, giữ tròn hiếu trung

Làm người cho trọn thi chung

Dương gian tuy cách, \*trùng phùng \*cự bang

Muối dưa tạm dụng \*linh sàng

Trà thô rượu lạt \*gia đàng lễ dâng

Đọc câu ly biệt ngậm ngừng

Đoái nhìn linh vị, khôn dưng giọt châu

\*Tử sanh thiên số nan cầu

Ước cho hồn đặng về châu Thiên Thai

Nhờ trên đại đức Cao Đài

Độ sanh độ tử cả hai cũng đồng<sup>(24)</sup>

Hồn linh nguyện đến \*non Bồng

Qua miền cực lạc thoát vòng \*trần ai

Ngày nay linh vị an bài

Chứng minh hiếu tử giờ nay bái quì

Chư Nho đưa đón kịp thì

Cầu cho hồn đặng hồi qui Thiên đài

Dặn lòng \*mưa chó đơn sai

Tưởng tình cốt nhục \*vãng lai \*gia đàng

Có câu \*sanh thuận tử an

Nhưng buồn dương thế \*suối vàng cách phân

Đây thương đến viếng mộ phần

\*Le the ngọn cỏ người thân khó tầm

Từ đây vĩnh biệt trăm năm

Hồn khôn khuyên nhớ viếng thăm \*gia đàng.

*Văn Xương Đế Quân*

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Tứ bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tửu.*

*Hiển tửu.*

Xong tuần rượu này, đồng nhi đọc tiếp bài kinh sau đây:

Bài kinh dung rượu (thứ nhứt)

Mừng thay rảnh đặng cuộc trần

\*Tiêu diêu \*cõi thọ tinh thần thêm tươi

Vườn xuân \*đào lý vui cười

Chào mừng bạn cũ khỏi mười \*ngục quan

Linh hồn trở lại \*Tiên bang

Thỏa lòng hứng cảnh Thiên Đàng viếng thăm

Vui vậy cùng bạn tri âm

<sup>(24)</sup> Cùng độ người sống và người chết.

Nhớ khi ở thế *\*bạn cầm tử thi*  
 Người người đồng niệm A Di  
 Cầu cho *\*u hiển* kịp kỳ Linh Tiêu  
 Mau mau trở lại đất diu  
 Đem chur đạo hữu bái triều Tiên Ông  
 Cùng nhau du ngoạn non Bồng  
 Phỉ tình cá nước *\*đạo đồng trước mai*  
 Khi xưa thờ Đức Cao Đài  
 Nay về Tiên cảnh *\*bệ giai* chực châu  
 Trái xem trong cuộc *\*bể dâu*  
 Tu hành là đạo đứng đầu hơn gian  
 Xem qua trong *\*máy hành tàng*  
 Một ngày cõi thọ là ngàn thế gian <sup>(25)</sup>  
 Giờ nay *\*đăng chúc* huy hoàng  
 Tửu trà huê [hoa] quả *\*bỉ bàng* kính dung  
 Tỏ trong đạo hữu chúc mừng  
 Cầu cho quý phách lầy lừng Thiên Thai  
 Chur Nho vung lịnh Cao Đài  
 Thỉnh hồn đạo hữu *\*cấp lai cơ tiên*.

Rồi rượu tuần nhứt, đọc tiếp bài kinh dung rượu tuần nhì sau đây:

Bài kinh dung rượu (tuần nhì)  
 Rượu tuần nhì rót đầy dung tiếp  
 Con, rể, dâu, đồng hiệp lạy quì  
 Ổn sanh thành ơn ví cao dày  
 Nghĩa dưỡng dục nghĩa tày lớn rộng

<sup>(25)</sup> Một ngày trên trời bằng ngàn ngày trần gian.

Kìa *\*chín chữ cù lao* lộng lộng  
 Nọ *\*mười ơn* dưỡng dục minh minh  
 Biết chi bồi đáp *\*tiên linh*  
 Tạm dùng *\*lễ bạc* chứng tình thảo ngay.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Nhị bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tửu.*

*Hiển tửu.*

Rượu tuần ba rồi, đọc tiếp bài kinh sau đây:

Bài kinh dung rượu (tuần ba)

Rượu này lễ tuần ba xin rót

Cúi lạy quì đôi giọt dầm sa

Bấy *\*tâm bào* gan ruột xót xa

Đoạn cốt nhục chia ra hai ngã

Dạy gia quyển *\*thượng hòa hạ mục*

Lễ mọn này nhứt nhứt sanh sô

Chúc cầu khỏi chôn *\*Phong Đô*

Được lên cõi Phật để hồ [hầu] nghe kinh.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Nhị bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Tấn phạn.*

Khi dung cơm rồi, đồng nhi đọc bài kinh sau đây:



### Bài kinh tấn phạn

Lễ \**tấn phạn* chứng lòng ngay thảo  
Dưới gôi dung trọn đạo làm con  
Công sanh thành báo bổ *chưa* <sup>(26)</sup> tròn  
Tình cốt nhục nước non khó sánh  
Nay cha [mẹ] đã cõi trần xa lánh  
Nơi \**gia đàng* hieu quạnh sớm khuya  
Vô thường sao vội chia lìa  
Làm cho người thiện phải về \**Đế hương*.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Nhị bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Điểm trà.*

*Hiển trà.*

Khi dung trà rồi, đồng nhi đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh dung trà

Trà bạch liên hơi lên thơm nức  
Xin tạm dùng lễ tất vừa xong  
Nguyện linh hồn *phát hóa* <sup>(27)</sup> \**non Bồng*  
Nương cõi Phật tu công lập quả  
Miền Tiên cảnh thực là phong nhã  
Bước từng mây thông thả sớm trưa  
Phật Tiên là chỗ thích ưa  
Lánh miền phàm tục gió mưa bụi trần.

Bài kinh trên đây đọc rồi, đồng nhi đọc tiếp bài kinh sau đây:

### Bài kinh đưa vong

Ngày nay tế lễ đã xong  
Chư Nho hiếu quyên đưa vong thượng đàng  
Ngưỡng cầu Thổ Địa Thành Hoàng  
Dẫn hồn nhẹ tách dặm ngàn Thiên Thai  
Dựa màn Phật Tổ Như Lai  
Kệ kinh gìn giữ hôm mai tu trì  
Rèn lòng bác ái từ bi  
Dắt diu hậu tấn đồng qui dưỡng nhân  
\**Luân hồi lục đạo* khỏi mang  
\**Danh ba phú quý* \**phàm gian* nào màng  
Ngươi thân trở lại ngôi vàng  
Là nơi cảnh cũ ẩn tàng thuở xưa  
Biển trần \**tang khổ* nên chừa  
Người mang xác thịt lọc lừa chưa xong  
Thiện căn thiện quả bền lòng  
Chờ ngày thoát xác \**non Bồng* gặp nhau  
\**Phước Thần* phước báu phát mau  
Cúi đầu lễ tống thanh cao phi đảng.

Lễ xướng: *Lễ tất tứ bái.*

Số 28. Lễ cúng vong của vợ hay của chồng

Bài này vợ cúng chồng hay chồng cúng vợ, thì đọc bài này, ấy là lễ cúng cơm bữa, khi dung tuần rượu thứ ba rồi, phải đọc bài kinh sau đây:

<sup>(26)</sup> Bản 1939 in là *cho tròn*. Nay sửa là *chưa tròn*.

<sup>(27)</sup> Bản 1939 in là *phát hóa*. Tín đồ thường đọc là *thoát hóa*.

Bài kinh chồng hay vợ tế vong  
 Rượu ba tuần quì dung trước án  
 Xin linh hồn hưởng cạn \*chén quỳnh  
 Tường trăm năm trọn chữ \*bổ kinh  
 Nào hay lại thình lình vội dứt  
 Trăng dương sáng vì mây nên khuất  
 \*Dây xe sấn ai bút chia hai  
 Nguyệt hương hồn lên chốn Phật đài  
 \*Cực Lạc giải [giới] hằng ngày thông thả  
 Sống may gặp Tam Kỳ \*Đạo cả  
 Lo tu bồi công quả tháng ngày  
 Nợ \*tiền khiên mau trả không vay  
 Dạy gia quyên \*trì trai thủ giới  
 Theo chơn lý, không tham danh lợi  
 Gìn luật lệ, chớ khởi lòng tà  
 Hằng niệm câu bác ái độ tha  
 Noi sáu chữ Di Đà Phật Tổ <sup>(28)</sup>  
 Trong \*thôn lý dày công phổ độ  
 Đặng vớt người biên khổ sông mê  
 Số Nam Tào nay đã định về  
 Hồn nương gió hầu kẻ Cực Lạc  
 Chơn thần xuất hồn ra khỏi xác  
 Chứng lòng thành đạm bạc tương rau  
 Chữ hiệp tan nghĩ đến càng đau  
 Người phân cách biết sao gặp mặt  
 Nay đành chịu chồng nam vợ bắc  
 Nhớ người yêu ngày khắc nào nguôi  
 Cõi Phật Tiên xin đó an vui  
 Miền dương thế để tôi công quả  
 Luật \*tam ngũ ngày đêm giữ dạ

<sup>(28)</sup> Tức là Nam mô A Di Đà Phật.

Đặng kịp sau khỏi đọa luân hồi  
 Người đà trở lại cựu ngôi  
 Vui miền Tiên cảnh, phải rồi trần ai.

### SỐ 29. Lễ khai mộ

Lễ này, khi chôn rồi, ba ngày sau, tang chủ đặt bàn \*Hậu Thổ trước mộ: hoa quả, ngũ hoa cúng hiến. Đi với một người đạo đức ra tại phần mộ cúng rồi, đọc sớ, sớ này viết sẵn ở nhà, rồi đem theo ra phần mộ cúng.

Tụng bài kệ này rồi, thì lấy ngũ hoa nhúng vào bạch thủy rảy xung quanh mộ, nghĩa là gọi: *âm tam nhật khai quang*, <sup>(29)</sup> *cửu nhật kiến trần*, có chỗ gọi là *cửu nhật huân xuân*, có nghĩa là *ba ngày thoát tục, rồi chín ngày trình diện trần đầu*.

Bài kinh khai mộ  
 Cúi xin Hậu Thổ chứng minh  
 Môn tang trai chủ lễ trình khai quang  
 Dẫn vong \*tảo vãng Thiên Đàng  
 Phách gìn giữ mộ \*linh sàng viếng thăm  
 Giữ tròn hai chữ đạo tâm  
 Hồn linh phơi phới \*quảng tâm Tiên cung  
 Ngàn năm \*lạc cảnh thung dung  
 Ngày thành chánh quả trùng phùng \*trước mai  
 Ổn trên Thượng Đế Cao Đài  
 Cùng Tiên, Phật, Thánh \*hoằng khai Đạo lành  
 Độ toàn \*tứ khổ chúng sanh  
 Đồng qua \*bỉ ngạn lên thành Nhị Châu.

Văn Xương Đế Quân

<sup>(29)</sup> Bản 1939 in là *khai quang*. Chưa rõ nên viết là *khai quang* 開光 hay *khai quan* 開關 (mở cửa, dân gian thường nói là mở cửa mà).

## MỤC LỤC GIỚI HẠN CƯ TANG THỌ CHẾ

### SỐ

1. Đại tang
2. Cơ tang
3. Đại công tang
4. Tiểu công tang
5. Tư ma tang
6. Tang tam phụ
7. Tang bác mẫu
8. Tang thầy
9. Tình tang nghĩa phục
10. Cư trọng tang ngộ trọng tang
11. Cư trọng tang như ngộ khinh tang

### GIỚI HẠN CƯ TANG THỌ CHẾ

#### 1. Đại tang

Đại tang là tang 24 tháng, tục hay gọi là 3 năm, từ 24 tháng \**dĩ hạ*.

- a. Con trai để tang cha mẹ sanh.
- b. Dâu để tang cha mẹ chồng.
- c. Cháu đích tôn *thừa trọng* để tang ông nội, bà nội, cha mất trước, sau mới có tang ông nội bà nội, thì tang ấy gọi là: *thừa trọng tang*.
- d. Con trai trưởng nam để tang cha mẹ sanh 24 tháng lại thêm 100 ngày nữa.
- e. Cháu trai để tang ông nội bà nội, cháu gái chưa xuất giá cũng vậy.
- f. Vợ để tang cho chồng
- g. \**Thiếp* để tang cho \**phu quân*.

#### 2. Cơ tang

Cơ tang là tang 12 tháng \**dĩ hạ*.

- a. Cháu gái đã \**xuất giá* để tang ông nội bà nội.
- b. Chồng để tang cho vợ chánh.
- c. Thiếp để tang cho vợ chánh.
- d. Dâu của thiếp để tang cho cha mẹ chồng.
- e. Cháu để tang bác trai, bác gái, chú thím.  
Cháu để tang cho cô ruột, nếu cô đã xuất giá, tang chỉ có 9 tháng thôi.
- f. Con gái xuất giá để tang cho cha mẹ sanh, nếu chưa có chồng thì phải để đại tang.
- g. Rể để tang cha mẹ vợ.
- h. Em để tang anh chị ruột.
- i. Con của thiếp để tang cho cha mẹ sanh vì \**đích mẫu* còn sống, nhưng mà nếu đích mẫu đã quá vãng, thì là đại tang 24 tháng.
- j. Đã làm con nuôi của người, thì chỉ được để tang cho cha mẹ sanh bấy nhiêu đó gọi là cơ tang.

#### 3. Đại công tang

Đại công tang từ 9 tháng \**dĩ hạ*.

- a. Cháu để tang ông ngoại bà ngoại sanh mẹ ruột.
- b. Em để tang chị gái đã \**xuất giá*, còn như đã cách biệt chồng trở về nhà cha mẹ mà không có con, thì được để 12 tháng.
- c. Cháu gái xuất giá để tang cho chú bác và cô bên mình, nếu cô có chồng thì không đặt để tang.
- d. Em gái đã xuất giá để tang anh chị ruột.

e. Em chồng để tang chị dâu 9 tháng, còn nếu anh ruột mình chết đi rồi, mà chị dâu ấy có *\*phụng tự* ông bà, thì tang lại là cơ tang nghĩa là 12 tháng.

f. Đã làm con nuôi nhà người rồi, thì để tang 9 tháng cho ông nội bà nội sanh cha ruột.

#### 4. Tiểu công tang

Tiểu công tang là tang từ 6 tháng *\*dĩ hạ*.

a. Cháu để tang bác trai, bác gái, chú, thím và cô trong họ, nếu cô xuất giá thì tang chỉ còn 3 tháng thôi.

b. Anh em chị em chú bác họ.

c. Cháu để tang ông bà sanh đích mẫu của mình.

d. Cháu để tang cậu và dì, nghĩa là anh em chị em ruột của mẹ.

e. Cháu để tang ông bà sanh mẹ nuôi của mình

#### 5. Tư ma tang

*\*Tư ma* tang là tang từ 3 tháng *\*dĩ hạ*.

a. Chồng để tang cho *\*thiếp*.

b. Cháu để tang ông chú ông bác họ.

c. Em dâu để tang anh chị ruột chồng.

d. Anh em chú bác xa đầu ông.

e. Anh em bằng hữu bạn bạn.

#### 6. Tang tam phụ

a. Dưỡng phụ (cha nuôi) chết để tang 24 tháng gọi là đại tang.

b. Đồng cư kế phụ (cha mất, mẹ có chồng khác ở chung một nhà) chết để tang 12 tháng gọi là cơ tang.

c. Bất đồng cư kế phụ (trước có ở chung, sau ở riêng) chết để tang 3 tháng gọi là tiểu công tang. Còn như *\*thỉ chung* không có ở chung thì *\*vô phục*.

#### 7. Tang bác mẫu

a. Đích mẫu (là mẹ lớn) chết, giới hạn tang là 24 tháng gọi là đại tang.

b. Kế mẫu (là vợ sau của cha cưới khi mẹ ruột chết), giới hạn tang là 24 tháng.

c. Dưỡng mẫu (là mẹ nuôi) chết, giới hạn tang là 24 tháng.

d. Từ mẫu (là mẹ mất lúc mình còn nhỏ từ 3 tuổi trở lại cha dạy thê hay thiếp nuôi dưỡng mình đến lớn, người ấy gọi là từ mẫu), nếu chết thì giới hạn tang là 24 tháng gọi là đại tang.

e. Giá mẫu (là người mẹ ruột khi cha mình đã chết rồi, đi cải giá, rồi chết), thì giới hạn tang là 12 tháng.

f. Xuất mẫu (là mẹ bị cha để bỏ) khi chết, thì con có cái giới hạn để tang là 12 tháng.

g. Thứ mẫu (là vợ sau của cha, cưới khi mẹ ruột đã chết), thì giới hạn để tang chỉ có 12 tháng.

h. Nhũ mẫu (là người mẹ cho bú, tục thường gọi là bà vú), giới hạn tang của con là 3 tháng.

#### 8. Tang thầy

Thầy Tử Trình nói rằng: Thầy trò chẳng lập phục đặng, tùy theo tình hậu bạc để phục nhiều ít.

Như Thầy Nhan Mẫn để tang cho Đức Khổng Tử *\*trảm thối* 3 năm.

## 9. Tình tang nghĩa phục

Hễ có ân có nghĩa đều có phục mà tùy theo tình hậu bạc mà để tang trọng khinh.

### 10. Cư trọng tang ngộ trọng tang

Như đương chịu tang cha chưa mãn, lại gặp tang mẹ, vì hai tang đều là tang trọng, phải trừ tang cha, mới chịu tang mẹ, nghĩa là phải dùng lễ tuần đại tường mà trừ tang cha trong lúc đó, rồi mới thọ tang mẹ.

Phàm đương chịu tang mẹ chưa mãn kế gặp tang cha, cũng làm như vậy.

### 11. Cư trọng tang như ngộ khinh tang

Đương để tang cha mẹ chưa mãn, kế gặp một cái tang như tang anh em, thì gọi là: *\*Cư trọng tang như ngộ khinh tang*.

Tuy là tang khinh cũng phải để dẹp tang trọng mà thành phục chịu tang khinh cho đến tống chung, làm lễ *\*cúng ngư* rồi, thì tang khinh để dẹp đó trở lại trọng tang cho đến mãn, trừ trọng tang rồi, nếu tang khinh chưa mãn thì trở qua tang khinh cho đủ.

Nếu trọng tang mãn, rồi tang khinh cũng mãn thì thôi.

## MỤC LỤC CÁC LỄ CẦU SIÊU

### SỐ

1. Lời dặn cần yếu
2. Sắp đặt nghi tiết việc cầu siêu
3. Việc hành lễ, vào đám
4. Lễ nhập đàn niệm hương chú: *ba bài kinh niệm hương*
5. Lễ thỉnh tịnh thủy sái đàn: *chú tịnh thủy, chú sái đàn*
6. Lễ cúng Thiên Bàn và thỉnh chư Tiên Phật: *bài kệ trống, bài kệ chuông, bài kệ mộc ngư, bài kệ chuông nhỏ, bài kinh xưng tụng Phật, Thánh, Tiên, Thần*
7. Lễ cáo tiên linh: *ba bài kinh*
8. Lễ cúng vong và thỉnh vong tựu đàn cầu siêu: *tám bài kinh*
9. Lễ khai kinh tụng cầu siêu: *bài dung hương, bài kệ phan, hai bài kinh cầu siêu, kinh Tu Chơn Thiệp Quyết, kinh Sám Hối, kinh Cầm Ứng Diễn Nghĩa*
10. Lễ hườn kinh: *ba bài kinh*
11. Lễ cúng thí thực cô hồn: *hai bài kinh*
12. Lễ cúng ông bà: *ba bài kinh*
13. Lễ cúng vong và đưa vong: *bốn bài kinh*
14. Lời dặn
15. Lễ trừ phục: *năm bài kinh*

### Số 1. Lời dặn cần yếu

Trong Đạo, kể từ ngày người vô phước đã liễu đó, đúng 9 ngày thời phải làm một cái cửu, làm đủ 9 cái cửu gọi là cửu cửu, hành y như vậy cho đủ 9 lần, cộng chung lại là 81 ngày.

Lễ này làm cho đúng phép chỉ dạy, thì người vô phước sẽ được ân huệ y như lời nguyện chẳng sai, nên người giữ đạo Cao Đài nên coi: *Lễ Cầu Siêu Làm Theo Phép Tổng Cứu Phan* này làm trọng, chẳng nên sơ sót rồi không chứng quả.

Đến như Bá nhật, Tiểu tường, Đại tường theo như hồi giờ đến nay, cũng nên theo cách thức của Tam Kỳ, song nên chế giảm bớt những việc phiền phức làm cho tốn hao vô ích. Ba lễ nói trên đây, theo như Tam Kỳ Phổ Độ đã có rồi đây, thời đã trở nên ba cái lễ để cho tang quyến trừ phục đó vậy thôi.

*Lễ Cầu Siêu Làm Theo Phép Tổng Cứu Phan* đây, mới có sau khi mở Tam Kỳ Phổ Độ do nơi Ôn Trên dạy, hầu cho non sanh noi theo đó làm cho hợp với Thiên thơ đã định vậy.

Nếu mà hành lễ Tổng Cứu Phan theo Tam Kỳ Phổ Độ thời trong Đạo nên đọc phụ thêm trong lúc cầu siêu những kinh của Tam Kỳ sau đây:

1. Tu Chơn Thiệp Quyết (*Đức Cao Đài Thượng Đế*)
2. Kinh Sám Hối dài (*Minh Lý Đạo*)
3. Kinh Cảm Ứng Diển Nghĩa (*Tam Giáo Chủ*)

Thế cho Kinh Tam Bảo của Nhị Kỳ Phổ Độ mà tụng thì đủ rồi, đủ theo điệu cầu siêu của Đạo Thầy.

Ấy vậy, trong Đạo nên coi theo đây đặng làm lễ cầu siêu cho người vô phước đã qui liễu.

## Số 2. Sắp đặt nghi tiết về việc làm lễ cầu siêu

Bài vị <i>Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn</i> <i>Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát</i>	
Bài vị <i>Quan Âm Như Lai</i>	Bài vị <i>Địa Tạng Vương Bồ Tát</i>
Bài vị <i>Chư Tiên</i>	Bài vị <i>Thập Phương Chư Phật</i>
Bài vị <i>Thập Bát A La Hán</i>	Bài vị <i>Quan Thánh Đế Quân</i>
Bài vị <i>Chư Thánh</i>	Bài vị <i>Thành Hoàng Bản Cảnh</i>
Bài vị <i>Long Thần Hộ Pháp</i>	

Tùy gia sở hữu rộng hẹp mà đặt bàn, như rộng thì đặt nhiều bàn, hẹp thì đặt ít cũng đặng, còn trên đây là sắp đặt theo giàu có dư ăn dư để.

Dầu cho nghèo hay giàu về việc làm lễ cầu siêu, tang chủ phải lo đặt cho sẵn 9 lá phan, coi theo kiểu đặng ở nơi mục các thứ kiểu số.

Khi nghi tiết trang hoàng rồi, nghĩa là mỗi bàn đều có chung đồng bình tây quả, ba chung trà, một bình bông, một lư nhang, và một cặp đèn, thì là lo việc hành lễ.

## Số 3. Việc hành lễ

Vào đám

Đâu đó trang hoàng, bước qua giờ ngọ là giờ khởi vào đám.

Vậy trước hết, phải cúng tứ thời, khi đọc ngũ nguyện rồi thì vào đám liền đó.

Số 4. Lễ nhập đàn niệm hương chú

Lễ này, phải có một ông đạo đức tuổi cao trường trai chứng đàn, còn đạo hữu nam hay nữ lãnh phần tụng kinh, cũng phải chọn người trường trai.

Ông này cầm một cây đèn cầy đi trước Thiên Bàn ba vòng vô vi, rồi đứng trước Thiên Bàn làm lễ xá ba xá, rồi tiếp lấy 9 cây nhang đốt sẵn cầm chắp nơi ngực mình, rồi niệm bài kinh sau đây, đọc giọng thanh cho rõ chữ:

Bài chú niệm hương

Vọng từ ân thống lãnh thiên thân  
Châu Ngọc Đế hầu gần Kim Khuyết  
Thường xem xét hơi hương tinh khiết  
Đã rõ thông \*hung kiết phải tâu  
Hiệp chư thần ra sức khẩn cầu  
Cho linh diệu nhiệm mầu ngút tỏa  
Khói thơm nức bay xa trừ họa  
Diệt yêu ma nhiễu phá hồng trần  
Loài mị tà chẳng dám đến gần  
Mùi ước trược vợi cần tiêu tán.

Khi đọc bài này rồi, cắm 9 cây nhang đó trong lư trầm để trước Thiên Bàn, rồi đọc tiếp luôn bài sau đây:

Bài chú niệm hương

Hoàng Thiên chứng chiếu tâm thành  
Mùi hương lư ngọc khinh thanh chín từng  
Khói thơm bay khắp tung bưng  
Lòng thành đệ tử kính mừng Thiên Nhan

Nguyện cầu Tiên Thánh hội bàn

\**Thừa long giá hạc* giáng đàn chứng tri

Cúi xin chư Phật từ bi

Rõ lòng đệ tử ngọc thời niệm hương.

*Văn Xương Đế Quân*

Khi bài này đọc rồi, ông đạo đức lạy 12 lạy, kế tiếp 5 cây nhang khác đốt sẵn, chắp ngang ngực rồi đọc bài sau đây:

Bài chú niệm hương

Một tấm lòng thành niệm trước điện tiền  
Mùi hương thơm nức thấu đến đài Tiên  
Khẩn cầu Trời Phật đạo pháp thông truyền  
Chứng lòng tang chủ dưới miền thế gian  
Chư Nho đệ tử sắc ban  
Vưng lời Tiên Trưởng lập đàn cầu siêu  
Nhờ trên lượng rộng đức nhiều  
Chứng lòng hiểu chủ hạnh siêu hoan tình.

Bài này đọc rồi, ông đạo đức lạy 12 lạy, rồi tiếp đó làm lễ này.

Số 5. Lễ thỉnh tịnh thủy sai đàn

Lễ này phải chọn một ông đạo đức trường trai biết chữ Nho đứng làm lễ, là vì phải làm cho trúng, kéo tội lỗi cùng Tiên Thánh.

Khi múc chén nước sạch rồi, ông đạo đức đứng ngó ngay Thiên Bàn, tay trái cầm chén nước đưa ngay trước mắt mình, tay mặt cầm ba cây nhang đọc bài sau đây, miệng đọc, tay vẽ bùa tịnh thủy, đọc tới “*Ngô kim phúng động*” thì thổi trên mặt nước một cái, đọc hết bài, kế họa phù có viết chữ Nho và âm chữ quốc âm sau đây:

Bài chú tịnh thủy

*Thiên nhứt sanh thủy*

*Địa lục thành chi*

*Nhứt lục ký định*

*Ngũ hành nãi ki*

*Ngô kim phúng động*

*Uế trực trần phi.*<sup>(1)</sup>

Rồi vẽ trên mặt nước và đọc thầm trong miệng mấy câu sau này:

*Bạch càn nguơn hanh lợi trinh.*

Tiếp đó cầm ba cây nhang, hoặc co ngón tay giữa mà vẽ trên mặt nước như dưới đây:

*Chí Tôn Chí Thánh sắc phong ngũ qui.*

Khi vẽ phù xong rồi, lấy một nhánh dương liễu chấm nước tịnh thủy, rồi đọc bài chú sái đàn sau đây:

Đọc đầu rảy đó và rảy các bàn ghế.

Chú sái đàn

Đọc giọng thần chú:

*Dương chi đảo thủy biến sái nội đắc thanh lương tẩy trừ chư cấu uế than than giáng trinh tường:*<sup>(2)</sup>

1. Đông phương giải thoát chi u minh tẩy trừ nga qui bất

---

<sup>(1)</sup> Sách *Vạn Pháp Qui Tông* 萬法歸宗 chép là: *Thiên nhứt sanh thủy* 天一生水, *Địa lục thành chi* 地六成之, *Lục nhứt tức hợp* 六一即合, *Ngũ hành nãi ki (cơ)* 五行乃基, *Ngô lệnh ngô động* 吾令吳動, *Uế trực trần phi* 穢逐塵飛. (Lưu ý: chữ *kim* 今 và chữ *lệnh* 令 viết khá giống nhau.)

<sup>(2)</sup> Đại ý: Cành dương liễu chấm nước rảy khắp, cho bên trong điện được mát mẻ thanh khiết, tẩy trừ ô uế, cho sự tốt lành giáng xuống.

*đáo điện trung.*

2. Tây phương giải thoát chi u minh tẩy trừ nga qui bất  
*đáo điện trung.*

3. Nam phương giải thoát chi u minh tẩy trừ nga qui bất  
*đáo điện trung.*

4. Bắc phương giải thoát chi u minh tẩy trừ nga qui bất  
*đáo điện trung.*

5. *Án thượng trung hạ giới [giới] giải thoát chi u minh tẩy*  
*trừ nga qui bất đáo điện trung.*<sup>(3)</sup>

Mấy câu chú trên đây, khi miệng đọc thì tay chấm nước rảy theo hướng, chân đứng chữ đing 丁, phải nghiêm chỉnh, tinh tảo mới có linh nghiệm.

Số 6. Lễ cúng Thiên Bàn và thỉnh chung Tiên Phật

Lễ này, chức sắc và đạo hữu đứng sắp ban, còn tướng lễ sắm 6 người, mỗi người cầm một cây đèn cây rồi ở bàn Hộ Pháp đi lên, đi cho nghiêm chỉnh, khi tới Thiên Bàn xá ba xá ở trong, day ra ngoài xá ba xá, rồi quày trở về chỗ cũ mà phân ra nghi thứ của ai nấy đứng.

Lễ xướng: Chập sự giả các tư kỳ sự. (*Mấy người đánh chuông, trống, nhạc, ai lo phận nấy.*)

Lễ xướng: Lôi âm cổ khởi. (*Người đánh trống châu, vừa đọc bài kệ sau đây vừa đánh.*)

Bài kệ trống

Lôi Âm đội dục cấp oai linh.

ooo (3 cái đùng)

---

<sup>(3)</sup> Đại ý: Các hướng (đông, tây, nam, bắc) và ba cõi (thượng giới, trung giới, hạ giới) được giải thoát khỏi u minh, tẩy trừ qui đối, không cho chúng đến bừa điện.



Êm qui tứ phương thể giải bình.           ooo (3 cái đùng)  
Thần, Thánh, Phật, Tiên đồng tinh sắc.   ooo (3 cái đùng)  
Ngọc Hoàng lập điện thiết Huỳnh Kinh.  
  ooo ooo ooo ooo (12 cái đùng)  
  ooo ooo ooo ooo (12 cái đùng)  
  ooo ooo ooo ooo (12 cái đùng)  
  ooo (3 cái đùng)

*Đức Cao Đài*

Lễ xướng: *Bạch ngọc chung minh.*

(Người đánh chuông và [vừa] đọc bài sau đây và [vừa] đánh chuông)

Bài kệ chuông

Bạch Ngọc đền xưa cách dội rung.           ooo (3 tiếng)  
Thành Hoàng độ dẫn đệ thanh chung.       ooo (3 tiếng)  
Phục hồi bái mạng châu Kim Khuyết.       ooo (3 tiếng)  
Tấu cuộc trai tuần tại giải trung.  
  ooo ooo ooo ooo (12 tiếng)  
  ooo ooo ooo ooo (12 tiếng)  
  ooo ooo ooo ooo (12 tiếng)  
  ooo (3 tiếng)

*Đức Cao Đài*

Lễ xướng: *Nhạc tấu huân thiên.* (Người đánh trống nhạc đánh tiếp giá ba hồi chín chập.)

Lễ xướng: *Khai mộc ngư.* (Người đánh mõ đánh 12 dùi mõ, miệng niệm bài kệ sau đây.)

Bài kệ mộc ngư

*Nam mô án mộc ngư tảo trừ nạ qui chi u minh bắt đáo điện trung, đệ mộc ngư phản hồi cung thượng.*

*Đức Cao Đài*

Lễ xướng: *Khấu tri chung.* (Một người đứng tại Thiên Bàn đánh chuông nhỏ.)

Bài kệ chuông nhỏ

Chung thanh đồng khấu u minh quang.       ooo (3 tiếng)  
Tinh ngộ nhơn sanh hiệp nhưt đàng.       ooo (3 tiếng)  
Sám hồi hồi đầu qui chánh giáo.           ooo (3 tiếng)  
Cao Đài chúa tể độ hồng khoan.           ooo (3 tiếng)

*U Minh Giáo Chủ*

(8-6 nhuận Canh Ngũ) <sup>(4)</sup>

Lễ xướng:

*Thiên phong chức sắc y thứ tự tựu vị.*

*Hiếu chủ tựu vị.*

*Giai qui.*

*Phụng kỳ thỉnh thánh nghi.*

*Cúc cung bái.*

*Hưng bình thân.*

*Phụng hương án tiền.*

*Qui.*

*Phản hương.*

*Tấn hương.*

*Thành tụng niệm hương chú.*

*Cúc cung bái.*

*Hưng bình thân.*

*Thành tụng số vãn.* (đọc số cầu siêu)

*Phản số.*

Lễ xướng:

*Cúc cung bái.*

*Hưng bình thân.*

---

<sup>(4)</sup> Thứ Bảy, 02-8-1930.

Thành tụng khai kinh chú.  
Thành tụng Thiên Đế chí tâm.  
Cúc cung bái.  
Hưng bình thân.

Xưng tụng công đức Phật, Thánh, Tiên, Thần.

Khi lễ xong câu xưng tụng công đức Phật, Thánh, Tiên, Thần, đồng nhi đọc bài sau đây:

Bài kinh xưng tụng Phật, Thánh, Tiên, Thần  
Hào quang chiếu chín tầng mây bạc  
Thần, Thánh, Tiên \*thừa hạc cõi rồng  
Phép linh thiết rất chí công  
Háo sanh muôn vật ngửa trông phước đời  
Trên điện ngọc Vua Trời ngự giáng  
Trước đèn vàng phán đoán phân minh  
Cõi trần trung giải *phân minh* <sup>(5)</sup>  
Phàm gian lao khổ đao binh tai nạn  
Lòng Trời cảm cứu an lê thứ  
Độ chúng sanh muôn xứ gọi ân  
Đạo Nho truyền dạy nghĩa nhân  
Văn Tuyên Khổng Thánh khuyên dân răn đời  
Ghi các sách ngàn lời để lại  
Chép nhiều thơ \*vạn đại truyền ra  
Tây phương cõi Phật chói lòa  
Từ bi Phật Tổ \*hải hà độ dân [cúi đầu]  
Lòng cảm xót dương trần lận đận  
Ra oai linh tiếp dẫn \*nhơn cảm  
Phổ Đà có Phật Quan Âm

<sup>(5)</sup> Có lẽ bản 1939 in nhầm hai chữ *phân minh* ở câu này.

Ra công cứu thế ân thâm đức dày  
Nhiều kiếp đã đầu thai biết mấy  
Xuống hồng trần khuyên dạy \*thương sanh  
Lão Quân ứng hóa Tam Thanh  
Khuyến răn nhơn vật lòng thành chó xao  
Cơ huyền diệu Đạo cao minh chánh  
Hiển phép màu ma lánh quỷ kiêng  
Trừ yêu có thánh Tề Thiên  
Qui y Phật pháp ở miền Tây phương  
Oai bốn hướng thần nhường quỷ sợ  
Đức \*ba giềng tế trợ thương sanh  
Hớn trào Quan Thánh bia danh <sup>(6)</sup>  
Trung cang nghĩa khí háo sanh giúp đời  
Tuần ba cửa cõi trời đều đúng  
Xét bốn phương dân chúng dữ lành  
Linh Tiêu Thái Bạch Trường Canh  
Truyền tâu Đế Khuyết dữ lành nhơn gian  
Chí từ huệ giúp an lê thứ  
Thông rõ đời nhơn sự kiết hung  
Đại Tiên ở chốn Thiên Cung  
Lòng lành thi phú thung dung độ người  
Ánh xá lợi sáng ngời Cực Lạc  
Hiển kim thân Bồ Tát hóa thân  
Thiên cung: tinh tú, Thánh, Tiên  
Địa ký: Thần tướng đàn tiền giáng lâm  
Lòng sở vọng lâm râm tụng niệm  
Xin giải nạn \*Nam Thiệm Bộ Châu

<sup>(6)</sup> Đức Quan Thánh sống dưới triều nhà Hán có tên khắc vào bia đá (lưu lại danh thơm cho đời).

Chúng sanh cảm đức cao sâu  
Rền lòng sửa nét lo âu làm lành.

*Thái Thượng Lão Quân  
Nhiên Đăng Cổ Phật*

Lễ xướng:

*Cúc cung.*

*Bái.*

*Hưng bình thân.*

*Phụng hiến tiên hoa.*

*Qui.*

*Cung thỉnh tiên hoa.*

*Thành niệm hoa nghi.*

*Cúc cung.*

*Bái.*

*Hưng bình thân.*

*Phụng hiến tiên tử.*

*Qui.*

*Cung khai tửu chi.*

*Phụng tẩn tiên tử.*

*Thành niệm tửu nghi.*

*Cúc cung.*

*Bái.*

*Phụng hiến tiên trà.*

*Qui.*

*Cung khai trà bôi.*

*Phụng tẩn tiên trà.*

*Thành niệm trà nghi.*

*Cúc cung.*

*Bái.*

*Hưng bình thân.*

Đồng nhi tiếp đọc bài kinh sau đây khi hiến trà rồi.

Bài kinh thỉnh Phật, Tiên, Thánh, Thần (thứ nhất)

Đàn tràng thiết lập trai tuần

Cầu xin Tiên Phật hiện tiền chứng tri

Ngày nay cửu cửu [bá nhật] đến kỳ

Cung thỉnh Chư Phật yết kỳ điện trung.

Bài kinh thỉnh Phật, Tiên, Thánh, Thần (thứ nhì)

Trên Phật Tổ từ bi chiếu giám

Dưới Thần Tiên linh cảm chứng tri

Ngày nay mở cuộc siêu kỳ

Cầu cho [họ tên] hồn phi Thiên đàng

Nguyện cùng Phật Tổ Tây phang

Quan Âm Bồ Tát \*tràng phan giáng liền

Cúi xin Hộ Pháp Long Thiên

Đề vâng giá võ xuống miền trần gian

Từ bi ủng hộ trai đàn

Giúp cho tín chủ bảo toàn hiếu trung.

*Thành Hoàng Bốn Cảnh*

Rồi bài kinh này, lạy 12 lạy, đọc tiếp bài kinh sau đây:

Bài kinh cầu xin Đại Từ Phụ

ban ơn cho vong được nhập đàn

Thái Dương chiếu khắp chúng sanh

Xét xem muôn việc dữ lành đoán phân

Nam Tào nắm số dương trần

Độ sanh độ tử cầm cân song bằng

Lòng Trời thương kẻ thiện căn

Chờ ngày mãn thế phi thăng Thiên đàng

\*Đê đầu tẩu bái Thiên Nhan

Chư Nho đến giúp \*trai đàn cầu siêu

Nói theo luật pháp \**Thiên điều*  
Triệu hồn \**phản bộ* bái triều đàn trung  
Cúi xin Thượng Đế \**nhieu dung*  
Cho hồn trở lại \**trùng phùng* \**tử tôn*  
Nay [họ tên] phân hồn  
Còn chờ chiếu chỉ \**phi bốn* nhập đàn.

Lễ xướng:

*Cúc cung.*

*Bái.*

*Hưng bình thân.*

*Chức sắc thành tâm cầu ngũ nguyện.*

*Đạo nhơn vị bái đồng lai bái.*

*Lễ tất.*

Số 7. Lễ cáo tiên linh

Lễ này, sắm dọn cơm chay và hương, đăng, trà, tửu để trên bàn thờ ông bà.

Lễ xướng:

*Hiếu chủ tỵ vị.*

*Qui.*

*Phân hương.*

*Niệm hương.*

Khi niệm hương rồi, ông đạo đức chứng đàn ngâm bài kinh sau đây:

Bài kinh niệm hương

Một dạ kính thành đốt nén hương

Kính mời thất tổ đáo từ đường

\**Tiên linh* nội ngoại cùng cô bác  
Chứng thảo cháu con đến cõi dương.

Rồi đó, đồng nhi đọc bài kinh sau đây, khi ông đạo đức dứt bài:

Bài kinh cáo tiên linh (thứ nhất)

Thượng Đế truyền ra ân sắc phần

Chư Nho đệ tử đến thi ân

Tụng cầu siêu độ vong hồn tử

..... chi tuần lễ hiến dâng

Nguyện tiên linh ngậm ngùi chín tuổi

Chứng cháu con đầu cúi lạy cầu

Tang ba năm đái hiệu lòng sâu

Nguyên Trời Phật khấn cầu tụng kinh.

Lễ xướng:

*Cúc cung.*

*Bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tửu.*

*Hiến tửu.*

Cúng rượu rồi, đồng nhi đọc tiếp bài kinh sau đây:

Bài kinh cáo tiên linh (thứ nhì)

Ơn Trên bố đức rộng thênh

Dẫn hồn lên đặng quang minh cõi trời

Chí thành nguyện vái như lời

Cầu cho thất tổ muôn đời tiêu diêu

Ơn tình gánh nặng thăm yêu

Hiếu trung vẹn giữ đưng xiêu lòng tà  
Cúi đầu làm lễ ông bà  
Rước về chứng thính Di Đà thuyết kinh  
Có ông Địa Tạng thân nghinh  
Dẫn hồn về chốn bửu tinh tọa vàng  
Tín thành thiết lập trai đàn  
Cầu Trời khẩn Phật huy hoàng kỳ siêu.

Lễ xướng:

*Cúc cung.*

*Bái.*

*Hưng bình thân.*

*Điểm trà.*

*Lễ tất.*

Số 8. Lễ cúng vong và thỉnh vong tựu đàn cầu siêu

Lễ này, dọn cơm chay trên bàn vong cúng và hương, đấng, trà, tửu.

Lễ xướng:

*Tang chủ tựu vị.*

*Qui.*

*Phân hương.*

*Niệm hương.*

Khi niệm hương rồi, ông đạo đức chứng đàn liền ngâm bài kinh sau đây:

Bài kinh niệm hương

Khói hương ngui ngút trước *\*linh sàng*  
Xông sạch hương hồn trược khí tan  
Hơi ấm đượm nhuần gom phách quế  
Giác linh hưởng phước chốn thanh nhàn.

Đồng nhi tiếp đọc bài kinh sau đây, khi ông đạo đức ngâm dứt bài Niệm hương:

Bài kinh thỉnh vong nhập đàn (thứ nhứt)

Nay tang chủ đáp tình hiếu tử  
Thỉnh Cao Tiên đệ tử đạo hiền  
Tụng kinh nhờ đức rộng thiêng liêng  
Xin xá tội sanh tiền hung ác  
Cầu Phật Tổ, Quan Âm Bồ Tát  
Cho vong linh đặng thoát khổ hình  
Xin linh hồn theo dõi lộ trình  
Về chứng chiếu lễ trình cúng tế  
Trăm năm đốc tưởng thương không phé  
Một dạ thành thọ chế cư tang  
Xin cho hồn phát lạc bình an  
Về *\*Tây vức* đặng ban công quả  
Cuộc dương thế *\*trái oan* vay trả  
Khỏi nợ trần thông thả cõi Tiên  
Cũng là nhờ đức *\*Hoàng Thiên*  
Cho vong nhẹ tách đến miền thế gian  
Tửu trà hoa quả *\*bỉ bàng*  
Thỉnh hồn trở lại *\*trai đàn* nghe kinh.

Bài kinh thỉnh vong nhập đàn (thứ nhì)

Nay tang chủ lễ cầu siêu sự  
Cậy chư Nho đệ tử Cao Tiên  
Tụng kinh nhờ đức rộng *\*Hoàng Thiên*  
Xin xá tội sanh tiền hung độc  
Nguyễn Thổ Địa dẫn hồn tức tốc  
Đem hồn về chứng hưởng cúng dung  
Nay tang chủ trai tuần cứu cứu [bá nhựt, mãn phục]

Cầu hồn về \**Tây vức* thung dung  
Nhớ ơn ba vạn ức niên từng  
Theo chơn Phật âm cùng chơn Phật.

Lễ xướng:

*Cúc cung.*

*Bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tửu.*

*Hiển tửu.*

Khi rượu thứ nhứt dung rồi, đồng nhi đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh dựng rượu (tuần nhứt)

Rượu tuần nhứt châm đầy dung trước  
Nguyện hương hồn âm phước cho vui  
Xin chứng lòng con thảo ngậm ngùi  
Đau dạ trẻ sứt sùi giọt lụy  
Đơn sơ lễ trọn niềm chung thi  
Sự mất còn thờ ví cũng đồng  
Ba năm tang hiếu vẹn xong  
Chúc cầu thân phụ [thân mẫu] \**non Bông* \**tiêu diêu.*

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tửu.*

*Hiển tửu.*

Khi rượu tuần nhì dựng rồi, đồng nhi đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh dựng rượu (tuần nhì)

Rượu tuần nhì rót đầy dung tiếp  
Con, rể, dâu đồng hiệp lạy quì  
Ổn sanh thành ơn ví cao dày  
Nghĩa dưỡng dục nghĩa tày lớn rộng  
Kìa \**chín chữ cù lao* lộng lộng  
Nọ \**mười ơn* dưỡng dục minh minh  
Biết chi bồi đáp \**tiên linh*  
Tạm dùng lễ bạc chứng tình thảo ngay.

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tửu.*

*Hiển tửu.*

Khi rượu tuần ba dựng rồi, đồng nhi đọc tiếp bài kinh sau đây:

Bài kinh dựng rượu (tuần ba)

Rượu này lễ tuần ba xin rót  
Cúi lạy quì đôi giọt dầm sa  
Bấy \**tâm bào* gan ruột xót xa  
Đoạn cốt nhục chia ra hai ngã  
Dạy gia quyền \**thượng hòa hạ mục*  
Lễ mọn này nhứt nhứt sanh sô  
Chúc cầu khỏi chón \**Phong Đô*  
Được lên cõi Phật để hồ [hầu] nghe kinh.

Lễ xướng:

*Phủ phục hung.  
Bái.  
Hung bình thân.  
Qui.  
Tấn phạn.*

Khi dung com rồi, đồng nhi đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh tấn phạn

Lễ \**tấn phạn* chứng lòng ngay thảo  
Dưới gói dung trọn đạo làm con  
Công sanh thành báo bổ *chưa* <sup>(7)</sup> tròn  
Tình cốt nhục nước non khó sánh  
Nay cha [mẹ] đã cõi trần xa lánh  
Nơi \**gia đàng* hieu quạnh sớm khuya  
\**Vô thường* sao vội chia lìa  
Làm cho người thiện phải về \**Đế hương*.

Lễ xướng:

*Phủ phục hung.  
Bái.  
Hung bình thân.  
Qui.  
Điểm trà.  
Hiển trà.*

Khi dung trà rồi, đồng nhi đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh dung trà

Trà bạch liên hơi lên thơm nức  
Xin tạm dùng lễ tất vừa xong  
Nguyện linh hồn *phát hóa* <sup>(8)</sup> \**non Bông*

Nương cõi Phật tu công lập quả  
Miền Tiên cảnh thực là phong nhã  
Bước từng mây thông thả sớm trưa  
Phật Tiên là chỗ thích ưa  
Lánh miền phàm tục gió mưa bụi trần.

Lễ xướng: *Thỉnh vong tựu đàn thánh kinh.*

Khi lễ xướng rồi, một ông đạo đức tiếp đọc như sau đây:

Bài kinh thỉnh vong nhập đàn (thứ ba)

Nay viên mãn dung trà bốn lạy. (*Biểu tang chủ lạy 4 lạy.*)

Thỉnh hương hồn khấu bái Phật Trời

(*Biểu tang chủ bưng lư hương rồi đợi đó.*)

Câu từ bi ân đức độ đời

Tiêu giảm tội thoát nơi khổ não

(*Hai tướng lễ và ông đạo đức cùng tang chủ và đồng nhi theo lư hương đi ngay qua Thiên Bàn rồi đứng đó.*)

Chúng con cả thành tâm khấn đảo (*Đồng xá ba xá.*)

Vong siêu thăng môn đạo lâu dài.

(*Rồi bưng lư hương của vong lại để trước bàn Hộ Pháp và một lá phướn kẻ theo nếu là một vị Thiên phong, còn như không có chức sắc Thiên phong thì để lư hương một bên gần bàn Hộ Pháp.*)

Số 9. Khai kinh tụng cầu siêu

Lễ này, sắp mỗi bàn một người đạo đứng trước mỗi bàn, mỗi người một cuốn kinh: *Tu Chơn Thiệp Quyết, kinh Sám Hối, Cảm Ứng Diển Nghĩa.*

<sup>(8)</sup> Tín đồ thường đọc là *thoát hóa*.

<sup>(7)</sup> Bản 1939 in là *cho*. Nay sửa là *chưa*.

Cách sắp đặt như vậy cho có trật tự trước khi lập lời nguyện:

1. Bốn người đạo đứng trước bửu điện, trước hai bàn kê đó ngay bàn Hộ Pháp, mỗi người một cuốn kinh.

2. Ba người đạo đứng trước ba bàn phía bên Quan Âm, mỗi người một cuốn kinh.

3. Ba người đạo đứng trước ba bàn phía bên Quan Thánh, mỗi người một cuốn kinh.

Khi có chuông lệnh nhập đàn, ông đạo đức chứng đàn và 3 đạo nam, 3 đạo nữ vô lập ban trước Thiên Bàn, rồi ông đạo đức quì ở giữa, 3 đạo nữ quì bên hữu, 3 đạo nam quì bên tả, rồi lập nguyện như vậy:

“*Đệ tử đồng thành tâm khấu bái Đại Từ Phụ quảng đại từ bi chứng chiếu vong hồn [họ tên] đầu nhập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, kim căn mãn chung, phán bốn huần nguyên, đệ tử cảm tình, đồng cầu vong linh siêu thăng cực lạc.*”

Trong khi đọc, 10 người đạo đứng trước 10 bàn cũng quì theo như vậy và cũng đồng nguyện theo như trên đây.

Tiếp đó, ông đạo đức, 3 đạo nam, 3 đạo nữ, cùng 10 người quì trước 10 bàn đó, đọc bài kinh dung hương sau đây:

Bài kinh dung hương

Hoàng Thiên chứng chiếu tâm thành

Mùi hương lư ngọc khinh thanh chín từng

Khói thơm bay khắp tung bưng

Lòng thành đệ tử kính mừng Thiên Nhan

Nguyện cầu Tiên Thánh hội bàn

\**Thừa long giá hạc* giáng đàn chứng tri

Cúi xin chư Phật từ bi

Rõ lòng đệ tử Dâu thì [thời] niệm hương.

*Văn Xương Đế Quân*

Rồi bài dung hương, ông đạo đức khởi đọc bài kệ phan một câu đầu, rồi tới một người đạo nam câu thứ nhì, người đạo nữ câu thứ ba, cứ như vậy cho tới câu thứ tám, lại là về của ông đạo đức đọc, ấy vậy, coi theo đây dựng đọc:

Bài kệ phan

Ông đạo đức đọc: *Đệ nhứt phan, đệ nhứt phan.*

Đạo nam đọc: *Đắc ơn Thầy phú lại Thầy ban.*

Đạo nữ đọc: *Người có công tu dựng vẹn toàn.*

Đạo nam đọc: *Linh hồn qui vị tách dương gian.*

Đạo nữ đọc: *Tòa sen trước mắt chói hào quang.*

Đạo nam đọc: *Kim đồng ngọc nữ dựng vầy đoàn.*

Đạo nữ đọc: \**Tường vân riu riu bay đưa đàn.*

Ông đạo đức đọc: *Một giây chơn đến cõi Tây phang.*

Khi dứt bài kinh, cả thầy trong đàn và 10 người quì trước 10 bàn đó đều lạy 12 lạy và niệm danh hiệu của Đại Từ Phụ:

*Nam mô Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn, Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Niệm danh hiệu của Đại Từ Phụ rồi, kệ đọc đáo lại lần thứ nhì, lần thứ ba, lần thứ tư, lần thứ năm, lần thứ sáu, lần thứ bảy, lần thứ tám, và lần thứ chín. Mỗi lần đọc rồi, cũng niệm danh hiệu vậy.

*Lần thứ nhì*

Ông đạo đức đọc: *Đệ nhứt phan, đệ nhứt phan.*

.....

Ông đạo đức đọc: *Một giây chơn đến cõi Tây phang.*



*Lần thứ ba*

Ông đạo đức đọc: *Đệ nhứt phan, đệ nhứt phan.*

.....

Ông đạo đức đọc: *Một giây chơn đến cõi Tây phang.*

*Lần thứ tư*

Ông đạo đức đọc: *Đệ nhứt phan, đệ nhứt phan.*

.....

Ông đạo đức đọc: *Một giây chơn đến cõi Tây phang.*

*Lần thứ năm*

Ông đạo đức đọc: *Đệ nhứt phan, đệ nhứt phan.*

.....

Ông đạo đức đọc: *Một giây chơn đến cõi Tây phang.*

*Lần thứ sáu*

Ông đạo đức đọc: *Đệ nhứt phan, đệ nhứt phan.*

.....

Ông đạo đức đọc: *Một giây chơn đến cõi Tây phang.*

*Lần thứ bảy*

Ông đạo đức đọc: *Đệ nhứt phan, đệ nhứt phan.*

.....

Ông đạo đức đọc: *Một giây chơn đến cõi Tây phang.*

*Lần thứ tám*

Ông đạo đức đọc: *Đệ nhứt phan, đệ nhứt phan.*

.....

Ông đạo đức đọc: *Một giây chơn đến cõi Tây phang.*

*Lần thứ chín*

Ông đạo đức đọc: *Đệ nhứt phan, đệ nhứt phan.*

.....

Ông đạo đức đọc: *Một giây chơn đến cõi Tây phang.*

Bài kệ phan tụng rồi, nội trong đàn và 10 người đạo qui trước bàn nghi đó đều đọc tiếp ba bài kinh sau đây:

Bài kinh cầu siêu (thứ nhứt)

Kim đệ tử \**điện tiền* khẩn đảo

Nguyện linh hồn hườn đảo Thiên đường

Huyền Khung chứng chiếu trần dương

Thành tâm phục nguyện tận tường trai tăng

Tang chủ nguyện lập đàn nghiêm thiết

Vì thảo ân hiếu yết Cao Tiên

Độ hồn ly khổ phương viên

Thoát đường ly tiết trực tiền hồi thiên

Đại Từ Phụ chứng miêng [minh] đệ tử

Chiếu lâm đàn ân tứ từ bi

Độ vong địa ngục thoát ly

Siêu thăng cực lạc hồi qui Thiên đường

Hoặc hữu tội trần ai tiền kiếp

Hoặc \**kim sanh* theo nghiệp oan khiên

Từ bi, hỉ xả, an nhiên

Độ hồn siêu thoát kiêu thiên phản hồi

Sắc Thượng Đế Tam Kỳ đại xá

Lịnh Huyền Khung phổ độ nhơn sanh

Qui nguyên chánh đạo nhơn thành

Hườn tiên thiên lý độ sanh tử hồn

Đầu lễ bái chư tôn liệt vị

Cầu linh hồn thọ ký \**Phật bang*

Chứng lòng trai chủ trần gian

Chư Nho tề tựu \**trai đàn* thành tâm

Đức Từ Phụ cao thâm cảm hóa

Đại từ bi phóng xả siêu hồn

Nam mô Chủ Tể \**kiền khôn*

Huyền Khung Ngọc Đế độ hồn siêu thăng  
Quyền giáo chủ Tây phương Phật pháp  
Độ linh hồn siêu thoát luân hồi  
Nam mô Thích Ca Như Lai  
Độ hồn lai đáo Phật đài Tây phương  
Đạo diệu luật bảo toàn độ thể  
Chường khắp quyền độ thể nhơn phàm  
Nam mô Thái Thượng Lão Đam  
Dẫn hồn đăng cảnh \**Tiên bang* hưởng nhàn  
Nhờ thánh đức chứng đàn nghiêm thiết  
Phục Nho tông nghi tiết tri hiền  
Nam mô Khổng Thánh Văn Tuyên  
Dẫn vong đắc lộ hi hiền tường tri  
Quyền Giáo Tông Tam Kỳ Phổ Độ  
Lập tiên thiên cứu khổ nhơn sanh  
Nam mô Thái Bạch Trường Canh  
Độ vong thoát tục siêu sanh Thiên đường  
Cứu khổ nạn trần dương bi khổ  
Phóng kim quang bảo hộ thậm thâm  
Nam mô Nam Hải Quan Âm  
Độ vong thoát cảnh đọa trầm trần ai  
Nghĩa chí đồng hùng oai thánh võ  
Phò Hớn triều kết tập Thu Xuân  
Nam mô Quan Thánh Đế Quân  
Già Lam Phật hiện độ vong đắc thành  
Hoặc sanh tiền cạnh tranh tạo tội  
Chư môn sanh sám hối cầu siêu  
Cầu linh hồn đắc tiêu diêu  
Hưởng phần khoái lạc Linh Tiêu cảnh nhàn  
Hoặc tiên kiếp tạo đoan ác nghiệp  
Chư Nho cầu tận diệt oan khiên

Hưởng chung phước huệ Cao Tiên  
Tri căn giác ngộ đắc duyên đạo truyền.

*Đức Cao Đài Thượng Đế*

Bài kinh cầu siêu (thứ nhì)  
Vung lời Thượng Đế sắc ban  
Tụng kinh siêu độ lớp lang rõ ràng  
Cầu xin độ dẫn Thiên đàng  
Nương theo cảnh Phật dựa màn Bồng Lai  
Đức Thầy xuống lĩnh ngày nay  
Tụng kinh tam bửu chớ sai điều nào  
Chẳng nên dậm sửa chế vào  
Mắt xem miệng đọc đừng xao lòng tà  
Khai kinh: Đức Phật Di Đà  
Tụng cầu tiêu tội Diêm La đưa hồn  
Tổ sư Thái Thượng Đức Ông  
Ra tay tế độ dày công giúp đời  
Ngày nay cúi đầu y giờ  
Cầu xin Thổ Địa ra ơn rước hồn  
Vong linh [họ tên] là hồn  
Dắt về lạy Phật \**tọa bàng* nghe kinh.

Bài kinh cầu siêu (thứ ba)  
Đầu vọng bái Tây Phương Phật Tổ  
A Di Đà Phật độ chúng dân  
Quan Thế Âm lân mẫn ân cần  
Vớt lê thứ khổ trần \**đọa lạc*  
Đại thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát  
Bổ từ bi \**tế bạt* vong hồn  
Cứu khổ nàn Thái Ất Thiên Tôn  
Miền âm cảnh ngục môn khai giải

Ôn Đông Nhạc Đế Quân quảng đại  
Độ người lành chế cải tai ương  
Chấn dạn đài Thập Điện \*từ vương  
Thấy hình khổ lòng thương thâm thiết  
Giảm hình phạt bớt đường ly tiết  
Xá linh quang tiêu diệt \*tiền khiên  
Đặng nhẹ nhàng thẳng tới cung Tiên  
Nơi phước địa ở yên tu luyện  
Xin Trời Phật chứng lòng sở nguyện  
Hộ \*thương sanh \*u hiển \*khương ninh.

Ba bài trên đây đọc cho đủ 3 lần, rồi lạy 12 lạy.

Ông đạo đức và 3 nam, 3 nữ khi lạy rồi, xá 3 xá, bái đàn, để cho 10 người đạo quì trước 10 bàn nghi đọc Tu Chơn Thiệp Quyết, kinh Sám Hối, và Cầm Ứng Diển Nghĩa.

Lời dặn

Như làm ba Ngọ, cứ mỗi thời cúng tứ thời rồi, thì đọc ba thứ kinh của Tam Kỳ nói trên đây, cho đến mãn là đủ phép.

Số 10. Lễ cúng Ngọ hườn kinh

Lễ này, cúng tứ thời trước Thiên Bàn, rồi thượng sớ hườn kinh, cúng rồi đọc Ngũ Nguyện, đọc tiếp ba bài kinh sau đây:

Bài cúng hườn kinh (thứ nhất)

Ngày nay rảnh cuộc trai tuần  
Nhờ ơn Thượng Đế chứng đàn đã lâu  
Cực lòng chư Phật ứng hầu  
Lạy đưa chư Phật hồi châu thượng cung.

Bài cúng hườn kinh (thứ nhì)  
Sắc trên truyền dạy tụng kinh  
Ngày nay ra Ngọ xin trình Thầy hay  
Lễ xong tất việc bữa nay  
Hườn lai kinh kệ xin Thầy chứng tri  
Chư Nho đồng đến trước quì  
Cúi đầu lễ bái hồi qui tu hành

*Đức Cao Đài*

Bài cúng hườn kinh (thứ ba)

Ôn Phật Tổ từ bi độ thế  
Chúng \*trai đàn thiện lễ hiến cung  
Có câu \*thiện nguyện Thiên tòng  
Lòng thành cầu khẩn Trời \*dung lỗi lầm  
Đàn tràng trai chủ nhứt tâm  
Mừng cho [họ tên] khỏi lâm luân hồi  
Giờ nay siêu sự an rồi  
Lạy đưa Tiên Thánh phản hồi thượng cung

*Văn Xương Đế Quân*

Lễ này rồi, lạy 9 lạy, rồi cuốn tượng các bàn nghi tạm đó.

Lời dặn

Lễ cầu siêu đã mãn đây, kêu là Đệ Nhứt Phan, ấy là Đệ Nhứt Cửu. Còn tám cái cửu kế sau, cũng làm y như vậy, song có khác là bài kinh Đệ Phan phải sửa như vậy:

1. Đệ nhứt phan, đệ nhứt phan. [*đã làm rồi*]
2. Đệ nhị phan, đệ nhị phan.
3. Đệ tam phan, đệ tam phan.
4. Đệ tứ phan, đệ tứ phan.

5. Đệ ngũ phan, đệ ngũ phan.
6. Đệ lục phan, đệ lục phan.
7. Đệ thất phan, đệ thất phan.
8. Đệ bát phan, đệ bát phan.
9. Tổng cửu phan, tổng cửu phan.

Số 11. Lễ cúng thí thực cô hồn

Lễ này dọn cơm chay hoặc cháo trắng, gạo, muối, nhang, đèn, ở ngoài sân cúng cô hồn.

Khi đốt hương rồi, ông đạo đức trường trai ngâm bài kệ này:

Kệ

Thánh chúng Tam Kỳ thọ sắc ngôn  
 Đàn trung thí thực độ cô hồn  
 Ngưỡng cầu Địa Tạng Vương ân xá  
 Khai xuất Diêm Đĩnh Uông Tử môn.

Tiếp đó đồng nhi hay là đạo hữu đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh thí thực cô hồn

Cầu Thượng Đế từ bi ân xá  
 Xin Diêm Đĩnh tội thả hồn oan  
 Nguyện cùng Phật Tổ Tây phang  
 Quan Âm Bồ Tát hộ toàn tội nhơn  
 Có câu thiên địa tuần hườn  
 Lộn quanh cũng lại chánh chơn một đàng  
 Khi xưa dương thế thác oan  
 Xuống thành Uông Tử khôn toan trở về  
 Chịu làm \*ngạ quỷ\* thăm thê

*\*Trái oan* chưa dứt khôn bề hồi căn  
 Độ hồn mau biết ăn năn  
 Đem về Đạo chánh phi thăng Thiên đàng  
 Hoặc cho trở lại thế gian  
 Xử toàn nợ trước tâm đàng qui tôn  
 Thương thay thập loại cô hồn  
 Bơ vơ lưỡng cánh đập dòn tuyết sương  
 Ngày đêm dưới hố trên đường  
 Nhiều nhưong lân áp phó phường dọ ăn  
 Chịu làm cô độc vô căn  
 Phái lưu chẳng có thân bằng cũng không  
 Nhớ câu *\*nhứt nguyệt quang đồng\**  
 Cúi xin Bồ Tát rộng lòng cứu nguy  
 Độ hồn trở lại qui y  
 Hoặc hồi dương thế kịp kỳ Long Hoa  
 Cầu cho nước trị dân hòa  
 Nơi nơi lạc nghiệp trẻ già bình an.

*Phổ Hiền Bồ Tát*

Số 12. Lễ cúng ông bà

Lễ này, muốn cúng làm y theo mục lục các lễ tang sự số 12.

Số 13. Lễ cúng vong và tổng vong

Lễ này, dọn cơm chay trên bàn vong đặng cúng.

Lễ xướng:

*Tang chủ tỵ vị.*

*Qui.*

*Phần hương.*

*Thượng hương.*

Khi thượng hương rồi, ông đạo đức ngâm bài kinh sau đây:

Bài kinh niệm hương

Khói hương ngui ngút trước *\*linh sàng*  
Xông sạch hương hồn trước khí tan  
Hơi ấm đượm nhuần gom phách quế  
Giác linh hưởng phước chốn thanh nhàn.

Lễ xướng:

*Cúc cung.*

*Bái.*

*Hưng bình thân.*

*Châm tửu.*

*Hiển tửu.*

Khi rượu dung rồi, đồng nhi đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh cúng vong

Nay tang chủ *\*trai bàn* cung phụng  
Thỉnh đạo nhưn tùy tụng hiền ngôn  
Hễ làm người phải kính sợ tôn  
Ơn *\*cúc dục* ôn tồn trọn đạo  
Hộ hương hồn thủ bảo cháu con  
Nghĩa sanh thành ví tợ nước non  
Tình chồng vợ cho tròn đạo cả  
Nay phân nhau âm dương hai ngã  
Thảm thương này nào thỏa ruột đau  
Cõi dương trần lời hẹn với nhau  
Vì ai khiến mà mau vội tách  
Dây oan trái dứt rồi trả sạch  
Phủi nợ trần, hồn phách theo Tiên  
Giữ đạo mâu nhờ đức thiêng liêng  
Nhờ Địa Tạng tự nhiên *\*tế bạt*

Lòng thành kính ba tuần rượu lạt  
Lễ đáp dung đạm bạc muối dưa  
Nay ơn đền báo bổ tình xưa  
Đầu cúi lạy như mưa dầm ướt  
Nghĩa cha mẹ sánh tày non nước  
Tình vợ chồng những ước trăm năm  
Hỡi Hóa Công tôi dám hỏi thăm  
Vì sao vậy *\*tích tâm* vắng bặt  
Ân ái nguyên trọn tình đỉnh sắt  
Chia đôi đảng như cắt lá gan  
Xin hương hồn thẳng dậm cho an  
Nương *\*côi thọ* sửa sang tu luyện.

Lễ xướng:

*Cúc cung.*

*Bái.*

*Điểm trà.*

*Hiển trà.*

Khi dung trà rồi, đồng nhi hay là đạo hữu tiếp đọc bài kinh này:

Bài kinh dung trà

Trà bạch liên hơi lên thơm nức  
Xin tạm dùng lễ tất vừa xong  
Nguyện linh hồn *phát hóa* <sup>(9)</sup> *\*non Bồng*  
Nương côi Phật tu công lập quả  
Miền Tiên cảnh thực là phong nhã  
Bước từng mây thông thả sớm trưa  
Phật Tiên là chỗ thích ưa  
Lánh miền phàm tục gió mưa bụi trần.

<sup>(9)</sup> Tín đồ thường đọc là *thoát hóa*.

Bài kinh đưa vong

Ngày nay tế lễ đã xong

Chư Nho hiếu quyên đưa vong thượng đàng

Ngưỡng cầu Thổ Địa Thành Hoàng

Dẫn hồn nhẹ tách dặm ngàn Thiên Thai

Dựa màn Phật Tổ Như Lai

Kê kinh gìn giữ hôm mai tu trì

Rèn lòng bác ái từ bi

Dắt dìu hậu tấn đồng qui dưỡng nhàn

Luân hồi lục đạo khỏi mang

*\*Danh ba phú quý phàm gian nào màng*

Ngươn thần trở lại ngôi Càn

Là nơi cảnh cũ ẩn tàng thuở xưa

Biển trần tang khổ nên chừa

Người mang xác thịt lọc lừa chưa xong

Thiện căn thiện quả bền lòng

Chờ ngày thoát xác *\*non Bông* gặp nhau

*\*Phước Thần* phước báu phát mau

Cúi đầu lễ tống thanh cao phi đảng.

Lễ xướng: *Lễ tấ*.

Số 14. Lời dặn

Đến đây là hết các lễ cầu siêu, còn như muốn làm tuần bá nhật, giáp năm, mãn khó, thì cúng vậy, song không có lễ Tống Cửu Phan.

Cách cúng hay đọc kinh cũng vậy, có một điều [điều] này nên tùy tiện tốt hơn, cho bớt tốn hao, như giàu có thì nên dùng cho đủ lễ, rồi khi gần mãn đàn, thêm một lễ này kêu là lễ trừ phục.

Số 15. Lễ trừ phục

Lễ này là lễ *\*trừ phục*, làm theo như vậy:

Lúc 12 giờ khuya tang chủ cả thầy đều coi đồ tang phục để trước bàn vong, duy còn bịt khăn tang.

Rồi cúng tứ thời đặng có thượng sớ trừ phục, cúng ông bà rồi, trở lại cúng ở bàn vong như sau đây:

Lễ xướng:

*Hiếu chủ tỵ vị.*

*Qui.*

*Phân hương.*

*Thượng hương.*

Khi dung hương rồi, ông đạo đức liền ngâm bài kinh sau đây:

Bài kinh niệm hương

Khói hương ngui ngút trước *\*linh sàng*

Xông sạch hương hồn trược khí tan

Hơi âm đượm nhuần gom phách quế

Giác linh hưởng phước chôn thanh nhàn.

Rồi đồng nhi đọc tiếp bài kinh sau đây:

Bài kinh trừ phục (thứ nhất)

Chúng tang chủ trước bàn phủ phục

Ngõ lăm đèn *\*cúc dục* *\*mười ơn*

Xin thân sanh chứng chút *\*lòng đơn*

Lễ đạm bạc chớ hờn lòng trẻ

Nay trừ phục noi theo cổ lễ

Ái ân này nào dễ nguôi ngoai

Nghĩa sanh thành đầu dấm lạt phai  
Ôn dưỡng dục oản vai gánh nặng  
Trong Gia Lễ sách xưa có dặn  
Tang ba năm đồ trắng đội mang  
Tưởng ân tình cốt nhục khóc than  
Nhớ nghĩa nặng ruột đau như cắt  
Nay phân chia kẻ nam người bắc  
Mai ra vào *\*tích bất vắng thăm*  
Đau đón lòng giọt lụy khôn cầm  
Kim châm dạ *\*đơn tâm* khó giải  
Lễ mãn phục *\*tế thành như tại*  
Thỉnh chư Nho sùng bái tụng cầu  
Trước *\*trai đàn* só điệp khải tâu  
Khởi oan nghiệt khẩn cầu siêu độ  
Xin linh hồn quang minh tinh ngộ  
Cảnh Bồng Lai thượng lộ đăng trình  
Kệ kinh khuya sớm giữ gìn  
Huỳnh Đình tụng niệm dựa nghìn Phật Tiên.

Lễ xướng:

*Cúc cung.*

*Bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Châm tâu.*

*Hiển tâu.*

Đồng nhi tiếp đọc bài kinh sau đây:

Bài kinh trừ phục (thứ nhì)  
Nợ trần thế ngày nay đã dứt  
Nương mây lành Tây Vực đời chơn  
Chẳng còn lo thiệt tính hơn  
Theo châu Đức Phật linh đơn cứu đời  
Linh hồn nay đã thanh thoi  
Về miền Cực Lạc đời đời thung dung  
Trọn câu ngũ lý tam tông  
Ba năm trọn thảo chung cùng quả tang  
Giờ nay thiết lập trai đàn  
Đại tường chi lễ Phật đàn cầu siêu  
Muối dưa tạm dụng ít nhiều  
Chứng minh gia quyến *\*tịch triều* vọng cầu  
Trăm năm mấy cuộc *\*bể dâu*  
Hồn linh theo Phật gia tăng phước lành  
Lễ dung cúng hiến sẵn dành  
Trừ tang *\*tập phước* nghìn đàng *\*vô cương.*

*Thành Hoàng Bản Cảnh*

Lễ xướng:

*Phủ phục hưng.*

*Bái.*

*Hưng bình thân.*

*Qui.*

*Điểm trà.*

*Ngũ phục chi hơn các trừ kỳ phục.*

Khi lễ xướng *Ngũ phục chi hơn các trừ kỳ phục* thì ông đạo đức chứng đàn lấy một nhánh dương hay là một cái bông và bưng một chén nước làm phép tịnh thủy, xong rồi và rảy và đọc bài kệ sau đây:

Kệ

Ba ta ăn ở nẻo xưa nay  
Công lòng gìn giữ trăm ngày [giáp năm, ba năm] chầy  
Một trăm mười ngày [tang 12 tháng, 24 tháng] dĩ hoàn mãn  
Lễ hành trừ phục ấy ngày này  
Thầy biểu Thần về cảm lai vãng  
Nhược đáo vong linh tội đa gia.

Kệ

Xuân nghinh bá phước  
Hạ tập thiên tường  
Thu thọ phong niên  
Đông ngộ tam tinh cung chiếu.

Đọc rồi, ông đạo đức lấy nhang dương hay là bông nhúng nước tịnh thủy chấm trên trán và hai bên tả hữu, biểu lạy rồi bước ra.

Ấy là xong việc xả tang.

Nhắc lại theo tục xưa, khi xả tang rồi, đồ tang hay đốt bỏ, nay ta nên chế lại, đồ đó để nhuộm lại cho kẻ nghèo bần, có lẽ có phước hơn là đốt hết.

Tang khó xong rồi, bàn thờ vong có bài châm đem đi đốt với vãn đôi, treo lại bằng sơn thủy trên điều mới dựng thờ.

Lời dặn

Theo lễ mãn khó, đầu đó xong rồi, bữa sau mới làm lễ hườn kinh và thiết tiệc chay đãi thân bằng quyển thức và đạo hữu.

## MỤC LỤC CÁC THỨ SỞ VÀ KIỂU PHAN

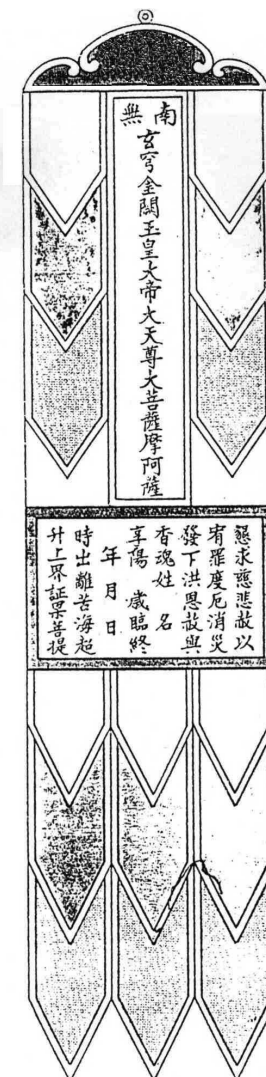
SỞ

1. Kiểu phan
2. Sở thượng tượng
3. Sở cúng đại đàn
4. Sở sơ chung thông sự
5. Sở khai sơn
6. Sở thành phục
7. Sở khai kinh cầu siêu
8. Sở cáo Hậu Thổ
9. Sở cúng an vị
10. Sở khai mộ
11. Sở cúng Ngộ hườn kinh
12. Sở cúng trừ phục
13. Sở cầu bịnh

\*

1. Kiểu phan

[Bản in 1939 chỉ có hình lá phướn như bên cạnh, không ghi kích thước chiều dài, chiều ngang, màu sắc.]





Phiên âm chữ Hán <sup>(1)</sup>

Phản trên cùng (đọc từ trên xuống):

南無玄穹金闕玉皇大帝大天尊大菩薩摩訶 <sup>(2)</sup> 薩

*Nam mô Huyền Khung Kim Khuyết Ngọc Hoàng Đại Đế  
Đại Thiên Tôn Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Phản giữa (đọc từ trên xuống, và từ phải qua trái):

懇求慈悲赦以宥罪, 度厄消災, 發下洪恩, 赦與香魂姓...名.  
..享陽...歲, 臨終...年, ...月, ...日, ...時, 出離苦海, 超升上界, 証  
果菩提.

*Khẩn cầu từ bi xá dĩ hựu tội, độ ách tiêu tai, phát hạ hồng  
ân, xá dữ hương hồn tánh ... danh ... hưởng dương ... tuế,  
lâm chung ... niên ... nguyệt ... nhật ... thời, xuất ly khổ hải,  
siêu thăng thượng giới, chứng quả bồ đề.*

Dịch nghĩa: Khẩn cầu [Trời Phật] từ bi xá tội, độ cho tiêu  
tan tai ách, ban ơn lớn cho hương hồn của họ ... tên ... hưởng  
dương ... tuổi, chết năm ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., thoát  
khỏi biển khổ, siêu thăng cõi trên, chứng quả bồ đề.

2. Sớ thượng tượng 上像疏

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第 ... 年

Đệ ... niên

三教歸源合一

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhất

<sup>(1)</sup> Bản in 1939 chỉ có số vẫn có chữ Hán, Lê Anh Minh phiên âm, hiệu đính, chú thích, và dịch nghĩa.

<sup>(2)</sup> Trên hình lá phướn, *Ma Ha* 摩訶 in nhằm là *Ma A* 摩阿.

天運歲次 ... 年, ... 月, ... 日, ... 時, 現在大南國,

Thiên vận tuế thứ ... niên, ... nguyệt, ... nhật, ... thời, hiện tại Đại Nam quốc,

南圻地分, ... 省, ... 郡, ... 總, ... 村.

Nam Kỳ địa phận, ... tỉnh, ... quận, ... tổng, ... thôn.

今有弟子... [天封之職, 姓名], 設壇上像,

Kim hữu đệ tử ... [thiên phong chi chức, tánh danh], thiết đàn thượng tượng,

聖駕恭迎在于家處 <sup>(3)</sup> [姓名]...

thánh giá cung nghinh tại vu gia xứ [tánh danh] ....

今有三期天封並信徒男女大小等,

Kim hữu Tam Kỳ thiên phong tịnh tín đồ nam nữ đại tiểu đẳng,

謹以香燈, 酒茶, 花果之儀, 跪在殿前恭獻:

cẩn dĩ hương đăng, tửu trà, hoa quả chi nghi, quỳ tại điện tiền cung hiến:

黃金闕內

Huỳnh Kim Khuyết nội

玄穹高上帝玉皇錫福宥罪大天尊

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng tích phúc hựu tội Đại Thiên Tôn

瑤池金母無極天尊

Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

三宗真教

Tam Tông Chơn Giáo

太上道祖道法彌深三清應化天尊

Thái Thượng Đạo Tổ đạo pháp di thâm Tam Thanh ứng hóa Thiên Tôn

西方佛祖釋迦牟尼聞佛世尊

Tây Phương Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni Văn Phật Thế Tôn

孔聖先師文宣孔子興儒盛世天尊

Khổng Thánh Tiên Sư Văn Tuyên Khổng Tử hưng Nho thịnh thế Thiên Tôn

三期普度三鎮威嚴

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

李大仙長今教宗大道三期普度天尊

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Thiên Tôn

<sup>(3)</sup> *Tại vu gia xứ* 在于家處: Tại nhà.

南海岸上觀音大士<sup>(4)</sup>慈航普度天尊

Nam Hải ngạn thượng Quan Âm Đại Sĩ từ hàng phổ độ Thiên Tôn

協天大帝關聖帝君昭明翊漢天尊

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân chiêu minh dực Hón Thiên Tôn

耶蘇教主寬洪大度<sup>(5)</sup>慈悲救世天尊

Da Tô<sup>(6)</sup> Giáo Chủ khoan hồng đại độ từ bi cứu thế Thiên Tôn

東岳帝君寬洪度 天尊

Đông Nhạc Đế Quân khoan hồng độ chúng Thiên Tôn

太公相輔佐周廣法慈航普度天尊

Thái Công Tướng Phụ tá Châu quang pháp từ hàng phổ độ Thiên Tôn

大聖地藏王菩薩慈悲度世天尊

Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát từ bi độ thế Thiên Tôn

三洲八部護法天尊

Tam Châu Bát Bộ hộ pháp Thiên Tôn

天宮星宿聖仙地圻神相壇前降臨。

Thiên Cung Tinh Tú Thánh Tiên Địa Kỳ Thần Tướng đàn tiền giảng lâm.

曰恭維：

viết cung duy:

三期普度萬國咸寧，道通天地，德闡幽冥，

Tam Kỳ Phổ Độ vạn quốc hàm ninh, đạo thông thiên địa, đức xiển u minh,

下握七十二地之部洲，惟精惟一，掌三十六

hạ ốc thát thập nhị địa chi bộ châu, duy tinh duy nhất, chưởng tam thập lục

之世界，無臭無聲，寔寔虛虛，不言而默宣大化，

chi thế giới, vô xú vô thanh, thực thực hư hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa,

空空色色，無爲而役使群靈，分四像於無邊，

không không sắc sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh, phân tứ tượng ư vô biên,

統禦萬物，乘六龍而弗息化育群靈。<sup>(7)</sup>

<sup>(4)</sup> Bản 1939 nhiều chỗ in là 力士 (lực sĩ). Nay đều sửa là 大士 (đại sĩ).

<sup>(5)</sup> Bản 1939 in là 外度 (ngoại độ). Nay sửa là 大度 (đại độ).

<sup>(6)</sup> 耶蘇 đọc là Da Tô, dân gian hay viết là Gia Tô.

<sup>(7)</sup> 靈 (linh) cũng viết là 灵. Bản 1939 in nhầm là tai 災.

thống ngư vạn vật, thừa lục long nhi phát tức hóa dực quần linh.

茲因大恩日值黃道時丁設壇上像聖駕

Tư nhân đại ân nhật trị hoàng đạo thời đình thiết đàn thượng tượng thánh giá

恭迎，航超苦海，慧眼照迷，眠愚昧悛

cung nghinh, hàng siêu khổ hải, huệ nhãn chiếu mê miên ngu muội, bình

懜咸仰其惠澤，聰明弟子共吸此令名

mông hàm ngưỡng kỳ huệ trạch, thông minh đệ tử cộng hấp thử lệnh danh

普度眾生開九十二曹之迷昧，瞪規四海照

phổ độ chúng sinh khai cứu thập nhị tào chi mê muội, trừng siêm tứ hải chiếu

三十六天之光明，運聖化於清空雷庭魑

tam thập lục thiên chi quang minh, vận thánh hóa ư thanh không lôi đình si

魅展神威，晝夜斧滅祆晶化他無數之徒，百載飲

mị triển thần oai, trú dạ phủ diệt yêu tinh hóa tha vô số chi đồ, bách tải ẩm

群黎之血脉，除七姦偷之輩，幾十年食百姓

quần lê chi huyết mạch, trừ thất gian du chi bối, kỷ thập niên thực bách tánh

之犧生，凡百耳目莫不引頸，津津然曰：

chi hy sinh, phạm bách nhĩ mục mạc bất dẫn cánh, tân tân nhiên viết:

天靈靈，地靈靈，水靈靈，火靈靈，

Thiên linh linh, địa linh linh, thủy linh linh, hỏa linh linh,

天地水火且最靈，終和且平安數。

thiên địa thủy hỏa thả tối linh, chung hòa thả bình an số.

天宗大德，三期三教三鎮之洪恩，

Thiên tông đại đức, Tam Kỳ Tam Giáo Tam Trấn chi hồng ân,

洋洋焉耳。

dương dương yên nhĩ.

弟子天封並信徒百拜，上疏。

Đệ tử thiên phong tịnh tín đồ bách bái, thượng sớ.

Dịch nghĩa sớ thượng tượng:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ ...

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhất.

Vận Trời năm thứ ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., hiện ở nước Đại Nam, địa phận Nam Kỳ, tỉnh ..., quận ..., tổng ..., thôn ... Nay có đệ tử ... [*họ tên, chức phẩm thiên phong*], thiết đàn thượng tượng, cung nghinh Thánh giá tại nhà của ... [*họ tên*].

Nay có các Thiên phong của Tam Kỳ cùng với tín đồ nam nữ lớn nhỏ, kính cẩn lấy nghi thức nhang đèn, rượu trà, hoa quả, quì trước điện để cung hiến:

Huỳnh Kim Khuyết nội Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng tích phước hựu tội Đại Thiên Tôn

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

Tam Tông Chơn Giáo

Thái Thượng Đạo Tổ đạo pháp di thâm <sup>(8)</sup> Tam Thanh ứng hóa Thiên Tôn

Tây Phương Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni Văn Phật Thế Tôn

Khổng Thánh Tiên Sư Văn Tuyên Khổng Tử hưng Nho thành thế Thiên Tôn.

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Thiên Tôn

Nam Hải ngàn thượng Quan Âm Đại Sĩ từ hàng phổ độ Thiên Tôn

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân chiêu minh dục Hồn Thiên Tôn

Da Tô Giáo Chủ khoan hồng đại độ từ bi cứu thế Thiên Tôn

Đông Nhạc Đế Quân khoan hồng độ chúng Thiên Tôn

Thái Công Tướng Phụ tá Châu quảng pháp từ hàng phổ độ

---

<sup>(8)</sup> *Di thâm* 彌深: Sâu xa.

Thiên Tôn

Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát từ bi độ thế Thiên Tôn

Tam Châu Bát Bộ hộ pháp Thiên Tôn

Thiên Cung Tinh Tú Thánh Tiên Địa Kỳ Thần Tướng giáng lâm trước đàn.

Nay cung kính:

Tam Kỳ Phổ Độ muôn nước yên ổn, đạo thông suốt trời đất, đức soi sáng cõi tối tăm, bên dưới thì nắm giữ bảy mươi hai bộ châu ở đất, tinh rờng như một, nắm giữ ba mươi sáu cõi thế giới, không hơi không tiếng, thực thực hư hư, không nói mà lặng lẽ giáo hóa lớn, không không có có, vô vi mà sai khiến mọi sinh linh, phân ra tứ tượng ở vô biên, thống ngự muôn vật, cõi sáu rờng không ngừng nghỉ, <sup>(9)</sup> giáo hóa và nuôi dưỡng mọi sinh linh.

Nay <sup>(10)</sup> nhân ngày on lớn, giờ hoàng đạo, lập đàn thượng tượng, cung kính đón Thánh giá, đưa thuyền vượt qua biển khổ, mắt huệ chiếu soi sự ngu muội ngủ mê, che chở để vọng trông ân huệ [của Trời Phật], khiến cho đệ tử thông minh, nhận lấy tên và lệnh này, độ khắp chúng sanh, khai mở cho chín mươi hai bọn ngu mê, nhìn suốt bốn biển, chiếu sáng ba mươi sáu cõi trời, vận chuyển thánh hóa nơi trong trời và hư không, sấm sét đánh loài yêu quái từ gỗ đá, <sup>(11)</sup> mở rộng oai thần, ngày đêm rìu búa diệt bọn yêu tinh vốn hóa ra vô số bọn đã uống máu huyết chúng sinh trăm năm qua, dẹp trừ bảy bọn gian đã ăn thức cúng tế của trăm họ mấy chục năm qua, phạm có trăm tai mắt cũng không ai lỏi cổ chúng, nên nói:

---

<sup>(9)</sup> *Phất tức* 弗息: Cũng như *bất tức* 不息 (không ngừng nghỉ).

<sup>(10)</sup> *Tư兹*: Cùng nghĩa là nay.

<sup>(11)</sup> *Si mi* 魑魅: Yêu quái từ gỗ đá thành tinh biến hóa ra.

Trời linh, đất linh, nước linh, lửa linh. Trời, đất, nước, lửa rất linh. Số chung hòa và bình an.

Đức lớn của Thiên Tôn, ơn lớn của Tam Kỳ Tam Giáo và Tam Trấn, rộng lớn thay.

Đệ tử Thiên phong cùng với tín đồ, trăm lạy, xin dâng sớ.

### 3. Sớ cúng đại đàn 供壇疏<sup>(12)</sup>

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第...年

đệ...niên

三教歸源合一

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhưt

天運歲次...年, ...月, ...日, ...時, 現在大南國,

Thiên vận tuế thứ ...niên, ...nguyệt, ...nhật, ...thời, hiện tại Đại Nam quốc, 南圻地分, ...省, ...郡, ...總, ...村, 居住聖室之中.

Nam Kỳ địa phận, ...tỉnh, ...quận, ...tổng, ...thôn, cư trú thánh thất chi trung.

今有弟子... [天封職色<sup>(13)</sup>姓名],

Kim hữu đệ tử... [thiên phong chức sắc tánh danh],

公同善真聖眾, 合會諸信徒男女大小等,

công đồng thiện chơn thánh chúng, hiệp hội chư tín đồ nam nữ đại tiểu đẳng,

跪在殿前呈奏.

quỳ tại điện tiền trình tấu.

黃金闕內

Huỳnh Kim Khuyết nội

玄穹高上帝玉皇錫福宥罪大天尊

<sup>(12)</sup> Bản 1939 in là 疏供壇 (sớ cúng đàn). Nay sửa theo cách viết chữ Hán là 供壇疏 (cung đàn sớ).

<sup>(13)</sup> Bản 1939 nhiều chỗ in là 職勅. Chữ 勅 (sắc) dùng trong sắc lệnh, sắc chỉ, v.v... Nay đều sửa là 職色 (chức sắc).

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng tích phước hựu tội Đại Thiên Tôn  
瑶池金母無極天尊

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

三宗真教

Tam Tông Chơn Giáo

太上道祖道法彌深三清應化天尊

Thái Thượng Đạo Tổ đạo pháp di thâm Tam Thanh ứng hóa Thiên Tôn

西方佛祖釋迦牟尼聞佛世尊

Tây Phương Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni Văn Phật Thế Tôn

大成至聖先師孔子興儒盛世天尊

Đại thành chí thánh tiên sư Khổng Tử hưng Nho thịnh thế Thiên Tôn

三期普度三鎮威嚴

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

李大仙長今教宗大道三期普度天尊

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Thiên Tôn

南海岸上觀音大士慈航普度天尊

Nam Hải ngạn thượng Quan Âm Đại Sĩ từ hàng phổ độ Thiên Tôn

協天大帝關聖帝君昭明翊漢天尊

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân chiêu minh dục Hớn Thiên Tôn

東岳帝君寬洪度世天尊

Đông Nhạc Đế Quân khoan hồng độ thế Thiên Tôn

太公相輔佐周廣法慈航度眾天尊

Thái Công Tướng Phụ tá Châu quảng pháp từ hàng độ chúng Thiên Tôn

大聖地藏王菩薩慈悲度世天尊

Đại thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát từ bi độ thế Thiên Tôn

諸佛諸仙諸神過去現在

Chư Phật, chư Tiên, chư Thần quá khứ hiện tại,

眾位尊靈蓮臺之下.

chúng vị tôn linh liên đài chi hạ.

曰:今為時際三期普度, 天文黃道, 並濟南邦,

Viết: Kim vi thời tế Tam Kỳ Phổ Độ, thiên văn hoàng đạo, tịnh tế Nam bang,

合明三教, 神聖心傳指示.

hiệp minh Tam Giáo, Thần Thánh tâm truyền chí thị.  
 大道採天地之正氣, 煉萬物之精華,  
 Đại Đạo thái thiên địa chí chính khí, luyện vạn vật chí tinh hoa,  
 立功度眾永脫塵羅命合復乾元之仙體.  
 lập công độ chúng vĩnh thoát trần la mệnh hiệp phục Càn Nguyên chi tiên thể.  
 茲因天恩日值黃道時丁, 設供齋壇.<sup>(14)</sup>  
 Tư nhân thiên ân nhật trị hoàng đạo thời đinh, thiết cung trai đàn.  
 天封合信徒男女大小等  
 Thiên phong hiệp tín đồ nam nữ đại tiểu đẳng  
 備設香燈茶酒花果之儀, 申文呈奏, 伏位.  
 bị thiết hương đăng trà tửu hoa quả chi nghi, thân văn trình tấu, phục vị.  
 無中慈父洪寬普照眾, 沾恩及之甘露,  
 Vô trung Từ Phụ hồng khoan phổ chiếu chúng, triêm ân cập chi cam lộ,  
 道化五洲, 世受醍醐之福澤.  
 đạo hoá ngũ châu, thế thọ đề hồ<sup>(15)</sup> chi phúc trạch.  
 弟子天封信徒瞻仰慈光拔濟無量矣.  
 đệ tử thiên phong tín đồ chiêm ngưỡng từ quang bạt tế vô lượng hĩ.  
 謹百拜, 上疏, 以聞  
 Cẩn bách bái, thượng sớ, dĩ văn.

Dịch nghĩa sớ cúng đàn:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ ...

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhứt.

Vận Trời năm thứ ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., hiện ở nước  
 Đại Nam, địa phận Nam Kỳ, tỉnh ..., quận ..., tổng ..., thôn ...,  
 ở trong thánh thất.

<sup>(14)</sup> Bản 1939 in là 齋壇 (tê đàn). Nay sửa là 齋壇 (trai đàn).

<sup>(15)</sup> Đề hồ醍醐: Một món ăn ngon làm từ sữa. Chánh pháp nuôi dưỡng  
 tâm linh con người được ví như pháp thực 法食, như đề hồ ngon ngọt.

Nay có đệ tử ... [họ tên thiên phong chức sắc], cùng với  
 thiện chơn thánh chúng, hội hiệp các tín đồ nam nữ lớn nhỏ,  
 quì trước điện trình tấu.

Huỳnh Kim Khuyết nội

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng tích phước  
 hựu tội Đại Thiên Tôn

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

Tam Tông Chơn Giáo

Thái Thượng Đạo Tổ đạo pháp di thâm Tam Thanh ứng  
 hóa Thiên Tôn

Tây Phương Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni Văn Phật Thế Tôn

Đại thành chí thánh tiên sư Khổng Tử hưng Nho thanh thế  
 Thiên Tôn

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ  
 Độ Thiên Tôn

Nam Hải ngạn thượng Quan Âm đại sĩ từ hàng phổ độ  
 Thiên Tôn

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân chiêu minh dục  
 Hớn Thiên Tôn

Đông Nhạc Đế Quân khoan hồng độ thế Thiên Tôn

Thái Công Tướng Phụ tá Châu quảng pháp từ hàng độ  
 chúng Thiên Tôn

Đại thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát từ bi độ thế Thiên Tôn

Chư Phật, chư Tiên, chư Thần quá khứ hiện tại, các vị tôn  
 linh dưới đài sen.

Thưa rằng: Nay là thời Tam Kỳ Phổ Độ, thiên văn hoàng  
 đạo cùng cứu tế nước Nam làm sáng tỏ Tam Giáo, lời chỉ dạy

tâm truyền của Thần Thánh.

Đại Đạo thu lấy chính khí của trời đất, rèn luyện tinh hoa của muôn vật, lập công độ chúng sanh mãi mãi thoát khỏi lưới trần, trở về hiệp với bản thể tiên của Càn Nguyên.

Nay nhân ngày ơn Trời, giờ hoàng đạo, tổ chức cúng đàn chay.

Thiên phong cùng với tín đồ nam nữ lớn nhỏ, sắm đủ nghi thức nhang đèn, trà rượu, hoa quả; dâng sớ văn trình tấu, phục vị.

Đại Từ Phụ nơi cõi Vô, khoan hồng chiếu khắp chúng sanh, ơn Trời thấm nhuần cùng nước cam lồ chuyển hóa thể giới năm châu theo Đạo, thọ lãnh ơn phước pháp thực.

Đệ tử thiên phong và tín đồ cùng vọng trông ánh sáng từ bi cứu vớt vô lượng [chúng sanh] vậy. Kính cẩn trăm lạy, dâng sớ để trình tấu.

#### 4. Sớ sơ chung thông sự 初終通事疏<sup>(16)</sup>

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第 ... 年

Đệ ... niên

三教歸源復一

Tam Giáo qui nguyên phục nhất.

天運歲次 ... 年, ... 月, ... 日, ... 時, 現在大南國,

Thiên vận tuế thứ ... niên, ... nguyệt, ... nhật, ... thời, hiện tại Đại Nam quốc,

南圻地分, ... 省, ... 郡, ... 總, ... 村, 居住家堂之中.

Nam Kỳ địa phận, ... tỉnh, ... quận, ... tổng, ... thôn, cư trú gia đường chi trung.

<sup>(16)</sup> Bản 1939 chỉ in 初終疏 (Sớ chung sớ). Nay bỏ đi 通事 (thông sự).

爲初終通事, 今有弟子 ... [職色姓名],

Vi sơ chung thông sự, kim hữu đệ tử ... [chức sắc tánh danh],

合諸信徒男女大小等,

hiệp chư tín đồ nam nữ đại tiểu đẳng,

帶領孝眷 ... [姓名喪主], 跪在天槃呈奏.

đái lãnh hiếu quyến ... [tánh danh tang chủ], quỳ tại Thiên Bàn trình tấu.

黃金闕內

Huỳnh Kim Khuyết nội

玄穹高上帝玉皇錫福宥罪大天尊

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng tích phước hựu tội Đại Thiên Tôn

瑶池金母無極天尊

Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

三宗真教

Tam Tông Chơn Giáo

西方佛祖釋迦牟尼聞佛世尊

Tây Phương Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni Văn Phật Thế Tôn

太上道祖道法彌深三清應化天尊

Thái Thượng Đạo Tổ đạo pháp di thâm Tam Thanh ứng hóa Thiên Tôn

大成至聖先師孔子興儒盛世天尊

Đại thành chí thánh tiên sư Khổng Tử hưng Nho thành thế Thiên Tôn

三期普度三鎮威嚴

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

李大仙長今教宗大道三期普度天尊

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Thiên Tôn

南海岸上觀音大士慈航普度天尊

Nam Hải ngạn thượng Quan Âm Đại Sĩ từ hàng phổ độ Thiên Tôn

協天大帝關聖帝君昭明翊漢天尊

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân chiếu minh dục Hớn Thiên Tôn

諸佛, 諸仙, 諸神, 金蓮座下.

Chư Phật, chư Tiên, chư Thần kim liên tọa hạ.

懇祈慈悲施恩赦罪... [姓名人死] 本命於

Khẩn kỳ từ bi thi ân xá tội ... [tánh danh nhân tử] bản mệnh r

... 年, ... 月, ... 日, ... 時, 生在 ... 省, ... 郡, ... 總, ... 村。  
... niên, ... nguyệt, ... nhật, ... thời, sinh tại ... tỉnh ... quận ... tổng ... thôn。  
自生以來, 生死輪迴, 造罪甚重,  
Tự sinh dĩ lai, sinh tử luân hồi, tạo tội thậm trọng,  
緣遇大道三期普度, 投入受持規戒爲能,  
duyên ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đầu nhập thọ trì qui giới vì năng,  
精嚴功果爲立, 不幸於 ... 年, ... 月, ... 日, ... 時,  
tinh nghiêm công quả vì lập, bất hạnh ư ... niên, ... nguyệt, ... nhật, ... thời,  
棄世了道, 罪過多端, 寔難放舉。此日  
khí thế liễu đạo, tội quá đa đoan, thực nan phóng cử. Thử nhật  
運望防危之有阻, 嚴設齋壇, 宣文呈奏。  
vận vọng phòng nguy chi hữu trở, nghiêm thiết trai đàn, tuyên văn trình tấu。  
大慈父廣大慈悲恩赦一切罪孽。懇祈一靈  
Đại Từ Phụ quảng đại từ bi ân xá nhưt thiết tội nghiệt. Khẩn kỳ nhưt linh  
真性提出苦海, 暗裏加修, 空中感應扶持。  
chơn tánh đề xuất khổ hải, âm lý gia tu, không trung cảm ứng phù trì。  
大道圓滿, 同赴清涼極樂之國, 永証菩提  
Đại Đạo viên mãn, đồng phó thanh lương cực lạc chi quốc, vĩnh chứng bồ đề  
道果孝眷... [姓名]。  
đạo quả hiếu quyến ... [tánh danh]。  
誠心懇求, 哀奏, 百拜, 上疏。  
Thành tâm khẩn cầu, ai tấu, bá bái, thượng sớ。

Dịch nghĩa sớ thông báo người vừa chết:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ ...

Tam Giáo qui nguyên phục nhưt.

Vận Trời năm thứ ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., hiện ở nước  
Đại Nam, địa phận Nam Kỳ, tỉnh ..., quận ..., tổng ..., thôn ..., ở  
trong gia đình.

Vì có việc báo người mới chết, nay có đệ tử ... [họ tên chức

sắc], hiệp chư tín đồ nam nữ lớn nhỏ, nhận lãnh cho hiểu  
quyển ... [họ tên tang chủ], quì tại Thiên Bàn trình tấu.

Huỳnh Kim Khuyết nội Huyền Khung Cao Thượng Đế  
Ngọc Hoàng tích phước hựu tội Đại Thiên Tôn

Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

Tam Tông Chơn Giáo

Tây Phương Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni Văn Phật Thế Tôn

Thái Thượng Đạo Tổ đạo pháp di thâm Tam Thanh ứng  
hóa Thiên Tôn

Đại thành chí thánh Tiên Sư Khổng Tử hưng Nho thanh  
thế Thiên Tôn

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ  
Độ Thiên Tôn

Nam Hải ngàn thượng Quan Âm Đại Sĩ từ hàng phổ độ  
Thiên Tôn

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân chiêu minh dục  
Hơn Thiên Tôn

Chư Phật, chư Tiên, chư Thần dưới tòa sen vàng.

Khẩn cầu từ bi ra ơn xá tội ... [họ tên], mệnh chung vào  
năm ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., sinh tại tỉnh ..., quận ..., tổng  
..., thôn ...

Từ khi sinh đến nay, sinh tử luân hồi, tạo tội rất nặng,  
duyên may gặp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vào đạo thọ trì qui  
giới siêng năng, tạo lập công quả tinh nghiêm, bất hạnh vào  
năm ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., bỏ đời liễu đạo, tội lỗi quá  
nhiều, thực khó buông tha. Ngày hôm nay mong có trở ngại  
để phòng nguy nan, nghiêm lập đàn chay, tuyên văn, trình

tấu.

Đại Từ Phụ từ bi rộng lớn, ân xá mọi tội nghiệt. Khẩn cầu cho một điểm linh chơn tánh thoát khỏi biển khổ. Âm lý gia tu,<sup>(17)</sup> không trung cảm ứng phù trì.

Đại Đạo viên mãn, cùng đến nước cực lạc trong mát, mãi mãi chứng đạo quả bồ đề. Hiếu quyến họ tên là ..., lòng thành khẩn cầu, đầu buồn râu lên, trăm lạy, dâng sớ.

### 5. Sớ khai sơn 開山疏

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第...年

Đệ...niên

三教歸源復一

Tam Giáo qui nguyên phục nhưt

天運歲次...年, ...月, ...日, ...時, 現在大南國,

Thiên vận tuế thứ ...niên, ...nguyệt, ...nhật, ...thời, hiện tại Đại Nam quốc,

南圻地分, ...省, ...郡, ...總, ...村.

Nam Kỳ địa phận, ...tỉnh, ...quận, ...tổng, ...thôn.

今有弟子... [職色姓名], 投入三期普度, 以無極<sup>(18)</sup>

Kim hữu đệ tử... [chức sắc tánh danh], đầu nhập Tam Kỳ Phổ Độ, dĩ Vô Cực

爲體, 以太極爲用, 不用燒錢<sup>(19)</sup>化馬,

vi thể, dĩ Thái Cực vi dụng, bất dụng thiêu tiền hóa mã,

設立香花茶酒之儀.

thiết lập hương hoa trà tửu chi nghi.

<sup>(17)</sup> Bản 1939 in là 音裏, có lẽ nên sửa là 音理 (âm thầm sửa sang).

<sup>(18)</sup> Bản 1939 in sót là 以無爲體. Nay bổ đi là 以無極爲體.

<sup>(19)</sup> Bản 1939 có số 5 và số 8 in nhằm 標錢 (tiêu tiền). Nay đều sửa là 燒錢 (thiêu tiền).

敬稟:

Kính bảm:

五方五土龍神, 叩請土公, 土母, 土子,

Ngũ phương ngũ thổ Long Thần, khấu thỉnh Thổ Công, Thổ Mẫu, Thổ Tử,

土孫, 一切眷屬普同供養.

Thổ Tôn, nhưt thiết quyến thuộc phổ đồng cung dưỡng.

自今開山破土以後, 各安本位, 運得骨犯.

Tự kim khai sơn phá thổ dĩ hậu, các an bản vị, vận đắc cốt phạm.

天無忌, 地無忌, 陰陽無忌, 百無禁忌, 如有不遵,

Thiên vô kỵ, địa vô kỵ, âm dương vô kỵ, bách vô cấm kỵ, như hữu bất tuân,

吾奉太上老君, 急急如律令.

ngô phụng Thái Thượng Lão Quân, cấp cấp như luật lệnh.

Dịch nghĩa sớ mở núi:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ ...

Tam Giáo qui nguyên phục nhưt.

Vận Trời năm thứ ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., hiện ở nước Đại Nam, địa phận Nam Kỳ, tỉnh ..., quận ..., tổng ..., thôn ...

Nay có đệ tử ... [họ tên chức sắc], vào đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lấy Vô Cực làm thể, lấy Thái Cực làm dụng, không dùng giấy tiền vàng bạc và ngựa giấy, thiết lập nghi thức nhang, hoa, trà, rượu.

Kính bảm:

Long Thần năm phương năm đất, cúi đầu thỉnh mời Thổ Công, Thổ Mẫu, Thổ Tử, Thổ Tôn, tất cả quyến thuộc cùng cúng dưỡng chư vị. Từ nay về sau, khi mở núi phá đất rồi, ai cũng an chỗ của mình, không được phạm vào hài cốt này.



Không kiêng Trời, không kiêng đất, không kiêng âm dương,  
trăm sự không kiêng, nếu như không tuân, tôi phụng lệnh  
Thái Thượng Lão Quân, gấp rút như luật lệnh.

6. Số thành phục 成服疏

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第...年

第...niên

三教歸源復一

Tam Giáo qui nguyên phục nhất

天運歲次...年, ...月, ...日, ...時,

Thiên vận tuế thứ...niên, ...nguyệt, ...nhật, ...thời,

現在家堂之中, 今為成服事。

hiện tại gia đường chi trung, kim vi thành phục sự.

今有... [姓名人死], 投入三期普度, 改惡從良,

Kim hữu... [tánh danh nhân tử], đầu nhập Tam Kỳ Phổ Độ, cải ác tòng lương,

不幸於...年, ...月, ...日, ...時, 棄世了道。<sup>(20)</sup>

bất hạnh ư...niên...nguyệt...nhật...thời khí thể liễu đạo.

今喪主... [姓名], 合與道友, 公同善真

Kim tang chủ... [tánh danh], hiệp dữ đạo hữu, công đồng thiện chơn

聖眾等, 誠心叩拜, 哀奏。

thánh chúng đấng, thành tâm khấu bái, ai tấu.

黃金闕內

Huỳnh Kim Khuyết nội

玄穹高上帝玉皇錫福宥罪大天尊

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng tích phước hựu tội Đại Thiên Tôn

瑤池金母無極天尊

Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

三期普度三鎮威嚴

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

<sup>(20)</sup> Bản 1939 in là 了度 (liễu độ). Nay sửa là 了道 (liễu đạo).

李大仙長今教宗大道三期普度天尊

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Thiên Tôn

南海岸上觀音大士慈航普度天尊

Nam Hải ngạn thượng Quan Âm Đại Sĩ từ hàng phổ độ Thiên Tôn

協天大帝關聖帝君昭明翊漢天尊

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân chiêu minh dực Hớn Thiên Tôn

三洲八部護法天尊

Tam Châu Bát Bộ hộ pháp Thiên Tôn

大聖地藏王菩薩慈悲度引亡魂... [姓名]

Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát từ bi độ dẫn vong hồn... [tánh danh]

超升極樂之國. 今日孝眷喪主等

siêu thăng cực lạc chi quốc. Kim nhật hiếu quyến tang chủ đấng

禮儀奉獻全拜<sup>(21)</sup>受喪。

lễ nghi phụng hiến đồng bái thọ tang.

謹以疏文<sup>(22)</sup>上呈哀奏

Cẩn dĩ số văn thượng trình ai tấu.

Dịch nghĩa số thành phục:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ ...

Tam Giáo qui nguyên phục nhất.

Vận Trời năm thứ ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., hiện ở trong  
nhà, nay làm việc thành phục.

Nay có ... [họ tên người chết], đã vào Tam Kỳ Phổ Độ, đòi  
ác theo thiện, bất hạnh vào năm ..., tháng ..., ngày ..., giờ ...,  
bỏ đời liễu đạo.

Nay tang chủ ... [họ tên], hiệp với đạo hữu cùng các bậc

<sup>(21)</sup> Bản 1939 in là 全拜 (đồng bái). Hai chữ 全 và 同 nghĩa như nhau.

<sup>(22)</sup> Bản 1939 nhiều chỗ in nhầm là 疏聞. Nay đều sửa là 疏文.

thiện chơn thánh chúng lòng thành cúi lạy, đau buồn tâu lên:

Huỳnh Kim Khuyết nội Huyền Khung Cao Thượng Đế  
Ngọc Hoàng tích phước hựu tội Đại Thiên Tôn

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ  
Độ Thiên Tôn

Nam Hải ngàn thượng Quan Âm Đại Sĩ từ hàng phổ độ  
Thiên Tôn

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân chiêu minh dục  
Hồn Thiên Tôn

Tam Châu Bát Bộ hộ pháp Thiên Tôn

Đại thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát từ bi độ dẫn vong hồn  
... [họ tên] siêu thăng nước cực lạc. Ngày nay tất cả hiếu  
quyến tang chủ phụng hiến lễ nghi, cùng lạy thọ tang.

Cần trọng dâng sớ văn, đau buồn bày tỏ.

7. Sớ khai kinh cầu siêu 開經求超疏<sup>(23)</sup>

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第...年

Đệ...niên

三教歸源合一

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhứt

天運歲次...年, ...月, ...日, ...時, 現在大南國,

Thiên vận tuế thứ ...niên, ...nguyệt, ...nhật, ...thời, hiện tại Đại Nam quốc,

<sup>23</sup> Bản 1939 in là 開經疏求超 (*Khai kinh sớ cầu siêu*). Nay sửa là 開經求超疏 (*Khai kinh cầu siêu sớ*).

南圻地分, ...省, ...郡, ...總, ...村, 家堂之中.

Nam Kỳ địa phận, ...tỉnh, ...quận, ...tổng, ...thôn, gia đường chi trung.

今爲...日之旬, 設立齋壇, 香燈茶果之儀,

Kim vi ...nhật chi tuần, thiết lập trai đàn, hương đăng trà quả chi nghi,  
會請道場誦真經祈超拔度亡魂

hội thỉnh đạo trường tụng chơn kinh kỳ siêu bạt độ vong hồn

... [姓名人死], 元命生於...年, ...月, ...日, ...時,

... [tánh danh nhân tử], nguyên mệnh sinh ư ...niên, ...nguyệt, ...nhật, ...thời,

受生在...省, ...郡, ...總, ...村.

thọ sinh tại ...tỉnh, ...quận, ...tổng, ...thôn.

正魂無量劫來, 造種惡孽罪過多端,

Chính hồn vô lượng kiếp lai, tạo chủng ác nghiệt, tội quá đa đoan,

大限於...年, ...月, ...日, ...時, 棄世了道.

đại hạn ư ...niên, ...nguyệt, ...nhật, ...thời, khí thế liễu đạo.

今孝眷... [姓名], 每念亡靈, 陰容<sup>(24)</sup>莫睹,

Kim hiếu quyến ... [tánh danh], mỗi niệm vong linh, âm dung mạc睹,

恩德難酬鞠育幼勞, 欣懷罔極, 愈切哀悲,

ân đức nan thù cúc dục cù lao, hân hoài vãng cực, dữ thiết ai bi,

爲設齋壇, 懇祈超度, 會請道場弟子

vì thiết trai đàn, khẩn kỳ siêu độ, hội thỉnh đạo trường đệ tử

... [職色姓名], 公同善真聖眾

... [chức sắc tánh danh], công đồng thiện chơn thánh chúng

男女大小等, 跪在天槃, 誠心呈奏:

nam nữ đại tiểu đẳng, quỳ tại Thiên Bàn, thành tâm trình tấu:

黃金闕內

Huỳnh Kim Khuyết nội

玄穹高上帝玉皇錫福宥罪大天尊

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng tích phước hựu tội Đại Thiên Tôn

瑶池金母無極天尊

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

<sup>(24)</sup> 陰容 (*âm dung*) là dáng mạo người đã chết.

三期普度三鎮威嚴

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

李大仙長今教宗大道三期普度天尊

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Thiên Tôn

常居南海觀音如來天尊

Thường cư Nam Hải Quan Âm Như Lai Thiên Tôn

協天大帝關聖帝君天尊

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân Thiên Tôn

諸佛, 諸仙, 諸神, 過去, 現在,

Chư Phật, chư Tiên, chư Thần, quá khứ, hiện tại,

眾位先尊蓮臺之下,

Chúng vị Thiên Tôn liên đài chi hạ,

証明孝眷合等懇祈慈悲拔度亡魂

chứng minh hiếu quyến hiệp đẳng khẩn kỳ từ bi bạt độ vong hồn

... [姓名], 超出苦海免入輪迴, 永享逍遙

... [tính danh], siêu xuất khổ hải, miễn nhập luân hồi, vĩnh hưởng tiêu điều

勝境天宮之福, 孝眷同等.

thắng cảnh thiên cung chi phúc, hiếu quyến đồng đẳng.

天恩拔濟無量矣. 眾等弗勝惶恐之至.

Thiên ân bạt tế vô lượng hĩ. Chúng đẳng phát thắng hoàng khùng chi chí.

謹百拜, 上疏, 以聞.<sup>(25)</sup>

Cẩn bách bái, thượng sớ, dĩ văn.

Dịch nghĩa sơ khai kinh cầu siêu:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ...

Tam Giáo qui nguyên phục nhứt.

Vận Trời năm thứ ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., hiện ở nước

Đại Nam, địa phận Nam Kỳ, tỉnh ..., quận ..., tổng ..., thôn ..., ở trong nhà.

Nay là đến lượt ... ngày, thiết lập đàn chay, nghi thức nhang đèn, trà quả; kính mời đạo trưởng tụng chơn kinh cầu siêu cứu vớt vong hồn ... [*họ tên người chết*], bỗ mạng sanh vào năm ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., sanh tại tỉnh ..., quận ..., tổng ..., thôn ...

Chính hồn vô vản kiếp tới nay, tạo tròng ác nghiệt, tội lỗi vô số; đại hạn vào năm ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., bỏ đời liễu đạo. Nay hiếu quyến ... [*họ tên*], mỗi lần nghĩ đến vong linh, không thấy hình dung người đã mất, khó đáp đền ơn đức sinh dưỡng khó nhọc, tưởng nhớ chỉ thấy trời cao lồng lộng, càng thêm đau buồn; nên thiết lập đàn chay khẩn cầu siêu độ, kính mời đạo trưởng đệ tử ... [*họ tên chức sắc*], cùng thiện chơn thánh chúng nam nữ lớn nhỏ, quì trước Thiên Bàn lòng thành trình tấu:

Huỳnh Kim Khuyết nội Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng tích phước hựu tội Đại Thiên Tôn

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Thiên Tôn

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai Thiên Tôn

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân Thiên Tôn

Chư Phật chư Tiên chư Thần quá khứ hiện tại

Các vị Thiên Tôn bên dưới đài sen chứng minh hiếu quyến cùng với mọi người khẩn cầu từ bi cứu vớt vong hồn ... [*họ tên*] vượt ra khỏi biển khổ, khỏi vào luân hồi, mãi mãi hưởng

<sup>(25)</sup> Bản 1939 nhiều chỗ in nhầm 以文. Nay đều sửa là 以聞 (*dĩ văn*: để kính trình tâu).

phước thiên cung, tiêu dao cảnh đẹp, hiểu quyền cùng với mọi người.

Thiên ân cứu vớt vô lượng vậy. Mọi người khôn xiết sợ sệt.

Kính cẩn trăm lạy, dâng sớ, để trình tâu.

8. Sớ cáo Hậu Thổ 告后土疏

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第...年

Đệ...niên

三教歸源合一

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhất

天運歲次...年, ...月, ...日, ...時, 現在大南國,

Thiên vận tuế thứ...niên,...nguyệt,...nhật,...thời, hiện tại Đại Nam quốc,  
南圻地分, ...省, ...郡, ...總, ...村.

Nam Kỳ địa phận, ...tỉnh, ...quận, ...tổng, ...thôn.

今有弟子... [天封職色姓名]

Kim hữu đệ tử ... [thiên phong chức sắc tánh danh]

公同道友得為新故... [姓名] 投入三期普度,

công đồng đạo hữu đắc vi tân cố... [tánh danh] đầu nhập Tam Kỳ Phổ Độ,

尊規守法, 返本煉氣還源, 以無極為體,

tôn qui thủ pháp, phản bản luyện khí hoàn nguyên, dĩ Vô Cực vi thể,

太極為用, 不用燒錢化馬.

Thái Cực vi dụng, bất dụng thiêu tiền hóa mã.

此時... [姓名人死] 不幸於...年, ...月, ...日, ...時,

Thử thời ... [tánh danh nhân tử] bất hạnh ư ...niên, ...nguyệt, ...nhật, ...thời,

棄世了道, 脫壳還鄉, 今將屍骸葬於此地.

khí thể liễu đạo, thoát xác hoàn hương, kim tương thi hài táng ư thử địa.

今孝眷... [姓名]

Kim hiệu quyền ... [tánh danh]

設立齋壇香燈茶酒花果之儀.

thiết lập trai đàn, hương đăng, trà tửu, hoa quả chi nghi.

敬稟: 五方五土龍神,

Kính bảm: Ngũ phương ngũ thổ Long Thần,

土公, 土母, 土子, 土孫, 土地諸神.

Thổ Công, Thổ Mẫu, Thổ Tử, Thổ Tôn, Thổ Địa chư Thần.

伏望普同領受, 各安本位, 不可侵犯.

Phục vọng phổ đồng lãnh thọ, các an bản vị, bất khả xâm phạm.

天地日月時煞, 一一凶神煞化為吉祥.

Thiên địa nhật nguyệt thời sát, nhứt nhứt hung thần sát hóa vi cát tường.

如有不遵, 吾奉太上老君,

Như hữu bất tuân, ngô phụng Thái Thượng Lão Quân,

急急如律令.

cấp cấp như luật lệnh.

Dịch nghĩa sớ cáo Hậu Thổ

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ ...

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhất.

Vận Trời năm thứ ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., hiện ở nước  
Đại Nam, địa phận Nam Kỳ, tỉnh ..., quận ..., tổng ..., thôn ...

Nay có đệ tử ... [họ tên thiên phong chức sắc] cùng với đạo  
hữu đắc vi tân cố (?) ... [họ tên], đã vào Tam Kỳ Phổ Độ,  
trọng gìn qui giới phép tắc, trở về gốc luyện khí trở về nguồn,  
lấy Vô Cực làm thể, lấy Thái Cực làm dụng, không dùng giấy  
tiền vàng bạc và ngựa giấy.

Lúc này, ... [họ tên người chết], bất hạnh vào năm ..., tháng  
..., ngày ..., giờ ..., bỏ đời liễu đạo, thoát xác về quê. Nay sắp  
chôn thi hài ở đất này.

Nay hiểu quyển ... [*họ tên*] thiết lập đàn chay, nghi thức nhang đèn, trà rượu, hoa, quả.

Kính bảm:

Ngũ phương ngũ thổ Long, các thần Thổ Công, Thổ Mẫu, Thổ Tử, Thổ Tôn, Thổ Địa.

Kính xin các vị cùng lãnh nhận, ai cũng an chỗ của mình, không được xâm phạm. Trời, đất, mặt trời, mặt trăng, mọi hung thần từ ác biến thành tốt lành. Nếu như không tuân, tôi phụng lệnh Thái Thượng Lão Quân, gấp rút như luật lệnh.

### 9. Sớ cúng an vị 安位疏

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第 ... 年

Đệ ... niên

三教歸源合一

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhất

天運歲次 ... 年, ... 月, ... 日, ... 時, 現在大南國,

Thiên vận tuế thứ ... niên, ... nguyệt, ... nhật, ... thời, hiện tại Đại Nam quốc,

南圻地分, ... 省, ... 郡, ... 總, ... 村, 家堂之中,

Nam Kỳ địa phận, ... tỉnh, ... quận, ... tổng, ... thôn, gia đường chi trung,

求安位亡魂... [姓名].

cầu an vị vong hồn ... [*tánh danh*].

今有弟子... [天封職色姓名]<sup>(26)</sup> 合諸道友男女

Kim hữu đệ tử ... [*thiên phong chức sắc tánh danh*] hiệp chư đạo hữu nam nữ

大小等, 帶領孝眷... [姓名], 跪在天槃哀奏”

đại tiểu đẳng, dẫn lãnh hiếu quyến... [*tánh danh*], quỳ tại Thiên Bàn ai tấu:

黃金闕內

Huỳnh Kim Khuuyết nội

<sup>(26)</sup> Bản 1939 in sót 姓名: Nay bỏ đi *tánh danh* cho đủ nghĩa.

玄穹高上帝玉皇錫福宥罪大天尊

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng tích phúc hựu tội Đại Thiên Tôn

瑤池金母無極天尊

Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

三宗真教

Tam Tông Chơn Giáo

西方佛祖釋迦牟尼文佛世尊

Tây Phương Phật Tô Thích Ca Mâu Ni Văn Phật Thế Tôn

太上道祖道法彌深三清應化天尊

Thái Thượng Đạo Tổ đạo pháp di thâm Tam Thanh ứng hóa Thiên Tôn

孔聖先師文宣孔子興儒盛世天尊

Khổng Thánh Tiên Sư Văn Tuyên Khổng Tử hưng Nho thịnh thế Thiên Tôn

三期普度三鎮威嚴

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

李大仙長今教宗大道三期普度天尊

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Thiên Tôn

南海岸上觀音大士慈航普度天尊

Nam Hải ngạn thượng Quan Âm Đại Sĩ từ hàng phổ độ Thiên Tôn

協天大帝關聖帝君昭明翊漢天尊

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân chiêu minh dục Hón Thiên Tôn

東岳帝君寬洪度世天尊

Đông Nhạc Đế Quân khoan hồng độ thế Thiên Tôn

三洲八部護法天尊

Tam Châu Bát Bộ hộ pháp Thiên Tôn

諸佛, 諸仙, 諸神金蓮座下,

Chư Phật, chư Tiên, chư Thần kim liên toạ hạ,

叩祈慈悲赦罪... [姓名人死], 緣遇

Khấu kỳ từ bi xá tội... [*tánh danh nhân tử*], duyên ngộ

大道三期普度, 投入大門, 受持規戒爲能,

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đầu nhập đại môn, thọ trì qui giới vi năng,

精嚴功果爲立, 不幸於... 年, ... 月, ... 日, ... 時,

tinh nghiêm công quả vi lập, bất hạnh ư... niên, ... nguyệt, ... nhật, ... thời.

棄世了道. 弟子合諸信徒等, 帶領孝眷喪主,  
khí thể liễu đạo. Đệ tử hiệp chư tín đồ đẳng, đái lãnh hiếu quyển tang chủ,  
供設齋壇, 香燈, 茶酒, 花果之儀, 恭奉,  
cung thiết trai đàn, hương đăng, trà tửu, hoa quả chi nghi, cung phụng,  
立床安位尊亡.  
lập sàng an vị tôn vong.  
誠心叩拜, 哀奏, 以聞.  
Thành tâm khấu bái, ai tấu, dĩ văn.

Dịch nghĩa số an vị

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ ...

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhứt.

Vận Trời năm thứ ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., hiện ở nước  
Đại Nam, địa phận Nam Kỳ, tỉnh ..., quận ..., tổng ..., thôn ...,  
trong gia đình cầu an vị cho vong hồn ... [*họ tên*].

Nay có đệ tử ... [*họ tên thiên phong chức sắc*] hiệp các đạo  
hữu nam nữ lớn nhỏ, nhận lãnh hiếu quyển ... [*họ tên*], quì tại  
Thiên Bàn, đau buồn tâu lên:

Huỳnh Kim Khuyết nội

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng tích phước  
hựu tội Đại Thiên Tôn

Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

Tam Tông Chơn Giáo

Tây Phương Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni Văn Phật Thế Tôn

Thái Thượng Đạo Tổ đạo pháp di thâm Tam Thanh ứng  
hóa Thiên Tôn

Khổng Thánh Tiên Sư Văn Tuyên Khổng Tử hưng Nho

thành thế Thiên Tôn

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ  
Độ Thiên Tôn

Nam Hải ngàn thượng Quan Âm Đại Sĩ từ hàng phổ độ  
Thiên Tôn

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân chiêu minh dục  
Hơn Thiên Tôn

Đông Nhạc Đế Quân khoan hồng độ thế Thiên Tôn

Tam Châu Bát Bộ hộ pháp Thiên Tôn

Chư Phật chư Tiên chư Thần dưới tòa sen vàng

Cúi đầu cầu xin từ bi xá tội người chết ... [*họ tên*], đã có  
duyên gặp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, bước vào cửa lớn, thọ  
giữ phép tắc qui giới siêng năng, tạo lập công quả tinh  
nghiêm, bất hạnh vào năm ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., bỏ đời  
liều đạo.

Đệ tử hiệp các tín đồ nhận lãnh cho hiếu quyển tang chủ,  
cung kính thiết lập đàn chay, nghi thức nhang đèn, trà rượu,  
hoa quả cúng dâng, lập sàng an vị vong hồn.

Thành tâm cúi lạy, đau buồn tâu bày, để trình tấu.

10. Sớ khai mộ 開墓疏

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第 ... 年

Đệ ... niên

三教歸源合一

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhứt

天運歲次...年, ...月, ...日, ...時, 現在大南國,  
Thiên vận tuế thứ ...niên, ...nguyệt, ...nhựt, ...thời, hiện tại Đại Nam quốc,  
南圻地分, ...省, ...郡, ...總, ...村, 在墳墓之前.

Nam Kỳ địa phận, ...tỉnh, ...quận, ...tổng, ...thôn, tại phần mộ chi tiền.

今有... [天封職色姓名],

Kim hữu ... [thiên phong chức sắc tánh danh],

帶領孝眷... [姓名] 得為新故... [姓名人死]

đái lãnh hiếu quyển ... [tánh danh] đắc vi tân cố ... [tánh danh nhân từ]

元命於...年, ...月, ...日, ...時. 殯墓之吉地以來,

nguyên mệnh ư ...niên, ...nguyệt, ...nhựt, ...thời. Tẩn mộ chi cát địa dĩ lai,

斬草破土, 恐有犯五方五土龍神,

trảm thảo phá thổ, khùng hữu phạm ngũ phương ngũ thổ Long Thần,

及古墓業主殯墓之時以何酬恩謝諸神.

cập cổ mộ nghiệp chủ. Tẩn mộ chi thời, dĩ hà thù ân tạ chư thần.

謹以無極為體, 太極為用, 三五合一, 戊己歸根,

Cẩn dĩ Vô Cực vi thể, Thái Cực vi dụng, tam ngũ hiệp nhứt, mậu kỷ qui căn,

山川朝秀地脉, 安靈青龍, 迎謁白虎,

sơn xuyên triều tú địa mạch, an linh Thanh Long, nghinh yết Bạch Hổ,

貞祥.

trình tường.

五方龍神各安本位, 諸惡煞各隱其中.

Ngũ phương Long Thần các an bản vị, chư ác sát các ẩn kỳ trung.

亡魂成合孝眷志祥.

Vong hồn thành hiệp hiếu quyển chí tường.

謹具疏文上呈哀奏.

Cẩn cụ sớ văn thượng trình, ai tấu.

Dịch nghĩa sớ khai mộ

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ ...

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhứt.

Vận Trời năm thứ ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., hiện ở nước  
Đại Nam, địa phận Nam Kỳ, tỉnh ..., quận ..., tổng ..., thôn ...,  
tại trước phần mộ.

Nay có ... [họ tên thiên phong chức sắc], nhận lãnh hiếu  
quyển ... [họ tên] đắc vi tân cố ... [họ tên người chết], chung  
mệnh vào năm ..., tháng ..., ngày ..., giờ ... Từ lúc chọn chỗ đất  
tốt làm phần mộ tới nay, chặt cỏ làm đất, sợ là phạm phải ngũ  
phương ngũ thổ Long Thần, cho đến chủ mộ cũ ở đây. Khi  
làm phần mộ này, không biết làm sao tạ ơn chư thần.

Kính cẩn lạy Vô Cực làm thể, lạy Thái Cực làm dụng, tam  
ngũ hiệp nhứt, mậu kỷ qui căn, núi sông châu mạch đất tốt, an  
linh Thanh Long nghinh yết Bạch Hổ, trình tường, ngũ  
phương Long Thần ai cũng an chỗ của mình, các thần ác ai  
cũng ẩn vào trong. Vong hồn thành hiệp, hiếu quyển rất lành.

Kính cẩn soạn sớ văn trình lên, đau buồn tâu bày.

11. Sớ cúng cầu siêu 祈超疏

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第...年

Đệ...niên

三教歸源合一

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhứt

天運歲次...年, ...月, ...日, ...時, 現在大南國,

Thiên vận tuế thứ ...niên, ...nguyệt, ...nhựt, ...thời, hiện tại Đại Nam quốc,

南圻地分, ...省, ...郡, ...總, ...村.

Nam Kỳ địa phận, ...tỉnh, ...quận, ...tổng ... thôn.

今為...九之旬以到, 喪主(主婦)<sup>(27)</sup>... [姓名],

<sup>(27)</sup> Hai chữ 主婦 (chủ phụ) dùng khi tang chủ là người vợ.

Kim vi... cửu chi tuần dĩ đáo, tang chủ (chủ phụ) ... [*tánh danh*],  
嚴設齋壇所祈超度.  
nghiêm thiết trai đàn sở kỳ siêu độ.  
有弟子... [天封職色姓名] 公同信眾  
Hữu đệ tử ... [*thiên phong chức sắc tánh danh*] công đồng tín chúng  
善眞合與喪主跪在殿前誠心呈奏.  
thiện chơn hiệp dữ tang chủ quỳ tại điện tiền thành tâm trình tấu.  
黃金闕內  
Huỳnh Kim Khuyết nội  
玄穹高上帝玉皇大天尊  
Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn  
瑤池金母無極天尊  
Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn  
三宗眞教  
Tam Tông Chơn Giáo  
西方教主釋迦牟尼天尊  
Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thiên Tôn  
太上道祖三清應化天尊  
Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh ứng hóa Thiên Tôn  
孔聖先師興儒盛世天尊  
Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho thịnh thế Thiên Tôn  
三期普度三鎮威嚴  
Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm  
李大仙長太白金星  
Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh  
常居南海觀音如來  
Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai  
協天大帝關聖帝君  
Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân  
耶蘇教主救世天尊

Da Tô Giáo Chủ cứu thế Thiên Tôn  
太公相輔廣法天尊  
Thái Công Tương Phụ quảng pháp Thiên Tôn  
三洲八部護法天尊  
Tam Châu Bát Bộ hộ pháp Thiên Tôn  
十方諸佛萬種諸仙  
Thập phương chư Phật vạn chủng chư Tiên  
懇祈慈悲赦以宥罪,度厄消災,發下洪恩,赦與香魂  
Khẩn kỳ từ bi xá dĩ hựu tội, độ ách tiêu tai, phát hạ hồng ân, xá dữ hương hồn  
... [姓名], 享壽於... 年, ... 月, ... 日, ... 時.  
... [*tánh danh*], hưởng thọ ư ... niên, ... nguyệt, ... nhật, ... thời.  
弟子 ... [職色姓名]<sup>(28)</sup> 合與喪主等.  
Đệ tử ... [*chức sắc tánh danh*] hiệp dữ tang chủ đẳng.  
天威不勝,沾恩之至.  
Thiên oai bất thắng, triêm ân chi chí.  
誠心叩拜,哀奏,以聞.  
Thành tâm khấu bái, ai tấu, dĩ văn.

Dịch nghĩa sơ cầu siêu:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ ...

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhưt.

Vận Trời năm thứ ... tháng ..., ngày ..., giờ ..., hiện ở nước  
Đại Nam, địa phận Nam Kỳ, tỉnh ..., quận ..., tổng ..., thôn ...

Nay đến lượt cửu thứ ..., tang chủ .... [*họ tên*] nghiêm thiết  
đàn chay để cầu siêu độ.

Nay có đệ tử ... [*họ tên thiên phong chức sắc*], cùng tín

<sup>(28)</sup> Nay bỏ đi 姓名 (*tánh danh*).



chúng thiện chơn hiệp với tang chủ, quì trước điện, lòng thành trình tấu:

Huỳnh Kim Khuyết nội

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn

Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

Tam Tông Chơn Giáo

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thiên Tôn

Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh ứng hóa Thiên Tôn

Khổng Thánh Tiên Sư hưng Nho thanh thế Thiên Tôn

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân

Da Tô Giáo Chủ cứu thế Thiên Tôn

Thái Công Tướng Phụ quang pháp Thiên Tôn

Tam Châu Bát Bộ hộ pháp Thiên Tôn

Thập phương chư Phật vạn chủng chư Tiên

Khẩn cầu từ bi xá tội, độ ách tiêu tai, ban xuống ơn lớn, tha cho hương hồn ... [họ tên], hưởng thọ vào năm ..., tháng ..., ngày ..., giờ ...

Đệ tử ... [họ tên chức sắc] hiệp với tang chủ.

Oai Trời không thể vượt qua, mong thấm nhuần ơn trạch.

Lòng thành cúi lạy, đau buồn tâu lên, để trình tấu.

12. Sớ cúng ngọc hườn kinh 供午完經疏

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第 ... 年

Đệ ... niên

三教歸源合一

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhưt

天運歲次...年, ...月, ...日, ...時, 現在大南國,

Thiên vận tuế thứ ... niên, ... nguyệt, ... nhật, ... thời, hiện tại Đại Nam quốc, 南圻地分, ...省, ...郡, ...總, ...村, 居在家堂之中.

Nam Kỳ địa phận, ... tỉnh, ... quận, ... tổng, ... thôn, cư tại gia đường chi trung.

奉佛修香, 設供完愿祈超淨度事,

Phụng Phật tu hương, thiết cúng hoàn nguyện kỳ siêu tịnh độ sự,

迎祥集福.

nghinh tường tập phước.

今喪主... [姓名] 合喪門等, 惟日焚香

Kim tang chủ ... [tánh danh] hiệp tang môn đẳng, duy nhật phân hương

心誠叩拜大覺能人接度亡魂... [姓名],

tâm thành khấu bái Đại Giác Năng Nhân tiếp độ vong hồn ... [tánh danh],

死於... 年, ... 月, ... 日, ... 時.

tử ư... niên, ... nguyệt, ... nhật, ... thời.

茲者香花素品, 供養佛法僧三教, 寶肅

Tư giả hương hoa tố phẩm, cung dưỡng Phật Pháp Tăng Tam Giáo, bảo túc

嚴座, 乃喪祈超之日, 伏命六和之膳品奏.

nghiêm tọa, nãi tang kỳ siêu chi nhật, phục mệnh lục hòa chi thiện phẩm tấu.

南無娑婆教主本師釋迦牟尼文佛証明,

Nam mô sa bà Giáo Chủ bản sư Thích Ca Mâu Ni Văn Phật chứng minh,

金蓮座下, 伏愿亡魂早得超升

kim liên tọa hạ, phục nguyện vong hồn tảo đắc siêu thăng

天上之天, 不入地重之地.

thiên thượng chi thiên, bất nhập địa trọng chi địa.

謹百拜, 上疏.

Cẩn bá bái, thượng sớ.

Dịch nghĩa sớ cúng ngọc hườn kinh

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ...

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhứt.

Vận Trời năm thứ..., tháng..., ngày..., giờ..., hiện ở nước Đại Nam, địa phận Nam Kỳ, tỉnh..., quận..., tổng..., thôn..., ở trong gia đình.

Thờ Phật sửa nhang, cúng hoàn tất ý nguyện việc cầu siêu tịnh độ, đón lành gom phước.

Nay tang chủ ... [họ tên] cùng với tất cả tang quyến, đốt nhang lòng thành cúi lạy Đại Giác Năng Nhân tiếp độ vong hồn ... [họ tên], chết vào năm..., tháng..., ngày..., giờ...

Tang chủ sắm hương hoa và thức chay cúng dường Phật Pháp Tăng Tam Giáo, bảo túc nghiêm tọa, nay là ngày cầu siêu, phục mệnh thức ăn ngon lục hòa, tâu lên.

Nam mô sa bà Giáo Chủ bốn sư Thích Ca Mâu Ni Văn Phật chứng minh, dưới tòa sen vàng cúi lạy nguyện vong hồn sớm được siêu thăng cõi trời, không vào cõi đất nặng nề.

Kính cẩn, trăm lạy, dâng sớ.

13. Sớ cúng trừ phục 除服疏

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第...年

第...niên

三教歸源復一

Tam Giáo qui nguyên phục nhứt

天運歲次...年, ...月, ...日, ...時, 現在大南國,

Thiên vận tuế thứ ...niên, ...nguyệt, ...nhựt, ...thời, hiện tại Đại Nam quốc,

南圻地分, ...省, ...郡, ...總, ...村, 家堂之中.

Nam Kỳ địa phận, ...tỉnh, ...quận, ...tổng, ...thôn, gia đường chi trung.

今為大祥之旬, 會請道場誠誦真經

Kim vi đại tường chi tuần, hội thỉnh đạo trường thành tụng chơn kinh

祈超拔度亡魂... [姓名],

kỳ siêu bạt độ vong hồn ... [tánh danh],

元命生於...年, ...月, ...日, ...時,

nguyên mệnh sinh ư...niên, ...nguyệt, ...nhựt, ...thời,

不幸於...年, ...月, ...日, ...時, 棄世了道.

bất hạnh ư...niên, ...nguyệt, ...nhựt, ...thời, khí thể liễu đạo.

今喪主香花素品, 禮儀奉獻, 同拜除服

Kim tang chủ hương hoa tó phẩm, lễ nghi phụng hiến, đồng bái trừ phục

之旬, 申文<sup>(29)</sup> 呈奏

chi tuần, thân văn trình tâu:

黃金闕內

Huỳnh Kim Khuyết nội

玄穹高上帝玉皇錫福宥罪大天尊

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng tích phước hựu tội Đại Thiên Tôn

瑶池金母無極天尊

Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

三期普度三鎮威嚴

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

李大仙長今教宗大道三期普度天尊

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Thiên Tôn

常居南海觀音如來天尊

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai Thiên Tôn

<sup>(29)</sup> Bản 1939 in là 文申. Nay sửa là 申文.

協天大帝關聖帝君天尊

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân Thiên Tôn

三洲八部護法天尊

Tam Châu Bát Bộ hộ pháp Thiên Tôn

大聖地藏王菩薩慈悲引度亡魂超升極樂.

Đại thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát từ bi dẫn độ vong hồn siêu thăng cực lạc.

今日眷屬喪主等三年滿服之旬,

Kim nhật quyến thuộc tang chủ đấng tam niên mãn phục chi tuần,

迎祥集福萬壽無疆.

nghinh tường tập phước, vạn thọ vô cương.

謹具疏文上呈, 哀奏, 百拜.

Cẩn cụ sớ văn thượng trình, ai tấu, bá bái.

Dịch nghĩa sớ trừ phục (bỏ áo tang)

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ...

Tam Giáo qui nguyên phục nhứt.

Vận Trời năm thứ ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., hiện ở nước Đại Nam, địa phận Nam Kỳ, tỉnh ..., quận ..., tổng ..., thôn ..., ở trong gia đình.

Nay là lượt cúng đại tường, kính mời đạo trường thành tâm tụng chơn kinh câu siêu cứu vớt vong hồn ... [họ tên], bôn mạng sinh vào năm ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., bất hạnh vào năm ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., bỏ đời liễu đạo.

Nay tang chủ sắm lễ hương hoa và thức chay, lễ nghi phụng hiến, cùng lạy làm lễ đến ngày bỏ áo tang, dâng sớ văn, trình tâu:

Huỳnh Kim Khuyết nội

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng tích phước  
hựu tội Đại Thiên Tôn

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

Lý Đại Tiên Trưởng kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ  
Độ Thiên Tôn

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai Thiên Tôn

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân Thiên Tôn

Tam Châu Bát Bộ hộ pháp Thiên Tôn

Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát từ bi dẫn độ vong hồn  
siêu thăng cực lạc.

Ngày nay tất cả quyến thuộc tang chủ đã hết ba năm thọ  
tang, đón lành gom phước, sống lâu mãi mãi.

Kính cẩn trình lên sớ văn, đau buồn tâu bày, trăm lạy.

14. Sớ cầu bệnh 求病疏

大道三期普度

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

第 ... 年

Đệ ... niên

三教歸源合一

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhứt

天運歲次 ... 年, ... 月, ... 日, ... 時, 現在大南國,

Thiên vận tuế thứ ... niên, ... nguyệt, ... nhật, ... thời, hiện tại Đại Nam quốc,

南圻地分, ... 省, ... 郡, ... 總, ... 村, 家堂之中.

Nam Kỳ địa phận, ... tỉnh, ... quận, ... tổng, ... thôn, gia đường chi trung.

今為 ... [姓名], 造罪積惡, 種種不良之心,

Kim vị ... [tánh danh], tạo tội tích ác, chủng chủng bất lương chi tâm,

結成孽障。茲時到受厄臨難，行身罰體，  
kết thành nghiệt chướng. Tư thời đáo thọ ách lâm nạn, hành thân phạt thể,  
冤報至期。於今醒悟，懺悔自身，設立齋壇，  
oan báo chí kỳ. Ư kim tỉnh ngộ, sám hối tự thân, thiết lập trai đàn,  
香燈，茶酒，花果之儀，誠心奉獻。  
hương đăng, trà tửu, hoa quả chi nghi, thành tâm phụng hiến.  
百拜，上疏以聞。  
Bá bái, thượng sớ dĩ văn.

Dịch nghĩa sớ cầu khởi bệnh

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Năm thứ...

Tam Giáo qui nguyên hiệp nhứt.

Vận Trời năm thứ ..., tháng ..., ngày ..., giờ ..., hiện ở nước  
Đại Nam, địa phận Nam Kỳ, tỉnh ..., quận ..., tổng ..., thôn ...,  
trong gia đình.

Nay vì ... [*họ tên*], tạo tội tích ác, lòng vô vàn bất lương,  
kết thành nghiệt chướng. Bấy giờ thọ lãnh tai ách lâm nạn,  
hành phạt thân thể, oan báo đến kỳ hạn. Lúc này tỉnh ngộ, bản  
thân sám hối, thiết lập đàn chay, nghi thức nhang đèn, trà  
rượu, hoa quả, lòng thành phụng hiến.

Trăm lạy, dâng sớ văn, để trình tâu.

## Giải nghĩa từ ngữ

Các mục từ xếp theo thứ tự đầu giọng: *không dấu, huyền, hỏi, ngã, sắc, nặng*. Thí dụ: ma mà mã mã má mạ. Các chữ cái xếp theo thứ tự A, Ẫ, Ậ, B, C, D, Đ, E, Ê, G, H, I, K, L, M, N, O, Ô, Ơ, P, Q, R, S, T, U, Ư, V, X, Y.

### A

An bang 安邦: Giữ gìn quốc gia an bình.

An cư lạc nghiệp 安居樂業: Thời thái bình, ai cũng có chỗ ở  
an lành và vui sống với nghề nghiệp.

An khương (khang) 安康: Bình an và khỏe mạnh.

Án tiền 案前: Trước bàn thờ.

Anh nhi 嬰兒: Trẻ mới đẻ.

Âm chất 陰騭: Âm đức 陰德.

Âm Tào 陰曹: Tòa án cõi âm.

Ân hồng: Ôn lớn, *hồng ân* 洪恩. (*Hoằng* 弘: lớn.)

Âu ca 謳歌: Hát mừng thanh bình.

Ấu nhi 幼兒: Trẻ thơ.

### B

Ba giếng: Xem tam cang.

Bá (bách) niên song toàn 百年雙全: Hai họ nhà trai và nhà  
gái đều được toàn vẹn trăm năm.

Bá tánh (bách tính) 百姓: Trăm họ, dân chúng.

Bạch câu quá khích 白駒過隙: Bóng ngựa trắng phóng qua  
khe hở, ý nói thời gian qua rất nhanh.

Bạch hạc 白鶴: Chim hạc trắng.

Bạch Ngọc Chung minh 白玉鐘鳴: Đánh chuông Bạch Ngọc vang lên.

Bạch Ngọc Thần Chung phóng Phong Đô 白玉神鐘放豐都:  
Chuông thần Bạch Ngọc giải phóng cõi địa ngục.

Bái 拜: Lạy.

Ban sơ 班初: Ban đầu; thoát đầu.

Bàn Cổ 盤古: Nhiệm Phưởng 任昉 (thế kỷ VI) đã viết huyền thoại Bàn Cổ trong quyển *Thuật Dị Ký* 述異記 như sau: Khi Bàn Cổ chết, đầu biến thành bốn ngọn núi, hai mắt biến thành mặt trời và mặt trăng, mỡ biến thành sông biển, râu tóc biến thành thảo mộc. Thời Tàn và Hán, dân gian kể rằng đầu của Bàn Cổ là (núi) Đông Nhạc, bụng là Trung Nhạc, tay trái là Nam Nhạc, tay phải là Bắc Nhạc, và hai chân là Tây Nhạc. Các văn nhân ngày xưa kể rằng nước mắt của Bàn Cổ là sông, hơi thở là gió, giọng nói là sấm, đồng tử trong hai mắt là ánh sáng.

Bạn cầm 琴酒詩: Bạn đàn, bạn rượu, bạn thơ.

Bảo an 保安: Giữ gìn cho an toàn.

Bắc Đẩu 北斗: Ông Tiên coi sổ tử (sổ chết) của con người trần gian. Xem Nam Tào.

Bất tường 不祥: Chẳng lành, xấu, rui.

Bất vãng u minh chi giới cảnh 不往幽冥之境界: Không đi sang cõi u minh (cõi địa ngục).

Bâu: Cỏ áo. Chia râu: Ám chỉ chia tay, chia lìa.

Bậu: Tiếng gọi người nhỏ tuổi hơn mình (em, mày), như nói: *Qua với bậu* (tôi với em; tao với mày). Bậu bạn: Bạn bè.

Bể dâu: Xem Thương hải tang điền.

Bể khổ sóng tình: Do hai câu: *Ái hà thiên xích lãng* 愛河千尺浪 (sông tình sóng ngàn thước), *khổ hải vạn trùng*

*ba* 苦海萬重波 (biển khổ sóng muôn trùng).

Bệ giai 陛階: Bậc thềm (ám chỉ thềm cung Bạch Ngọc, điện Linh Tiêu).

Bỉ bàng: Sẵn sàng, đầy đủ.

Bỉ ngạn 彼岸: Bờ bên kia, bờ giác ngộ. (Bờ bên đây là bến mê: mê tân 迷津).

Bích thủy lư giang 碧水淩江: Nước biếc sông đen.

Bích thủy sơn khê 碧水山谿: Suối trong núi nước xanh biếc.

Bồng: Loại bưởi nhỏ trái, thường gọi chung là *bưởi bồng*.

Bóng thiếu: Bóng thiếu quang. Xem thiếu quang.

Bồ đề 菩提 mười tám thiền tâm định 禪心定: Lăn chuỗi bồ đề mười tám hạt giúp tâm tu an định.

Bồ liễu 蒲柳: *Bồ* là cây cói (làm chiếu, giò, quạt...), *liễu* là dương liễu, vốn là hai loại cây mềm yếu, nên *bồ liễu* hoặc *liễu bồ* ám chỉ thân gái.

Bồ đức 布德: Ban bố ơn đức.

Bồ kinh 布荆: Nói đầy đủ là *kinh thoa bó quần* 荆釵布裙 (cây trâm cài đầu bằng gai, quần bằng vải), ám chỉ sự cần kiệm của người vợ. *Kinh* là cây gai, *bó* là vải.

Bộc trước (trúc) 爆竹: Pháo nổ (thời xưa thuốc nổ nhồi vào ống tre làm pháo), cũng gọi là bộc can 爆竿 hay bộc trượng 爆仗.

Bốn tám nguyện xưa: Bốn mươi tám nguyện lớn của Đức Phật A Di Đà. Thí dụ, lời nguyện thứ nhất là: *Giả sử khi tôi thành Phật, nước tôi còn có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác*.

Bốn vách: Xem tứ đồ, tứ đồ tường.

Bửu (bảo) cái 寶蓋: Lọng báu.

Bửu tọa (bảo tòa) 寶座: Chỗ ngồi của đấng tôn quý. Bàn thờ.

C

Cải tà 改邪 làm nhơn 仁: Bỏ lòng bất chánh để làm người hiền, nhơn hậu.

Cách bức: Ngăn cách.

Cang kỷ: *Kỷ cương* 紀綱, là giềng mối, khuôn phép, phép tắc.

Cang lệ (kháng lệ) 伉儷: Vợ chồng, cũng như *phu thê* 夫妻.

Cang (cương) thường 綱常: Xem tam cương ngũ lý.

Canh chướng (chủng) 耕種: Cày ruộng và trồng trọt.

Cao thăng 高升: Tăng lên cao.

Cảm mạo phong sương 感冒風霜: Bị cảm và trúng gió sương.

Cầm sắt 琴瑟: Đàn cầm (bằng gỗ ngô đồng, 5 dây, đầu đời Chu thêm 2 dây thành 7 dây) và đàn sắt (Phục Hi chế ra có 50 dây, về sau Hoàng Đế bớt đi còn 25 dây). Cầm sắt ám chỉ vợ chồng hòa hợp cũng như hòa đàn.

Cân 巾: Khăn (lau mặt); khăn bịt đầu; khăn đóng. Xem thuế cân.

Cần 勤: Siêng năng.

Cấp lai cơ tiền 急來几前: Mau mau đến trước ghé thờ. (*Cơ hay ki* là cái ghé để bài vị và bát nhang người chết.)

Cập kê: Xem gia kê.

Chánh lục bộ 正錄簿:

1. Năm 1904, thực dân Pháp ra nghị định thành lập Hội Đồng Hương Chức (gọi là Bàn Hội Tề), gồm 12 chức vụ: (1) *Hương cả*: Chủ tịch Hội Đồng, kiêm nhiệm vụ lưu trữ văn thư. / (2) *Hương chủ*: Phó chủ tịch Hội Đồng kiêm nhiệm vụ thanh tra. / (3) *Hương sự*: Cố vấn luật lệ. / (4) *Hương trưởng*: Thủ quỹ, cố vấn giáo dục. / (5) *Hương chánh*: Hòa giải và phân xử các vụ tranh tụng trong làng. / (6) *Hương giáo*: Thư ký Hội Đồng, cố vấn cho các hương chức trẻ tuổi. / (7) *Hương quản*: Trưởng

ban cảnh sát trong làng, kiểm tra sông rạch, đường sá trong làng. / (8) *Hương bộ*: Giữ sổ thuế và các loại sổ thu chi, kiêm nhiệm vụ bảo vệ công sở và các loại tài sản công cộng. / (9, 10, 11) *Hương thân*, *Thôn trưởng*, và *Hương hào*: Giữ nhiệm vụ trung gian giữa địa phương, chính quyền và tòa án cấp trên. *Thôn trưởng* giữ con dấu và được quyền xử lý các vụ việc thông thường. / (12) *Chánh lục bộ*: Coi hộ tịch và thông báo khi có dịch bệnh.

2. Nghị định ngày 30-10-1927 của Toàn Quyền Đông Dương qui định Hội Đồng Hương Chức Hội Tề (gọi là Bàn Hội Tề) gồm có 12 chức vụ: (1) *Hương cả*: Quyền hạn như trước, có thêm nhiệm vụ quản lý cơ sở vật chất công cộng, chuyên nhiệm vụ lưu trữ văn thư sang Hương bộ. / (2) *Hương chủ*: Có thêm nhiệm vụ thủ quỹ, chuyên nhiệm vụ thanh tra sang Hương sự. / (3) *Hương sự*: Làm phó chủ tịch Hội Đồng, kiêm nhiệm vụ thanh tra. / (4) *Hương trưởng*: Trông nom công việc giáo dục và văn hóa trong làng. / (5) *Hương chánh*: Có thêm nhiệm vụ cố vấn các chức việc. / (6) *Hương giáo*: Nhiệm vụ y như trước. / (7) *Hương quản*: Có thêm nhiệm vụ phụ tá quan biện lý ở địa phương. / (8) *Hương bộ*: Giữ sổ thuế, sổ sách thu chi, thêm nhiệm vụ giữ công quỹ. / (9, 10, 11) *Hương thân*, *Xã trưởng*, và *Hương hào*: Nhiệm vụ như cũ. Hương hào có thêm nhiệm vụ trưởng ban cảnh sát trong làng, giám sát việc thi hành luật lệ, bảo trì đường bộ, đường sông và tổng đạt công văn tòa án. / (10) *Chánh lục bộ*: Nhiệm vụ như cũ.

Chấp chưởng 執掌: Nắm giữ, trông coi công việc.

Chấp sự giả các tư kỳ sự 執事者各司其事: Ai có việc trong đàn thì mỗi người tự làm phần việc mình.

Chén quỳnh: Chén rượu ngon (*quỳnh tương* 瓊醬).

Chí minh 至明: Rất rõ ràng.

Chí thiện tân (thân) dân 至善親(新)民: Sách *Đại Học* viết: *Đại Học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chỉ u*

chí thiện. 大學之道, 在明明德, 在親 (新)民, 在止於至善 (Đạo của Đại Học là làm sáng cái đức sáng, đổi mới dân chúng, và dừng lại ở chỗ chí thiện.)

Chích lịch: Thiên lịch.

Chín chữ cù lao: Xem cù lao cùc dục.

Chín tầng (tùng) liên hoa: Cửu phẩm liên hoa 九品蓮花. Chín phẩm hoa sen chia làm ba bậc (thượng, trung, hạ). Người chết vãng sanh về cõi Phật tùy theo công hạnh mà được ở vào từng phẩm tương xứng.

Chỉnh sát cúng phẩm 整察供品: Xem xét việc sắp bày lễ vật dâng cúng.

Chỉnh tục 整俗: Chỉnh đôn phong tục; tu sửa cuộc đời.

Chơn (chân) ngôn 真言: Thần chú 神咒.

Chơn ngôn thập bát 真言十八: Mười tám chữ của câu thần chú Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát 南無大慈大悲救苦救難觀世音菩薩摩訶薩.

Chuẩn đích 準的: Mục tiêu mẫu mực.

Chung niên chi tuần 終年之巡: Đã hết một năm.

Chung qui 終歸: Kết cục. Lúc chung qui: Lúc chết.

Chức Nữ 織女: Nhân vật huyền thoại, xem kiêu ô, thất tịch.

Chức nữ 織女: Người con gái dệt lụa, vải.

Chước tửu 酌酒: Rót rượu.

Cõi thọ: Cõi vĩnh hằng, cõi của người chết.

Cổ lệ 古例: Phép xưa, tục lệ xưa.

Cổ kiên: Kiên cố 堅固, vững bền.

Cơ hàn 飢寒: Đói lạnh.

Cù lao 劬勞: Mệt nhọc và vất vả. Xem cù lao cùc dục.

Cù lao cùc dục 劬勞鞠育: Cha mẹ nuôi con vất vả, tóm tắt

bằng chín chữ cù lao: Sinh 生 (để con), cùc 鞠 (nuôi con), phủ 拊 (vỗ vè), súc 畜 (cho bú), trưởng 長 (nuôi cho lớn), dục 育 (dạy dỗ, cho học hành), cố 顧 (trông nom), phục 復 (nâng đỡ), phúc 腹 (ấm bông). Chín chữ này có ở bài Lục Nga 蓼莪 trong Kinh Thi: 父兮生我; 母兮鞠我; 拊我畜我; 長我育我; 顧我復我; 出入腹我; 欲報之德; 昊天罔極. *Phụ hề sinh ngã; mẫu hề cùc ngã; phủ ngã súc ngã; trưởng ngã dục ngã; cố ngã phục ngã; xuất nhập phúc ngã; dục báo chi đức; hạo thiên vông cực* (Cha thời sinh ta; mẹ thời dưỡng ta; vuốt ve cho bú; nuôi lớn dạy dỗ; trông nom nâng đỡ; ra vô ấm bông; muốn báo ơn đức; trời cao lồng lộng).

Cúc cung 鞠躬: Cúi mình.

Cúc cung bái 鞠躬拜: Cúi lạy.

Cúc dục 鞠育: Nuôi nấng. Xem cù lao cùc dục.

Cung chỉnh tiên hoa 恭整鮮花: Cung kính sắp bày hoa tươi.

Cung khải trà bôi 恭啓茶杯: Cung kính giở nắp hai chung trà.

Cung khải tửu chi 恭啓酒卮: Cung kính giở nắp hai chén rượu.

Cung thành thứ tự phân lập tam ban 恭誠次序分立三班: Cung kính, thành tâm, đứng theo thứ tự, phân ra làm ba ban. Xem tam ban.

Cúng dường (cung dưỡng 供養): Kính cẩn dâng vật thực, quần áo, v.v... để nuôi người xuất gia tu hành.

Cúng ngu: Cúng vong người chết mới vừa chôn xong.

Cư tang thọ chế dĩ báo thâm ân 居喪受制以報深恩: Nhận lãnh chế độ cư tang để đền đáp ơn sâu.

Cư trọng tang như ngộ khinh tang 居重喪如遇輕喪: Đang có trọng tang nếu như gặp khinh tang.

Cửa sơn: Cửa sơn đồ, ám chỉ gia đình quyền thế, danh giá.

Cực lạc giới 極樂界: Cõi cực lạc, cõi rất vui, cõi Phật.  
Cửu thiên 九天: Chín tầng trời.  
Cựu bang 舊邦: Nước cũ, tức là Tiên bang, cõi Trời.  
Cựu vị 舊位: Ngôi vị cũ (ở trên trời).

## D

Dạ đài 夜臺: Lâu đài ban đêm, ám chỉ mồ mả, cõi âm.  
Danh ba: Vinh hoa 榮華.  
Dạy ban: Bảo ban, dạy dỗ.  
Dây xe săn: Dây xe lại cho săn chắc. Đây là dây tơ hồng để xe duyên vợ chồng. Xem Nguyệt Lão.  
Di cữu 移柩: Dời linh cữu.  
Di luân 彝倫: Luân thường 倫常 (lẽ phải để cư xử ở đời).  
Di thâm 彌深: Sâu xa.  
Dĩ định 已定: Đã ấn định, sắp đặt sẵn rồi.  
Dĩ hạ 以下: Sắp xuống; kể từ trên xuống.  
Dĩ thoát trần thi 已脫塵尸: Đã thoát ra khỏi thể xác trần tục.  
Dị lộ 異路: Đường đi khác nhau, con đường khác. (Chết rồi là đi theo một con đường khác với người sống.)  
Diêm đài 閻臺: Địa ngục, địa phủ, cõi âm.  
Diên niên 延年: Kéo dài nhiều năm, trường thọ.  
Diêu (dao) đài 瑤臺: Đài bằng ngọc dao, cõi Tiên.  
Diệu quả 妙果: Kết quả huyền diệu.  
Dốc: Dốc lòng, quyết tâm.  
Dũ lý 姜里: Xóm Dũ (nay là huyện Thang Âm 湯陰, tỉnh Hà Nam 河南, Trung Quốc), nơi vua Trụ 紂 (đời Thương-Ân, 1766-1122 trước Công Nguyên) giam Văn Vương 文王 (Cơ Xương 姬昌, tức Tây Bá 西伯). Trong khi bị giam cầm ở đây Văn Vương đã phát triển Bát Quái thành 64 quẻ Dịch.

Trong câu kinh này, dù lý có ý nghĩa tượng trưng là ngục tù.  
Dung 容: Dung tha (*khoan dung 寬容, dung thứ 容恕, nhiều dung 饒容, nhiều thứ 饒恕*).  
Duyên hài 緣諧: Hôn nhân vợ chồng hòa hợp tốt đẹp. (Hài là hòa hợp.)  
Dư sinh (sinh) 餘生: Cuộc sống còn sót lại.  
Dữ đồng 與同: Cùng với.  
Dưới gối: *Tát hạ 膝下* (dưới đầu gối), quì dưới chân.  
Dương sự 陽事: Việc sinh hoạt của người còn sống trên đời.

## Đ

Đa giáo 多教: Nhiều tôn giáo.  
Đa thiếu 多少: Nhiều hay ít.  
Đái (đới) hiếu 帶孝: Đội khăn tang.  
Đại cổ 大鼓: Trống lớn.  
Đại đức 大德: Đức lớn.  
Đại từ 大慈: Rất hiền; các đáng rất hiền.  
Đàn tràng viên mãn, chức sắc qui nguyên, vĩnh mộc từ ân, phong điều vũ thuận 壇場圓滿,職色歸源,永沐慈恩,風調雨順: Đàn cúng tế đã đầy đủ trọn vẹn, chức sắc trở lại chỗ cũ, gọi nhuần lâu dài ơn lành (của Trời), mưa thuận gió hòa.  
Đàng (đường) cả: Đường lớn, Đại Đạo.  
Đào lý 桃李: Hoa đào và hoa mận. Thơ xưa tả cảnh xuân có nói *đào lý xuân phong 桃李春風* (gió xuân mơn man hoa đào, hoa mận).  
Đào phù 桃符: Bùa cành đào, là hai cành đào treo trước cửa nhà vào ngày tết, một cành viết tên Thần Đò 神荼, một cành viết tên Uất Lũy 鬱壘 (tên hai vị thần trừ tà quái).  
Đảo huyền 倒懸: Treo ngược (một hình phạt các linh hồn nơi



địa ngục); ám chỉ sự đau đớn khổ sở.  
 Đạo cả: Đạo lớn, Đại Đạo.  
 Đạo đồng trăm năm: Vợ chồng đi chung đường suốt đời.  
 Đạo đồng trước (trúc) mai: Tình bạn cùng một đạo gắn bó.  
 Xem trước mai.  
 Đạo hằng: Đạo vợ chồng trong mọi hoàn cảnh vẫn không đổi  
 (*hằng* 恆: không thay đổi).  
 Đạo pháp đương kim dương chánh giáo 道法當今揚正教:  
 Ngày nay đạo pháp mở rộng chánh giáo.  
 Đạo xứng tuyền: Đạo vợ chồng. Xem xứng tuyền.  
 Đắc lệnh 得令: Được lệnh.  
 Đăng chúc 燈燭: Đèn và nến.  
 Đê đầu 低頭: Cúi đầu.  
 Để huế 提攜: Nắm tay nhau cùng đi; đồng đủ, vui vẻ.  
 Đế hương 帝鄉: Quê hương của Thượng Đế, cõi Trời.  
 Địa Tạng khai môn phóng xá cô 地藏開門放舍孤: Bồ Tát Địa  
 Tạng mở cửa địa ngục phóng thích các cô hồn.  
 Đích嫡: Giòng chính thức.  
 Đích mẫu 嫡母: Mẹ ruột (theo Lễ Bồn này, *đích mẫu* là mẹ  
 lớn, tức là tiếng con vợ thứ gọi vợ cả của cha).  
 Đích thê 嫡妻: Vợ chánh (*chánh thất* 正室).  
 Đích tôn 嫡孫: Trưởng nam của trưởng nam.  
 Đích tử 嫡子: Trưởng nam.  
 Điểm trà 點茶: Rót trà.  
 Điên bá 顛沛: Nghiêng đổ nguy khốn.  
 Điện 奠: Cúng.  
 Điện hiến 奠獻: Cúng (*điện*) và dâng lên (*hiến*).  
 Điện tiền 殿前: Trước điện, trước Thiên Bàn.  
 Đinh ninh 叮嚀: Cặn kẽ. Dặn đi dặn lại. Khăng khăng.

Đọa lạc 墮落: Rơi vào cảnh khổ, sa vào cảnh dày dụa.  
 Đới (đái) hiếu 帶孝: Đội khăn tang.  
 Đơn (đan) tâm 丹心: Lòng son (*đan*, *đơn* 丹 là màu đỏ như  
 son.)  
 Đồ tô (tộ) 稔胙: Bữa cơm cúng (*tô*) lúa nếp hay xôi (*đồ*).  
 Độ 渡: Giúp; đưa qua sông.  
 Độ bỉ 度彼: Độ người khác.  
 Độ siêu: *Siêu độ* 超度, giúp cho thoát khỏi.  
 Đồng la 銅鑼: Náo bạt.  
 Đồng môn 同門: Cùng môn phái, tức là bạn một đạo với  
 nhau, cũng như *đồng đạo*.  
 Đồng nhơn (nhân) 同人: Nghĩa hẹp là *đồng bào* 同胞; nghĩa  
 rộng là *đồng loại* 同類.  
 Đồng qui 同歸: Cùng về.  
 Đồng thân 同親: Cùng dòng họ, cùng thân tộc.  
 Đức cả: Đức lớn (*hồng đức* 洪德).  
 Đức tày Trời hóa sanh: Đức [của Phật Mẫu] ngang bằng ơn  
 đức sanh hóa của Trời.  
 Đương kim 當今: Đang là.

## G

Gây nghĩa phu thê: Gây dựng nghĩa vợ chồng.  
 Gia đình (đường) 家堂: Gia đình.  
 Gia kê 加笄 (簪): Lễ cài trâm (*kê*: cây trâm cài tóc). Tuổi mười  
 sáu của thiếu nữ gọi là tuổi *cập kê* 及笄 (tuổi cài trâm).  
 Ngày xưa đến tuổi này con gái Trung Quốc có thể lấy  
 chồng. Theo Lễ Bồn, làm lễ gia kê lúc con gái mười bốn  
 tuổi.  
 Gia phong 家風: Nền nếp tốt đẹp của gia đình.

Gia quan 加冠: Lễ đội nón. Thời xưa, con trai đến hai mươi tuổi thì làm lễ này, cho biết chàng trai đã trưởng thành (*Cổ đại nam tử nhị thập tuế hành quan lễ, biểu thị dĩ kinh thành nhân* 古代男子二十歲行冠禮, 表示已經成人). Theo Lễ Bồn này, làm lễ gia quan lúc con trai mười tám tuổi.

Gia quyến 家眷: Những người thân trong nhà.

Gia vô bế hộ 家無閉戶: Nhà không đóng cửa (vì không sợ trộm cướp). Nguyên câu là *Gia vô bế hộ, lộ bất thập di* 家無閉戶路不拾遺 (Nhà không đóng cửa; không ai nhặt của rơi trên đường), diễn tả cảnh đời thanh bình.

Giá hạc đăng tiên 駕鶴登仙: Cỡi chim hạc bay lên cõi tiên.

Giai ngẫu 佳耦 (佳偶): Một đôi (*ngẫu*) tốt đẹp (*giai*); vợ chồng đẹp đôi.

Giai quỳ 皆跪: Tất cả đều quì xuống.

Giai thì 佳時: Thời gian tốt đẹp.

Giảm hình: Giảm bớt hình phạt. (Hình 刑: Hình phạt.)

Giảo 咬: Cắn. Giảo thân 咬身: Cắn xé thân thể.

Giấc điệp trường: Giấc mộng dài. *Điệp* 蝶 hay *hồ điệp* 蝴蝶 là con bướm. Trang Tử 莊子 (365-290 trước Công Nguyên) nằm ngủ mộng thấy hóa thành bướm. Sau này người ta gọi giấc mộng là giấc điệp (*điệp mộng* 蝶夢).

## H

Hà hải: Xem hải hà.

Hà linh 遐齡: Bậc cao niên, lớn tuổi.

Hải hà 海河: Biển và sông, ý nói bao la rộng lớn.

Hàn thử thương thực 寒暑傷實: Lạnh (*hàn*) và nóng (*thử*) làm tổn thương thân thể.

Hành y nhưt luật 行依一律: Làm y theo một phép.

Háo sanh (hiếu sinh) 好生: Thương sự sống.

Hậu Thổ 后土: Thần đất.

Hoa mi 花眉: Long mày hoa, ám chỉ thiếu nữ.

Hòa thanh (*hòa thanh*) 和清: Yên ổn thanh bình.

Hóa Công: Xem Thiên Công.

Hóa dục 化育: Sinh hóa và nuôi dưỡng.

Họa ương 禍殃: Tai họa.

Họa giang san (sơn) 畫江山: Tô điểm nước non cho thêm đẹp. (Họa: Vẽ nên.)

Hoạn dưỡng 養: Nuôi dưỡng.

Hoang đảng bạc cờ: Cờ bạc hoang đàng.

Hoàng đồ củng cố ngưỡng hồng ân 黃途鞏固仰洪恩: Làm cho bền vững mối đạo Vàng (Hoàng đồ, Huỳnh đạo) và ngưỡng vọng ơn lớn của Trời.

Hoàng Thiên 皇天: Thượng Đế.

Hoàng khai 弘開: Phát triển, mở mang rộng lớn.

Hồ thỉ tang bồng 弧矢桑蓬: Cây cung (*hồ*) bằng gỗ dâu (*tang*) và mũi tên (*thỉ*) bằng cỏ bồng (*bồng*), ám chỉ sự tung hoành của kẻ làm trai. Ngày xưa ở Trung Quốc, khi sinh con trai thì người cha lấy cung gỗ dâu bắn tên cỏ bồng ra bốn hướng.

Hổ lang 虎狼: Cọp (hổ) và chó sói (lang).

Hộ 護: Giúp đỡ, che chở.

Hộ sanh 護生: Hộ sản 護產, giúp sinh con, đỡ đẻ.

Hồi đầu 回頭: Quay đầu lại đường thiện, tỉnh ngộ.

Hồi đầu thị ngạn 回頭是岸: Quay đầu lại là bờ.

Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ (Conseil Colonial de Cochinchine), đại diện Sài Gòn, Gia Định, Chợ Lớn, Gò Công, Tây Ninh. Hội Đồng thành lập năm 1880, dưới thời

Thống Đốc Le Myre de Vilers (nhiệm kỳ 1879-1882), có nhiệm vụ thảo luận ngân sách địa phương. Lúc đầu hội viên gồm có mười người Pháp, sáu Việt. Sau tăng lên mười bốn Pháp, mười Việt. Hội viên người Việt do đại diện các hương chức Nam Kỳ bầu.

Hôn nhân: Xem hôn phối.

Hôn phối 婚配: Hôn nhân 婚姻. Người chồng hay vợ được gọi là người *phối ngẫu* 配偶 (spouse). Chữ *hôn* vốn đủ nghĩa là nam nữ kết thành vợ chồng; ngày xưa cũng viết là *hôn* 昏 (hoàng hôn, chạng vạng) bởi vì đám cưới hành lễ vào lúc hoàng hôn, sau này để phân biệt hai chữ người ta mới thêm bộ *nữ* 女. *Hôn* 婚 và *nhân* 姻 đồng nghĩa. Sách Bạch Hổ Thông giảng: “*Hôn nhân giả, hà vị dã? Hôn thời hành lễ, cố vị chi hôn dã.*” 婚姻者何謂也,昏時行禮故謂之婚也. (Tại sao gọi là hôn nhân? Lúc hoàng hôn hành lễ, nên gọi là hôn.)

Hôn du tiên cảnh 魂游仙境: Hôn chơi cảnh tiên.

Hồng trần 紅塵: Bụi hồng, ám chỉ cõi thế gian.

Huân thiên 薰天: Vang lừng trời.

Hung kiết (cát) 凶吉: dữ và lành.

Hung tinh 凶精: Yêu tinh ác độc.

Hùng bi 熊羆: *Hùng* là gấu, *bi* là gấu lớn, khòe. *Hùng bi* ám chỉ con trai dũng mãnh.

Huyền hoàng 玄黃: Màu đen (huyền) và màu vàng (hoàng).

Văn Ngôn quẻ Khôn viết: *Thiên huyền nhi địa hoàng.*

天玄而地黃 (Trời màu đen huyền, còn đất màu vàng).

Huyền hoàng là trời đất, vũ trụ.

Huỳnh (hoàng) tuyền 黃泉: Suối vàng, âm phủ.

Hứa đẳng tù đồ thành tâm sám hối 許等囚徒誠心懺悔: Đê cho các tội nhân trong ngục tù thành tâm sám hối.

Hương án 香案: Bàn thờ.

Hương lân 鄉鄰: Chòm xóm, hàng xóm (*lân lý* 鄰里). *Hương lý, thôn* 村 đều có nghĩa là làng. Ngày xưa, năm nhà gọi là *một lân*.

Hương lửa: Đèn nhang thờ cúng.

Hương phân: **Phân hương** 焚香 (đốt nhang).

Hướng thiện 向善: Xoay về điều thiện.

Hữu hình bất năng vô bệnh, hữu trát hữu tà, hữu trát tà tất hữu y dược 有形不能無病,有札有邪,有札邪必有醫藥: Có hình thể thì không thể không bị bệnh; có chết non (*trát*), có tà (cái sai lệch trong thân thể); hễ có chết non và có tà thì ắt phải có thầy thuốc (y) và thuốc trị (*dược*).

Hựu tội 宥罪: Tha tội.

## K

Keo sơn: Chữ Hán là *tát giao* 漆膠. *Tát* là keo nấu bằng da động vật (a dao); sơn là nhựa cây sơn. Hai thứ này có tính kết dính. Các mối quan hệ (vợ chồng, bạn bè) thường được nói là *keo sơn gắn bó*.

Kế nghiệp 繼業: Nối nghiệp nhà, giữ nghề gia truyền.

Kết tóc (kết phát 結髮): Thường nói *kết tóc xe tơ*, ám chỉ duyên nợ vợ chồng. Xem Nguyệt Lão.

Khai huê (hoa) 開花: Sinh sản, đẻ con.

Khai thiên tịch địa 開天辟地: Tạo lập trời đất, tạo lập vũ trụ. (*Tịch* và *khai* đồng nghĩa là mở mang, tạo tác.)

Khẩu bái 叩拜: Cúi lạy.

Khí hình: Âm khí và hình ảnh tà quái.

Khó: Nghèo khó.

Khoái lạc 快樂: Vui vẻ.

Khoan hoài 寬懷: Khoan dung và nghĩ tới.  
 Khởi chung tội hình: Khởi bị tội hình. (*Chung* là tiếng đệm, không có nghĩa.)  
 Khởi chan: Khởi mịt mù.  
 Khởi 起: Nổi lên.  
 Khổ hải 苦海: Biển khổ, ám chỉ cõi đời.  
 Khổ hình 苦刑: Hình phạt khổ sở; tra tấn, đánh đập. Khổ hình vương: Vương mắc căn bệnh hành hạ thân xác.  
 Khôn toan: Không thể toan tính trước được.  
 Không sở 所 đa đoan 多端: Không có chỗ cho nhiều đầu mối phiền não.  
 Khu tà trục quỷ 驅邪逐鬼: Xua đuổi tà ma quỷ quái. (*Khu* và *trục* cùng nghĩa xua đuổi.)  
 Khuây: Xao lãng, lơ là.  
 Khuyết trừng 缺懲: Con cái có lỗi lầm (khuyết điểm) thì răn phạt (trừng phạt).  
 Khử ám hồi minh 去暗回明: Bỏ chỗ tối trở về chỗ sáng.  
 Khương (khang) ninh 康寧: Mạnh khỏe và an ổn.  
 Kiên dương chung khởi thấu tường vân 乾陽鐘起透祥雲: Chuông Trời nổi lên xuyên thấu mây lành. (*Kiên dương*: Trời).  
 Kiên (càn) khôn 乾坤: Vũ trụ.  
 Kiệt nhật (cát nhật) lương thân 吉日良辰: Ngày lành và giờ tốt.  
 Kiệt (kết) phát 結髮: Kết tóc. Xem kết tóc.  
 Kiệt (cát) thần 吉神: Thần thiện, thần tốt lành.  
 Kiều ô: Tức là ô thước kiều 烏鵲橋 (cầu ô thước). Ô là chim quạ, thước là chim khách. Theo truyền thuyết, vào đêm thất tịch 七夕 (mồng 7 tháng 7 âm lịch) chim quạ và chim khách

dang cánh kết thành cây cầu (gọi là cầu ô thước) cho Ngưu Lang 牛郎 và Chức Nữ 織女 gặp nhau sau một năm xa cách vì kẻ ở bờ đông, người sống bờ tây sông Ngân Hà.  
 Kim chỉ nam: 1. Chỉ nam châm 指南針, tức là *la bàn* 羅盤 (compass) dùng định hướng mà đi. 2. Sách cẩm nang (manual, instruction book) hướng dẫn thao tác, làm việc cho đúng.  
 Kim đài 金臺: Đài vàng.  
 Kim sanh (sinh) 今生: Kiếp sống đời này.  
 Kỳ trung 其中: Ở trong đó.  
 Kỳ Viên 祇園: Vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc 祇樹給孤獨, do nhà giàu Cấp Cô Độc mua của thái tử Kỳ Đà hiến Đức Phật. Trong câu kinh ám chỉ cõi Phật. (*Xem bổ túc ở trang 253.*)  
 Ký định 既定: Định xong rồi.  
 Kỳ cơm: Cúng cơm, cúng giỗ.  
 Kỳ hạc đăng tiên 騎鶴登仙: Cỡi chim hạc bay lên cõi tiên.

## L

La sát 羅刹: Loài hung thần ác quỷ có hình dạng và mặt mày rất dữ tợn, thích ăn thịt người. Chúng thường ở biển cả. Giống đực gọi là *la sát bà* (rākchasis), giống cái gọi là *la sát tư* hay *la sát nữ* (rākchasis).  
 Lạc cảnh 樂景: Cảnh vui, cảnh cực lạc.  
 Lạc nghiệp 樂業: Vui với nghề nghiệp. Thường nói an cư lạc nghiệp 安居樂業: Có ở yên (an cư) thì mới vui với nghề nghiệp.  
 Lãnh (lĩnh) 嶺: Đỉnh núi; dãy núi.  
 Lao nân: Lao đao, nguy nân.  
 Lạp chúc 蠟燭: Đèn cầy, nến, đèn sáp (*lạp*: sáp ong).

Lâm bồn 臨盆: Sanh con.  
Lâm chung 臨終: Sắp chết.  
Lâm sơn 林山: Rừng núi.  
Lâm tật 臨疾: Mắc bệnh.  
Lâm than: Vất vả, cơ cực.  
Lân 麟 (hay lân nhi 麟兒): Quý tử (con quý).  
Le the: Lơ thơ, thừa thớt.  
Lê dân 黎民: Dân chúng, thường dân, dân đen (*lê* là màu đen), cũng gọi là: *lê thứ* 黎庶, *kiềm lê* 黔黎, *kiềm thủ* 黔首. (Tần Thủy Hoàng gọi dân chúng là *kiềm thủ*: đầu đen.)  
Lễ bạc: Lễ dâng đậm bạc, cùng nghĩa *lễ mọn* (cách nói khiêm tốn).  
Lễ thành 禮成: Cuộc lễ đã xong (lời xướng kết thúc một buổi cúng đại đàn).  
Liên trì 蓮池: Ao sen.  
Liệt vị 列位: Các ngài, các vị.  
Liệu dùng: Liệu dụng 療用 (trị liệu 治療 và sử dụng 使用).  
Linh quang 靈光: Mỗi đứa trẻ chào đời là một điểm tiểu linh quang từ Đức Thượng Đế (Đại Linh Quang) đi vào đời để tiến hóa.  
Linh quang chiếu diệu Ngọc Kinh Cung 靈光照耀玉京宮: Ánh sáng thiêng liêng chiếu sáng cung Bạch Ngọc Kinh (của Thượng Đế).  
Linh sàng 靈牀: Giường thờ người chết.  
Linh tọa (tọa) 靈座: Chỗ ngồi thiêng liêng, tức là bàn thờ.  
Long Thần 龍神: Vị thần mang hình rồng (*nāga*), thường là các vị hộ pháp, trợ giúp người tu, bảo vệ nơi tu hành.  
Lòng đơn: Xem đơn tâm.  
Lỡ vơi: 1. Lỡ mời tới. 2. Nửa chừng, dang dở.

Lôi Âm Cổ khởi 雷音鼓起: Đánh trống Lôi Âm vang lên.  
Lôi Âm Thánh Cổ triệt hư không 雷音聖鼓徹虛空: Trống thánh Lôi Âm thấu suốt cõi hư không.  
Luân hồi lục đạo 輪迴六道: Sáu nẻo tái sinh: (1) *địa ngục* 地獄, (2) *ngạ quỷ* 餓鬼 là quỷ đói, (3) *súc sinh* 畜生, (4) *a tu la* 阿修羅 là thần ác (asura), (5) *nhân* 人 là người, (6) *thiên* 天 thần cõi trời, thiên thần (deva).  
Luân thường 倫常: Đạo lý con người phải luôn noi theo, gồm có ngũ luân (năm mối quan hệ nhà nước và công dân, cha mẹ và con cái, vợ chồng, anh chị em, bạn bè) và ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín).  
Luật hằng: Luật Trời công bình và bất biến.  
Lụy: Lệ, nước mắt.  
Lương từ 良慈: Hiền hậu, hiền lành, biết thương người.  
Lương y 良醫: Thầy thuốc giỏi.  
Lưỡng biên 兩邊: Hai bên.  
Lưỡng lộ 兩路: Hai con đường (đường sống và đường chết).  
Lưỡng nan 兩難: Hai điều khó khăn.  
Lưỡng tánh (tính) 兩姓: Hai họ. Họ bên đàn trai và họ bên đàn gái.

## M

Máy hành tàng 行藏: Máy Trời hay Thiên cơ 天機, khi bày ra cho thấy chỗ hoạt động (*hành*) khi giấu nhem (*tàng*).  
Mê đồ 迷途: Con đường mê muội, sai lầm.  
Mê tân 迷津: Bến mê. Hàng mê tân: Những kẻ mê muội.  
Miên miên 綿綿: Lâu dài.  
Minh 鳴: Kêu, phát ra tiếng, vang lên.  
Minh đức tân dân 明德親(新)民: Sách *Đại Học* viết: *Đại Học*

*chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện.*  
大學之道, 在明明德, 在親(新)民, 在止於至善 (Đạo của Đại Học là làm sáng cái đức sáng, đổi mới dân chúng, và dừng lại ở chỗ chí thiện.)

Minh luân 明倫: Luân lý rõ ràng.

Minh sanh: *Minh tinh* 銘旌, tấm vải trắng dài ghi tên tuổi và chức tước người chết, dùng để rước trong đám táng. Cũng gọi là tấm triêu 旌.

Minh thệ 盟誓: *Minh* là thề hẹn. (Ngày xưa quân đội các nước uống máu ăn thề với nhau gọi là *đồng minh* 同盟.) *Thệ* là thề nguyện. (*Thệ hải minh sơn* 誓海盟山: Hẹn biển thề non.)

Mộ vân xuân thọ 暮雲春壽: Già và chết. (*Mộ xuân* 暮春 là cuối xuân, ám chỉ tuổi già. *Vân thọ* 雲壽 là chết.)

Mộc bản thủy nguyên 木本水源: Cây có cội, nước có nguồn.

Mộng tràng (trường mộng 長夢): Giác mộng dài.

Mưa ân: Ôn trên ban xuống thường được gọi là ơn mưa móc.

Mưa chớ đơn sai: Đùng có một chút sai lầm nào.

Mười ơn (ân): *Thập ân* 十恩 là mười ơn con nhận của mẹ cha. Theo *Phật Thuyết Phụ Mẫu Ân Trọng Nan Báo Kinh* 佛說父母恩重難報經 (Phật thuyết ân sâu nặng của cha mẹ khó báo đáp), mười ơn sâu là: (1) *Hoài thai thủ hộ ân* 懷胎守護恩: ơn mẹ mang thai và gìn giữ bảo vệ thai nhi; (2) *Lâm sản thụ khổ ân* 臨產受苦恩: ơn mẹ sinh con chịu vô vàn khổ sở đau đớn; (3) *Sinh tử vong ưu ân* 生子忘憂恩: ơn mẹ sinh con rồi [thấy con lành lặn] thì quên mọi âu lo đã trải; (4) *Yết khổ thổ cam ân* 咽苦吐甘恩: ơn mẹ nuốt đắng để mớm ngọt cho con; (5) *Hồi can tỵ thấp ân* 迴乾就濕恩: ơn mẹ chịu nằm chỗ ẩm ướt để nhường con chỗ khô ráo; (6)

*Bộ nữ dưỡng dục ân* 哺乳養育恩: ơn mẹ cho con bú mớm; (7) *Tẩy trạc bất tịnh ân* 洗濯不淨恩: ơn cha mẹ giặt giũ và rửa ráy ô uế cho con; (8) *Viễn hành ức niệm ân* 遠行憶念恩: ơn cha mẹ luôn nhớ nghĩ đến con khi con đi xa; (9) *Thâm gia thể tuất ân* 深加體恤恩: ơn cha mẹ luôn an ủi và tha thứ cho con [Theo một dị bản, ơn thứ 9 là: *Vị tạo ác nghiệp ân* 為造惡業恩: ơn cha mẹ vì con mà chấp nhận làm nghiệp dữ]; (10) *Cứu cánh lân mẫn ân* 究竟憐愍恩: ơn cha mẹ suốt đời thương yêu ân cần đối với con. ● Có thơ tóm tắt mười ơn như sau: *Một là thai nghén nâng niu / Hai là sanh sản trăm chiều đón đầu / Ba là có trẻ quên sầu / Bốn là mớm ngọt nuốt thời đắng cay / Năm là nằm ướt nhường khô / Sáu là bú mớm công người dưỡng thơ / Bảy là giặt rửa uế dơ / Tám là vắng trẻ trông chờ héo hon / Chín là tạo nghiệp vì con / Mười là yêu dấu, lòng son đậm đà.*

Mỹ tai hể thiện mỹ tai 美哉兮善美哉: Tốt lành thay! Tốt lành thay!

## N

Nam phương vô đạo 南方無道(教): Phương Nam hay Việt Nam không có tôn giáo riêng (vì các tôn giáo ở Việt Nam từ nước khác truyền sang).

Nam Tào 南曹: Ông Tiên coi số sanh (mạng sống) của con người trần gian. Xem Bắc Đẩu.

Nam Thiệm Bộ Châu 南瞻部洲: Quả địa cầu, là một trong bốn bộ châu lớn (*tứ đại bộ châu*).

Nan thù 難酬: Khó đền đáp.

Năm đời: Xem ngũ đại đồng đường.

Năm mối: Xem Ngũ thường.

Năm trăm la hán: Xem ngũ bá a la hán.

Nệm túy: Nệm bên trong đôn lông chim thúy (thường đọc là túy). Chim *thúy* 翠 hay *phỉ thúy* 翡翠 lông rất đẹp, màu xanh biếc. Có sách nói là chim trã.

Nga quỷ 餓鬼: Quỷ đói. Nga quỷ chi lộ 餓鬼之路: Con đường luân hồi làm quỷ đói.

Nghĩa phương 義方: Chánh đạo làm người.

Ngõ: Người hiền đức và có tài. Cũng nói *tài ngõ*, *hiền ngõ*.

Ngõ mừng: Đê mừng.

Ngoại nghi 外儀: Cái bàn đặt bên ngoài, nhưng vẫn ở trong chánh điện, dùng làm mức cho lễ sĩ dâng cúng phẩm từ ngoại nghi vào nội nghi.

Ngoại nghi tựu vị 外儀就位: Chúc sắc có phạm sự quì nơi ngoại nghi đến đứng tại vị trí của mình.

Ngọc âm 玉音: Tiếng ngọc, ám chỉ giọng nói của cha mẹ (quý như ngọc).

Ngũ bá a la hán 五百阿羅漢: Ngày xưa Phật Thích Ca thuyết pháp, ở bên cạnh Phật luôn có năm trăm vị la hán (arhat). La hán hay a la hán là các vị tu đắc quả nên không còn sai lầm, được giải thoát.

Ngũ đại đồng đường 五代同堂: Năm đời (ông bà, cha mẹ, bản thân, con, cháu) cùng chung sống dưới một mái nhà.

Ngũ lý: Xem ngũ thường.

Ngũ phục 五服: Năm chế độ để tang: (1) trăm thoi 斬衰 là để tang ba năm; (2) tư thoi 齊衰 là để tang một (?) năm; (3) đại công 大功 là để tang chín tháng trở xuống; (4) tiểu công 小功 là để tang sáu tháng trở xuống; (5) tư (ti) ma 緦麻 là để tang ba tháng trở xuống.

Ngũ thường 五常: Năm đức tính *nhân* 仁, *nghĩa* 義, *lễ* 禮, *trí* 智, *tín* 信.

Ngục quan 獄關: Cửa địa ngục.

Nguyên căn 源根: Cội nguồn.

Nguyệt Lão 月老: Ông già dưới trăng (*nguyệt hạ lão nhân* 月下老人), vị thần coi về việc hôn nhân của người trần. Thần ghi chép vào sổ tên từng đôi nam nữ có duyên nợ vợ chồng, và thần có cái túi đựng các sợi tơ đỏ (*xích thằng* 赤繩: tơ hồng) để cột từng đôi với nhau. *Xích thằng* hay *tơ hồng* ám chỉ sự ràng buộc vợ chồng đã được duyên số định sẵn (gọi là *tơ duyên*).

Nghạ qua cửa sổ: Xem bạch câu quá khích.

Ngưỡng 仰: Ngược lên nhìn.

Ngưỡng tín: Tín ngưỡng 仰信 (tin tưởng).

Nhạc tấu huân thiên 樂奏薰天: Tấu nhạc vang lừng trời.

Nhang tốc: Nhang thơm. (*Tốc* 速 là loại cây có mùi thơm, do đó nói *huang tốc* là nhang thơm, *trầm tốc* là trầm thơm.)

Nhành dâu: Cành dâu, ám chỉ việc nam nữ dâm ô. Lấy ý từ *Bộc thượng tang gian* 濮上桑間 (giữa ruộng dâu trên bờ sông Bộc), vốn là chỗ trai gái nước Trịnh và nước Vệ thời xưa hay hẹn hò làm chuyện dâm ô. Người Việt hay nói *trên Bộc trong dâu*.

Nhị thất chi thì (thời) 二七之時: Đến lúc 14 tuổi (2x7).

Nhị thiên 二天: Ông trời thứ hai. Tái tạo nhị thiên 再造二天: Được cứu sống giống như được Trời sinh ra lần nữa; vậy người cứu sống ví như ông trời thứ hai. Sách *Ấu học quỳnh lâm* 幼學瓊林 của Trình Đăng Cát 程登吉 đời Minh (1308-1644) soạn, rồi Trâu Thánh Mịch 鄒聖脈 đời Thanh (1644-1911) viết phần tặng bổ, trong có câu: 感救死之恩, 曰再造; 誦再生之德, 曰二天. *Cảm cứu tử chi ân, viết tái tạo; tụng tái sinh chi đức, viết nhị thiên*. (Cảm cái ơn cứu cho

khỏi chết gọi là tái tạo; ca ngợi cái đức làm cho sống lại gọi là ông trời thứ hai.) Trước 1975 ở Chợ Lớn có nhà thuốc Nhị Thiên Đường 二天堂 danh tiếng. Chủ nhân tự đề cao tài làm thuốc hiệu nghiệm của mình qua bảng hiệu ấy.

Nhiệt tâm 熱心: Lòng hăng hái.

Nhiều dung 饒容: Tha thứ, xá tội, khoan dung 寬容, dung thứ 容恕, nhiều thứ 饒恕. (Nhiều và dung cùng nghĩa là tha thứ.)

Nhiều nương 擾攘: Quấy rối, phá phách.

Nhỏ: Nhều giọt xuống. Nhỏ phước lành: Ban rải phước lành.

Nhớ đình ninh: Nhớ cận kề, nhớ kỹ từng chi tiết.

Nhơn (nhân) cầm 人禽: Người và cầm thú.

Nhơn nhờn (nhân nhân) 人人: Người người, mọi người.

Nhơn sanh (nhân sinh) Thiên số chi kỳ 人生天數之期: Mạng sống con người có kỳ hạn theo số Trời.

Nhục thân 肉身: Thân thể xác thịt, thể xác.

Nhứt đoạn: Một lần đoạn dứt.

Nhứt ngoạt chi tuần 一月之巡: Đã hết một tháng.

Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác 一切眾生成正覺: Mọi chúng sanh đều thành tựu sự giác ngộ chân chánh.

Nhựt nguyệt quang đồng 日月光同: Mặt trời và mặt trăng sáng như nhau.

Nhựt nhựt 日日: Ngày ngày, mỗi ngày.

Niềm tây: Nỗi niềm riêng tư.

Non Bồng: Bồng Lai 蓬萊, Bồng Doanh 蓬瀛, Bồng Đảo 蓬島, cảnh tiên.

Non Vu: Vu sơn 巫山, ám chỉ cảnh tiên.

Nội nghi 內儀: Cái bàn đặt bên trong, làm nơi thờ Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng.

Nội nghi tựu vị 內儀就位: Chức sắc có phận sự qui nơi nội nghi đến đứng tại vị trí của mình.

Nợ ba sanh (sinh): Món nợ vợ chồng phải trả trong ba kiếp (kiếp trước, kiếp này, kiếp sau).

○

Oan trái 冤債: Món nợ (trái) oan uổng.

Ô thước kiếu: Xem kiếu ô.

P

Phàm gian 凡間: Trần gian, cõi phàm, cõi trần.

Phan 幡: Lá phướn.

Phản bộ 反步: Trở bước chân, quày chân trở lại.

Phao cầu xạ tiễn 拋毬射箭: Ném (phao) quả cầu để chọn chồng hay bắn (xạ) mũi tên chọn vợ.

Pháp giới (giới) chúng sanh đồng đẳng bỉ ngạn 法界眾生同登彼岸: Mọi chúng sanh trong cõi pháp đều bước lên bờ bên kia (được giải thoát).

Phát dương 發揚: Làm cho rõ hơn, lớn hơn (phát triển, phát huy).

Phân kỳ 分歧: Chia ra, rẽ tách ra.

Phân tay: Chia tay (phân thủ 分手).

Phân vân 紛紜: Ngổn ngang, rối rắm.

Phản hương 焚香: Đốt nhang.

Phản sơ 焚疏: Đốt sớ.

Phật bang 佛邦: Nước Phật.

Phật đường (đường) 佛堂: Nhà Phật, nơi Phật ở; chùa Phật.

Phật, Thánh, Thần, Tiên triều Kim Khuyết 佛聖神仙朝金闕: Phật, Thánh, Thần, Tiên vào châu Thượng Đế (Kim



**Khuyết).**

Phật tiền 佛前: Ở trước mặt Phật.

Phi bên 飛奔: Bay (*phi*) và chạy (*bên*).

Phi đằng 飛騰: Bay lên.

Phò (phù) trì 扶持: Giúp đỡ (*phù*) và giữ gìn (*trì*).

Phong điều vũ (vũ) thuận 風調雨順: Mưa hòa gió thuận.

Phong Đô 豐都: Địa ngục. Kẻ phong đô: Các vong hồn nơi địa ngục.

Phong niên 豐年: Năm được mùa.

Phong vân lôi vũ (vũ) 風雲雷雨: Gió, mây, sấm, và mưa.

Phổ Đà (sơn) 普陀山: Núi trên hòn đảo là nơi ngụ của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Phổ độ 普度: Xem phổ tế.

Phổ hóa 教化: Phổ biến rộng ra để giáo hóa chúng sanh.

Phổ tế 普濟: Phổ là rộng khắp, tế là cứu giúp. Phổ tế và Phổ độ 普度 cùng có nghĩa là Trời Phật cứu người thoát khỏi biển khổ, giống như đưa thuyền vớt kẻ chết đuối chớ sang bên kia sông.

Phổ tế như quần 普濟人群: Cứu giúp khắp cả mọi người.

Phu phụ 夫婦: Vợ chồng (phu thê, cang lệ, kháng lệ).

Phu quân 夫君: Chồng.

Phu thê 夫妻: Chồng và vợ, cùng nghĩa *phu phụ* 夫婦.

Phù符: lá bùa. Thầy phù: thầy bùa, thầy phù thủy.

Phù sanh 浮生: Kiếp sống trôi nổi, bấp bênh.

Phú賦: Ban cho.

Phụ tử 父子: Cha và con cái.

Phục đáo 復到: Trở lại tới.

Phụng hành 奉行: Tuân theo và thực hành.

Phụng hiến tiên hoa [trà, tửu] 奉獻鮮花[茶, 酒]: Dâng cúng hoa tươi [trà thơm ngon, rượu thơm ngon].

Phụng kỳ thỉnh thánh nghi 奉其請聖儀: Tuân theo nghi thức thỉnh cầu tiên thánh.

Phụng tẩn (tiến) tiên hoa [trà, tửu] 奉荐鮮花[茶, 酒]: Dâng lên hoa tươi [trà ngon, rượu ngon].

Phụng tự 奉嗣: Nuôi dưỡng (*phụng*) và nối dõi (*tự*).

Phụng tự 奉食: Hầu hạ nuôi dưỡng (*phụng dưỡng* 奉養). Chữ 食 đọc là *thực* nghĩa là *ăn, thức ăn*; đọc là *tự* nghĩa là *cho ăn, nuôi ăn*.

Phước lộc hữu trùng lai 福祿有重來: Phước lộc cùng đến.

Phước (phúc) Thần 福神: Thần mang đến may mắn, tốt lành.

## Q

Quả huê [hoa] mỹ vị bỉ bàng: Hoa quả thơm ngon đầy đủ.

Quá vãng 過往: Đã khuất, đã mất, đã chết.

Quải: Cúng cơm.

Quải tang: Chịu tang.

Quán tẩy 灌洗: Rót nước rửa sạch. Khi nghe lời xướng *Quán tẩy* lần lượt mỗi vị chức sắc thò tay vào thau nước rồi đưa lên mặt giả động tác rửa mặt.

Quang huy 光輝: Rực rỡ chói lọi.

Quảng tầm 廣尋: Rộng tìm.

Quân thần 君臣: Vua tôi (chánh phủ và người dân).

Qui hồi 歸回: Quay trở về với lẽ chánh, đường thiện.

Qui mô 規模: Qui và mô đều là cái khuôn. Qui mô là khuôn mẫu chuẩn mực.

Qui thần 歸神: Cũng như *qui thiên*, chết.

Quỉ thương 鬼滄: Biển của loài quỉ. Phẩm Phổ Môn trong

kinh Pháp Hoa dạy rằng nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sanh vì tìm vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu các thứ báu, lạc vào trong biển lớn, giả sử gió lớn thổi ghe thuyền kia trôi tấp vào nước của quỷ la sát, trong số người ấy nếu có một ai xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, thì tất cả những người đó đều được thoát khỏi nạn quỷ la sát.

Quốc nhược dân bản 國弱民貧: Nước yếu, dân nghèo.

Quốc vận 國運: Vận mệnh đất nước.

## R

Răn chúng: Răn đe dân chúng.

Roi truyền: Noi theo và truyền lại.

## S

Sám hối âm hồn xuất u đồ 懺悔陰魂出幽途: Các hồn ở cõi âm sám hối để thoát ra khỏi con đường u tối.

Sản phụ 產婦: Đàn bà đẻ.

Sản thống 產痛: Đau đớn khi sanh nở.

Sanh thuận tử an 生順死安: Sống suôn sẻ, chết an ổn.

Sanh tử dữ đồng 生死與同: Sống và chết như nhau, tức là dù đã mất nhưng vẫn được xem như còn sống, do đó ở nhiều bàn thờ gia tiên có viết hai chữ như tại 如在 (như vẫn tồn tại, như vẫn còn sống).

Sáu chữ Di Đà báu tợ châu: Câu niệm Nam mô A Di Đà Phật quý báu như châu ngọc.

Sắc mạng (mệnh) 救命: Ra sắc chiếu ban lệnh.

Sắt cầm lưỡng tánh (tính) 瑟琴兩姓: Cuộc hôn nhân (cầm sắt) giữa hai họ (lưỡng tánh). Vợ chồng sống hòa thuận như cùng nhau hòa đàn. Xem cầm sắt.

Sân si 嗔癡: Giận (sân) và ngu (si).

Siển (thiển) 淺: Nông cạn.

Siển (thiển) sơ 淺疏: Nông cạn và sơ sài.

Siêu độ 超度, giúp cho thoát khỏi.

So tày núi sông: So sánh thì thấy lớn như núi và sâu như sông.

Sơ chung 初終: Mới chết.

Sở tồn 所存: Cái còn lưu lại.

Sớm thăm tối viếng: Xem thần tình mộ khang.

Sơn đầu tùng bách (tùng bách) 山頭松柏: Cây tùng cây bách ở đầu núi.

Sơn xuyên 山川: Núi và sông.

Suối vàng: Xem huỳnh (hoàng) tuyến.

Sử xanh (thanh sử) 青史: Thanh là thẻ tre xanh. Thời xưa chưa phát minh ra giấy, người Trung Quốc chép sử trên thẻ tre (trúc giản 竹簡). Sách sử gọi là hãn thanh 汗青 (tre xanh đỏ mồ hôi), vì để tránh mối mọt, tre xanh phải hơ trên lửa cho bay hết hơi nước, sau đó mới viết chữ lên. Văn Thiên Tường 文天祥, (1236-1283) đời Tống viết: Nhân sinh tự cổ thùý vô tử, lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh 人生自古誰無死 留取丹心照汗青 (Từ xưa người ta ai mà chẳng chết, phải làm sao lưu lại tấm lòng son chiếu soi sử xanh).

## T

Ta bà (sa bà) 婆婆: Cõi thế gian, nói đầy đủ là Ta bà thế giới 娑婆世界.

Tà mị 邪媚: Kẻ gian nịnh, cũng hiểu là tà ma 邪魔.

Tai khiên 災愆: Tai họa và tội lỗi, bệnh nguy hiểm.

Tai ương 災殃: Tai họa.

Tái tạo 再造: Cứu sống.

Tái tạo nhị thiên: Xem nhị thiên.

Tại đường 在堂: Còn trong nhà.

Tam ban 三班: Ba ban hay ba cụm chức sắc, chức việc và tín đồ khi đứng trong bữa tiệc. Một, đứng chánh giữa nhìn vào Thiên Bàn; hai, đứng bên trái nhìn vào bàn thờ Đức Quan Âm; ba đứng bên phải nhìn vào bàn thờ Đức Quan Thánh.

Tam bôi mỹ tửu 三盃美酒: Ba chén rượu ngon.

Tam cương (cương) 三綱: Ba giềng mối, ba mối quan hệ xã hội:

Quân thân cương 君臣綱 là quan hệ chánh phủ và người dân (dân trung thành với Tổ quốc, chánh phủ chăm lo cho dân);

Phụ tử cương 父子綱 là quan hệ cha mẹ và con cái (cha mẹ thương yêu con, con hiếu thảo với cha mẹ); Phu thê cương 夫妻綱 là quan hệ vợ chồng (chung thủy).

Tam cương ngũ lý 三綱五理: *Tam cương (cương)* và *ngũ thường*; gọi tắt là *cương thường* 綱常. Xem tam cương (cương) và ngũ thường.

Tam Giang 三江: Tiền Giang, Hậu Giang, Trung Giang.

Tam Kỳ vận chuyển kim quang hiện 三期運轉金光現: Đạo Kỳ Ba vận chuyển làm hiện ánh sáng vàng.

Tam niên nhũ bộ 三年乳哺: Cho bú sữa (*nhũ*) và nhai cơm búng (*bộ*) nuôi trẻ ba năm. Vì cha mẹ lao nhọc ba năm nuôi con thơ cho nên Đức Khổng Tử ấn định con cái phải để tang cha mẹ ba năm.

Tam ngũ: Xem tam cương (cương) và ngũ thường.

Tam Quan Đại Đế 三官大帝: Gồm Thiên Quan 天官 (vua Nghiêu), Địa Quan 地官 (vua Thuần), và Thủy Quan 水官 (vua Vũ).

Tam tông (tùng) 三從: *Tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử.* 在家從父,出嫁從夫,夫死從子. (Khi còn sống trong nhà thì lệ thuộc vào cha, khi lấy chồng thì lệ thuộc chồng, khi chồng chết thì lệ thuộc con trai.)

Tam thập tam thiên thế giới (giới) vân (vần) 三十三千世界聞: 33.000 thế giới đều nghe thấy. (Chữ *văn* 聞 còn đọc là *vấn*, có nghĩa tiếng động vang tới. Thí dụ, *thanh vấn vu thiên* 聲聞于天: tiếng động đến trời.)

Tam xan 三餐: Ba bữa ăn.

Tán khuynh 散傾: Tản mát và nghiêng đổ.

Tang khổ 桑苦: Cái khổ do cuộc biển dâu nơi cõi trần. Xem thương hải tang điền.

Tang thương 桑滄: Xem thương hải tang điền.

Tang thương dâu bể: Xem thương hải tang điền.

Tao khang 糟糠: Thường đọc sai là *tào khang*. *Tao* là bã rượu (hèm), *khang* là gạo tằm, thức ăn của người nghèo. *Tao khang* ám chỉ người vợ đã cưới từ thuở nghèo khó.

Tao tân 騷辛: Rối ren (*tao*) và cay (*tân*). Loạn lạc khổ sở.

Tảo đắc siêu thăng, bất nhập địa phủ chi u quang 早得超升,不入地府之幽光: Sớm được siêu thăng, không nhập vào ánh sáng tối tăm của địa ngục.

Tảo đắc siêu thăng tịnh độ 早得超升淨土: Sớm được siêu thăng lên cõi tịnh độ.

Tảo tần 藻蘋: Vất vả chăm lo việc nhà.

Tảo vãng Thiên Đàng 早往天堂: Sớm (mau) đi tới Thiên Đàng.

Tày: Bằg. Sánh tày: Sánh bằg.

Tấc lòng: Chữ Hán là *thốn tâm* 寸心.

Tâm bào 心胞: Tim và ruột, ý nói lòng dạ.

Tâm tồn nhẫn nại 心存忍耐: Lòng giữ được kiên nhẫn.  
Tâm thỉnh cứu khổ 尋聲救苦: Tìm kiếm âm thanh (tiếng kêu rên siết của chúng sanh) để đến cứu họ thoát khổ.  
Tấm mẫn: Hạt gạo tấm, chữ Hán là *khang* 糠. Nói đầy đủ là *tao khang*. Xem tao khang.  
Tân Tấn nhứt môn 秦晉一門: Ở Trung Quốc thời Xuân Thu (770-476 trước Công Nguyên), trai gái nước Tấn (nay là tỉnh Sơn Tây) và nước Tân (nay là tỉnh Thiểm Tây) thường kết hôn với nhau, cho nên *Tân Tấn* hay *Tân Tân* ám chỉ việc thông gia hay kết hôn (cũng thường nói là *duyên Tân Tân*).  
*Tân Tân nhứt môn* ý nói hai họ một nhà.  
Tấn (tiến) hương 荐香: Dâng nhang.  
Tấn (tiến) phạn 荐飯: Dâng cơm.  
Tận khủ trần ai 盡去塵埃: Khử hết bụi trần.  
Tập phước 襲福: Nói tiếp nhau đời đời hưởng phước.  
Tập thành 習成: Rèn luyện cho quen, thành thục.  
Tất giao 漆膠: Xem keo sơn.  
Tây vức (vực) 西域: Cõi đất phương Tây, cõi Phật.  
Tẩy 洗: Rửa sạch.  
Tẩy trần thi 洗塵尸: Làm sạch xác người chết.  
Tế 濟: Cứu giúp; qua sông.  
Tế bạt: Cứu vớt. (*Bạt* 拔: Kéo lên.)  
Tế đồ trung 祭途中: Cúng người chết giữa đường khi mang linh cữu ra nghĩa địa.  
Tế độ 濟渡: Cứu độ, cứu giúp chúng sanh vượt qua sông mê biển khổ.  
Tế ngu: Xem cúng ngu.  
Tế thành như tại 祭誠如在: Cúng tế thành tâm thì người đã mất cũng được xem như còn sống (tồn tại).

Tế thế 濟世: Cứu đời.  
Tha bang 他邦: Nước khác.  
Tham sanh (sinh) úy tử 貪生畏死: Tham sống, sợ chết.  
Thang 湯: Nước sôi. Đã đem mỡ xẻ lại vào lửa thang: Con vật sau khi bị giết rồi thịt da còn bị đem nướng, luộc.  
Thanh bạch: Trình bày rõ ràng.  
Thanh quang 清光: Ánh sáng trong sạch, thanh khiết.  
Thành đọc sơ văn 誠讀疏文: Thành tâm đọc lời văn sớ.  
Thành Hoàng 城隍: Vị thần coi sóc một làng.  
Thành niệm hoa [trà, tửu] nghi 誠念花[茶, 酒]儀: Thành tâm tụng niệm nghi thức dâng cúng hoa [trà, rượu].  
Thành tụng an thổ địa 誠誦安土地: Thành tâm tụng bài chú an thổ địa.  
Thành tụng khai kinh chú 誠誦開經咒: Thành tâm tụng bài chú khai kinh.  
Thành tụng thượng hương chú 誠誦上香咒: Thành tâm tụng bài chú dâng nhang.  
Thành tụng tịnh khẩu [tâm, thân] chú 誠誦淨口[心, 身]咒: Thành tâm tụng bài chú tịnh khẩu [tâm, thân], để giữ cho miệng hay lời nói [trong lòng, thân thể] được trong sạch.  
Thạnh (thịnh) phát 盛發: Phát đạt mạnh mẽ.  
Thắng cảnh 勝景: Cảnh đẹp.  
Thâm ân 深恩: Ân sâu.  
Thân bằng 親朋: Người thân thuộc trong nhà và bạn bè.  
Thân cần 親勤: Thân thiết ân cần.  
Thần hôn định tỉnh 晨昏定省: Xem thần tỉnh mộ khang.  
Thần kỳ 祇: Thần đất.  
Thần tỉnh mộ khang 晨省暮康: Sớm tối thăm hỏi sức khỏe của cha mẹ (sớm thăm tối viếng). Thường nói tắt là: *thần*

*hôn, thần mộ, định tỉnh, tỉnh khang, thần hôn định tỉnh.*  
(*Thần* 晨: Sáng sớm. *Mộ* 暮 hay *hôn* 昏: Chiều tối, chạng vạng.)

Thất gia 室家: Gia thất (gia đình).

Thất tịch 七夕: Đêm mùng 7 tháng 7 âm lịch là lúc Ngưu Lang 牛郎 và Chức Nữ 織女 gặp nhau. Chức Nữ chuyên về dệt vải. Ngày xưa vào đêm này phụ nữ bày hoa quả giữa sân và xỏ kim để cầu xin được khéo léo thêu thùa may vá. Lễ này gọi là *khất xảo* 乞巧 (cầu xin khéo tay).

Thẻ non hẹn biển: Xem Thẻ hải minh sơn.

Thẻ phiệt 世闕: Gia đình nhiều đời có địa vị cao quý trong xã hội.

Thẻ tục bất hoà 世俗不懷: Chẳng nhớ cõi tục.

Thẻ đoan: Thẻ nguyên và cam đoan.

Thẻ hải minh sơn 誓海盟山: Thẻ non hẹn biển, lời thẻ thốt thủy chung của trai gái.

Thỉ (thủy) chung 始終: Trước sau, đầu cuối.

Thiên các nhứt phương 天各一方: Mỗi kẻ một phương trời.

Thiên Công 天工: *Hóa Công* 化工, thợ Trời (tức là Trời hay Thượng Đế, Tạo Hóa).

Thiên điều 天條: Điều luật của Trời.

Thiên lý nhãn [nhĩ] 千里眼: Mắt trông xa được ngàn dặm.

Thiên lý nhĩ 千里耳: Tai nghe xa được ngàn dặm.

Thiên môn 天門: Cửa Trời.

Thiên phong đồng khởi lập tam ban 天封同起立三班: Các vị Thiên phong chức sắc cùng đứng dậy và thẳng người xếp thành ba ban. Xem tam ban.

Thiên phong hải chúng, quốc thối (thái) dân an, hồi hướng đàn tràng, tận thâu pháp giới (giới) 天封海眾, 國泰民安, 回向壇場, 盡收法界: Trời ban cho dân chúng,

nước thanh dân yên, hồi hướng công đức nơi đàn cúng, thâu tóm hết cõi pháp.

Thiên phong nghiêm cấm giải đàn 天封嚴禁戒壇: Các vị Thiên phong chức sắc giữ trật tự nghiêm minh nơi hành lễ.

Thiên phong thành tâm cầu Ngũ Nguyện 天封誠心求五願: Các vị Thiên phong chức sắc thành tâm đọc năm lời nguyện.

Thiên phong tựu vị 天封就位: Các vị Thiên phong chức sắc đứng vào vị trí của mình.

Thiên phong vị bái đồng lai bái 天封未拜同來拜: Các vị Thiên phong chức sắc nào chưa lạy thì cùng nhau tới lạy.

Thiên phong y thứ tự tựu vị 天封依次序就位: Các vị Thiên phong chức sắc đứng theo thứ tự lần lượt đứng vào vị trí của mình.

Thiên quý 天癸: Quý là can chót trong thập thiên can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý). Quý thuộc thủy, ứng với thận. Thận là nơi con trai chứa tinh, con gái chứa huyết. *Thiên quý* ám chỉ thời kỳ trai gái tinh huyết đầy đủ, có thể sinh con. Theo Nội Kinh 內經, con trai 16 tuổi bắt đầu có tinh (sperm) và con gái 14 tuổi bắt đầu có kinh nguyệt.

Thiên quý chi kỳ 天癸之期: Đến thời kỳ nam, nữ có tinh huyết.

Thiên thai trở về: Khi chết rồi thì hồn trở về cõi tiên.

Thiên võng nan đào 天網難逃: Lưới trời khó chạy thoát. Lấy ý từ câu Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu 天網恢恢疏而不漏 (Lưới trời lồng lộng, thưa nhưng chẳng để lọt ai), ý nói kẻ ác khó chạy thoát luật công bình của trời đất.

Thiên ý 天意: Ý Trời.

Thiên bảo 善保 cự ngời: Giữ bền ngôi vị cũ trên Trời.

Thiện căn 善根: Bản tính hiền lành.  
Thiện lòng 善心: Lòng lành.  
Thiện lương 善良: tốt lành.  
Thiện nguyện 善願: Ước muốn tốt lành.  
Thiện nguyện Thiên tòng 善願天從: Có lòng mong muốn tốt lành thì Trời sẽ chịu theo.  
Thiện quả thiện duyên 善果善緣: Có công quả tốt và có duyên lành.  
Thiện tín 善信: Thiện nam tín nữ 善男信女, tức tín đồ 信徒.  
Thiếp 妾: Vợ thứ (trắc thất 側室).  
Thiết vi u ám tất giai văn 鐵圍幽闇必皆聞: Chỗ ngục sắt tối tăm ắt đều nghe thấy.  
Thiệt (thật) dụng 實用: Áp dụng cho đúng.  
Thiếu quang 韶光: Ánh sáng đẹp, ám chỉ ngày xuân. Cũng ngụ ý thời gian.  
Thính cầu 聽求: Cầu xin được nghe.  
Thính pháp chung thính quảng khai giác lộ 聽法鐘聲廣開覺路: Nghe pháp và nghe tiếng chuông mở rộng con đường giác ngộ.  
Thọ dư bách tuế 壽餘百歲: Sống lâu hơn 100 tuổi.  
Thơ thối (thư thái): Nhẹ nhàng, thoải mái.  
Thổ tử hổ bi 兔死狐悲: Con thú chết thì con chồn (cáo) buồn.  
Thổ Địa 土地: Vị thần coi một vùng đất.  
Thôn lý 村里: Xóm làng.  
Thủ bảo 守保: Giữ gìn và bảo vệ.  
Thuận phong nhĩ 順風耳: Tai nương theo gió nghe được xa.  
Thúc tu 束脩: Nguyên nghĩa là xôi thịt khô, ở đây nên hiểu là lễ mọn. (Điện cố: Dù người xin đến học chỉ có một xôi thịt khô thì Đức Khổng Tử vẫn thu nhận chứ không câu nệ đó

là lễ mọn.)  
Thuế 稅: Khăn tay.  
Thuế cân 稅中: Khăn tay và khăn mặt. Khi nghe lời xướng *Thuế cân* vị chức sắc lấy khăn vắt trên giá mà lau mặt.  
Thủy tộc đẳng tôn thần 水族等尊神: Tôn thần của các loài sống dưới nước.  
Thuyên 痊: Khỏi bệnh. Thuyên giảm 痊減: Bệnh bớt nhiều.  
Thử 此: Đây, chỗ này.  
Thử thời tịnh tẩy trần ai 此時淨洗塵埃: Lúc này rửa sạch bụi trần.  
Thử giảm bệnh căn: Tha thứ tội làm cho giảm bệnh.  
Thừa 承: Vâng theo.  
Thừa hạc 乘鶴: Cỡi hạc (giá hạc 駕鶴).  
Thừa long giá hạc 乘龍駕鶴: Cỡi rồng, cỡi hạc.  
Thúc: Đánh (chuông, trống), gõ (mõ).  
Thương hải tang điền 滄海桑田: Biển xanh và ruộng dâu. Ý nói ruộng dâu biển thành biển xanh, hoặc ngược lại, ám chỉ việc thay đổi ở đời; từ đây mà nói tắt là *tang thương* hoặc nói *cước dâu biển hay biển dâu*.  
Thương sanh (sinh) 蒼生: Chúng sanh, dân chúng, dân đen.  
Thượng hòa hạ mục 上和和睦: Trên hòa dưới thuận, hòa thuận với mọi người lớn nhỏ trong nhà. (Mục là thân kính.)  
Tỉ 比: So sánh với.  
Tích phúc (tứ phúc) 錫福: Ban phước.  
Tích bật vắng tăm: Vắng bật tích tăm. Xem tích tăm.  
Tích tăm (tăm tích): Tăm hơi và dấu tích. Không có tin tức thì nói *biệt tăm, biệt tích*. (Con thú đi thì để lại dấu tích, chim bay có bóng, cá lội thì sủi tăm hay sủi bọt. Do đó có nói *bóng chim tăm cá*.)  
Tịch triều 夕朝: Buổi tối (tịch) và lúc sáng sớm (triều).

Tiên ban 仙般: Hàng tiên, phẩm bậc tiên.  
Tiên bang 仙邦: Cõi Tiên.  
Tiên linh 先靈: Linh hồn người thân đã qua đời.  
Tiên thân 先親: Cũng như tiên linh.  
Tiên căn 前根: Cũng như tiền kiếp 前劫 (kiếp trước).  
Tiên khiên 前牽: *Khiên* là lôi kéo. *Tiền khiên* là những nợ nần kiếp trước, sang kiếp này chúng lôi kéo người mắc nợ đời phải trả.  
Tiên trình 前程: Con đường trước mặt; tương lai.  
Tiền, Trung, Chiếu, Hậu: Tiền Giang, Trung Giang, Chiếu Minh, và Hậu Giang.  
Tiếng kinh: Tiếng mõ. Cái mõ gọi là *kình ngư* 鯨魚 vì có hình dáng giống cá kình (cá voi). Gọi kẻ Phong Đô thức tiếng kình: Đánh mõ gọi các hồn nơi địa ngục. (Thức: Đánh chuông, đánh trống, gõ mõ.)  
Tiếp dẫn Phật đài 接引佛臺: Tiếp đưa tới Phật đài.  
Tiêu diêu (dao) 逍遙: Thong thả nhàn du, không bị bó buộc.  
Tiêu diêu khoái lạc 逍遙快樂: Vui sướng thong dong.  
Tiêu rỗi: Nhàn hạ, rảnh rỗi.  
Tinh tú 星宿: Các ngôi sao, chòm sao.  
Tịnh độ 淨土: Đất thanh tịnh, tức là cõi Phật (do Đức A Di Đà làm chủ).  
Tọa bàn: Ngồi ở bàn thờ.  
Tọa bàng 坐旁: Ngồi bên cạnh, ngồi ở một phía (trái hay phải).  
Tơ hồng: Xem Nguyệt Lão.  
Tơ nguyệt: Tơ hồng của Nguyệt Lão. Xem Nguyệt Lão.  
Tổ phẩm 素品: Thức ăn chay.  
Tốc đốt: Đốt tóc. Tóc là loại gỗ thơm.  
Tôn 孫: Cháu.

Tồn thiên niên 存千年: Còn ngàn năm; ngụ ý lâu bền, còn mãi mãi.  
Tồn vong mạc trắc 存亡莫測: Việc sống chết không ai tính trước được.  
Tông đường (đường) 宗堂: Nhà thờ của dòng họ, tức là *từ đường* 祠堂.  
Tông môn 宗門: Gia tộc, dòng họ.  
Tổng trì 總持: Nắm giữ tất cả.  
Tống chung 送終: Đưa tiễn đến chỗ cuối cùng (tức là nơi chôn cất).  
Trà đường (đường) 茶堂: Trà thất, tiệm trà, phòng trà.  
Trai bàn: Bàn cơm chay.  
Trai chủ 齋主: Chủ nhà làm cơm chay chúng.  
Trai đàn 齋壇: Đàn cúng thức chay.  
Trai tu 齋羞: Thức ăn chay. (*Tu* 羞, *trân tu* 珍羞: Thức ăn ngon, quý.)  
Trái oan 債冤: Oan trái. Món nợ (*trái*) oan uổng.  
Tràng phan 幢幡: Cờ và phướn.  
Tranh cường 爭強: Đua tranh với thiên hạ để chứng tỏ mình mạnh hơn.  
Trảm thôi: Xem ngũ phục.  
Trăm họ: Bách tính (bá tánh) 百姓, dân chúng.  
Trâm anh 簪纓: Cái trâm cài tóc (*trâm*) và giải mũ (*anh*), ám chỉ gia đình quyền quý. Thường nói *trâm anh thế phiệt*. Xem thế phiệt.  
Trầm luân 沉淪: Chìm đắm.  
Trần ai 塵埃: Trần gian, cõi trần, cõi bụi bặm, hồng trần, cõi bụi hồng. (*Trần* và *ai* cùng nghĩa là bụi bặm.)  
Trần ân đức: Ân đức [của Trời] ban xuống cõi trần.

Trẻ thơ măng: Trẻ nhỏ (ví như măng non, đối với cha mẹ ví như tre già).

Trì trai thủ giới 持齋守戒: Ăn chay và giữ gìn các giới luật.

Trị 治: Yên trị, yên ổn. Nước trị: Nước bình yên, không có chiến tranh loạn lạc.

Trọng trách 重責: Trách nhiệm nặng nề.

Trở đương: Trở tay đâm đương, gánh vác.

Trung đàng (đường) 中堂: Ở trong nhà.

Trùng phùng 重逢: Gặp lại nhau (*tái ngộ* 再遇).

Trụy lạc 墜落: Rơi rụng. Sa vào lối sống thấp hèn, xấu xa.

Truyền tấu càn khôn thế giới (giới) thông 傳奏乾坤世界通:

Tiếng trống truyền đi thông suốt khắp cả vũ trụ (càn khôn thế giới).

Trừ phục 除服: Bỏ áo tang (khi mãn tang).

Trực vãng thiên thai 直往天台: Thăng đến thiên thai.

Trước (trúc) mai 竹梅: Cây trúc và hoa mai, ám chỉ tình bạn hay tình chồng vợ gắn bó, chung thủy.

Trường Canh 長庚: Sao Trường Canh, sao Kim (Venus), cũng là tôn hiệu của Đức Lý Thái Bạch.

Tu mi 鬚眉: Đấng tu mi, trang nam nhi (*tu*: râu; *mi*: lông mày.) Phụ nữ thường cạo hoặc nhổ sạch lông mày để vẽ cho đẹp. Thế nên *tu mi* hay *đấng tu mi* ám chỉ đàn ông.

Tu trang thánh đức: Tu sửa bản thân cho nên người đạo đức thánh thiện.

Tua: Nền (do chữ Hán là *tu* 須). Khá tua: Hầy nên.

Tuần 旬: 1. Lướt. Rượu tuần hai: Dâng rượu cúng lần thứ nhì.

2. Mười năm. Lục tuần 六旬: Sáu mươi tuổi. Thất tuần

七旬: Bảy mươi tuổi. Bát tuần 八旬: Tám mươi tuổi.

Tùy xướng: Xem xướng tùy.

Tuyệt khí 絕氣: Dứt hơi thở, tắt thở.

Từ 慈: Cha mẹ.

Từ bi tế độ phóng giải mê đồ 慈悲濟渡放解迷途: Từ bi cứu giúp thoát ra khỏi con đường mê muội.

Từ hiếu 慈孝: Lòng con hiếu thảo đối với cha mẹ.

Từ nhiên 慈然: Từ bi.

Từ thuyền 慈船: Chiếc thuyền từ bi.

Từ thử: *Tự thử* 自此, từ chỗ này; từ nay.

Từ Vương 慈王: Vua hiền có lòng thương chúng sanh.

Tử 子: Con.

Tử sanh cổ vãng kim lai 死生古往今來: Chuyện sống chết từ xưa đến nay.

Tử sanh thiên số nan cầu [nan thông] 死生天數難求 [難通]: Chuyện sống chết là số Trời, khó mà cầu xin [khó mà hiểu rõ].

Tử tôn 子孫: Con cháu.

Tử tử tôn tôn 子子孫孫: Con cháu đầy đàn; có nhiều con cháu.

Tứ đổ (tứ đổ tường) 四堵牆 (牆): Bốn vách; bốn thứ giam hãm con người, khiến con người mất tự do, giống như bị nhốt trong bốn vách (*đổ* và *tường* đều có nghĩa là vách tường). Đó là *Tửu, sắc, tài, khí* 酒色財氣 (rượu, sắc dục, tiền bạc, và ma túy).

Tứ khổ 四苦: Sinh, lão, bệnh, tử 生老病死.

Tứ thời 四時: Bốn mùa.

Tứ Trị Công Tào 四治公曹: Bốn vị thần quản lý năm, tháng, ngày, giờ (tên là *Trị Niên* 治年, *Trị Nguyệt* 治月, *Trị Nhật* 治日, *Trị Thời* 治時).

Tự tại 自在: Tự do, không bị ràng buộc, không còn bị phiền não, không còn bị tình cảm phàm tục (lục dục thất tình) sai



**khiến.**

Tường triệu 祥兆: Điềm lành (*tường thuy* 祥瑞).

Tường vân 祥雲: Mây lành.

Tửu điếm 酒店: Quán rượu.

Tự vị 就位: Đứng vào vị trí của mình.

## U

U hiển 幽顯: Vừa ẩn, giấu kín (*u*) vừa bày ra cho thấy (*hiển*).

U hiển là vừa ẩn vừa hiện; cõi âm phủ và dương gian.

U ơ: Nói u ơ là nói ú ớ, nói không nên lời.

## V

Vạn đại 萬代: Muôn đời.

Vạn hộ 萬戶: Muôn nhà.

Vãng lai 往來: Qua lại, tới lui.

Vãng sanh 往生: Linh hồn sau khi chết rồi đi sang cõi Phật.

Vãng tuần 往巡(循): Đi xem xét các nơi.

Văn cáo: Văn tế.

Văn chung khấu hướng huệ trường càn khôn 聞鐘叩向慧  
長乾坤: Nghe chuông, cúi đầu hướng về trời đất để phát  
huệ.

Vân phi 雲飛: Mây bay.

Vật thực dưỡng nhân 物食養人: Thức ăn nuôi con người.

Vi thì 爲時: Là thời hạn.

Vi chưng: Bồi vi.

Việc lung đầy: Chuyện vui đầy, hơn thua.

Viên số mãn căn 圓數滿根: Căn số viên mãn, căn số đã trọn  
vẹn.

Viễn tị 遠避: Tránh xa.

Vĩnh giai 永佳: Tốt đẹp mãi mãi.

Vĩnh hiệp tương phùng 永合相逢: Mãi mãi sum hiệp và gặp  
nhau.

Vĩnh thùy phước (phúc) khánh 永垂福慶: Mãi mãi [được  
Trời] ban xuống (*vĩnh thùy*) những điều may mắn, hạnh  
phúc (*phước khánh*).

Vong 忘: Quên.

Vời: 1. Mời tới. Lỡ vời: Trót mời tới. 2. Dở dang, nửa vời. Lỡ  
vời: Dang dở nửa chừng.

Vô cương 無疆: Không có biên cương, vô tận, mãi mãi.

Vô phục 無服: Không để tang.

Vô phương 無方: Hết thuốc chữa.

Vô thường 無常: Không bền vững lâu dài, ám chỉ cái chết.

Vu qui 于歸: *Vu* là đi, *qui* là về. Ngày xưa quan niệm nhà  
chồng mới là nơi ở thật sự của phận gái, cho nên lấy chồng  
tức là đi về đúng chỗ của các cô. Hai chữ *vu qui* bắt nguồn  
từ Kinh Thi: “Đào chi yêu yêu, kỳ diệp trăn trăn, chi tử vu  
*qui*, nghi kỳ gia nhân.” 桃之夭夭,其葉蓁蓁,之子于歸,宜其  
家人. (Cây đào môn môn, lá nó sum sê; gái kia về nhà  
chồng, ăn ở đúng đấng với người trong nhà.)

## X

Xe dây: Xe dây tơ hồng. Xem Nguyệt Lão.

Xử mản: Buông mản xuống.

Xuất giá 出嫁: Lấy chồng. *Giá* là lấy chồng, *thú* 娶 hay *thú*  
*thê* 娶妻 là lấy vợ. Vợ chết rồi mà tục huyền, cưới vợ khác  
là tái thú 再娶. (Luật về hôn nhân ở Việt Nam ngày xưa gọi  
là luật giá thú 嫁娶.)

Xuất thân 出身: Hồn thoát ra khỏi thân xác.

Xung 冲: Xông lên.

Xuyên đê 穿緜: Xuyên hay xuyên châm 穿針 (xỏ chỉ kim khâu). Đê là thắt gút chỉ. Xuyên đê ám chỉ lễ khát xảo, xem thắt tịch.

Xướng tùy 唱隨: Theo luân lý Nho Giáo, chồng nói thì vợ phải nghe theo (*phu xướng phụ tùy* 夫唱婦隨).

## Y

Y khâm 衣襟: Vạt áo. (*Khâm*: Vạt áo; *y*: áo.)

Yên bài: An bài 安排, đặt để sẵn rồi.

Yết thị 揭示: Thông báo.

Yêu vì: Yêu kính.

\*

### Bổ túc Kỳ Viên (trang 226)

Con vua Ba Tư Nặc (*Pasenadi*) nước Câu Thát La (*Kosala*) là thái tử Kỳ Đà (*Jeta*) có một khu vườn ở kinh thành Xá Vệ (*Sravasti*), gọi là Kỳ Viên (*Jetavana*). Ông nhà giàu Sudatta thường trợ cấp những người cô độc nghèo khó nên có tên là Cấp Cô Độc (*Anathapindika*). Ông này muốn mua Kỳ Viên cúng dường Phật Thích Ca để làm đạo tràng. Thái tử nói đùa nếu có thể lát vàng ròng kín hết diện tích khu vườn thì mới bán. Ông Cấp Cô Độc làm y lời, nhưng khi vương các gốc cây thì phân vân chưa biết xoay xử ra sao. Thái tử cảm động trước lòng thành ấy, bảo ông nhà giàu hãy hiến Phật khu vườn, còn phần cây cối thì thái tử hiến. Do đó vườn này có tên là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, gọi tắt là Kỳ Viên. Đức Phật đã trải qua mười chín mùa hè ở Kỳ Viên và giảng nhiều bộ kinh quan trọng tại đây.

## MỤC LỤC

Đôi lời	5
Phàm lệ	7
Đàn cơ phê duyệt	13
Lời cáo bạch	15
Lời thanh bạch	18
NGHI TIẾT CÚNG ĐẠI ĐÀN:	23
1. Ba tiếng chuông nhứt / 2. Ba tiếng chuông nhì	23
3. Trước khi vô bửu điện / 4. Cách hành lễ	24
5. Ba tiếng chuông bãi đàn / 6. Kệ ngưỡng chung	27
7. Cách đánh ngưỡng chung / 8. Kệ Lôi Âm Cổ	27
9. Cách đánh Lôi Âm Cổ / 10. Kệ Bạch Ngọc Chung	28
11. Kệ giống U Minh	28
12. Kệ niệm lần chuỗi la hán / 13. Về nhạc, lễ	31
CÁC THỨ KINH DƯƠNG SỰ	33
1. Bài kinh nhập môn	33
2. Bài kinh cầu an sản thống / 3. Bài kinh cầu khi mới sanh con	34
4. Bài kinh ăn đầy tháng và thôi nôi	35
5. Bài kinh cầu cho kẻ có tội sám hối / 6. Bài kinh cứu khổ	36
7. Bài kinh vãng sanh / 8. Bài kinh lễ lục, thất, bát tuần	38
9. Bài kinh kỵ cơm / 10. Bài kinh rước tiên linh ngày xuân	39
11. Bài kinh cúng dường / 12. Bài kinh đi ngủ	40
13. Bài kinh thức giấc	40
14. Bài kinh xuất hành / 15. Bài kinh cầu an cho bá tánh	41
HÔN SỰ THỂ THỨC	47
1. Bài kinh gia quan	47
2. Bài kinh gia kê	48
3. Bài kinh vu qui	49
4. Bài kinh trình Đại Từ Phụ	50
5. Bài kinh cáo Từ Tổ	51
6. Bài kinh cầu hôn / 7. Bài kinh sám hôn cầu	53
8. Bài kinh làm lễ tơ hồng	54
9. Bài kinh làm lễ ông bà	55
10. Bài kinh làm lễ cha mẹ	56

LỄ NGHI CẦU BỊNH	58
1. Lời dẫn về cầu bịnh	58
2. Cách cầu bịnh	59
3. Bài kinh cầu bịnh	60
4. Bài kinh đuôi tà quái	61
5. Bài kinh cầu cho mình lành bịnh	62
6. Bài kinh cầu cho con lành bịnh	62
CÁC LỄ TANG SỰ	64
1. Lễ xưng tội	65
2. Lễ cầu hồn	66
3. Lễ đưa linh hồn	67
4. Lễ tẩy trần thi	69
5. Lễ sơ chung thông sự	70
6. Lễ tẩn liệm	71
7. Lễ khai sơn / 8. Lễ thành phục trước Thiên Bàn	73
9. Lễ cáo tử tổ thọ tang	73
10. Lễ thành phục và phát tang	76
11. Lễ đạo hữu điều tang	81
12. Lễ cúng ông bà	83
13. Lễ cúng vong	85
14. Lễ thiết đàn cúng Đại Từ Phụ và cầu siêu	93
15. Lễ cáo đạo lộ	95
16. Lễ cáo thủy thần	97
17. Cách sắp đặt thứ tự nhà vàng ở ngoài đường	99
18. Lễ bông minh sanh hiển Thiên Bàn và cáo tử đường	100
19. Lễ động quan phát hành	103
20. Bài kinh đưa linh cữu (thứ nhất)	107
21. Lễ tế đồ trung / 22. Lễ cáo Hậu Thổ	110
23. Lễ từ Hậu Thổ	112
24. Lễ dẫn vong	114
25. Lễ cúng thượng sớ an vị	115
26. Lễ phản khóc	117
27. Lễ cúng vong an vị	118
28. Lễ cúng vong của vợ hay chồng cúng vong	124
29. Lễ khai mộ	126
GIỚI HẠN CƯ TANG THỌ CHẾ	127

1. Đại tang	127
2. Cơ tang / 3. Đại công tang	128
4. Tiểu công tang / 5. Tư ma tang / 6. Tang tam phụ	129
7. Tang bác mẫu / 8. Tang thầy	130
9. Tình tang nghĩa phục / 10. Cư trọng tang ngộ trọng tang	131
11. Cư trọng tang như ngộ khinh tang	131
CÁC LỄ CẦU SIÊU	132
1. Lời dẫn cầu yếu	132
2. Sắp đặt nghi tiết việc cầu siêu / 3. Việc hành lễ, vào đám	134
4. Lễ nhập đàn niệm hương chú	135
5. Lễ thỉnh tịnh thủy sái đàn	136
6. Lễ cúng Thiên Bàn và thỉnh chư Tiên Phật	138
7. Lễ cáo tiên linh	145
8. Lễ cúng vong và thỉnh vong tựu đàn cầu siêu	147
9. Lễ khai kinh tụng cầu siêu	152
10. Lễ cúng Ngộ hườn kinh	159
11. Lễ cúng thí thực cô hồn	161
12. Lễ cúng ông bà / 13. Lễ cúng vong và tống vong	162
14. Lời dẫn	165
15. Lễ trừ phục	166
CÁC THỨ SỚ VÀ KIỂU PHAN	170
1. Kiểu phan	170
2. Sớ thượng tượng	171
3. Sớ cúng đại đàn	177
4. Sớ sơ chung thông sự	181
5. Sớ khai sơn	185
6. Sớ thành phục	187
7. Sớ khai kinh cầu siêu	189
8. Sớ cáo Hậu Thổ	193
9. Sớ cúng an vị	195
10. Sớ khai mộ	198
11. Sớ cúng cầu siêu	200
12. Sớ cúng Ngộ hườn kinh	203
13. Sớ cúng trừ phục	205
14. Sớ cầu bịnh	208
GIẢI NGHĨA TỪ NGỮ	210

## Ý NGHĨA PHÁP THÍ

Theo kinh Tam nguơn giác thể (Chiếu Minh đàn, Càn Thơ: Nhà in Phương Nam, do tiền bối Cao Triều Trực ấn tống), trong đàn cơ ngày 02-11 Tân Mùi (thứ Năm 10-12-1931), Đức Thần Oai Viễn Trấn Quan Thánh Đế Quân dạy như sau (tr. 36):

*“Phàm người tu hành mà đặt đặng một bộ kinh sám mà khuyên chúng làm lành thì người ấy đặng thành tiên. Còn người văn chương quân tử mà làm đặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người đặng thành thánh.”*

Lời dạy của Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân soi rọi cho mọi người thấy rằng việc tiếp tay phổ truyền văn hóa đạo đức cho sâu rộng trong xã hội nhân sinh để góp phần xây dựng cuộc đời trở nên thuần lương thánh thiện là một việc rất quan trọng, rất cao quý. Đó là lý do kinh sách Tam giáo xưa nay luôn đề cao việc pháp thí.

Kể từ đầu tháng 6-2008, thánh thất Bàu Sen bắt đầu triển khai chương trình Chung tay ấn tống kinh sách Cao Đài, vừa thực thi lời dạy của Đức Tam trấn Oai nghiêm, vừa nối chí tiền nhân khai sáng thánh thất là Đức Bạch Liên Tiên Trưởng (Phan Thanh, 1898-1952) trong việc phổ truyền chánh pháp kỳ Ba.

Trân trọng kính mời Quý Thiên ân chức sắc, chức việc, đạo hữu, đạo tâm, các nhà Mạnh Thường Quân trong Tam kỳ Phổ độ thường xuyên liên hệ với thánh thất Bàu Sen để cùng nhau hợp sức làm pháp thí và nhận kinh sách ấn tống.

*Chánh hội trưởng*  
ĐẠT LINH

CAO TRIỀU PHÁT

## LỄ BỔN – DƯƠNG SỰ - THỂ THỨC - TANG TẾ - CẦU SIÊU

*San nhuận:* HUỆ KHẢI & LÊ ANH MINH  
*In lần thứ Hai (có sửa chữa)*

*Chịu trách nhiệm xuất bản:* NGUYỄN CÔNG OÁNH  
*Biên tập:* TRẦN XUÂN LÝ  
*Sửa bản in:* THANH MAI  
*Trình bày:* NGHÊ DŨ LAN  
*Tình bày bìa:* LÊ ANH HUY  
*Con triện bìa 1:* CAO ĐÀI LỄ BỔN 高臺禮本  
*Khắc triện:* LÊ NGUYỄN LƯỢNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Nhà số 4, lô 11, phố Trần Duy Hưng, Hà Nội

☎ (04) 35566714 – Fax: (04) 35566702

In 6.000 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Xí nghiệp in FAHASA  
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số xuất bản 677-2009/CXB; 54-253/TG.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2009.

**SÁCH ẤN TỐNG (KHÔNG BÁN)**

*Tổng phát hành:*

*Miền Trung:* QUẦY VĂN HÓA PHẨM - BAN KINH HỘ

(HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI)

80B Lê Duẩn, Đà Nẵng ☎ 0511 3887760

*Miền Nam:* THÁNH THẤT BÀU SEN

59/46 Trần Phú, phường 4, quận 5, Tp.HCM ☎ (08) 38355733